

đời tôi

léon tolstoi

bản dịch của
VŨ MINH THIỀU



ĐỜI TÔI

LÉON TOLSTOÏ

ĐỜI TÔI

(MA VIE)

Bản dịch
của
VŨ-MINH-THIỀU

GIÓ BỐN PHƯƠNG

LÉON TOLSTOÏ VÀ NHỮNG NĂM CUỐI ĐỜI

Câu chuyện do một người đàn bà nhà quê kể lại cho bà chị vợ bà tước Léon Tolstoï nghe. Nàng tên là Anissia ở Kotchaki, sát gần Iasnoïa Poliana. Họa phúc nàng đều trải qua. Nàng đã theo chồng bị đầy ải sang Tây-bá-lợi-á, và trở thành góa phụ, cuối cùng nàng gửi những ngày tàn cho người phụ thủ ở giáo đường, lấy nơi nương tựa. Như phần đông những dân quê Nga, nàng kể thật hay, vì vậy bà chị vợ bá tước Tolstoï đã vui lòng nghe, sưu tập lại câu chuyện của nàng. Trong một bức thư, người con gái bá tước Tolstoï đã viết cho Charles Salomon : « Dì tôi viết câu chuyện này theo lời người thiếu phụ đọc. Tôi cũng ngồi nghe. Nàng nói một ngôn ngữ miền quê thật hay : ngôn ngữ của miền Toula có thể coi là ngôn ngữ miền quê ở trung tâm nước Nga. Cha tôi rất mến phục Anissia. Đôi khi ông cũng ngồi nghe nàng kể ». Ái nữ bá tước còn nói

thêm : « Di Kouzminskaia tôi chỉ sửa dăm ba câu, xếp đặt lại vài chữ. Những sự sửa chữa của Strakhov đều về văn phạm. Trí nhớ của tôi rất xấu ; tôi không nhớ là Strakhov hay cha tôi sửa lần đầu. Nhưng tôi chỉ nhớ những sự sửa chữa của cha tôi. Những sự sửa chữa này thật quan trọng. Tôi chép đi chép lại nhiều lần. Trong nhiều ngày, cha tôi chỉ bận rộn về câu chuyện và trong thời gian ngắn này ông để cả tâm trí vào công việc, lại mê say nữa ». Quả vậy, ông sẵn sàng đặt lên trên chính những truyện của ông những truyện nào trực tiếp bắt nguồn từ dân chúng.

Sau đó, truyện được đăng trong một tạp chí, nhưng thật ra mãi đến năm 1902 mới được xuất bản dưới hình thức các truyện bình dân. Đã từ lâu Léon Tolstoi lưu ý đến dân quê và nhận thấy nếu muốn thật sự giúp đỡ dân chúng, cần phải chung sống với họ và thay đổi hẳn đời sống của mình : ông giao cho vợ tất cả cuộc cải, từ già xã hội quý phái và năm năm mươi bảy tuổi sống một cuộc đời thật giản dị. Ông dầm đất, mặc chiếc áo choàng, chiếc quần thường của kẻ cùng dân, cày, bừa, trồng trọt cùng với nông dân, sánh vai với những bạn tiểu phu, cùng chèo ghe gỗ trên bờ sông Moskova. Năm 1882, ông tham gia cuộc kiểm tra dân số ở Mạc-tư-khoa : ông lựa chọn những khu phố nghèo nhất,

những người xấu số nhất. Ông thêm viếng những ngôi nhà nhộp nhúa, tồi tàn, các túp lều ẩm ướt, mục kích những cảnh khổ không sao tả nên lời. Những cảnh đó, sau ông viết thành tập « Như vậy chúng ta phải làm thế nào ? » (1884). Ông bỏ hút thuốc, không ăn thịt, không săn bắn, đi chơi xa trong các vùng quê và thường dùng xe đạp. Trong một bức thư gửi cho bạn, sau khi đến Mạc-tư-khoa nghỉ ít ngày, ông viết : « Hôm qua tôi ở Mạc-tư-khoa về : ở đây tôi thấy mình ốm quá. Tôi kinh tởm hết sức cuộc đời nhàn rỗi, xa hoa những của phi nghĩa. Sự đồi bại lan tràn khắp các tầng lớp trong xã hội ».

Sau muốn thoát hẳn « đời xa hoa không chịu đựng được nữa », ông đăng báo từ bỏ hết bản quyền các tác phẩm của ông, nhường lại hẳn những đất đai rộng lớn, dành cả thời giờ để giáo dục dân quê, chấn chỉnh gia phong, viết các sách ăn chay, về hôn nhân và thần học.

Đồng thời, những sự xích mích trong gia đình Tolstoi mỗi lúc mỗi trầm trọng. Nhiều lần ông muốn thoát ly khỏi gia đình : ông ghi trong tập Tập nhật ký cho riêng mình tôi : « Họ xấu xí tôi. Tôi muốn trốn tránh họ tất cả » (24-9-1910).

Và ý định này, một tháng sau đó, ông đã thực hiện, trong đêm 27 rạng 28 tháng 10. Ông

rời Iasnoia Pollana với người môn sinh và viên y sĩ riêng. Dọc đường ông sốt, phải ngừng lại ở nhà ga nhỏ Aslapovo và mất ở đây ngày 20-11-1910, trên đường lánh xa vợ con, hy vọng tìm được cảnh yên tĩnh trong một tu viện hoặc trong giới tin đồ.

Danh vọng của bá tước Léon Tolstoi thật bao quát. Ba trăm bưu chính hàng ngày đổ về Iasnaia Poliana một số rất nhiều thư từ ở khắp các ngả trên thế giới đến. Một bài viết nhỏ nhất của nhà đại văn hào cũng được dịch sang tất cả các thứ tiếng. Tolstoi được coi như bậc vĩ nhân bậc nhất trên thế giới trong cuối thế kỷ vừa qua.

Tuy nhiên, những sự trái ngược đối lập lý thuyết của Tolstoi với cách sinh hoạt của ông không khỏi làm ngạc nhiên một số lớn những người khâm phục nhà đại văn hào, khiến họ đã phải đặt câu hỏi giản dị này : « Tại sao Tolstoi không cho kẻ nghèo tất cả gia sản của ông ? » Đây là lời đáp của một thân hữu của Tolstoi, V. A. Mak'akov, đại sứ Nga tại Pháp, năm 1917, vào thời nội các Kerenski : « Bởi vì vợ ông ngăn cản việc này Tolstoi liền tìm một giải pháp khác. Riêng ông từ bỏ hết của cải, nhường lại cả cho gia đình ông Người ta chê bai giải pháp này và Tolstoi cũng cảm thấy rõ đó chỉ là một sự hòa giải. Nhưng những

ai viện vào đấy mà cho rằng ông ham chuộng
glam sang là không rõ ông và tâm trạng của
ông ». Những lời nói thật chí lý. Không một
lúc nào sự chân thành, nỗi khổ tâm sâu xa của
Tolstoi đáng phải hoài nghi. Cao siêu vì nỗi
băn khoăn mãnh liệt, vì sự hối hận kia, Tolstoi
tuy vậy không phải là một vị thánh. Nhưng
ông là một người đã tìm kiếm chân lý một cách
tuyệt vọng và phấn đấu suốt đời chống những
khuyh hướng đối lập của một bản tính quá
phong phú mà riêng chỉ có cái tuyệt đối mới
có thể thỏa mãn được. Chính vì sự tìm kiếm
không biết mệt mỏi cái tuyệt đối kia mà ông
đã dành cả đời ông và hành động nay thật
đáng kinh phục.

MỘT KIẾP NGƯỜI

I

Tôi lấy chồng trái ý. Tôi chưa tới mười bảy tuổi người ta đã kiếm chồng cho tôi. Việc ấy xảy ra hai năm trước ngày giải phóng nông nô. Tôi sống ở nhà cha mẹ tôi. Tôi chẳng thiếu gì. Không giàu, cũng không nghèo, một gia đình nông dân chất phác. Những người lớn tuổi đi làm cỏ-vé. Còn tôi, tôi trông gà vịt ở trại. Đời sống tự do và dễ chịu. Là con gái lớn, tôi vui vẻ lắm. Dù hát hay khiến vũ, ở đâu tôi cũng dẫn đầu. Các bạn gái và tôi, nếu có ra ngoài giải trí, cũng chính tôi vui nhộn nhất. Người ta kén chồng cho tôi. Tôi không muốn những người này : tôi có hình ảnh một người ở trong đầu. Nhưng người này, họ lại không muốn cho tôi.

Chàng không phải là nông dân. Chàng làm công việc cho chủ nhân của tôi và chung sống ở đây. Tên chàng là Mỹ-sơn. Tôi thường trông

thấy chàng khi tôi đi làm cỏ-vé và phải lòng chàng. Chàng cũng đề ý đến tôi. Mỗi khi chàng thấy tôi, chàng lại đến nói với tôi dăm ba câu chuyện.

Và đây một ngày kia chàng bảo tôi

— Em bé A-ni-sa, chờ anh một năm: chúng ta sẽ tự do và anh sẽ cưới em (1)

— Và làm thế nào đợi anh được như thế? Có thể lúc ấy anh sẽ lấy một người khác. Và nữa, chúng ta sẽ có được giải phóng trong hai năm nữa không? Cái đó còn phải xem.

Chàng nói:

— A-ni-sa, nếu em không đợi anh, em sẽ hối tiếc.

Thật tôi muốn lấy chàng. Nhưng một phần khác, từ chối những người khác và chờ đợi chàng — thật là điều may rủi.

Và đây người ta vật nài để tôi lấy Đa-ni-lô, chàng nông dân ở làng tôi. Đa-ni-lô vốn nhà nghèo; chàng không phải là con đẻ, chàng là con nuôi một người đàn bà trong làng

(1) Việc này xảy ra năm '860, Mỹ-sơn sẽ có thể lấy vợ không cần sự chấp thuận của chủ nhân, vì chế độ nông nô sẽ được bãi bỏ.

nhận nuôi chàng trước khi bà có con. Đa-ni-lô trưởng thành : chàng đến tuổi lấy vợ. Và người ta nghĩ đến việc lấy vợ cho chàng để kiếm một người làm lụng giỏi. Bà mẹ Đa-ni-lô lựa chọn tôi làm vợ con nuôi của bà. Vào thời ấy, người ta không gả con gái cho người ngoài làng.

Và đây một buổi chiều mùa thu — mùa màng đã gặt xong và lúa đã chở về nhà — thì Kô-li-kha đến : đó là biệt danh của bà mẹ Đa-ni-lô. Cha mẹ tôi ở trong lều. Tôi ở trong góc lều bên cạnh (1). Bà đi thẳng tới chỗ tôi. Tôi biết rõ có gì. Mẹ tôi đã cho tôi biết.

— Chào, cô gái !

Tôi đáp

— Chào bà, và không nhìn.

Bà nói :

— Tại sao về ủ rũ thế ? Nếu ta lại, đó là vì một nguyên do tốt.

— Vậy phải có bộ diện nào ?

Bà nói :

— A-ni-sa, mày có muốn lấy Đa-ni-lô không ?

(1) Hàng Nga gọi là *Tchoulanc*, gian phòng tối, không có lò sưởi, không dưng liền với lều. Người ta ngủ ở đây về mùa hạ và thường dùng làm nơi xếp quần áo và dưng thức ăn.

Tôi nói :

— Tôi không lấy anh ấy.

— Và tại sao thế ? Nó xấu xí đến thế à ?

Tôi nhắc lại :

— Tôi không lấy anh ấy.

Bà cười và nói :

— Để đấy người ta xem ; máy sẽ lấy nó.
Nói cho cùng, đây không phải việc của máy.

Bà đi vào lều có cha mẹ tôi ở đấy và sau khi trình tròng chào cha tôi, nói vui vẻ :

— I-văn Sơ-mỹ-ô-nít, hãy gả cháu gái cho thằng con của tôi.

Và cha tôi cười :

— Bà cứ việc hỏi thằng nó.

Và Kô-li-kha nói ngay :

— I-văn Sơ-mỹ-ô-nít, hãy gả con nhỏ cho thằng bé nhà tôi.

Và cha tôi cũng giọng vui đùa như thoát đầu Kô-li-kha nói :

— À ! tôi có nói với nó một câu ; nhưng đến một lời nhỏ, nó cũng chồm lên.

Kô-li-kha liền nói :

— Chỉ cần ông ưng thuận — không cần

nói với nó. Tối mai, tôi sẽ mang bánh và muối đến. Chúng ta sẽ khao để kết thúc công việc ; tôi sẽ có quà cho cô dâu.

Kô-li-kha đi. Cha tôi gọi tôi. Ông nói :

— A-ni-sa, ai nhời sọ mày là phải lấy chồng ? Có thể là chủ nhân chúng ta chăng ?

Và tiếp tục nói đùa :

— Không phải là ta không cho mày lấy ông ấy, chính ông ấy không muốn lấy mày.

— Ông ta sẽ không lấy con và con chẳng ngại gì.

— Này, con phải xét kỹ. Con gái đều phải lấy chồng. Không phải chúng ta đặt ra hôn nhân, đó là Thượng đế. Nếu cần, người ta sẽ bỏ ý kiến của mày.

Tôi đi vào góc lều và khóc. Tôi lý luận như thế này : « Chờ đợi Mỹ-sơn không sao được. Đa-ni-lô không hợp tôi. Nhưng tôi không có ai hỏi nữa. Và làm thế nào chống đối với ý muốn của cha tôi được ? ». Tôi nghĩ đi nghĩ lại mãi những điều này và tôi khóc.

II

Buổi sáng, tôi đến trại để làm việc. Mỹ-sơn đến tìm tôi.

Chàng nói

— Chào em.

Tôi nói:

— Chào anh.

Chúng tôi ngồi trên một mô đất nhỏ và như thường lệ chàng nói:

— Em bé A-ni-sa, hãy cố tìm...

Chàng xích lại gần tôi và đặt đầu lên đầu gối tôi.

Tôi nói:

— Mỹ-sơn, Kô-lí-kha buổi này sẽ lại và người ta sẽ uống rượu mừng lễ ăn hỏi. Anh phải biết việc này. Mỹ-sơn, vị hôn phu của em không vừa ý em.

— Vậy tại sao lấy hẳn?

— Phải lấy chồng. Và vẫn không phải em lấy chồng trái ý cha mẹ em.

Chúng tôi im lặng.

Chàng nói tiếp :

— Em bé A-ni-sa, em sẽ hỏi bạn việc này mãi mãi. Em không muốn chờ đợi anh, vậy mà em xem anh yêu em biết bao !

Và tôi thương xót chàng.

Vừa khóc, tôi vừa vuốt tóc chàng. Nước mắt tôi rơi xuống chàng, lớn như hạt đậu.

— Quyết nhiên, Mỹ-sơn, không thể được, cuộc hôn nhân của chúng ta. Phải từ bỏ.

Và có thế thôi.

Kô-li-kha buổi tối trở lại. Cũng như tối qua, tôi đi vào góc lều. Thật náo lòng cho tôi phải trông thấy mọi người. Người ta sẽ gả tôi cho ai ? Chàng không đẹp, chàng hơi man rợ, còn tôi, tôi xinh xắn và nhanh nhẹn. Tôi nhủ thầm « Chàng không xứng đáng với mình ». Tôi ngồi ở kia, khi bà ấy vào và đặt vào yếm của tôi chừng hai mươi quả táo, một lư bánh giòn và một chiếc bánh tròn nhỏ phết bơ.

— Đây, đó là vị hôn phu của con gửi cho con đây.

Tôi không muốn lấy. Tôi nói :

— Tôi chẳng dùng làm gì.

Tôi ném tất cả lên giường và lại về chỗ cũ.

Kô-li-kha nói và bà đi vào lều, làm dấu trước tượng Thánh và chào cha mẹ tôi.

— Tại sao làm-bộ thế ?

Bà nói :

— I-vă, Sơ-mỹ-ô-nít, tại sao cô dân tiếp tôi chẳng ra sao thế ?

Cha tôi nói :

— Không cần, dù sao nó cũng sẽ lấy chồng.

— Quả của chúng tôi không vừa ý nó và nó từ chối.

— Điều đó sẽ xếp đặt san. Để cho nó có thời giờ.

Bà con họ hàng tụ họp, cả mẹ mới và ông bố Đa-ni-lô. Mẹ tôi trải khăn giải bàn và kê bàn và Kô-li-kha bày trên bàn nửa phần tư chai rượu vô-ka và các thức ăn bà mang đến.

Quả vậy, đó là buổi « ra mắt » đầu tiên.

Người ta dẫn tôi ở góc lều ra và mọi người đều khăn khăn. Bất động, tôi theo họ và khóc. Cha tôi bảo tôi :

— Tại sao khóc ? Máy không phải là người

đầu, cũng không phải là người cuối. Tất cả con gái, không phải ai cũng trùng số độ đặc. Nếu Thượng đế muốn, chúng mày sẽ sống sung sướng.

Mọi người làm dấu. Cha tôi rót đầy một ly nhỏ rượu vô-ka và mang đến bố chú rể.

— Chúc sức khỏe ông, ông bạn già và để cho đôi trẻ được sống trong tình thương và hòa hợp !

Ông già sẽ là bố chồng tôi cầm ly rượu và nói :

— Tôi sẽ không chửi rửa con dâu tôi.

Đến lượt cha tôi :

— Ông sẽ không xua đuổi nó. Và tôi, tôi không bỏ rơi con gái tôi.

Tất cả những điều này là để tôi vững dạ. Nhưng tôi đứng ngay đơ và cổ nghẹn ngào. Họ nống cạn các ly rượu, ăn mọi vài thức ăn và cáo từ.

— Mười lăm ngày nữa, lễ ban phép lành. Mọi người sẽ được no say, ông bố chồng tương lai của tôi nói. Rồi sau đấy, họ chia tay nhau.

III

Cố nhiên, ý chí của tôi không kể gì : người ta gả bán tôi, không cần tôi thuận hay không.

Tôi nghĩ : « Dù muốn hay không, mình cũng phải lấy chồng ».

Cha tôi lên thành với mẹ tôi, bán ba mươi hai đấu thóc và mua tất cả những gì cần thiết. Tôi hiểu rằng cuộc hôn nhân đã quyết định và tôi bắt đầu sửa soạn những quần áo và áo quần : hai áo dài, hai yếm, một áo tơ lót bông, hai áo lót một chiếc tay bằng vải màu xám, hai chiếc váy ngắn với ba khố rộng, màu khác nhau và một khăn quàng cổ hoa đỏ trên nền trắng. Tôi thêm một khăn tay để gửi cho ông bố chồng với một khăn quàng cổ len cho bà mẹ chồng. Tôi không quên một người nào.

Ngày lễ ban phép lành đến. Cha mẹ chàng đến làng chúng tôi. Kô-li-kha cung cấp năm bình rượu vô-ke, thịt đông, thịt cừu, bánh và cha tôi đi khắp làng mời họ hàng.

Còn về phần tôi, ngồi trong gia « xép » (1), tôi còn nghiền ngẫm nỗi buồn của tôi, vừa lắng tai nghe người ta nói và làm trong lều. Bà con đến, họ ngồi vào bàn ăn. Người ta xăn thịt đông và cắt trái dưa chuột. Ông bố chồng tương lai của tôi mời rượu vó-ka và nói :

— Cầu Thượng đế ban phúc cho đôi trẻ và giúp đỡ chúng làm được việc hữu ích !

Và mọi người đều nâng ly uống với ông. Người ta còn nói những chuyện khác nữa. Rồi một người khách nói :

— Tôi muốn xem món hàng của ông.

-- Thế nào, có được không ?

Bà mẹ đỡ dẫn tôi, mẹ tôi và mẹ « mối » (2) đến tìm tôi để sửa soạn quần áo cho tôi và sắp sếp sao cho được thứ tự. Tôi không muốn ra ngoài. Và tuy vậy, tôi vẫn phải ra.

Khách khứa đều nói :

(1) Ponojka, gian phòng tối ở bên ngoài lều, dùng làm phòng ngủ về mùa hè.

(2) Svakha, mẹ mối, người thu xếp các cuộc hôn nhân. Đây là mẹ Kozlíkha phụ trách việc này.

— Món hàng tốt và ngổ lăm (1).

Nhưng tôi chẳng thấy hài lòng chút nào khi nghe những lời khen này. Tôi nhủ thầm : « món hàng tốt, nhưng người mua không xứng đáng ». Tôi chào mọi người. Tất cả đều đứng dậy. Rồi đến lễ ban phúc. Và tôi lại trông thấy những gì tôi đã được chứng kiến trong các cuộc hôn nhân khác : tôi lần xuống chân cha mẹ tôi. Tôi khóc. Rồi lớn giọng, tôi thốt ra những lời than van theo tục lệ, như tôi đã được nghe thấy, thêm cả những lời than van của tôi nữa.

— Hỡi cha và mẹ đã nuôi con, xin cảm ơn về bánh và xin cảm ơn về muối. Đây, cha tôi đã nhượng tội vì một ly rượu. Như vậy là tôi không phải là đứa hầu gái, không phải là người nội trợ như ý muốn của các người. Các người giao phó tôi, còn non dại, trước tuổi trưởng thành, cho những người xa lạ.

Cha mẹ tôi khóc. Bố mẹ chồng tôi tìm cách làm nguôi dịu tôi. Kô-li-kha nói :

— Bè A-ni-sa, con của mẹ, chúng ta không bỏ con đâu và chúng ta không có hạnh nọ con.

(1) Đây là buổi gặp mặt đầu tiên, cuộc tiếp xúc đầu, đến xem « món hàng » lần thứ nhất. Hôn nhân xưa là một việc mua bán.

Rồi ca bát bắt đầu. Như vậy lễ nghi kết thúc. Hôn lễ cử hành sáng hôm sau.

IV

Đám cưới tập hợp. Người ta buộ nhạc, trang hoàng đuôi và bồm ngựa và xe tới trước nhà chúng tôi. Bà mẹ đỡ đầu đã trang sức ăn mặc cho tôi xong và khi tất cả mọi người ở đây, bà đưa tôi vào lễ và đặt tôi ngồi vào bàn. Xung quanh các thiếu nữ, anh tôi và cha đỡ đầu tôi đứng.

Hai chàng phù rể thứ nhất và thứ nhì đến. Họ mang đến một dấu thóc. Họ vào trong lễ, làm dấu, xá dài và hỏi các cô, bông đùa :

— Các cô làm gì ở đây thế ?

Và các cô trả lời :

— Chúng em giữ ngôi nhà chúng em đã mua.

— Và chúng tôi, chúng tôi lại đây để tậu lại.

Các thiếu nữ liền nói :

— Vậy với giá nào ? Chúng em đã trả một trăm, ngay cả hai trăm rúp (1).

(1) rouble : tiền thời Nga Hoàng

— À ! chúng tôi có thể trả ba trăm hoặc bốn trăm.

Và họ chia ra bốn đồng hai mươi cô-pếch (1). Họ đặt những đồng tiền này vào bốn góc bàn. Ở giữa bàn một chai rượu vó-ka, thịt cừu và bánh. Ông bố đỡ đầu tôi nói :

— Ở nhà chúng tôi có một cô dâu không bao giờ ngồi há hốc, trong khi chai rượu của các anh đã mở.

Các chàng trai liền đặt mười lăm cô-pếch lên miệng chai và nói :

— Vì nàng không ngồi há miệng, chúng tôi đóng miệng chai vậy.

Rồi hai chàng phù rể đi ra ngoài tìm chú rể ; họ dẫn chàng vào. Nhưng tôi, mặt che mạng (2), tôi ngồi không nhìn chàng. Tôi chỉ cảm thấy người ta để chàng ngồi gần tôi. Người ta lại bắt đầu ăn, đi xung quanh tiếp ăn, khiến tôi vui lây. Rồi người ta dẫn tôi ra đặt lên xe hoa. Đa-ni-lô cố gắng đẩy tôi lên. Nhưng chàng không làm được, chàng không

(1) kopeck : tiền thời Nga Hoàng.

(2) Đó là một kỷ niệm thời xưa, người đàn bà mặt phủ mạng trước người lạ và cả khi cử hành hôn lễ.

khoẻ mạnh lắm. Chàng yêu cầu An-đê tiếp tay. Chàng nói :

— An-đê, anh hãy đặt nàng lên.

Và mọi người đều cười :

— Anh lừa dối chúng ta, anh có thể làm lấy được nếu chịu khó.

Tôi cảm thấy xấu hổ và buồn.

Tôi muốn chẳng trông nhìn ai. Mẹ mỗi đứng thẳng, trên xe, ném hốt bỏ (1) lên đầu mọi người và hát :

Bụi tuyết rơi xuống (2)

Ít qua, ít quả như chẳng có gì ;

Trên bụi tuyết ấy

Một người đàn ông đứng lên.

Các thợ săn đang sẵn,

Đó là anh em Đa-ni-lô.

(1) Lang mặc Nga hồi xưa không biết một thứ men nào khác là chất hốt-bổ (houblon) : Sự lên men của chất hốt-bổ làm bằng lên mau lẹ chất bột nhão. Chất hốt bổ ở đây là một tiên biểu mà ý nghĩa cũng dễ đoán ra : thịnh vượng, hạnh phúc, mãn nguyện.

(2) Bản ca của mẹ mỗi thường được ca hát trong những dịp này theo tục lệ. Riêng có tên chủ rõ được thay đổi tùy trường hợp.

Họ bắt được một con cây điên
Đề làm một chiếc áo lông cho Đa-ni-lô
Vào dịp cưới chàng
Như Thượng đế đã dạy thế.

Hai chàng phù rể, mang bình chúa, đi
vòng quanh các xe. Tất cả mọi người quay
về phía Đông làm dấu và khởi hành.

Tôi khóc. Các thiếu nữ bảo tôi :

— A-ni-sa, thôi chị đừng đau khổ nữa, có
thật rằng chị nghĩ rằng chồng chị xấu xí quá
đôi hay sao ?

Chán ngán, tôi không trả lời. Và tôi nhủ
thăm :

« Cố nhiên, tôi sẽ không được biết hạnh
phúc ở nhà, ở ngoài đồng, cả ở trong tấm
lòng khổ sở của tôi ».

Chúng tôi đến giáo đường. Không có vị
linh mục. Phải chờ lâu. Vị linh mục đến.
Những người phụ trách hát lễ mi-sa. Người ta
làm lễ cưới chúng tôi. Lễ tất và tôi như chết.
Tôi nhủ thăm : « Tôi xong cho mau ».

V

Sau nghi lễ, chúng tôi vào nhà vị linh mục để chào ông. Người ta mời mỗi người ly rượu nhỏ và khen ngợi chúng tôi. Và mọi người đến thẳng nhà bố mẹ chồng tôi. Cha mẹ chồng tôi đang lộn lại áo lông mỗi người mặc một chiếc và trải chiếu thứ ba làm đệm. Chúng tôi vào và chào cha mẹ chồng rạp xuống tận đất. Và các người lại ban phúc cho chúng tôi nữa. Người ta mời hai chúng tôi một chiếc bánh nhỏ và hai quả táo ; Đa-ni-lô cất giấu dưới áo lót. Người ta dẫn chúng tôi vào, mời chúng tôi ngồi vào bàn và bọn đàn bà lại bắt những bài thường lệ.

Chồng tôi cho mỗi người mười cô-pếch.

Tất cả mọi người cùng ăn bữa tối trong lều, ngoại trừ chúng tôi, cô dâu chú rể ; chúng tôi không ăn đồ dư thừa của đám cưới. Người ta dẫn chúng tôi vào gian phòng tối ngoài lều, bên ấy đã được bày và giường được xếp đặt.

Mụ mồi và một chàng phù rể mời chúng

tôi ăn và rót rượu vang đỏ (1). Chồng tôi uống một ít, rồi uống rượu vô-ka. Còn về phần tôi, tôi chẳng nuốt được gì. Đa-ni-lô lấy khuỷu tay thúc tôi và thì thầm vào tai tôi :

— Thôi, A-ni-sa, em hãy ăn một ít đi.

Tôi không trả lời chàng.

Tôi chỉ lấy đầu lưỡi nhấp chút rượu vang. Người ta dọa bần; mẹ mới thu xếp bát đĩa để mang đi và bắt đầu cởi quần áo tôi. Rồi bà chào chúng tôi và nói :

— Vì người ta cần thương yêu nhau, giữa các tuần chay. Thượng đế sẽ dành tình thương này cho các con.

Và bà để chúng tôi ở lại. Tôi cảm thấy như bị đè nén, gần như xỉu đi. Tôi chán ngán chồng tôi. Đến năm giờ, họ lại vừa lúc tôi dậy. Mẹ mới trang điểm và sắp đặt y phục cho tôi : cách trang điểm của những đàn bà có chồng. Và tôi cảm thấy khó chịu. Điều này còn làm tôi đau lòng khi họ tháo bím tóc của tôi, vì nay người ta kết thành hai chờ không phải một chử trước (2)

(1) Đó là rượu vang đỏ và ngọt người ta dùng trong các lễ ban Thánh thể.

(2) Y phục và cách búi tóc thay đổi vì cuộc hôn nhân. Con gái buộc tóc thành bím, người đàn bà có chồng buộc tóc thành 2 bím theo tục lệ Nga.

Họ dẫn chúng tôi ở phòng ngoài ra và dắt vào lều. Bà con họ hàng đều tụ họp ở đây. Họ chẳng lên ở cửa ra vào; họ đập lên và không để chúng tôi vào. Cần phải mua chỗ ở gần lò sưởi. Chúng tôi biếu họ rượu vô-ka và họ mở cửa cho chúng tôi vào. Nhưng ở chỗ xa hơn, những người khác làm ra vẻ bất động. Họ kéo thuốc lá cho xỏ ra. Chẳng phù rề biếu họ rượu vô-ka. Họ để cho chàng đi

Ở đây còn có một bà già đang đan bao tay. Cũng phải nộp bà thuế thập phân.

Nay tất cả đều đã trả, chúng tôi được tự do đi lại. Người ta nhường chỗ cho chúng tôi gần lò sưởi và mời chúng tôi một con gà. Theo một câu ngạn ngữ: « Phần tôi miếng ừ, và phần anh phao câu để chúng ta gặm nhau ».

Tôi nhấm nháp ít thịt gà mặc dầu không muốn. Sau đó, người ta mời chúng tôi vào bàn ăn. Bữa ăn sáng bắt đầu. Người ta chia chiếc bánh cưới và phân phát quà cho bà con. Tiệc kéo dài ba ngày. Tôi chán ngán tất cả; chẳng tôi không hợp với sở thích của tôi. Buổi tối ngày thứ ba, tôi lẩn tránh và ẩn ở trong xỏ tối. Và tôi òa khóc. Tôi ngồi ở đấy một mình, khi Đa-ni-lô đến...

Tôi nhớ thêm : « Cần phải vượt lên, số phận mình là phải sống với chồng ».

Chàng hỏi tôi :

— Tại sao em lại đi thế này ?

Tôi giấu mặt trong lòng bàn tay, giả vờ xếp đặt lại dải buộc tóc.

— Đa-ni-lô, em bới tóc có được không ?

— Thế nào ! Còn sao hơn được, được lắm.

Chàng sung sướng thấy tôi nói với chàng. Chàng cầm tay tôi và hôn. Và tôi để cho chàng tự nhiên...

Từ lúc ấy, tôi hết lòng với chàng.

VI

Sau ba ngày, ai về nhà nấy. Chồng tôi lại đi làm cỏ-vé. Khách đi hết, mẹ chồng tôi bảo tôi :

— A-ni-sa, ta đau đầu, mày đem bài dĩa trả những người cho chúng ta mượn, còn ta, ta phải đi nằm.

Tôi nói :

— À ! Vàng sẽ đi.

Và tôi đi trả bát đĩa.

Vừa về nhà, kia bà lại nói :

— A-ni-sa, này, nhóm lò đi.

Bà vẫn nằm. Cứ như vậy hàng ngày. Nếu tôi muốn khâu vá gì cho tôi, bà lại sai tôi nhóm lò hay làm bếp. Một ngày kia, tôi bảo bà :

— Thôi, bà ơi, bà dậy đi mà nhóm lò.

Nhưng bà nói :

— Không, con gái ta ạ, đầu ta phân ra trăm mảnh. Nhóm lò như máy đã hỏng. Trời ơi ! công việc này ta làm đã lâu lắm rồi.

Ở xứ chúng tôi, những cô dân mới được miễn những công việc khó nhọc trong suốt năm đầu. Còn mẹ chồng tôi, bà bắt tôi thế để bà đi dọc ngang khắp nơi. Bà để thời giờ dệt vải. Đó là bắt công. Tuy vậy, tôi không nói gì với chồng tôi. Tôi không hờn ghét công việc. Nhưng người ta không thể làm hết được. Và tôi gánh vào tất cả việc trong nhà. Có biết bao việc dồn lên lưng lên đầu tôi. Một người chồng không hợp sở thích của mình, và một mối vi công việc. Như vậy đã hết đầu, còn việc khác nữa.

Người em trai Kô-li-kha, I-văn đi lính được

ngủ về nhà giữa ngày cử hành hôn lễ tôi. Y ở cùng nhà. Y không đi nữa. Chồng tôi vẫn phải làm cò-vô, I-văn vẫn ở nhà.

Một ngày kia, người ta tập trung chúng tôi để đào một hố ngấm gai. Tôi sửa soạn đi. Bà mẹ chồng tôi bảo tôi :

— Nay bé A-ni-sa, con hãy mặc váy, mặc áo và quàng khăn đẹp của mẹ.

Tại sao bà già bỗng lại tử tế với tôi thế ? Tôi rất đối ngạc nhiên. Tôi sửa soạn quần áo. Chính bà buộc chiếc khăn quàng đỏ lên đầu tôi. Tôi ngạc nhiên. Tôi không hề có chuyện gì khiến mẹ chồng tôi ngời dạn được như thế. Tôi đi làm. Công việc thành tựu. Khi tôi về nhà, bọn đàn ông chưa về, chỉ có mình bà già. Bà bảo tôi :

— Bé A-ni-sa, ta có chuyện này muốn nói với con.

— Có gì vậy ?

— Đây : con vừa ý em trai ta lắm. Y nhờ ta một việc ; y sẵn sàng ưng chịu hết cho con, nhưng con phải yêu y.

Tôi giật nảy mình, như bị bỏng. Tôi nghĩ mình nghe lầm : mẹ chồng tôi khuyến khích tôi làm điều tội lỗi.

— Bà mẹ, bà nói gì thế ?

Bà càng thúc đẩy tôi.

Tôi nói :

— Làm thế nào được, người ta có thể hủy bỏ lời thề thốt được không ? Và tôi ồa khóc.

— Được, được, hãy sống như mày muốn.

Tôi cười ngay váy và khăn quàng và đi đi. Bà giận dữ và đi ra ngoài lều. Tôi không nói với ai. Vào hồi này, tất cả, tôi đều giữ kín không thổ lộ với ai. Nhưng bà, từ lúc này, gây cho tôi trăm ngàn nỗi khổ sở vì tôi từ chối.

VII

Tôi không còn biết nghỉ ngơi là gì nữa. Kô-li-kha làm đời sống tôi khổ sở bất cứ về việc gì. Bà dọa làm cho vợ chồng tôi bất hòa.

Bà nói :

— Rồi mày xem tao sẽ làm gì ; nó sẽ lột da mày.

Bà kể cho chồng tôi nghe thôi chẳng thiếu

chuyện gì. Nhưng Đa-ni-lô, vốn sợ bà, không đáp lại và không tin những chuyện bà kể.

Ba tuần lễ trôi qua. Bà mẹ chồng tôi lại giả vờ có thiện cảm với tôi. Bà vuốt ve tôi. Một ngày kia, bà đi ra tỉnh, bà bảo tôi:

— Này, bé A-ni-sa, con có bít tất mới đi dự đám cưới không? Phải biết rằng, chúng ta phải dự một đám cưới ở làng bên.

Tôi nói:

— Nhưng thưa mẹ, con không có.

— Đó là điều ta nghĩ đến. Này! bây giờ ta lên tỉnh. Con có muốn ta mua cho con không?

— Con không có tiền: con có thể đi mau lẹ đến nhà cha con để xin.

— Được, đi đi. Nhưng ta không thể chờ con được. Con cứ giao tiền cho Bá-sỹ-kinh. Y sẽ đi sau ta ngay.

Gã Bá-sỹ-kinh, láng giềng chúng tôi, là một nông dân đạo đức. Tôi chạy lại nhà cha tôi. Ông cho tôi bốn mươi cô-péc. Tôi gặp Bá-sỹ-kinh lên tỉnh. Tôi đưa cho gã số cô-péc và bảo:

— Nhờ ông đưa số tiền này cho mẹ chồng tôi để bà mua bit tất. Bà hẹn mua cho tôi.

— Và tìm mẹ chồng chị ở đâu, trong thành phố? Hơn hết chị hãy cho tôi biết chị cần thứ bit tất nào. Tôi biết mua cho chị.

— Có phải ngẫu nhiên ông biết việc này đâu?

— Về việc này mà tôi lại không biết lựa chọn hay sao? Thôi hãy cho biết chị cần thứ bit tất nào?

Tôi cắt nghĩa cho gã và gã đi lên tỉnh. Ý mua bit tất và đưa cho mẹ chồng tôi.

Về buổi tối, tôi đang nấu súp thì Kô-li-kha ở tỉnh về. Bà lấy đôi bit tất ở bị ra và đưa cho tôi và nói:

— Đây, bit tất của mày.

Tôi trả lời:

— Xin cảm ơn. Bà mua đấy phải không?

— Thế nào, tao à? Và tao lấy tiền ở đâu? Đó là Bá-sỹ-kinb, thằng nhân tình của mày đã lựa và gửi cho mày đấy.

Tôi sửng sốt, không nói được lời nào. Chồng tôi, bố chồng tôi, những người khác nữa ngồi cả ở bàn. Mọi người yên lặng, mắt ngàng

nhìn tôi. Kô-li-kha thẳng thế. Bà bắt đầu bêu xấu tôi.

— Kìa, người thiếu phụ lương thiện. Lấy chồng chưa đầy một năm, và đã để nhân tình cho bít tất.

Tôi nói :

— Bà nói gì thế ? Chính bà không muốn chờ tôi đi lấy tiền và bảo tôi giao tiền cho Bà-sỹ-kinh.

Tôi không biết nói làm sao nữa.

Bà bắt đầu cười và nói :

— Thôi đừng nói dối nữa. Ta không có gặp mấy trước khi lên tỉnh. Bà-sỹ-kinh tạt vào quán nước và bảo ta « Bà cầm lấy cái này đem về cho người yêu của tôi ». Giấu giếm làm gì ? May nói đúng đúng tài thật.

Và kìa bố chồng tôi muốn điều hay cho tôi liếc nhìn tôi và nói :

— Ồ ! con dâu trẻ của ta, diều con làm chẳng hay gì !

Đa-ni-lô vẫn ngồi, cúi đầu xuống như không nghe thấy tiếng gì. Tôi thở thốt, dẫn viện Thượng đế, kêu gào nói sự thành thật của tôi.

Tôi nói :

— Thật ra chính cha tôi cho tôi tiền ; còn về tâm hồn tôi không có phạm một lỗi nào với gã Bá-sỹ-Kinh khốn nạn kia.

Tôi đi ra ngoài, khóc suốt mười. Chồng tôi đi theo tôi và hỏi :

— A-ni-sa, có đúng không ?

— Chẳng có gì cả, tôi nói, nếu thật thế, em chết đi còn hơn. Chẳng có gì, ngay trong tư tưởng cũng không có. Anh đừng tin bà ấy, anh Đa-ni-lô, tất cả cái gì cũng tốt đối với bà để hại em.

Chàng nói :

— Phải tin em hay tin mẹ, anh không biết.

Tôi cảm thấy bị xúc phạm ; tôi lại vào trong xó tôi và khóc. Cũng ngày Kô-li-kha càng hành hạ tôi. Đối với tôi, tôi cảm thấy rõ ràng điều này, không còn được nghỉ ngơi nữa. Đôi khi tôi về ăn náu ở nhà mẹ đẻ thân yêu của tôi để quên lãng những việc này. Riêng chỉ trông thấy nhà bố mẹ chồng tôi, tôi đã không chịu được.

VIII

Cứ như vậy tôi qua bốn năm. Tôi chịu đựng nhiều nỗi khổ cực. Tai hại hơn nữa, tôi lại có mang. Tôi nặng nề, lê lết mình đi. Tôi còn trẻ, chẳng có kinh nghiệm gì. Và nữa, cần phải tiếp tục làm việc và lại ăn gấp đôi trước. Mẹ chồng tôi mắng nhiếc tôi từng miếng ăn.

Bà nói :

— Kia con ngựa cái ăn không biết no ! Nó chỉ ngừng tọng khi nào sữa ở lỗ mũi phụt ra.

Tôi không sao nhấa nhưe chịu đựng được nữa. Và tôi nhắc lại với Đa-ni-lô :

— Nếu anh muốn tiếp tục sống với em, hãy rút những gì của chúng ta ở đây ; nếu anh không muốn thế, em sẽ đi một mình. Còn cứ kéo lê mãi cuộc đời như thế này, em không chịu được ! Em đến treo cổ tự vận.

Thật đầu, Đa-ni-lô không muốn nghe. Nhưng luôn luôn tôi nhắc đi nhắc lại chuyện này và chàng cũng bắt đầu phải suy nghĩ.

Hàng giờ hàng phút đời sống của chúng tôi càng trở nên tồi tệ. Không một ngày nào

không chữi rửa. Sống chung không sao kham được nữa.

Có lần, tôi nói với Đa-ni-lô :

— Em không muốn sống như thế này nữa. Có nên để suốt đời mình khốn khổ như thế này không? Hơn hết là nên đi, đeo bị vào lưng, tất cả các thứ khác còn hơn là sống với người đàn bà kia.

Nghe thế Đa-ni-lô nói :

— Kiên nhẫn một chút. Anh cũng có ý định riêng : đời phải của chúng ta và đi. Em biết Ba-sĩ-lê Ma-u-mô-vít. Đây ! ý muốn chúng ta đến ở nhà y.

Tin này làm tôi vui sướng. Sống bất cứ ở đâu, miễn là không cùng ở với Kô-li-kha. Đến sáng, tôi lại thăm Ba-sĩ-lê Ma-u-mô-vít. Ông là một nông dân già. Ông sống một mình với vợ. Ông không có con cái sống ở đây. Tôi đến nhà ông. Ông đã hiểu tất cả và dẫn tôi đi xem vòng quanh trang trại. Ngôi nhà tốt. Ông có mười bốn con cừu, hai con ngựa, một bò cái và một con bò. Công việc trang trại nhiều. Và không có ai giúp đỡ Ba-sĩ-lê bảo tôi :

— A-ni-sa, chị lại ở đây với chúng tôi.

Tôi già rồi, chị thay tôi làm cỏ-vô ; chị sẽ để cho tôi được nghỉ ngơi và tôi, tôi sẽ bảo đảm đời sống yên ổn đời dào và bánh không bao giờ thiếu.

Về nhà, tôi kể tất cả cho Đa-ni-lô nghe. Kô-li-kha nghe được tôi nói.

« Ma quý hãy mang chúng mày đi! Chúng mày muốn đi đâu thì đi ».

Ông già muốn giữ chúng tôi lại. Nhưng cuối cùng ông cũng muốn giải quyết cho xong việc chung.

Người ta bắt đầu phân chia (1). Việc này làm không phải là không có lỗi lắm nhiều. Ủy ban Xã can thiệp. Ủy ban dân hòa mà cũng chẳng dân hòa gì được. Bỏ lại chúng tôi chỉ nhận được về tất cả công việc của Đa-ni-lô một chiếc xe bốn bánh cũ chở hàng (2) và một con cừu cái. Và như vậy cũng là may : tất cả đều sẵn sàng để chúng tôi rời bỏ nơi đây tội lỗi này.

(1) Cuộc phân chia diễn ra giữa những người liên hệ, riêng chỉ khi có sự bất hòa, ủy ban xã mới can thiệp.

(2) Thù xe của nông dân, không có mui và không có ghế, dùng để chở nông sản.

XI

Thoạt đầu, đời sống ở gia đình Ma-u-mô-vít đối với chúng tôi xem ra dễ chịu. Chúng tôi làm việc cho hai ông bà già như đối với cha mẹ chúng tôi và Ông già và vợ ông Nô-su-kha (đó là biệt danh của bà) cũng hiền biết công lao của chúng tôi. Chính ở đây, tôi sinh hạ đứa con đầu. Không bao giờ tôi hồi phục được như lần sinh đẻ này.

Đây việc xảy ra như thế này. Việc diễn ra sau ngày nông nô được giải phóng. Trong khi đó, như thường lệ, chúng tôi đi làm để kiếm ăn. Tối hôm trước, người ta ra lệnh cho bọn đàn bà nhổ lúa mạch ngày mai. Buổi sáng tôi dậy đã thấy mệt nhọc. Tôi nhóm lò, làm bếp. Nhưng phải đi làm cỏ-vé. Tôi nhủ thầm : « Nếu mình không đi, họ sẽ hỏi tại sao, và tôi không có ý muốn nói là tại sao ». Tôi đi với bọn đàn bà. Tôi đi đầu, như không có gì xảy ra. Bọn đàn bà đùa giỡn tôi.

— Tại sao, A-ni-sa, như một con bò sừng dài, chị chạy trước đàn thế ? Chị không nghĩ rằng chị có mang hay sao ?

Tôi nói :

— Có thể là một con heo, con ngỗng không phải là bạn đường thích hợp. Ngỗng bay, còn heo ở dưới đất.

Chúng tôi gặp người sai trông nom công việc. Y sai một vài người bạn gái tôi đi nhổ lúa mạch.

Y nói :

— Còn về chị, chị ở đây giúp chị kia kéo lúa đến lều lá để lượm hạt.

Chúng tôi kéo một lúe sáu phương lúa đến vừa cách đó sáu thước. Trong khi tôi kéo, tôi cảm thấy ở ngang thắt lưng đau nhói. Thật là cực khổ vô cùng. Nhưng tôi không muốn để lộ nỗi đau đớn. Đến giờ ăn tối, họ cho chúng tôi nghỉ. Chúng tôi đi về nhà. Dọc đường tôi đau quá sức đến nỗi tôi phải ngừng, ngồi xuống cho qua cơn đau. Tôi muốn đi xa hơn nữa, cơn đau lại tái diễn. Tôi đau ở ngang thắt lưng và bụng. Tôi nhủ thầm : « Thôi, kỳ bạn đã đến ». Tôi chỉ gặp có bà già ở nhà. Tôi nằm trong xó tối và thấy dễ chịu hơn. Tôi muốn ăn ; tôi ra vườn, nhổ một củ hành và gọt. Tôi thêm nóng cả rọn lều. Nhưng không, đi lấy rọn khó nhọc quá. Và tôi đành ăn hành với bánh. Giờ ăn bữa tối đã qua, chị tôi đến tìm tôi.

— Đi với chị làm cỏ vè.

Tôi nói :

— Chị cứ đi, đến lượt chị tải lúa mạch và tôi sẽ đi nhờ lúa thay chị.

Chị tôi nói :

— Được. Việc này hay việc kia, cũng thế cả.

Chị tôi đi. Còn về phần tôi, tôi không muốn tỏ lộ hiện trạng của tôi cho ai biết : người ta bảo tôi rằng khi công việc này không liên hệ đến họ, mà càng có nhiều người biết nỗi đau đớn thì sự đau đớn càng dữ dội. Tôi ở lại một mình. Ta-ti-na, "con gái bà Nô-su-kha đến. Nàng đã có chồng. Nàng bảo tôi :

— A-ni-sa, chị chải đầu hộ tôi, nếu chị có thời giờ.

Tôi nói :

— Tại sao không.

Chúng tôi đến tổ ong. Tôi cầm lược và một chiếc gối nhỏ. Chúng tôi ngồi xuống. Tôi đã cảm thấy những sự co rút đau đớn dữ dội. Tôi gấp người lại làm hai, ngồi, không thể cựa quậy được. Ta-ti-na bảo tôi :

— A-ni-sa, chị có gì thế ? Có phải chị cố gắng kéo một vật gì nặng không ?

Tôi đáp :

— Không có gì. Có thể thôi.

Và tôi lại bắt đầu tìm chấy. Tôi chưa chải được nửa đầu thì chiếc lược rơi ở tay tôi xuống và tôi thấy đau đến nỗi tôi phải kêu lên.

Tôi kêu :

— À ! Thương đế, Thương đế ôi !

Ta-ti-na nhìn tôi và nói :

— A-ni-sa, chị sắp đẻ rồi.

— Tôi thiếu sữa rồi, tôi không chịu được nữa, tôi thấy đau khắp nơi.

Nàng nói :

— Thôi chị hãy ra chuồng ngựa ; không ai trông thấy chị và tôi sẽ lại tìm chị ở đấy.

Tôi ra chuồng ngựa. Tôi ngồi xuống. Tôi ngồi một lúc, rồi lại nằm một lúc. Tôi chẳng có gì kê dưới đầu. Tôi nhồm dẫy và bồng... như linh hồn tôi rời bỏ thân thể tôi. Gọi ? không có cách nào. Trẻ con chơi ở gần đấy. Chúng làm âm ỉ. Chúng kêu nhưc dẫu. Tôi nghĩ : « À ! chúng thật sung sướng, còn ta sắp chết »

Ta-ti-na đến.

— Thế nào? A-ni-sa, bây giờ ra sao?

— Ồ! Ta-ti-na! chết mất.

Nàng nói:

— Không có gì, đừng thế; tất cả chúng ta đều rõ việc này thế nào. Việc sẽ qua.

Thật sự nhẹ hết sức. Mọi tôi khô lại. Ta-ti-na cởi quần áo tôi. Nàng đi tìm mẹ. Tôi nghe thấy nàng gọi:

— Mẹ ơi! A-ni-sa sắp đẻ ở chuồng ngựa.

— Ồ! thế tại sao nó không nói với ta?

— Bởi vì mẹ lắm miệng. Mẹ sẽ kể hết chuyện và không để cho chị ấy nằm yên. Thôi, cần phải nói quanh quẩn với chị ấy vậy.

Hai mẹ con đến chuồng ngựa. Và Nô-su-kha nói:

— A-ni-sa, sức khoẻ thế nào?

— Bà di thân mến, cháu đau đớn quá, cháu không chịu được nữa.

— Thôi, A-ni-sa, cháu hãy thú tội đi. Có thể Thượng đế làm cháu đau đớn, nếu người không giải thoát cho cháu, bởi vì cháu không hối hận lỗi lầm của cháu.

Tôi liền xin lỗi hai người:

— Xin di thân mến, xin chị thân mến, hãy bỏ những lỗi lầm cho A-ni-sa.

— A-ni-sa, Thượng đế sẽ thứ lỗi cho cháu.

Và hai người cầu nguyện :

— Xin Chúa hãy làm cho A-ni-sa được sinh đẻ mau mắn và dễ dàng. Và xin Chúa hãy tha thứ những tội lỗi cho A-ni-sa.

Mặc dầu thế, tôi vẫn không thấy được nhẹ nhõm chút nào. Trong tâm tưởng, tôi liền xin lỗi Kô-li-kha, mẹ tôi và chồng tôi và tôi thú tội với Chúa. Và đây, tôi lại thấy đau đớn nữa, tôi ngã ngửa ra, mắt trắng dã và mê man. Răng tôi nghiến lại. Tôi không há miệng được nữa. Bỗng tôi thấy dễ chịu. Tôi nhủ thầm : « À ! Chúa đã thứ lỗi cho tôi ». Tôi mở mắt. Đứa bé đã tuột ra trong ống phần. Nó vậy toàn bần. Người ta chỉ nghe thấy tiếng kêu nhỏ, như tiếng con gà con kêu chíp chíp.

Tôi vừa sửng sốt vừa vui mừng. Tôi lại nhắm mắt lại. Tôi hoang mang và chẳng hiểu biết gì. Tôi cảm thấy người ta tìm cách khiêng tôi đi, nhưng không được.

Chị tôi nói :

— Nay mẹ, có điều gì xảy ra cho A-ni-sa thế ? Nó trắng bệch cả người.

Nô-su-kha nói :

— Phải mang nó vào lều và gọi bà đỡ đến : phải buộc cuống nhau lại.

Ta-ti-na đi ra và chạy. Nàng cho người đến tìm chồng tôi ở sân nhà chủ. Nửa giờ trôi qua. Tôi hồi tỉnh. Tôi trông thấy người ta ẩm một đứa bé trước mặt tôi. Và Nô-su-kha bảo tôi :

— A-ni-sa, ta hãy vào lều. Cháu sẽ nằm ở trong ấy. Chúa sẽ ban phúc cho con và chúng ta sẽ buộc cuống nhau cẩn thận.

Người ta khoác lên người tôi một chiếc áo choàng và dẫn tôi đi. Nhưng bây giờ tôi ẩm đứa bé. Nó khẽ oe oe khóc. Người ta giúp tôi đi vào đến tận nhà ; người ta đặt tôi nằm xuống. Tôi vẫn còn nằm và không cảm thấy đau đớn gì nữa. Cuống nhau vẫn chưa buộc. Chẳng có ai ở đấy để làm việc này.

X

Đầy Đa-ni-lô đến. Tôi nghe thấy chàng hỏi :

— Chúa cho ta con trai hay con gái ?

Nô-su-kha đáp :

— Một con bé Vóc-sô.

Vóc-sô là họ chúng tôi.

Chàng nói :

— À ! được lắm, vì Chúa đã cho.

Và tôi nghe thấy Nô-su-kha nói thêm :

— Hãy yêu con mày như quà của Chúa cho. Con gái hay con trai, khi đó là đứa con đầu lòng, đều có giá trị. Và này, hãy mau đi tìm bà đỡ.

Đa-ni-lô chạy.

Mặt trời đã lặn. Đàn cừu đã về. Tôi vẫn nằm, không cựa quậy, đứa bé ở bên, vẫn chưa buộe cuống nhau. Mẹ để tôi đến gần tôi. Chúng tôi cùng khóc. Và đây Đa-ni-lô về và nói :

— Không có bà đỡ . bà đỡ ở làng chúng ta đi dự hội cách đây bảy dặm. Tôi liền đi tìm mẹ ở Ni-kôn-ki, mẹ này lên tỉnh.

Mẹ tôi nói :

— Chúng tôi biết làm thế nào ? Trong đời ta, ta chưa bao giờ buộe cuống nhau.

Ta-li-na cũng không muốn làm công việc này, nàng đứng kia bất động :

— Này mẹ, mẹ làm việc này đi, mẹ là người già nhất ở đây.

No-su-kha im lặng và suy nghĩ.

Bà nói :

— Nào, xin Thượng đế cho con can đảm ! Con sẽ làm.

Mấy người đàn bà bàn cãi phải làm thế nào. Họ làm xong theo sức của họ. Họ sẵn sàng cả tới nữa. Họ tắm rửa đứa bé và quấn tã lót. Khi mọi việc đã xếp thứ tự, người ta để Đa-ni-lô vào. Chàng đến gần, nhìn con bé và Chúa ôi ! với niềm vui không xiết tả ! Khi chàng nhìn con đã chán, chàng đi ra, rồi vào với một chai vô-ke, rót rượu vào các ly nhỏ, mỗi người một ly. Chàng mời No-su-kha đầu tiên

— Bà cho phép con mừng bà không ?

Bà già nói :

— Được, hãy mừng chúng ta, hai kẻ già này, có một cháu bé gái và con có một đứa con gái.

Rồi nghiêng mình đáp lễ nhau, họ uống cạn các ly rượu. Người ta mừng cả tới nữa. Và tôi cảm thấy vui sướng hơn. Bọn đàn bà ra ngoài lều để tìm không biết thứ gì. Đa-ni-lô và tôi còn lại hai người. Chàng đến gần và nhìn tôi. Ô ! anh yếm biết bao và hỏi tôi :

— A-ni-sa, em bé của anh, em có đỡ đau không ?

Tôi nói :

— Bây giờ không có gì, khá rồi !

— Và chúng ta chọn ai làm cha mẹ đỡ đầu cho con bé ?

— Anh muốn ai cũng được.

— Về một quyết định, hai người vẫn hơn một.

Tôi nói :

— Nếu như vậy, anh đừng chần chừ nữa, anh đến ngay Khô-mô-tô-vô, và yêu cầu Nata-sa làm mẹ đỡ đầu. Còn về cha đỡ đầu, chúng ta nhờ Mỹ-sơn, người ở sân nhà chủ.

Đó là ý riêng của tôi nhờ Mỹ-sơn vì có ngày chàng bảo tôi :

— Em không muốn lấy anh, nhưng ít nhất, chúng ta hãy liên kết với nhau một cách khác : một ngày nào đó, em sẽ chọn anh làm cha đỡ đầu cho con em (1).

Chưa bao giờ tôi nói với chồng tôi là Mỹ-sơn định lấy tôi.

Đa-ni-ô nói :

(1) Vấn đề đỡ đầu tạo ra một liên hệ tình thân giữa người cha đỡ đầu và người mẹ. A-ni-sa và Mỹ-sơn như vậy từ bỏ ý định một ngày kia hai người lấy nhau được.

— Được lắm, anh bằng lòng; chúng ta sẽ nhờ hai người này.

Chàng cầm tay tôi và tôi không rút lại. Chàng cầm tay tôi, điều này làm tôi vui thích.

Cùng tôi nói chuyện, tôi nhìn chàng, và từ lúc này, tôi yêu chàng: linh hồn tôi như được đỡ gánh đã đè nên lên.

XI

Buổi sáng hôm sau, Đa-ni-lô đi tìm hai người cha mẹ đỡ đầu, vị linh mục và mời bà con họ hàng. Bà Nô-su-kha và mẹ tôi chăm lo làm tất cả mọi thứ về lễ rửa tội và bữa ăn. Người ta để tôi ngồi ở lên và giãns tôi sau một bức màn lớn.

Vị linh mục, vị giáo sĩ trợ tế và người giữ đồ thánh lễ đứng trưa đến. Người ta đặt một thùng xách nước dưới tượng Thánh để ngâm đứa bé vào (1). Người giữ đồ thánh lễ gần lên mép thùng ba cây nến và châm sáng. Bà con họ hàng tụ họp, cha mẹ đỡ đầu, và lễ

(1) Giao một thống nhất vẫn giữ tục lệ làm lễ rửa tội với tục lệ ngâm đứa bé vào nước.

rửa tội bắt đầu. Về phần tôi, tôi nằm và ăn sau bức rèm khiến tôi vẫn nghe được tất cả và trông thấy cả họ.

Tôi như thăm : « Dầu sao cũng ngộ nghĩnh, Mỹ-sơn đang lẽ là chồng mình như chàng muốn lại hoá ra cha đỡ đầu cho con mình ». Người ta rửa tội cho đứa bé và nó được đặt tên là A-ga-phê-na. Người ta mời vị linh mục, vị giáo sĩ và người giữ đồ thánh lễ ăn. Người ta cắt cá mòi và cá nấu nước mắm. Người ta mời bánh và rượu vô-ka. Họ ăn, cảm ơn và cáo lui. Họ nhận được bốn mươi cô-pêch về lễ rửa tội và hai mươi cô-pêch về các cây nến.

Các vị giáo sĩ đi rồi, người ta xếp đặt ba bàn để mời ba con họ hàng. Người ta mời súp nấu bắp cải, thịt bò nấu, miến và rượu vô-ka. Có hai mươi lăm người tất cả. Mẹ chồng tôi cũng có trong số này. Tôi không muốn mời Kô-li-kha dự lễ, nhưng những người khác cho rằng phải mời bà. Tôi không phản đối, vì vậy người ta mời bà đến cùng với những người khác. Kô-li-kha đến tìm tôi trước bữa ăn.

Bà nói :

— Chào chị A-ni-sa ! Tôi mừng chị khoẻ mạnh, tôi mừng chị có cháu gái. Cầu mong cháu lớn mạnh và sung sướng.

Tôi trả lời :

— Con xin kính cần cảm ơn bà.

Rồi Kô-U-kha ngồi vào bàn ăn. Bà đỡ đem lại một nồi bột lúa mạch, lấy một tấm vải phủ lên và cắm hai chiếc thìa vào đấy. Cắm một chiếc thìa hướng về phía hình Thánh và cắm chiếc thìa kia quay về phía bàn.

Bà nói :

— Bây giờ phải mua lại bột lúa mạch.

Người nào cũng đặt một đồng tiền vào chiếc thìa. Tiền để vào chiếc thìa mà cắm thìa hướng về hình Thánh thì tôi được hưởng, còn tiền để vào thìa kia thuộc về ba đỡ. Người đặt tiền lễ đầu tiên là cha tôi. Rồi đến lượt những người khác. Mỗi người ùy theo tài mình. Người ta đưa cho tôi chiếc thìa đầy tiền. Chỉ tôi đếm : có tất cả sáu mươi cô-pếch về phần tôi. Bà đỡ được ba mươi đồng. Bà cầm lấy nồi bột và mang đi. Khách khứa kêu la ầm ĩ :

— À ! mu quý quyết, mu rõ việc của mu mu bán cho chúng ta bột lúa mạch, rồi lại bỏ trốn với bột để ăn lễ !

Bà đỡ quả thật mang nồi bột đi, nhưng

đề mức vào các bát. Bà mang các bát đầy bột lại và bày lên bàn.

Mỹ-sơn, cha đỡ đầu của con gái tôi, lấy một thìa bột đầy, một thìa dầu, bỏ muối vào, rót thêm rượu vô-ka vào, trộn tất cả các thứ này và đưa mời chồng tôi.

Chàng nói :

— Này, anh hãy nếm món này.

Chồng tôi nói :

— Thế nào, tôi phải ăn món kinh khủng này à ? Tôi không thể nào nuốt được.

— Ê ! anh tôi ơi, vậy thế ta rõ ràng anh không yêu chị ấy : vì nếu anh yêu vợ, anh sẽ ăn hết cả ngay.

Chồng tôi không trả lời. Chàng đưa bột lên môi và ăn một ít lúc đầu. Rồi chàng ăn hết cả và liếm chiếc thìa. Chàng đặt thìa lên bàn, chống tay lên và nói :

— Mong rằng con gái tôi lớn lên bằng thế này !

Còn tôi, tôi vẫn nằm. Tôi mỉm cười. Tôi lấy làm vui thích là chồng tôi tỏ cho Mỹ-sơn biết chàng yêu tôi biết bao. Người ta mời rượu khắp cả bà con. Rồi mọi người đứng dậy. Ai

cũng làm đến. Khách khứa cảm ơn về sự khoản đãi trọng hậu và ai về nhà nấy.

Chỉ còn bà con họ hàng gần ở lại cả bố mẹ chồng tôi. Người ta mang lên bình khô hương liệu có bắp nà, bánh ngọt khô và cá. Chính chúng tôi được ăn cá. Và đó là một con cá đẹp. Người ta lại bắt đầu đem thức ăn ra nữa. Người ta ngồi lâu mãi, nói chuyện và uống rượu. Còn tôi, tôi buồn ngủ. Đêm khuya mới chia tay nhau.

Tôi trở dậy ngày thứ ba : tôi còn trẻ và điều này ai cũng rõ, tuổi niên thiếu không muốn rảnh nghĩ ngợi, việc ấy làm người ta buồn bã. Và nữa ai sẽ làm công việc trong nhà ? Chẳng có ai cả. Na-u-mít trông thấy tôi hỏi :

— A-ni-sa, sức khỏe chị thế nào ?

Tôi đáp :

— Kua.

— Vậy nếu sức khỏe khá, mọi việc sẽ tốt cả. Chị phải giúp tôi một tay : cần phải cho các tổ ong ra ngoài nhà chưa.

Tôi nói :

— Nào đi làm.

Đối với lương tâm tôi không thể nói không được. Cùng đi làm. Ông cầm tay tôi và trên bốn cánh tay gác lên nhau, chúng tôi cùng khiêng các tổ ong (1) Chúng tôi mang được mười lăm tổ. Thật là cực nhọc đối với tôi tay chân tôi bắt đầu run. Luôn luôn tôi xuýt ngã, mệt mỏi quá. Nhưng còn ông, việc ấy ông không lưu tâm. Ông không có ý nghĩ rằng sau khi sinh đẻ người ta có thể yếu đuối được. Chính vì thế mà tôi bị sụp đổ. Người ta không để cho tôi có thời giờ bình phục. Theo thông lệ, vào thời còn chế độ nông nô, chỉ sau sáu tuần lễ sinh đẻ mới phải đi làm cỏ-vô; nhưng người ta bắt tôi làm đủ mọi việc trước khi bốn tuần lễ trôi qua. Công việc cắt cỏ khô bắt đầu; năm nay, gặt hái cũng đến sớm. Người ta vội vã làm công việc; tôi cũng có phần việc của tôi cùng với tất cả mọi người. Tôi đem con gái tôi đi theo. Đa-ni-lô làm một cái giá để tôi móc cái nôi vào. Con bé thật ngoan. Đôi khi thật nó có kêu la; nhưng tôi lại cho nó bú, tôi xếp đặt lại lót lã cho nó và nó lại ngủ. Tôi đưa đầy nôi một hai cái và tôi lại

(1) Đó là các tổ ong đực trong các khúc gỗ vì vậy nặng.

rời con tôi để tiếp tục đi làm. Ngoài mắt nhìn lại, đó là gió thay tôi và ru con tôi. Điều này làm tôi mỉm cười và tôi nhủ thầm « Quả thật, không cần đến một con sen. »

Những người đàn bà khác làm việc cho đến lúc không làm được nữa ; lúc này, mệt nhoài, họ ngồi và khen chọe Gúc-kha. Họ nói :

— A-ni-sa, con bé của chị xinh nhỉ !

Và thật thế, con bé xinh xắn. Nhưng bụng tôi bắt đầu thấy đau.

XII

Có lẽ với một đứa con đời sống tại gia đình Na-u-mít đối với tôi trở nên khó khăn. Nhưng dù sao, người ta vẫn có thể ở đấy được. Nhưng Kô-li-kha, vẫn mu Kô-li-kha phá rối sự giao thiệp của chúng tôi với ông già và nhất là với vợ ông. Phải, chính Kô-li-kha đã phá đám. Mu không thể chịu được trông thấy chúng tôi sống sung sướng ; điều này làm mu đến đau ốm. Mu ganh tị.

Đấy việc xảy ra như thế này. Người ta bắt đầu nhờ khoai. Kô-li-kha gặp Nô-su-kha.

Và Kô-li-kha bắt đầu làm bà già ngớ vẩn. Mụ nói .

— Bà g'à có cần phải báo cho bà biết tin này không ?

— Cứ nói đi.

— Người ta có thể nói thật với bà rằng bà chẳng lưu ý thấy gì. Việc này xảy ra trước mắt bà đó và bà chẳng trông thấy gì.

— Trông thấy ? và trông thấy gì ?

— À ! Ông già của bà.

— Thế nào ? Ông già tôi à ?

— Thế nào ? Ê ! Đây : con A-ni-sa điên dại yêu ông ấy, ông già của bà.

— Nay mụ, tại sao A-ni-sa lại yêu ông ấy được ? Cánh tay ông ấy thối nát ; chân ông đầy mụn ; ông đau ốm lắm, trong khi con bé kia trẻ và đẹp.

— Lý do nào ? Tiền. Ông già để cho nó trông nom cả nhà.

Nô-su-kha ngu ngốc và Kô-li-kha thì tàn ác.

Kô-'i-kha làm cho Nô-su-kha bối rối và tin ở lời mụ. Không còn cách nào thoát ra được mối hiểm nghèo : bà già ghen tị tôi. Khi

Ông già ra sân để xếp đặt việc gì trong khi tôi phơi áo thì bà vợ nhìn tôi rình mò. Ông già không nghĩ gì đến diện xấu xa, ông đã bảy mươi tuổi. Hoặc đôi khi ông bảo tôi : « A-ni-sa, ngày mai vào rừng đốn gỗ ». Không thể nào nói không được, người ta sẽ bảo là tôi biếng nhác. Tôi đáp : « Vâng, xin đi ». Và tôi thấy sắc mặt bà già biến đổi.

— Vậy hãy đi với cô gái đẹp của ông, nhưng hãy đi cho sớm, để mọi người khỏi trông thấy.

Và nếu tôi từ chối thì ông già lại giận dữ.

— Ta không phải là một con vật! Tôi không đi làm khó nhọc một mình, trong khi các người giương mắt trông ta làm.

Một ngày kia, một con bê biến mất. Ông già bảo tôi đi tìm. Tôi không đi. Ông tức giận.

— Nào, hãy động đậy đi! Phải tìm cho ra con vật.

Nô-su-kha cũng kêu :

— Đi, hãy đi tìm với cô ấy, còn không nếu đi một mình ông sẽ về mau hơn!

Không còn biết làm thế nào, chúng tôi cùng đi tìm con bê : tôi đi một phía, ông già đi một

phía. Tôi trở về nhà, không tìm được con vật. Ông già chưa có ở đây. Kia ông về. Nô-su-kha ra đón chồng và nói :

— Ê ! ông già lằng lơ ơi ! ông đã tìm thấy cái gì cần thiết cho ông chưa ?

Ông già nói :

— Không, tại sao bà lại quấy rầy tôi ?

Ông bực mình trở về tay không và đồ sự giận hơn lên đầu vợ. Bà già nghĩ ông lừa phỉnh bà.

— À ! ông mèo già, không phải con bé ông lưu ý đâu, nhưng là người đàn bà ông đã ken làm bạn đấy.

Ông già nhò xuống đất ghé rôm.

— À ! mu phò thúy già, mu loạn óc rồi.

Và ông đi ra

Từ ngày hôm đó, không còn sự hòa thuận ở đây nữa. Đó là bắt đầu một đời sống khó khăn. Tôi phải chịu đựng nhiều điều, nhưng tôi không hề than thở với Đa-ni-lô. Riêng đôi khi tôi phải về ăn cơm ở nhà mẹ tôi và khoe than ở đây.

Tôi bảo mẹ tôi .

— Mẹ thân yêu của con, con thoát được lang sói để lại rơi vào móng gấu.

XIII

Như vậy Kô-li-kha lại gây bất hòa giữa chúng tôi và ông già Nô-u-vi'. Cần phải xa rời họ như trước kia với những người khác. Sau một năm, nay lại phải thanh toán. Người ta triệu tập ủy ban xã để định đoạt về phần của chúng tôi. Ủy ban xét rằng chúng tôi phải nhận được bảy mươi rúp về công việc của chúng tôi. Nhưng người ta lại trừ số tiền chúng tôi nhận được bằng quần áo trong năm : áo choàng lông của Đa-ni-lô, đôi boots của chàng, một áo chềm cho tôi và còn những dải đeo. Về số bảy mươi rúp, chỉ còn lại tám.

Chúng tôi từ giã ông bà già. Tôi cùng con bé đến ở nhà cha mẹ tôi. Đa-ni-lô được ông chủ vườn và ở cách đây ba dặm. Đời sống chúng tôi thật khốn nạn ! và nỗi khổ sở của chúng tôi càng tăng khi con bé bị ốm. Tôi mang con bé đến một người đàn bà biết lá thuốc, rẫy nước phép giải trừ những cặp mắt

xấu xa đã nhìn nó, nhưng chẳng ăn thua gì. Hàng ngày không ăn, không uống, nó héo mòn.

Một ngày kia, mẹ tôi ra đồng bỏ lúa. Tôi ở nhà và nhủ thầm.

— Thật xấu hổ : mẹ già mình làm việc và mình chẳng giúp đỡ gì bà cả.

Tôi đặt Gúc-ka xuống giường, ở cửa ra vào ; tôi cho nó uống nước, cặp môi xinh đỏ của con tôi khô nứt và mím lại. Tôi đi ra phía cửa, nhưng trước khi đi, tôi ngoái lại nhìn con bé lần nữa : Gúc-ka nằm duỗi dài nhắm cặp mắt đẹp lại. Tôi rất buồn. Tôi òa khóc và nhủ thầm « Mình chẳng đi ra đồng làm gì, để con bé ở nhà sao được ! » Tôi quay lại và nài dỗ gần con tôi. Nhưng kia, như một việc có chủ ý, người ta đến tìm tôi có việc gấp : mẹ tôi bảo tôi đến giúp bà. Không còn biết làm thế nào. Tôi để nước cho con bé uống. Và tôi đi. Tôi đi thẳng chẳng nhìn thấy đường nữa : nước mắt làm mờ mắt tôi. Tôi đến đồng, thay mẹ tôi, để cho mẹ tôi về và bắt đầu bỏ lúa. Tôi bận như vậy được một giờ thì một đám mây đen bao phủ trùm tôi. Tôi nghĩ : « À ! nếu mưa được một trận nhỏ, ta sẽ bỏ lúa lại và trở về nhà gần con ». Đám mây xé ra và rơi xuống một trận mưa lớn. Tôi bỏ công việc ở đấy và về nhà. Tôi đến gần

đưa bé. Con bé khốn nạn để thông đầu xuống bờ giường ; cặp mắt nó trắng bệch, sắc mặt tái mét. Tôi kêu lên :

— Mẹ ơi ! Gác-ka sắp chết rồi.

Mẹ tôi chạy lại. Bà nói :

— Chúa sẽ giúp nó ; để đây cho a làm.

Bà ấn con bé lên, đặt nằm lại thẳng thắn, rót nước vào một chiếc thìa bà chia cho nó. Nhưng con bé không mở miệng : nó kiệt sức rồi. Tôi đặt một bình Thánh tên đầu giường và thắp ngọn bạch lập còn lại trong cuộc hôn lễ của tôi. Tôi ngồi , ấn con tôi và ngẫm nó. Tôi sợ không dám khóc, e làm quấy rầy nó : nhưng kia, nước mắt cứ tuôn chảy, chảy lã chã. Tôi nhủ thầm « Tôi muốn được thay thế con tôi và đau đớn hơn là trông thấy con bé yên của tôi bị hành hạ như vậy ».

Nó không đau đớn lần nữa, vì nó chết rồi.

Tôi làm dấu, quỳ lạy ba lần và ban phép lành cho con tôi. Mẹ tôi giúp tôi mặc quần áo cho con bé và đặt lên chiếc ghế dài, dưới các hình Thánh. Tôi đến người thợ mộc và đặt làm một cỗ quan tài. Xong những việc này, tôi đến tìm Đa-ni-lô ở làng bên. Tôi đến nơi, thấy chàng ở sân nhà chủ nhân đang bỏ củi.

— Đa-ni-lô, anh không được tin gì à?

Chàng nói :

— Không, số gì?

— Con bé nhỏ thân yêu của chúng ta lên chầu trời rồi, nó từ bỏ cõi đời. (1)

Chàng đặt búa xuống và chấp tay lại và nói

— Bao giờ thế?

Tôi đáp

— Sáng nay.

Và tôi ứa khóc. Đa-ni-lô nói :

— Chính vì thế mà cả sáng nay anh thấy rầu rĩ quá và chỉ nghĩ về nhà.

Chàng hỏi tôi xem con bé có đau đớn lâu không và nó đau ốm ra sao. Tôi kể cho chàng nghe tất cả.

Chàng nói

— Ê! chúng ta chẳng thành công việc gì. Không bao giờ chúng ta có được một đứa con như thế nữa.

Và cả chàng nữa cũng khóc thồn thớt.

(1) Lời nói đặc biệt của dân chúng Nga để chỉ cái chết.

Đa-ni-lô xin phép người cai về nhà. Và cả hai chúng tôi cùng đi chôn Gúc-ka.

XIV

Tôi qua mùa hạ ở nhà cha mẹ tôi. Đa-ni-lô và tôi, chúng tôi trù tính : làm thế nào để có được một căn nhà ?

Đến mùa thu, chàng nhận được số tiền lương về công việc của chàng, chàng mượn thêm tiền và chúng tôi bắt đầu sắp đặt. Chúng tôi mua ở Ky-sốp, cách bảy dặm nơi chúng tôi ở, một túp lều cũ. Người ta tái lều đến làng chúng tôi. Người ta bao quanh một hàng rào lấy lệ, mua một con ngựa xấu : nói tóm lại, chúng tôi xây dựng một gia đình nông dân.

Và thật là khó khăn : nhu cầu nhiều mà tiền lại ít. Làm thế nào kiếm ra được ? Chúng tôi có hai người. Không còn cách nào xoay xở. Cần phải trông nom việc nhà, nộp thuế, vả nữa trẻ con lại ra đời. Vì không kể Gúc-ka, còn ba đứa nữa sinh ra sau đó : một đứa con gái và hai đứa con trai. Hơn nữa, chúng tôi lại nuôi một bà già. Bà đến nhà chúng tôi để trông

nom bọn trẻ. Đồi lại, chúng tôi nuôi bà. Trẻ con lớn lên, chúng tôi tiêu tốn hơn về bánh. Và rồi đến lúc chẳng còn gì trong nhà nữa. Đa-ni-lô đi làm về.

— Nào, đi làm bữa ăn tối.

— Em không còn bánh : em không nhém bếp và không nấu nướng gì.

— Tại sao . mình không đi mượn bánh ?

— Chính vì chúng ta đã mượn của nhà hàng xóm ; cần phải trả và lấy gì để trả ?

Đa-ni-lô tức giận :

— Mình không biết thu xếp. Mình ở đây, bằng xương bằng thịt và chúng ta thiếu bánh. Anh muốn mình nhìn rõ : cây ruộng dạ dày trống rỗng !

— Cả em nữa, em chẳng ăn gì suốt ngày. Bánh em mượn là dành cho lũ trẻ.

Đa-ni-lô không nói gì và đi năm không ăn uống.

Hoàn cảnh chúng tôi chẳng dễ dàng gì Đa-ni-lô không khỏe mạnh. Chàng có thể chết vì công việc, cảnh khổ cực mỗi lúc mỗi tăng trong gia đình chúng tôi. Tôi đã phải, bị đeo ở lưng, qua các làng, trừ làng tôi, ngửa tay ăn xin.

XV

Tôi sống như vậy mười năm trời. Năm thứ mười một là năm xảy ra tai họa. Cố nhiên Chúa đến thăm chúng tôi vì tội lỗi của tôi. Tất cả những gì xảy ra đều do sự khờ dại là nguyên nhân. Mùa đông chưa hết người ta đã ăn hết lúa, và đến mùa xuân, như thường lệ, đời sống lại khó khăn trở nên đói tệ. Tất cả những gì người ta dự tính làm đều không thành công. Tôi lại phải đeo bị đi ăn xin. Nhưng người ta giảm bớt tiền bố thí: ở đâu lúa cũng hiếm. Do sự khờ dại quá thừa đầy, có thể lắm. Đa-ni-lô bỗng nảy ra ý nghĩ, bằng những phương tiện bất chính, làm chúng tôi thoát khỏi cảnh khó khăn. Chẳng giao thiệp với những nông dân trộm cắp và bắt đầu uống rượu. Làng chúng tôi có vô số những thanh niên xấu xa. Thời còn cỏ-vê, vì e sợ chủ nên còn có sự kìm hãm. Chế độ nông nô bãi bỏ, nhiều nông dân hóa ra chơi bời chẳng ra gì. Và tôi thấy Đa-ni-lô cũng nhập bọn này.

Tôi đoán chàng có âm mưu gì xấu xa ở trong

đầu. Có ba gã trong làng tôi, có tiếng là quân trộm cắp thường đến tìm chàng luôn. Một ngày kia, tôi ngủ gần lò sưởi khi nghe thấy tiếng mở cửa. Họ vào và bắt đầu lý luận với Đa-ni-lô. Trẻ con đã ngủ. Về phần tôi, mặc dầu nằm, tôi chưa ngủ và nghe thấy tất cả.

Một gã An-đô nào đó, có gia đình, nổi danh trộm cướp, không còn trẻ trung gì nữa — các con trai gã đều đã có vợ, nói :

— Chúng ta sẽ đi, cố nhiên rồi.

Bạn gã Mỹ-sê nói thêm :

— Chỉ cần phá vỡ một ổ khóa là xong chuyện.

Đa-ni-lô nói :

— Làm thế nào dẫn chúng về được ? Với đàn bò, người ta không biết xử sự ra sao.

— Nay cha, ai bắt bó cha hả ? Chúng ta sẽ dẫn bò đến Kha-mô-tô-vô và nhốt vào đất rào của Phi-líp.

Phi-líp nói thêm :

— Tôi biết một người lái buôn sẽ trả ngay tiền mặt.

Anh Đa-ni-lô của tôi hãi sợ nói :

— Các anh ạ, cái đó chưa chắc.

— Sao anh hoảng sợ, trước khi chưa nhìn thấy gì. Anh làm sao, e ngại à ?

Tôi hãi sợ cho Đa-ni-lô của tôi : « Việc gì sẽ xảy ra cho anh, nếu anh bị thuyết phục ? », tôi nhủ thầm.

Tôi nhóm dậy và nói :

— Đồ vô liêm sỉ, quân gian ngoa, sao chúng mày khuyến dụ những người lương thiện như thế ! Có phải chúng mày đã quên cây thánh giá đeo ở ngực không ?

Chúng định thuyết phục cả tôi nữa.

— Dầu sao người ta vẫn phải cho trẻ con ăn uống. Vậy lấy ở đâu ra những thức này ? Không riêng gì chúng tôi làm điều xấu này. Chúng tôi không phải là những người đầu mà cũng không phải là những người cuối. Và nữa việc này ngon lắm : đó là ăn bỏ đi một cách thật bở bành.

Tôi nói :

— Nên lưng đeo bị, ngựa tay đi ăn mày còn hơn là xen vào những chuyện này. Thôi, Đa-ni-lô ! anh hãy bỏ việc này ! Anh đừng đi ! Anh sẽ chuốc lấy khổ não mà không bao giờ anh thấy kết thúc nữa.

Bọn nhà quê đi. Tôi lại nói với Đa-ni-lô nữa.

Tôi đã thuyết phục được chàng chưa? Hay chàng chỉ làm ra vẻ nghe theo tôi? Chàng hứa với tôi sẽ không dự vào chuyện này nữa.

Chàng nói :

— Anh sẽ không đi.

Tôi tin chàng và không nghĩ ngợi gì nữa. Tôi tưởng rằng chàng từ bỏ ý nghĩ này. Nhưng chàng vẫn giữ chủ trương này và giấu tôi.

XVI

Đó là ngày thứ ba hay thứ tư tuần lễ Phục sinh. [Buổi sáng hôm đó tôi ở nhà. An-đê vào; gã làm dẫn trước tượng Thánh, chào chúng tôi và nói.

— Nào vào rừng cắt chổi. Các nông dân đi cả; Đa-ni-lô ta đi!

— Được, tại sao không?

Đa-ni-lô đứng dậy và họ cùng đi.

Ngày hôm ấy trời đi mau lẹ, tôi thu xếp thứ tự trong nhà. Tôi đến; trẻ con đã ngủ;

Đa-ni-lô chưa về. « Vậy chàng có gì làm lâu trong rừng thế? Hay chàng còn đi nơi nào khác? Đáng lẽ chàng phải về rồi », tôi nhủ thầm.

Tôi chờ, chờ đợi nữa, vẫn chẳng có ai. Trời đã tối hẳn, cuối cùng chàng về.

Tôi hỏi :

— Tại sao muộn thế? Anh có bỏ được nhiều chồi không?

— Chồi, nếu người ta muốn như vậy, nhưng những chồi đi trên bốn chôn!

Chàng trả lời tất cả có thể. Chàng ngồi xuống chiếc ghế dài và không cời to choàng. Tôi nhận thấy ngay chàng không còn phải là chàng nữa. Tôi nhủ thầm. « Thôi thế là xong, An-đê và chàng đã cùng làm một việc xấu xa, tôi không biết thế nào ». À! tôi mới tức giận!

Tôi cắn vụn chàng. Chàng thú thật với tôi tất cả: họ đã dẫn đàn bò đi.

Tôi nói :

— Khốn khổ! Anh làm gì thế? Anh có nghĩ rằng nay anh sẽ sống một cuộc đời dễ dàng

hơn không ? Anh sẽ làm thiệt hại đến cả bọn trẻ.

Tôi không để cho chàng yên trước khi chàng chưa nghe hết tất cả những lời trách móc của tôi.

— Im đi, con bẻm mép ! Mày chẳng hiểu gì hết cả.

Chúng tôi đi nằm. Tôi không thể chợp mắt được. Tôi thấy mình ốm. Tôi chỉ có thể nghĩ đến một điều : người ta sẽ đến bắt chàng.

XVII

Chúng tôi qua như vậy hai ngày. Đến tới ngày thứ ba, tôi ngồi một mình ở nhà. Bèn thấp, tôi chờ Đa-ni-lô đi Khô-mô-ô-vô mà chàng giấu đàn bò ở nhà một nông dân chàng biết. Tôi chẳng thấy thoải mái và cảm thấy mình chẳng còn sức lực nào ; tôi ở đây chờ đợi, không sao ngủ được, mà cũng không sao ăn uống gì được. Gà đã gáy. Bỗng tôi nghe thấy những bước chân đi mau. Tôi nhận ra bước chân chàng. Chàng đột ngột mở cửa, mạnh quá bản lề hần như gần bật ra. Đa-

ni-lô của tôi vào ; chàng nặng nề chạy vào buồng. Chàng không còn áo choàng. Chàng đi chân không. Và mặt chàng trắng, trắng bệch ; người chết đem chôn không đến nỗi xanh xám như vậy.

Tôi nói :

— Việc hỏng rồi sao ?

Chàng đáp :

— Hỏng.

Chàng ngồi trên chiếc ghế dài và cảm lạnh. Tôi nghĩ : « Ta sẽ hỏi chàng việc gì xảy ra ».

— Đa-ni-lô có gì thể ?

— Việc gì à ? Công việc của chúng ta hỏng rồi.

Họ vào sân mà gã Phi-líp cùng bọn giấn bò ở đấy ; chỉ có Mỹ-sê đến. Người ta chờ An-đê. Nhưng An-đê không lại. Y phái một tên trẻ hơn lại thay y và như vậy không giữ lời hứa. Sau khi chờ đợi, và còn chờ đợi nữa, họ đến bắt bò ở sân sau để dẫn vào rừng. Họ mới vừa ra khỏi làng thì kia dân làng Khô-mô-tô-vô nhảy xô lại họ, không kêu la gì — và cuộc rượt bắt khởi đầu.

Phi-líp bị bắt ngay Mỹ-sê mặc dù nhảy

sang bên cũng bị bắt. Bị nằm áo, chổng tôi cởi bỏ áo ra và trốn thoát được. Bọn dân quê đuổi theo chàng. Nhưng chàng chạy trước họ, tháo bỏ giày và chạy thoát.

Tôi rên rỉ :

— À ! thật tôi khờ ! tại hoạ sẽ rớt xuống đầu tôi và các con tôi, không còn cách nào thoát được.

Tôi định than van như thường lệ, nhưng Đa-ni-lô giận dữ bắt tôi phải im. Tôi tưởng chàng sẽ đánh tôi. Tôi im lặng. Chúng tôi đi ngủ, nhưng ngủ không được. Tại lắng nghe. chúng tôi tự hỏi : có phải họ lại, có phải cảnh sát không ?

XVIII

Đêm trôi đi mà chúng tôi không chợp mắt được một phút nào. Buổi sáng hôm sau tin đồn lan rộng khắp nơi là Phi-líp và Mỹ-sê đã kẻ tất cả : làm thế nào bị phá ổ khoá, họ lấy dụng cụ ở nhà ai, dụng cụ sau đó bị hư. Chỉ đến sáng chúng tôi mới trông thấy viên cảnh sát trưởng đi thẳng đến nhà An-đê kim ngựa trước

cửa, xuống xe. Người nàng dàu An-đệ đứng ở đấy.

— À ! cô kia, cho ta mượn cái đục để sửa bánh xe.

Nàng mang cái đục ra. Đục bị quẩn. Và viên cảnh sát trưởng biết rằng cái đục ở nhà An-đệ đem đến và bị hư. Mỹ-sô đã thử nhận cả.

Y hỏi người thiếu phụ :

— Đục này của chị à ?

Nàng nói :

— Của chúng tôi, của cha tôi.

— Cha chị đâu ?

— Ông xuống vựa thóc.

— Gọi ông ấy lên đây.

Và nàng không biết gì, nên đi gọi bố lên.

An-đệ đến. Viên cảnh sát trưởng lại hỏi gã.

— Này An-đệ, dụng cụ này của ai ?

An-đệ làm ra vẻ chối. Nhưng viên cảnh sát trưởng không chịu. Y ra lệnh cho An-đệ trèo lên xe cùng với y.

Và tôi thấy họ đi thẳng đến nhà chúng

tôi. Tôi nghe thấy xe ngừng ở trước cửa. Hai người tiến về phía lều. Viên cảnh sát trưởng vào và tôi trông thấy : trên cánh tay y có chiếc áo của Đa-ni-lô. Y bảo tôi :

— Chị có biết áo này của ai không ?

Tôi nói :

— Tôi không biết.

Y lấy ở trong túi một chiếc khăn và con dao.

— Và còn những thứ này ? Chị cũng không biết nữa sao ?

— Tôi không biết của ai, không phải của chúng tôi. Nhưng Văn-ka, thằng con lớn của chúng tôi, đang ở gần tôi. Viên cảnh sát trưởng lại hỏi nó :

— Con dao này có phải của bố mày không ?

Nó nói :

— Của bố tôi, nó được đánh bằng một sợi dây sắt. Viên Cảnh sát trưởng lắc đầu và hỏi Đa-ni-lô. Tôi nói :

— Ở sâu. Con ngựa cái sắp đẻ. Chồng tôi ở trong sân với nó.

Quả thế, con ngựa cái của chúng tôi sắp đẻ.

Y nói :

— Gọi chồng chị ra đây !

Tôi gọi Đa-ni-lô và chàng đến.

Viên Cảnh sát trưởng nói :

— Thôi, anh lên ngồi gần tôi và ta đi.

Đa-ni-lô sợ hãi lắm, nhưng phải tuân theo. Chàng trèo lên xe. Trời ơi ! Cảnh nào thảm thương hơn ! Tôi kêu, tôi than van. Văn-ka bám lấy bố. Nó kêu :

— Bố ơi, bố ơi, bố đừng đi ! Mẹ ơi, họ dẫn bố đi đâu đấy, người ta bắt bố đem đi đâu ?

Những đứa nhỏ cũng chạy ra ngoài. Chúng la hét và rên rỉ như những con sói con, mắt chăm chăm nhìn chúng tôi. Biết đồ đứa nào ? Tôi không biết lựa chọn đứa nào nữa. Và còn tôi nữa, tôi thấy buồn khổ trong lòng và xấu hổ đỏ mặt, nhiều người hàng xóm tập trung ở trước cửa nhà chúng tôi.

Viên Cảnh sát trưởng đi cùng với Đa-ni-lô. Văn-ka chạy theo họ. Thằng bé khốn nạn nhận thấy ngay là nó không đuổi kịp được xe. Nó quay trở lại và khóc, tiếng thồn thừ của nó đủ làm tan nát cõi lòng tôi. Tôi chạy vào sân ăn năn đề các người láng giềng khỏi

trông thấy. Con ngựa cái run lẩy bẩy. Nó không đẻ được. Trời ơi ! lại một tai họa nữa ! Nhờ vả, không đâu được và trẻ con vẫn chưa nguôi khóc.

Chúng hãy còn ngoài đường, tôi ra dẫn chúng về và tìm cách dỗ dành chúng. Tôi dỗ được hai đứa bé, nhưng Văn-ka vẫn khóc, nhào đi nhào lại :

— Người ta bắt bỏ tôi bỏ vào đàn ? Người ta dẫn bỏ tôi đi đàn ?

Biết trả lời nó thế nào ?

Cuối cùng buổi tối đến. Phải làm bữa ăn. Làm bữa ăn ? và cho ai ? Người cha không còn ở đấy. Tôi không nghĩ đến ăn : lòng tôi lao đao. Tôi đưa ít bánh cho các con và chúng đi nằm. Về phần tôi, tôi đứng suốt đêm và không chớp mắt.

XIX

Người ta nhốt Đa-ni-lô vào nhà lao. Tôi ở lại một mình với các con nhỏ của tôi. Dù đời sống của tôi có cực khổ, mới sáu mươi lăm tuổi của tôi vẫn là Đa-ni-lô. Ăn cắp, ăn

trộm bay không, tôi vẫn yêu chàng, tôi thương hại chàng, tôi không muốn biết gì hơn nữa. Trong khi chàng đi vắng, tôi thấy sống thật chán nản và cần gặp chàng.

Vì vậy, cùng với thằng con nhỏ tôi lên thành phố. Tôi nhớ thăm: tôi sẽ đến làm vui chàng. Tôi mang lại cho chàng áo lót và bánh trắng do tôi làm. Tôi lên thành phố một ngày thứ tư. Người ta bảo tôi: « Ngày thứ sáu là ngày vào thăm. Ngày hôm nay, không thể được ». Tôi thuê một căn phòng, nhưng lại không có tiền để trả. Ngày thứ năm, tôi liền đi trong các phố ngựa tay ăn xin. Người ta cho tôi vài thức ăn và bằng tiền nhỏ, chín mươi kópéc. Tôi mua bánh mì trắng cho chồng tôi. Sáng hôm sau, tôi đến cửa nhà lao. Ở đấy có những người khác nữa, những bà con họ hàng như tôi đang chờ đợi. Không phải chờ đợi lâu: người ta để chúng tôi vào. Bọn tù nhân đi ra. Tôi chăm chăm nhìn họ: anh Đa-ni-lô của tôi cũng trong bọn họ. Thoạt đầu tôi không nhận ra chàng ngay trong bộ quần áo tù nhân: chàng xanh xao, gầy, như một cái giẻ rách. Tôi càng thương xót chàng hơn.

Chàng nhận thấy tôi và vui mừng. Chúng

tôi đứng gần nhau, nói chuyện. Chẳng nghĩ không thể tránh Tây-bá-lợi-a được.

Tôi nói :

— Ai biết được ? Thượng đế nhân từ ;
Người sẽ thương chúng ta

Chàng nói :

— Không, đó là người ta nói thế. Nhưng việc xét xử không phải là ngay ngày mai. Và em đừng quên anh cho đến ngày ấy.

Chúng tôi nói chuyện như vậy một lúc, không lâu. Tôi đưa cho chàng áo, bánh trắng và bánh mì trắng. Người ta không thể giao thẳng cho chàng những thứ này ; đó là một người lính nhận. Chúng tôi chia tay nhau và tôi trở về nhà.

Chồng tôi qua cả một năm ở nhà lao, chờ đợi ngày xét xử. Cứ mười lăm ngày tôi lại vào thăm chàng. Bao giờ tôi cũng mang cho chàng một thứ gì. Ở nhà, tôi kiếm nuôi tôi và các con tôi nhờ lòng từ thiện của mọi người.

Sau một năm, tôi được tin là Đa-ni-lô bị đẩy đi Tây-bá-lợi-a (1)

(1) Pháp luật bảo vệ nền kinh tế nông nghiệp của nông dân. Vì vậy ăn trộm ngựa bò là phạm những tội nặng. Và bởi thẩm hội, thành lập năm 1864, ở tỉnh, gồm nông dân — đôi khi họ là đa số — thường thường tỏ ra không chút thương hại nào trong những trường hợp này.

Tôi đến gặp chàng.

— Này ! số phận chúng tôi đã định : họ đẩy chúng tôi sang Tây-bá-lợi-a. Bè A-ni-sa, đừng bỏ rơi anh nhé, em yêu hãy đi với anh. Người ta nói rằng ở đây có thể sống được.

Tôi khóc với chàng, nhưng không nói gì và trở về nhà.

Tôi suy nghĩ : « Quyết định thế nào ? Đi với chàng ? Hay ở lại ? ».

Tôi ngập ngừng. Khi tôi nghĩ đến chàng, tôi nhủ thầm : « Mình phải đi với chàng ». Nhưng khi về nhà, tôi nói chuyện đi theo Đa-ni-lô, người ta làm tôi hãi sợ, can gián tôi :

— Đi với trẻ con, chị không nghĩ đến việc này hay sao ? Sẽ giết chết chúng và đối với chàng, chị chỉ là một trở ngại.

Cả mẹ tôi cũng không khuyến khích tôi. Và kia, như tôi chưa có nhiều khổ cực lắm, Thượng đế lại ban thêm cho tôi một đứa con gái nhỏ nữa. Trong một tháng, tôi không gặp Đa-ni-lô, tôi bị ốm. Ngay khi tôi thấy dễ chịu, tôi nhủ thầm : « Bây giờ ta đi thăm chàng ». Một lần nữa, tôi lại đến nhà lao ; đây là sau ngày lễ Phục sinh. Kia Đa-ni-lô đến với tôi, chàng có vẻ chán nản lắm.

Chàng bảo tôi :

— Nay ! Lệnh đã ban bố ; sẽ khởi hành vào tháng năm. A-ni-sa, em nghĩ thế nào ? Em sẽ đi hay bỏ anh ?

— Em sẽ đi với anh.

Từ ngày ấy, tôi thôi không hỏi ý kiến người này người nọ nữa. Tôi đã quyết định : tôi sẽ đi với chàng và đem theo trẻ con. Chúng tôi tính toán cả về ngôi nhà, không quên điều gì. Về nhà, tôi bán hết : túp lều, thửa đất, hai con cừu cái. Tôi thu được sáu mươi rúp, và theo ý kiến của những người đứng đắn, tôi nên làm một đơn thỉnh nguyện. Tôi sẽ nói trong đơn ý tôi muốn theo chồng đi. Hai người đàn bà trong làng chúng tôi cũng cùng đi với chồng họ. Chúng tôi không phải chờ lâu. Người ta chấp thuận đơn của chúng tôi trước ngày lễ Thánh tam vị. Một tên vệ binh đến tìm chúng tôi và dẫn cả ba người đàn bà chúng tôi lên thành phố với bọn trẻ con.

Người ta dẫn chúng tôi đến quận cảnh sát. Người ta đo bề cao và ghi những dấu đặc biệt. Người ta muốn cùng ngày hôm ấy nhốt chúng tôi vào nhà lao. Nhưng chúng tôi xin hai mươi bốn giờ để về nhà lần nữa :

tôi chưa lấy hết tiền bán túp lều. Và mấy người đàn bà kia cũng còn những công việc khác phải thu xếp nữa. Chúng tôi qua cả hai mươi bốn giờ ấy ở làng. Đến buổi sáng, người ta cung cấp cho chúng tôi một chiếc xe và dẫn chúng tôi thẳng đến nhà lao. Đến đây, chúng tôi không phải chờ lâu. Viên giám thị ra và chỉ định chỗ cho chúng tôi : đàn bà và con gái trong khu đàn bà và con trai với đàn ông.

Tất cả đối với chúng tôi đến cực khổ sau đời sống ở ngoài trời rộng, tự do : mùi xú nế, không khí thiếu và trẻ con buồn bã quá. Nhưng việc này không kéo dài. Sau khoảng mười ngày, người ta dẫn chúng tôi đến kho nhà lao và mỗi người nhận được một bộ quần áo tù nhân. Mỗi người đàn ông — Xin cảm ơn Thượng đế về lòng nhân từ của Người — được một chiếc bị, hai quần đùi, hai mảnh vải để quấn chân, một chiếc áo rộng với một con ách vàng ở sau lưng áo và guốc. Đàn bà cũng nhận được : một chiếc áo rộng và một khăn quàng đầu bằng vải. Người ta cũng cho con trai, con gái những thứ đã cho đàn ông và đàn bà.

Tôi để tất cả những thứ nhận được vào trong một chiếc bị.

Văn-ka đến kho cùng với tôi. Tên lính bảo nó :

— Này, nhái ranb, cầm lấy guốc, đôi nào mày thích.

Văn-ka lấy guốc và cả một chiếc áo choàng và quần đùi. Nó xỏ ngay chân vào guốc và mặc áo quần kia. Nó vui vẻ và nói :

— À ! cha con chưa bao giờ kiếm được nhiều cho con thế này !

Nó không nhận thấy con ách vàng ở lưng áo.

Bọn lính cười :

— Mày mới qua ở nhà lao có mười lăm ngày mà đã nhìn thấy tất cả những gì mày đáng nhét rồi.

Chúng tôi mang quần áo của chúng tôi đi. Chúng tôi chẳng muốn mặc những y phục bất buộ này. Nhưng làm thế nào bỏ được ? Thôi ! cần phải cải trang. Và đó là cả cười khóc lẫn lộn.

— Di A-ri-na, nếu dân làng trông thấy chúng ta trong bộ y phục ngộ nghĩnh này, họ ngạc nhiên, di sẽ nói thế nào ?

XX

Chúng tôi sửa soạn khởi hành. Đến hai giờ chúng tôi ra ga. Tôi định đem đi một chiếc nôi cho con bé nhất. Nhưng bọn lính áp giải trông thấy và ra lệnh cho tôi để lại. Theo lời họ, việc này không được phép. Phải tuân theo. Con bé yên dấu của tôi cựa quậy trên tay tôi suốt dọc đường. Trên tàu chật chội. Nhưng từ đây đến Mạc-tư-khoa không xa. Chúng tôi đến sáng hôm sau. Người ta dẫn chúng tôi đi bộ và thúc đẩy chúng tôi đi nhanh từ ga đến nhà lao giam tù nhân bị đưa đi đây.

Đó là một dãy nhà lớn ở cuối một sân, ở trong đống đống tù nhân. Không kể bọn chúng tôi cũng đông, đã có ở đây hơn một nghìn tù nhân rồi. Đây đây người, người ta có thể nói đó là một đàn cừu bị xua đuổi. Tiếng kêu, tiếng ầm ầm. Ai cũng rình kiếm góc tiện lợi nhất để đóng đồn. Và còn kể gì đến những sự xô đẩy, những vụ cãi cọ ! Đàn bà vào sân với trẻ con. Chúng tôi đứng ở đây, chờ người ta chỉ chỗ cho. Bọn lính đến. Họ dẫn tôi và trẻ con vào một gian phòng. Bước vào, tôi nhìn

mãi, không có một chỗ nào trống. Những tấm ván dùng làm giường cũng như sàn đất đều đầy người nằm. Và những tiếng kêu : « Lại còn người nữa ! Chúng tôi giãm người này lên người nọ ». Ở một phòng khác, cũng vẫn cảnh này. Chúng tôi bị xô đẩy, chen lấn khắp tứ phía. Cuối cùng người ta lại dẫn tôi ra sân. Ở đấy, chúng tôi qua đêm.

May mắn trời nóng. Chúng tôi nằm xuống đất.

Cứ như vậy, chúng tôi qua năm tuần lễ ở ngoài trời. Hàng ngày, quân lính lại đẩy vào nhà lao thêm một số tù nhân mới ở khắp nơi đến. Và các phòng đều chật ních. Vì vậy chúng tôi phải sống ở ngoài sân. Đôi khi, trời xấu, chúng tôi ăn náu vào hành lang. Nhưng ở đấy có mười thùng đổ rác. Và mùi xú uế làm người ta nghẹt thở. Và người ta chen chúc chặt chội quá. Không sao nằm được. Phải ngồi. Còn trẻ con, họ để chúng ngã lưng lên sàn nhà sao cũng được. Và dù như vậy, người gấp lại làm hai chúng cũng không sao chợp mắt được. Suốt đêm, người ta giãm lên chúng, xô đẩy chúng và hành hạ cả chúng nữa. Đối với trẻ con thật là điều tàn tệ quá. Người ta kể cho chúng tôi biết không mấy người đàn bà lại không mất trong nhà lao

này, một hay hai đứa trẻ. Mỗi ngày, có hàng năm, mười đứa ốm. Người ta dẫn chúng đến bệnh viện.

Như những người khác, tôi cũng chẳng được miễn trừ. Tôi đã hồi hận cùng đi, nhưng không còn cách nào trở lại. Thoạt đầu có hai đứa trẻ con của hai người đàn bà trong làng, rồi đến con Đắc-ka của tôi cũng lần ra ốm. Con sốt như thiên đốt nó. Nó kiệt sức. Tôi không muốn cho nó vào nhà thương. Điều đó ai cũng biết, đã vào ít người ra. Nhưng viên y sĩ qua thăm. Ông hỏi :

— Trẻ con có ốm không ?

Chúng tôi trả lời « không ». Và khi ông vào, chúng tôi cố làm cho trẻ con cười đùa.

— Như thế là nghĩa lý gì, như thế là các người giấu thầy thuốc con cái các người ốm hay sao ? Nếu trái với ý muốn của các người, sẽ không đưa chúng vào bệnh viện, chỉ khám không thôi. Sẽ cho chúng thuốc và chúng sẽ khá hơn.

Có ngày, một người đàn bà trong bọn chúng tôi tin tưởng như thế, nên nói :

— Con tôi đau thật.

Viên y sĩ khám đứa bé, rồi đến phía tôi.

Ông nói :

— Cả con chị nữa à ?

Tôi cũng thú thật là đúng. Viên y sĩ khám mấy đứa bé, ghi nhận và đi.

Chúng tôi nghĩ người ta sẽ gửi thuốc hoặc giúp chúng tôi điều gì khác, nhưng đó là một chiếc xe lớn đến. Người ta gọi tên chúng tôi và ra lệnh cho chúng tôi trèo lên với mấy đứa bé. Người ta lên mười người đàn bà và thêm trẻ con vào xe, và nhờ mẹo này, họ dẫn chúng tôi đến nhà thương.

Và còn những đứa trẻ kia ở lại ? Tôi muốn đem chúng đi cùng với tôi, nhưng họ ngăn.

— Chúng ta sẽ ra lệnh cho chồng chị coi sóc chúng.

Tôi nhủ thầm : « Làm thế nào chàng trông coi được chúng ? À ! tại sao mình lại thú thật là con bé ốm ! ».

Tôi tự trách mình. Nhưng biết làm thế nào ? Đình chị, như vậy họ dẫn chúng tôi đến bệnh viện và tôi ở đấy với Đắc-ka. Ở đây có nhiều đàn bà, tất cả với bọn trẻ ốm. Lúc đầu, tôi sống với mấy người bạn gái trong làng. Dù sao cũng còn vui hơn. Nhưng không mấy lúc cả hai người đều chết. Và tôi ở lại một mình.

XXI

Mười lăm ngày sau, đến lượt con Đắc-ka của tôi chết. Nó rên la suốt trong hai tuần lễ, không ăn gì, và sau không chịu đứng được nữa. Nó yếu dần, nhưng bỗng một ngày kia, nó nguôi dịu. Rất vui mừng, tôi nghĩ : « Nó đỡ ». Tôi muốn làm nó cười và bảo con bé :

— Đắc-ka, chúng ta chơi trò con khươn nào (1).

Thật Đắc-ka ngoan ngoãn lần cuối cùng này !

Nó chơi trò con khươn và vỗ tay theo nhịp. Tôi vui mừng hết sức. Tôi nghĩ : « Xin cảm ơn Thượng đế », nhưng bỗng tôi nhìn thấy gì ? Nó hấp hối, bắt đầu nấc. Ô ! còn nỗi buồn nào hơn trông thấy thế này !

(1) Trò chơi trẻ con. Mẹ bảo con : « Con khươn, con ăn cắp, đã làm bột nhào. Nó nuôi các con nê. Nó cho con này » (người ta cầm bàn tay đứa bé, ngón này sau ngón nọ, bắt đầu bằng ngón út), « cho con này, cho con này... nhưng không cho con kia », v.v... (người ta bẻ ngón tay cái ra và lần lần lên cánh tay, cứ dần dần đưa bé).

Người gáo bệnh nhân đến. Nhìn qua, họ nói :

— Hồng rồi. Phải lau rửa, mặc quần áo cho nó.

Mụ xé cái áo lót và định mang Đắc-ka đi. Và con bé yêu dấu của tôi còn nấc lên ba cái nữa và nước mắt nó còn chảy.

— Thương đế ơi ! Con tôi còn sống ! Hãy chờ để tôi lau người cho nó.

Nhưng mụ nói :

— Bây giờ hồng, hồng rồi.

Mụ cướp lấy con tôi và định đặt nó xuống hầm. Nhưng tôi yêu cầu mụ để cho tôi chấp hai bàn tay nhỏ bé và khép cặp mắt xinh đẹp của con tôi lại.

Tôi vừa cất tiếng khóc thì mụ kêu lên gay gắt :

— Ở đây, không được phép.

Và mụ ẵm con tôi và mang xuống dưới. Tôi chạy theo :

— Báo gác, báo để cho tôi vào nhà thờ, khi người ta làm lễ cầu hồn.

Mụ nói :

— Người ta sẽ báo tin cho chị biết.

Tôi làm giấy tờ thường lệ để rời bệnh viện. Hai ngày sau, tôi hỏi mẹ gác :

— Bà gác, bao giờ tôi có thể đến nhà thờ được ? Tôi có thể nhận diện con tôi trong số những xác khảo.

Mẹ nói :

— À ! chị nói vừa kịp : người ta đã mang nó đi và chôn ngay hôm chị nói với ta.

Tôi liền nói :

— Tại sao có sự nói dối như vậy ?

Và mẹ nói :

— Nếu người ta không nói dối chị, không bao giờ tránh nước mắt của chị được.

XXII

Đời sống ở Mạc-tư-khoa thật cực. Điều lệ như sau : hai lần một ngày. súp cải, bánh, bột nhào. Về một đĩa trái, một liu bánh trắng hoặc bột gạo và một bình sữa. Nhưng những thức này còn rải rác ở dọc đường. Súp cải không nuốt được ; thường thường bánh không chín : mới chỉ là bột nhào. Còn về sữa, trẻ con ăn không tiêu. Nó bị pha nước và chẳng còn đặc chút nào. Nhiều người có một số tiền và ưng tự cung cấp thức ăn lấy. Họ uống nước

trà. Có tiền, thứ gì cũng mua được ở nhà lao. Ngay cả rượu vó-ka. Một số tù nhân đàn ông có tiền. Và nữa còn những tặng phẩm của những nhà từ thiện, quà của những nhà buôn phước đức gửi đến : bánh mì trắng, thịt bò, bao tay ấm áp. Tất cả đều không đến nơi, thí dụ thịt : người ta nghe thấy nói đến, nhưng không bao giờ trông thấy.

Về thức ăn, thôi còn tạm được. Điều cực nhọc nhất là phải chịu đựng, đó là sự chật chội và mùi xú uế. Nếu vào khu đàn ông, người ta sẽ không biết xoay trở thế nào : đầu đầu cũng những thùng đầy rác rưởi. Không sao thở được nữa. Không một người nào không có rận, những con rận lớn tới chưa từng trông thấy tấn công. Đi tắm chẳng ? phải, nhưng ở đây cũng phải trả tiền. Mùa nóng đến và sống ở ngoài sân trở thành không chịu được nữa. Những bức tường nóng cháy như thiên đốt tay. Bụi, không khí nặng nề ; còn về nước, người ta đo lường cho chúng tôi.

Chúng tôi lựa một chị trong bọn làm thủ lãnh. Chị ấy phải phụ trách về nước. Có lúc thiếu nước để rửa ráy và giặt quần áo. Trẻ con chết mỗi lúc mỗi nhiều. Chúng chết vì nóng bức. Người ta than phiền việc này. Chính

quyền cho chỉ thị và người ta bắt đầu tưới nước sân với những vòi chữa cháy. Linh chữa lửa thỉnh thoảng lại, và họ chia vòi tưới vào. Chúng tôi xếp trẻ con đứng dưới tia nước cốt ý cho chúng được mát mẻ. Những tù nhân khổ nhất là bọn đàn ông, xiềng xích ở chân, nhốt trong các phòng. Đời sống thật cực khổ đối với họ.

XXIII

Lễ Tam vị nhất thể qua, nhà lao dần dần vắng. Những đoàn tù nhân tiếp nối nhau đi. Họ dẫn họ về hương Nit-ni (1).

Ngày ấn định cho đoàn chúng tôi khởi hành đã đến. Không may, tôi lại đau bụng. Không còn cách nào nấn ná ở lại được ; mặc dầu là ốm, tôi cũng đi. Lần này nữa họ cũng dẫn bộ chúng tôi ra ga. Nay chúng tôi không quen đi bộ nữa nên thật may mắn chúng tôi đến được đấy. Có ba người đàn ông yếu quá người ta phải gửi đến bệnh viện, coi như là chết. Họ dẫn chúng tôi vào những xe có bọc lưới sắt.

(1) Nijni-Novgorod (nay là thành phố Gorki) trên bờ sông Volga.

Xe lửa đưa chúng tôi đến Nít-ni trong hai mươi bốn giờ. Người ta lôi chúng tôi ở các toa xe lửa ra và thúc tiến vào nhà lao ! Nhà lao ở đây lại tồi tệ hơn cả ở Mạc-tư-khoa. Các phòng chật và thấp. Nhưng chúng tôi vui mừng là họ để cho vợ chồng được xum họp. Người ta xếp ba gia đình trong một phòng. Ngày thứ ba, họ đẩy chúng tôi ra bờ sông và cho chúng tôi xuống một chiếc sà-lan lớn.

Chiếc sà-lan thật lớn. Nó được cột vào chiếc cầu bằng dây xích và không thể cập bến được. Vì vậy họ chuyển chúng tôi lên những chiếc xuống. Phải leo lên sà-lan. Từ sà-lan, người ta thả xuống một chiếc thang sắt buộc vào boong cầu. Nhưng trong cầu rất cao mà xuống lại rất thấp. Và thang lại không có tay vịn. Thật ra thì có một cái cọc ghim xuống boong người ta có thể bám vào đấy. Trẻ con leo lên thang, nhưng tay chúng ngắn quá không với được chiếc cọc, trông cảnh này thật khó coi. Vì vậy bọn lính có nhiệm vụ áp giải tù nhân đã nắm lấy chúng khi chúng lên tới cao và ném chúng xuống boong như những con chó nhỏ. Tôi nhớ thêm : « Kia chúng khỏe mạnh cả. Đó là Chúa đã giữ chúng trong cánh tay Người ! Xin cảm ơn Chúa ! »

Ở đây sa-lan có một buồng rộng với những ghế dài để nằm, xếp xung quanh. Ở sàn có hai lỗ được đục trông như hai giếng nước, vì cần thận nên được bao bọc bằng lưới sắt. Trần và vách quét hắc ín. Trời ơi ! Ban đêm người ta mới chật chội làm sao ! Chúng tôi có chín trăm người tất cả. Ban ngày ở trên boong, nhưng ban đêm ở dưới. Và nữa thức ăn lại tồi. Người ta chỉ có thể sống vật vờ được nhờ thức ăn mua ở các bến khi tàu đỗ. Tàu thường ngừng lại khi có cần tàu và người ta cho biết chúng tôi được phép lên mua thức ăn. Người ta có thể mua được tất cả các thứ : cá mòi, các thứ cá khác, bánh mì trắng, dưa hấu. Tỉnh thoảng, Đa-ni-lô mua một quả dưa hấu để mua vui cho trẻ con. Về phần tôi, tôi chẳng chịu đựng được cái gì — tôi ốm lên miên. Khi chúng tôi trông thấy Péc, tôi cảm như sống lại. Nhưng trẻ con lại mắc một chứng bệnh : chân của Văn-ka và Ma-sa bắt đầu làm chúng đau đớn.

XXIV

Chúng tôi đến Péc. Chúng tôi lên bờ và phải đi bộ đến trạm nghỉ. Tôi đi trước, các

đưa nhỏ theo sau, tùy sức của chúng, vừa đi vừa khóc. Tôi muốn khai là chúng ôm nhưng lại sợ họ cho chúng vào nhà thương. Tôi cố làm tất cả theo sức mình: khi tôi bồng bế chúng, khi tôi khuyến khích chúng. Nhưng tôi không thoát được con mắt của các viên y sĩ. Khi điểm danh trẻ con, họ nhận thấy tình trạng của chúng. Người ta kêu một bác sĩ đến và đưa mấy đứa con tôi vào nhà thương cùng với tôi.

Người ta đưa chúng tôi đi bằng xe. Viên giám thị dẫn chúng tôi vào. Ở đấy có một mu di-gan (1) nằm, tóc xõa, mắt như lò ra ngoài. Mu kêu những tiếng chẳng ai hiểu gì.

Viên giám thị hỏi :

— Ở đâu có một chỗ bỏ không ? Cần một chiếc giường.

— Thưa ngài không có, tất cả đều có người.

— Cần lấy một giường trống.

— Vậy có thể là giường kia. Có thể lấy được. Người đàn bà nằm ở đấy vừa chết. Như vậy là có một chỗ trống.

(1) Tziganes : như Bohémien ở Trung Âu, họ sống lang thang nay đây mai đó.

Và người ta chỉ một chiếc giường tồi tàn trên có một người đàn bà chết.

Viên giám thị nói

— Thôi ! mau lên, bỏ đi !

Ngay lúc ấy, họ kéo xác chết đến phòng ngoài. Đó là một người đàn bà có tuổi, tóc hoa râm. Người ta đặt một viên gạch xuống dưới đầuศพ. Và họ bảo tôi :

— Đó, giường đấy. Chỉ đặt xác của chị vào.

Tôi đứng như chôn chân ở đấy, không xoay quảy. Bỗng khẽ kêu ngời ngời : khăn trải giường và gối đã rụng vào xác chết, làm thế nào dùng cho trẻ con được ?

Tôi nói :

— Thưa ngài, chúng tôi ba người; giường chỉ có thể để cho một người, xin để cho chúng tôi đi. Xin cho chúng tôi được trở ra. Cháu chúng tôi sẽ tự thành sẹo.

Viên giám thị nói :

— Không thể được, không sao được ! Chỉ qua một tuần lễ ở đây và trẻ con sẽ khỏi.

Y đi ra. Tôi òa khóc. Ma-sa bảo tôi :

— Nay mẹ, tại sao mẹ buồn phiền như thế ? Con bé cũng khóc, nước mắt nó rơi xuống nặng và mau như hạt mưa đá.

— Bé yêu của mẹ, nếu mẹ biết trước được

những sự đau đớn của các con, mẹ đã không rời nhà đi. Nhưng mẹ lại thương hại cha các con.

Mu Đì-gan bắt đầu kêu, càng làm trẻ con sợ hãi thêm. Văn-ka hãi sợ ghi chặt vào tôi và chân đau làm nó khóc. Tôi đặt hai con tôi lên giường, nhưng rém khăn trải giường đi. Tôi nhủ thầm : « Phải phơi ra nắng ». Tôi xin ăn.

Mu lao công đem lại một thức ăn gì tồi quá, tôi không sao nuốt được. Trẻ con không ăn gì cả.

Chúng tôi qua chín ngày ở nhà thương, không biết bao giờ họ đuổi chúng tôi ra. Ngày thứ mười, Chúa thương chúng tôi. Tôi xin cho chúng tôi được ra. Tôi nói :

— Trẻ con đã khá hơn.

Họ để chúng tôi đi. Chúng tôi ra. Trẻ con vẫn ở tình trạng như trước : may lắm chúng mới đi được.

Tôi khẽ bảo chúng, vì tôi sợ họ lại bắt chúng vào nhà thương nữa :

— Này ! các con yên dần, các con hãy cố gắng đi mau hơn.

Khi chúng tôi đi được một quãng, chúng tôi ngồi xuống nghỉ. Rồi chúng tôi lại đi và

cuối cùng chúng tôi đến nơi. Kìa, tất cả bà con chúng tôi ai ai cũng vui mừng thấy chúng tôi về. Đa-ni-lô bảo tôi :

— Đời sống chán quá. Va-ta chẳng để anh yên chút nào : « Va mẹ, bao giờ mẹ về ? » Va nó không ngọt khóc.

XXV

Sau đấy chúng tôi có được ít ngày sung sướng, vào khoảng một tuần lễ. Sau nhà thương, ngay nhà lao Péc đối với tôi cũng là một nơi nghỉ ngơi rất tốt. Sau tám ngày, chúng tôi lên đường. Từ Péc đến Tô-bốc (1) cuộc hành trình đi bằng xe. Đến đây chúng tôi mới thật khổ sở ! Khổ sở hơn tất cả trong đời chúng tôi.

Giờ khởi hành đến. Người ta tập hợp chúng tôi lại và điểm danh. Mười tám chiếc xe đã sẵn sàng. Trên mỗi xe có sáu tù nhân, hai người lính và số nhiên thêm người đánh xe

(1) Thành phố Perm ở bên này dãy núi Oural, thành phố Tobolsk ở phía bên kia, ở Tây-bá-lợi-á. Đường hỏa xa xuyên qua Tây-bá-lợi-á mãi năm 1897 mới hoàn thành.

nữa. Tôi nhân bị xiềng xích, sáu người vào một xích. Chúng tôi và trẻ con được tự do cử động.

Mọi người lên xe và khởi hành. Thoạt đầu mọi việc xem ra êm ả. Và bọn trẻ con vui quá! Xe tốt, có chuông, có nhạc, chẳng khác gì xe đám cưới. Cuộc hành trình kỳ thú lắm đấy. Nhưng khi bọn đánh xe thúc xe chạy không lưu ý gì đến những sự lay động, thì đó lại là một chuyện khác. Việc thảm hại là chúng cho xe chạy nhanh quá, không ngừng vì lý do gì nữa. Có cần phải đi đại, đều đều, vậy tại chúng cũng vô ích, chúng không muốn nghe và sáng thức ngựa chạy mau hơn. Và còn bọn trẻ thế nào?

Mặc dầu cầm chặt tay giữ chúng trên thành xe lúc cần thiết, vẫn phải chăm chú nhìn: bất cứ lúc nào, chúng cũng có thể rơi xuống được. Thật là hết hơi khi đường gồ ghề và có hố. Những tên đánh xe không quan tâm. Chúng đi một trăm dặm mỗi ngày.

Cứ hai mươi lăm dặm lại có một trạm: những xe khác đã chờ sẵn sàng để đi. Người ta chuyển các bị hành lý. Lên xe rồi lại tiến. Đến trạm thứ hai và thứ ba, tôi lại gần Đani-lô và hỏi xem chàng thế nào.

Chàng nói :

— Thật là đau đớn ngồi trên xe. Bị lắc quá ! Dây xích làm đau kích khằng : chúng tôi người này kéo người nọ.

Tôi còn muốn nói chuyện nữa khi tình hình tôi thấy người ta khởi hành. Một người đàn bà không có con đã ngồi vào chỗ tôi trên xe. Tôi lại gần và leo lên. Người trạm trưởng đến. Y đếm :

— Có một người thừa.

Nhưng y không để ý đến tôi và xách thùng nhỏ đi. Người ta đặt Văn-ka vào một xe khác. Xe này cũng chật như những xe khác. Tôi kêu, nhưng chẳng ai nghe tôi và họ khởi hành. Tôi trông thấy Văn-ka bị chen lấn, ngay ở thành xe, bàn tay nhỏ bám vào lấy. Nó sắp rơi xuống, chắc chắn. Và quả thế, khi đến quãng đường gấp ghe, nó rơi xuống. Tôi hoảng hồn hét sủa.

Tôi kêu :

— Các ông nội ơi, Văn-ka rơi rồi !

Tên đánh xe cũng chẳng bấm xe, một người lính nhảy xuống, nắm lấy Văn-ka và ném lên xe.

Tôi chán nản quá chừng. Tôi cá khèo. Bè bạn tìm cách an ủi tôi :

— Chị nóng nảy làm gì ? Thôi thế đủ rồi. Nó không chết mà !

Tôi chạy lại con thăm tôi ngay khi chúng tôi đến một trạm mới.

— Con trai bé của mẹ, thế nào ? Con có đau không ?

— Không có gì, mẹ ạ, nhưng con sợ quá.

XXVI

Mưa cũng gây cho chúng tôi phiền muộn không phải ít. Ngày này sang ngày nọ, mưa liên tiếp. Bất cứ đến trạm nào cũng thế : quần áo chúng tôi ướt đầm, sương nước như vua vọt ở trong bồn ra. Và ngay lập tức phải trả lời về điểm danh. Trong khi người ta kiểm điểm xem chúng tôi có ở đấy tất cả không, chúng tôi vẫn phải phơi dưới trời mưa tầm tã và còn về những nguyên do khác nữa. Trẻ con run lập cập. Người ta mở những bọc ra. Người ta lục soát tất cả. Chúng tôi có kéo, dính, quần bài 'không ? Nếu có, sẽ bị tịch thu.

Những đứa trẻ, cóng lạnh, run lẩy bẩy

trong quần áo. Tôi ôm ghi hết đứa này đến đứa họ trong lòng tôi, để cho chúng khỏi phải ngấm thân dưới nước. Còn nỗi khổ cực nào hơn !

Điểm danh xong, chúng tôi vào phòng. Không còn chỗ, tất cả những tấm ván đều có người chiếm. Những người không có gia đình, đỡ bồi rồi, chiếm đầu tiên. Biết làm thế nào ? đành phải nằm xuống đất. Tôi trải quần áo ướt của trẻ con để thay giường cho chúng. Tôi đắp cho chúng cũng bằng quần áo ướt : tất cả đều ẩm ướt. Suốt đêm chúng rét run. Không sao làm cho chúng nóng ấm được. Nhưng ít nhất chúng còn được ngả lưng. Đêm không phải là đêm cho khắp mọi người. Đối với tôi, đêm thật không phải là đêm, tôi qua suốt đêm để che đậy cho các con tôi, để giặt, nói tóm lại để làm đủ mọi việc. Ngày đến, lại khởi hành nữa và tôi thiếu thời giờ để làm tất cả những gì cần phải làm.

Chúng tôi đi như vậy trong suốt một tuần. Gần đến Ti-ô-men (1) thì xảy ra tai họa cho Đa-ni-lô. Tên lái xe có chồng tôi ngồi trên say rượu. Đến chỗ quặt, y thúc ngựa, chạy

(1) Thoumène, một thành phố nhỏ ở hướng Tây Tây-bá-lợi-á.

trại đường và đâm thẳng vào một mô đất. Tất cả mọi người đều bị hất xuống đất.

Nhưng tất cả tù nhân đều bị xiềng xích vào nhau. Họ không sao thoát ra được. Người này bị thương ở chân, người khác ở tay. Đa-ni-lô bị thương ở đầu. Vết thương nặng. Tôi không trông thấy tai nạn. Tôi tưởng, nếu tôi trông thấy, lòng tôi chắc phải tan nát.

Đến Ti-ô-men, Đa-ni-lô kể cho tôi nghe tất cả. Chẳng than phiền là đau đau. Nhưng chàng không nói chuyện này với các nhà chữa trị: ngay cả chàng cũng không muốn vào bệnh viện.

Hai ngày qua đi như vậy mà chàng không đỡ đau chút nào. Vết thương của chàng chắc phải nặng. Các bạn chàng nhắc đi nhắc lại với chàng :

— Nay, Đa-ni-lô, tại sao anh chịu đau đớn như vậy, tại sao anh lăn xuống đất ? Thôi vào nhà thương đi ! Ở đấy, ít nhất anh cũng có một chiếc giường để ngả lưng.

Tôi nói thêm :

— Vãn-ka cũng ốm. Nếu ở nhà thương dễ chịu, anh sẽ cho bằng bé theo anh.

Sáng hôm sau, khi trở dậy, Đa-ni-lô ốm lắm. Chàng thấy đau ở đầu nhiều.

Chàng nói với viên giám thị ở nhà lao. Người ta ra lệnh cho đưa chàng đi. Chàng nói

— A-ni-sa, em dẫn anh đến nhà thương ngày mai, em đưa Văn-ka vào.

Chúng tôi đến nhà thương. Chúng tôi ngồi trên một chiếc ghế dài ở hành lang. Một người lính canh vào.

— Máy muốn gì ? Nằm giường hay ngủ đất ?

Như thế có nghĩa là phải chờ tiền cho viên giám thị.

Đa-ni-lô nói :

— Như vậy là tất cả mọi người đều có giường và tôi chỉ có sàn đất phải không ? Như thế là nghĩa lý gì ?

— Thôi, hay lắm, tiền lên !

Người ta cởi xiềng xích cho chàng. Người ta cho chàng một chiếc áo và chỉ cho chàng chiếc giường. Đa-ni-lô nằm xuống, nhận thấy chiều dài giường chàng nằm và nói

— Không đến nỗi lắm. Anh sẽ nằm dễ chịu như thế này trong hai mươi bốn giờ. A-ni-sa, mai em lại thăm anh. Và nếu dễ chịu, em sẽ dẫn Văn-ka đến.

Tôi hứa sẽ lại và đi.

XXVII

Tôi trở lại lúc mười giờ. Nhưng viên giám thị không để cho tôi vào. Y bảo tôi :

— Trở lại đây lúc bốn giờ.

Bốn giờ tôi trở lại. Tôi vào. Đa-ni-lô nằm ngửa. Khăn trải giường phủ lên mặt chàng.

— Đa-ni-lô ! ơ ! Đa-ni-lô !

Không một cử động. Tôi lắc chàng. Chàng không nói gì.

— Thôi, đừng đùa nữa. Anh không bỏ được cái trò khôi hài vụng về à ? Được lắm, anh hấp hối đấy. Nhưng em trông thấy rõ chân anh sục quấy !

Tôi nói đùa như vậy.

Tôi kéo tấm khăn trải giường. Tôi thấy gì ? Môi chàng xám ngắt, bàn tay vàng hệnh, móng tay xanh. Tôi kêu lên :

— Chúa ơi ! chàng sắp chết !

Người lính bảo tôi :

— Chàng mê hoảng suốt đêm, bò dưới các giường, các bàn. Luôn luôn chàng tìm một thẳng

bé Văn-ka nào đó. Chàng gọi nó ở khắp chỗ và bày cho chúng ta một trò nào nhiệt vui vẻ. Chẳng Văn-ka đó là ai?

Tôi đáp.

— Đó là con chúng tôi.

Lòng tôi xáo trộn. Tôi bảo tên lính:

— Chẳng tôi sắp chết. Anh để cho tôi qua đêm ở đây với chàng.

Y nói

— Tôi muốn lắm, nhưng không được. Cái đó cấm.

Không còn làm thế nào được. Tôi trở về nhà lao. Tôi muốn may cho chàng một chiếc áo để chôn chàng. Tôi bảo trẻ con:

— Nay các con, bố các con sẽ chết hôm nay. Chắc chắn thế.

Chúng tôi cùng khóc, rồi trẻ con đi nằm.

Còn tôi, tôi ngồi ở cửa sổ. Tôi không ngủ được. Như có vật gì đẩy tôi đến với chàng. Tôi buồn bã nghĩ thầm: « Làm thế nào để chàng chết một mình được? Nếu mình có ở đây, ít nhất chàng cũng dựa vào được điều gì. »

Tôi ngồi lâu mãi ở cửa sổ. Tôi nghe thấy lính thay phiên gác. Ngày đã đến. Và tôi

trông thấy gì trước mặt tôi ở ngoài sân? Hai chiếc cang phủ vải.

— Có phải Đa-ni-lô không? Có thể nào chàng đã chết?

Hai chiếc cang đi ngang qua cửa sổ. Tôi nhìn: trên một chiếc cang, đúng là chàng, nằm duỗi dài và đã chết.

XXVIII

Tôi xoắn vặn tay: « Chúa ơi! người ta mang chồng con đi ». Tôi nhảy bổ ra cửa. Bọn lính canh chặn tôi lại. Chúng hỏi:

— Mày đi đâu?

— Các anh bạn, hãy để cho tôi đi. Chồng tôi chết; để cho tôi đi, người ta vừa không chàng đi.

— Cấm ngặt. Cút đi!

Tôi trở về. Tôi n mô chẳng biết gì. Tôi không thể khóc được. Lòng tôi tan nát. Tôi đánh thươ Ma-sa.

Tôi nói:

— Này con, Ma-sa.

Con be mờ mắt và hỏi tôi, như trong giấc mơ :

— Có gì thế mẹ ?

— Ma sa, bố con chết rồi.

Và khi tôi nói những lời này thì Chúa dành cho tôi nước mắt.

Nó cầm tay tôi và nhìn qua cửa sổ. Nó nghĩ, có lẽ, nó còn nhìn thấy bố nó, người ta khiêng qua lăng nữa. Đáng lẽ tôi không nên đánh thừ nó vì tuổi nó còn non nớt. Nhưng tôi lẽ loi quá và con tôi lại hiểu biết nhiều ! Chúng tôi vẫn chia xẻ buồn vui với nhau. Chúng tôi cùng khóc.

Buổi sáng hôm đó, người ta điếm danh. Viên giám thị hỏi :

— Chị nào là vợ tù nhân Vóc-sô ?

Tôi nói :

— Tôi.

— Vóc-sô dặn ta bảo chị rằng chị phải sống và sống lâu không có anh ấy (1).

Tôi thôn thừ khóc. Tôi ôm các con tôi và rên rĩ. Có sẵn gì sự cảm đoán ? Và tôi nói :

— Bạn của em, anh yêu dấu của em, bạn

(1) Lời nói có nghĩa là : « chồng bị chết ».

thân mến của em, anh đưa em đến đất xa lạ và anh bỏ em ở đây. Và nay em lẽ loi với đàn trẻ nhỏ dại. Nếu em biết, nếu em có thể biết được, em đã ở lại làng.

Tiễn con kêu gào. Xung quanh chúng tôi có những người khờ. Và tôi, tôi lại than van :

— Tôi phá tổ ấm của tôi dần dần. Nay tôi trở về làng làm gì ? Tôi biết nương vào đâu ? Tôi biết tựa tay tôi vào đâu ? Tôi chẳng còn gì nữa.

Người vợ viên giám thị vào. Tôi chào mẹ.

— Thưa bác, xin phép bác cho tôi vào nhà nguyện với trẻ con để nhả lại xác chồng tôi.

Mẹ nói :

— Hãy chờ. Người ta sẽ gọi chị đến nhà thờ, khi nào có đủ mười cỗ áo quan.

Tôi chờ. Một ngày, hai ngày trôi qua. Ngày thứ ba, tôi lại nhắc lại lời cầu xin. Và cũng như lần trước đối với Đắc-ka :

— Hơi muộn một chút để tìm anh ấy ở nhà nguyện. Người ta chôn anh ấy lâu rồi.

Tôi nói :

— Thế nào và lời hứa của bác ?

— Và thế nào nữa ?

Và tôi lại nghe thấy họ trả lời tôi :

— Nếu người ta để cho chị đến, người ta không thể ngăn nước mắt của chị được.

Tôi nói :

— Có lẽ người ta cũng chẳng làm lễ cầu hồn cho người chết ?

— Làm rồi, lễ cầu hồn cho tất cả mọi người chết. Người ta không thể làm khác được.

XXIX

Tôi có một mình trên đất xa lạ với những trẻ nhỏ. Tôi bởi mãi đầu óc, chẳng biết làm gì. Có những người tử tế bảo tôi :

— Nếu chị muốn, bây giờ chị có thể xin trở về xứ.

Và họ cắt nghĩa cho tôi phải làm thế nào. Tôi nghĩ : « sống ở đây làm gì ? Dù sao ở nhà vẫn hơn ». Viên giám thị đi qua đấy. Tôi hỏi :

— Thưa Ngài có cách nào cho tôi trở về làng tôi không ?

Y nói :

— Tại sao không ? Có thể được.

Lệnh ban ra, sáng hôm sau, lấy lại những quần áo. Chúng tôi nhận được của nhà nước và trả quần áo cho chúng tôi. Tôi mặc quần áo cho trẻ con và tôi thì dùng quần áo cũ. Người ta bảo tôi :

— Chị trông thấy anh lính kia. Hãy theo anh ấy đến sở cảnh sát. Ở đấy người ta sẽ cấp giấy phép cho chị.

Sở Cảnh sát cách đây ba mươi dặm. Và trẻ con vẫn đau chân. Tôi nhủ thầm : « Làm thế nào đi được đoạn đường này ? » Và còn hành lý của chúng tôi ? Người ta ra lệnh cho chúng tôi phải mang đi.

Phải tuân theo lệnh này. Chúng tôi lên đường. Trẻ con không đi được. Chúng khóc. Chân chúng không đi được.

Trong cuộc hành trình này chúng làm tôi mệt nhọc biết bao ! Lúc tôi bỗng bế đứa này, đi lên hai dặm, lúc lại đưa khác. Rồi tôi lại để chúng ngồi xuống, trở lại xách các bị hành lý. Cứ như thế suốt dọc đường. Riêng có Ma-sa khỏe mạnh giúp đỡ được tôi, nó mang những bọc có thể mang được.

Tên lính thúc đẩy chúng tôi :

— Ê ! này đi, mau lên chớ ! Nếu không, bao giờ đến ?

Tôi nói :

— Anh bạn, làm thế nào đi mau hơn được với lũ trẻ ? Và toàn những trẻ đàn ốm, anh trông thấy đấy. Và cả tôi nữa, chúng làm tôi mệt nhoài.

Tên lloh nói

— Với những đứa trẻ này, chị xin về xư là điều lắm lắm.

Tôi hỏi :

— Tại sao ?

— Còn lâu chị mới đi được. Làm giấy tờ mất nhiều thì giờ lắm.

Tôi nghĩ : « À ! đến đâu hay đến đấy ». Cuối cùng, đến sở cảnh sát. Họ ghi tên chúng tôi. Họ bảo tôi :

— Bây giờ, chị có thể đi.

— Và đi đâu ? Tôi nghĩ họ dẫn chúng tôi về nhà ?

— Ê ! không ngay lúc này.

— Nhưng tôi biết đi đâu ?

— Chị đi đâu ? Nhưng chị muốn đi đâu thì đi.

Tôi cả khóc. Tôi trốn tránh ở đâu? Trở lại nhà lao? Không còn cách nào khác. Nhưng kia trời đã tối. Tôi nghĩ thêm: « không bao giờ tôi đến được ». Tôi hỏi thăm. Người ta chỉ cho tôi đến nơi nào và thuê một chiếc xe chở chúng tôi về nhà lao. Chúng tôi đến. Tôi gõ cửa. Người gác ra.

— Chị muốn gì?

— Nay bác, để cho tôi vào với lũ trẻ. Nếu không, tôi biết đi đâu?

Viên giám thị ra và nói:

— Không thể được, chị đã được ghi là phung thích.

Như vậy là cả nhà lao cũng đóng cửa không để tôi vào.

— Xin ngài hãy để cho tôi và lũ trẻ qua đây một đêm thôi. Chúng tôi không có một nơi nào ăn náu.

Y nhắc:

— Không thể được. Chị hãy thuê một căn phòng.

Tôi thôn thốc khóc. Tôi ngồi lên đồng bị. Xung quanh tôi, trẻ con cũng khóc.

— Chúa ơi! biết bao nỗi đau đớn phải chịu đựng! Biết đi đâu với trẻ con?

Và tôi rẽ rời đàn đon. Viên giám thị liền bảo :

— Ê ! nếu đã như thế, chị lại nhà tôi, gọi bà chủ Na-ta-li Séc-ghi-e-na và nói : I-văn An-đê-vít bảo cho chị và lũ trẻ ở.

Tôi quỳ xuống chân ông tạ ơn và đi.

XXX

Lại một lần nữa lên đường, lại một lần nữa mệt mỏi.

Chúng tôi gõ cửa sò.

— Ai đấy ?

Tôi đáp :

— Chúng tôi nhân danh chủ nhà đến.

— Tên ông ấy là gì ?

— I-văn An-đê-vít, ông giám thị.

Với câu này, họ để chúng tôi vào.

Đó là một người đàn bà còn trẻ, một người đàn bà ở xứ chúng tôi, một người Nga bị đầy ải. Bà nhìn trẻ con và nói :

— Chúng rét và run.

Bà dẫn ngay chúng vào gian phòng đẹp, cởi quần áo ướt của chúng ra — lần này chúng chỉ gặp trận mưa nhỏ — buột cho Ma-sa khăn quàng của nó, sửa soạn ấm trà và mời chúng tôi uống. Còn tôi, tôi đi lấy sac bọc hành lý. Tôi phải đi hai lần ; phải lâu, tôi mới tải được hết cả.

Công việc xong, viên giám thị về nhà. Hai vợ chồng hỏi chúng tôi đủ điều. Tôi kể cho họ nghe tất cả.

I văn An-đê-vít bảo tôi :

— À ! Thế chi ở đây với chúng tôi. Chúng tôi không đòi hỏi gì chi đâu.

Na-ta-li nói thêm :

— Nhưng chị sẽ giúp chúng tôi việc nhà. Chúng tôi có hai con bò cái, ba con ngựa ; chị hãy tỏ ra có thiện chí và chúng tôi sẽ không để chị khổ sở đâu.

Cứ như vậy chúng tôi ở nhà họ, bình yên và sung sướng. Họ không có con và bà chủ mến yêu con tôi. Nếu đôi khi bà làm bánh mì trắng, bà cho mỗi đứa một chiếc nhỏ, một viên đường và một chén trà. Khi thì bà để chúng ăn bàn chung, khi thì bà dọn riêng cho chúng ăn. Không bao giờ bà làm cho chúng khổ sở.

Chúng tôi ăn, bù lại công việc của tôi. Và tôi cố gắng để giúp ích họ. Không mấy lúc ông bà chủ cho mẹ bếp ra. Tôi cho ngựa uống nước. Tôi xách nước — sông ở cách đây nửa dặm. Tôi làm bếp. Tôi lau sàn nhà và săn sóc cả ấm trà.

Ngoài những công việc này, tôi kéo sợi buổi tối với con bé cho người này hay người nọ; tôi kiếm được hai mươi kô-péc mỗi ngày. Hàng hóa rẻ ở xứ này. Bột giá mười lăm kô-péc một pút (1); và ba mươi kô-péc, thứ bột thượng hạng, bột lúa mì.

Không phải là người ta mua thịt hàng ngày, nhưng thỉnh thoảng, một lần thịt giá một kô-péc ruỡi.

Chúng tôi chẳng thiếu gì. Riêng chúng tôi nhớ nhung quê hương. Chúng tôi muốn về. Viên giám thị vận động hết sức để chúng tôi có đủ giấy tờ cần thiết.

XXXI

Xung quanh chúng tôi người ta biết tin chúng tôi sắp về xứ. Có những người lái buôn giàu

(1) Poud : 40 liti ; giá ở Tây-bà-lợi-a hạ hơn nhiều ở Nga.

só, những bà buôn bán không có con muốn xin tôi nhường lại cho họ một đứa con tôi. Họ tìm cách thuyết phục tôi và nói :

— Chị hãy cho chúng tôi một đứa bé. Chúng tôi sẽ coi nó như con chúng tôi. Chúng tôi nuôi, dạy dỗ nó và cho nó tất cả gia tài của chúng tôi.

Phải nói rằng ở nơi này không có trẻ con Nga. Và họ đề ý đến mấy đứa con của tôi. Mọi người đều biết chúng và đối xử tử tế với chúng lắm.

Tôi lắng nghe những đề nghị này và đôi khi nhủ thầm : « Được, ta sẽ cho một đứa ». Nhưng đứa nào ? Tôi không biết.

Văn-ka chẳng ? Điều này làm tôi buồn phiền. Hay Va-ka ? Cũng khờ. Còn về Ma-sa, đó là đứa con gái độc nhất tôi còn lại.

Tôi không nói những điều này cho trẻ con biết. Có lúc tôi nằm, không ngủ được, vì tôi cứ nghĩ ngợi : « Phải lựa chọn giữa Văn-ka và Va-sa. Đứa này hay đứa nọ sẽ trở thành người trí thức, giàu có. Còn tôi, nghèo khó và không nơi nương tựa như thế này, tôi biết làm thế nào cho chúng ? Tôi nhủ thầm : « Tôi sẽ cho Va-sa và ngay ngày mai tôi sẽ

dẫn nó đi : nó sẽ khỏe ít nhiều và rồi cũng sẽ quên chúng tôi ! » Ngày đến, tôi định dẫn nó đi... tôi không thể làm được, tôi thương hại nó ; dần dần mỗi hoài nghi ngăn giữ tôi. Cứ như vậy, không biết quyết định thế nào, tôi hoá ra lưỡng lự.

Có công văn đến. Đó là lệnh trở lại nhà lao : chính ở đây người ta sẽ khởi hành. Tôi không ngủ được đêm trước. Vẫn một câu hỏi trong đầu : « cho một đứa con trai, không cho đứa nào. » Và tôi cần khăn Chua, cần khăn Người và hỏi ý kiến bà chủ nhà. Và một lần nữa tôi quyết định cho Văn-ka.

Sáng hôm sau, một chiếc xe lớn ngừng ở thêm. Người ta đến tìm chúng tôi. Chúng tôi sửa soạn hành lý để khởi hành. Và kia một người trung gian của một người lái buôn lại đến. Y đến cũng vẫn với đề nghị cũ. Tôi hình dung mình đi không có Văn-ka, để nó trong tay những người xa lạ.

Lòng tôi se lại. Tất cả những mối ngờ vực tiêu tan. Tôi cùng với các con tôi, tất cả các con tôi lên xe.

XXXII

Chúng tôi qua hai ngày ở nhà lao. Ngày thứ ba, sau lễ rửa tội của Chúa, chúng tôi lên đường. Khi chúng tôi từ biệt Na-ta-li, chúng tôi cùng khóc, chúng tôi cùng cảm ơn người đàn bà hiền hậu kia. Bà làm đủ thứ cho trẻ con trong suốt hành trình này.

Chúng tôi đi xe trượt. Đến Ốt-ban, chúng tôi ngừng. Va-sa bị đau mắt. Họ dẫn tất cả chúng tôi vào nhà thương.

Bệnh viện này tốt và nặng. Người ta cho chúng tôi mỗi người mười kô-péc và thức ăn.

Nếu vậy tất cả là ba mươi kô-péc mỗi ngày bệnh nhân được chính phủ nuôi. Chúng tôi không ăn hết số tiền này. Thường thường chúng tôi mua năm kô-péc bánh mì, hai kô-péc cá, súp và khoai ; số tiền còn lại về ba mươi kô-péc, tôi để dành. Chúng tôi qua ba tháng ở bệnh viện và tôi rất sung sướng. Vì đó là mùa đông, và nếu lên đường tôi sẽ bị khổ nhiều với trẻ con.

Việc này kéo dài đến tận lễ Phục-sinh. Chúng tôi được phép đi.

Chúng tôi đi xe trượt đến Péc và đi rất mau. Nhưng trước khi đến Péc, còn có một tai họa nữa.

Chúng tôi nghỉ lại ban đêm. Tôi mang các bị hành lý của tôi. Và khi mang vào phòng, tôi nhủ thầm: « Xem ra những bị này nhẹ đối với tôi. Phải tin rằng tôi khá hơn, tôi khỏe mạnh hơn ».

Trong phòng chúng tôi vào, có bốn lính gác đang đánh bài.

Họ nói

— Có thấy rét ở đây không ?

— Rét lắm.

— Chúng tôi đi chuyển chị và mấy đứa bé sang khu đàn ông. Ở đấy có lò sưởi.

Và họ làm việc này. Còn sớm quá để đi ngủ, tôi bảo Ma-sa :

— Chúng ta khấn yếm áo đi.

Nó nói :

— Tại sao không ?

Tôi có hai chiếc bị. Trong một bị có cái váy, áo khoác. Trong bị kia : áo dài, vải, kim, chỉ. Nói tóm lại, những thứ tốt của chúng tôi.

Tôi cầm bị này để lấy vải. Tôi thọc tay

vào. Tôi lục soát. Tôi thấy ở trong những chiếc váy ngắn cuộn lại ở bị kia. Nhưng không có áo dài, không có vải. Tôi òa khóc.

— Người ta ăn cắp của chúng tôi. Chúng tôi chẳng mang gì về nhà được. Tôi thật khổ ! Vậy không bao giờ tôi được sung sướng.

Đến buổi sáng, viên giám thị đi qua. Tôi ngồi khóc.

— Chị có gì thế ? Tại sao thất vọng thế này ?

— Thưa ngài, họ ăn cắp của chúng tôi.

— Làm sao lại thế ? Chị qua đêm ở đâu ?

— Ở khu đàn ông.

— Tại sao lại ở khu đàn ông ?

— Tôi không biết.

Viên giám thị cho gọi bốn lính gác. Y làm dữ dội, bốn lính xanh xám cả mặt, may vì hãi sợ. Tôi thương hại chúng. Tôi nghĩ : « Việc này có thể làm cho chúng mất việc và cũng chẳng khiến cho tôi tìm được của đã mất. Vả nữa, chưa chắc là chúng ăn cắp ».

Tôi nói :

— Thưa ngài, chính chúng tôi xin dời phòng. Ở phòng kia rét quá. Còn về đồ vật, có thể vì lỗi của chúng tôi đã để thất lạc ở Ổi-han.

Viên giám thị còn kéo dài cảnh xử phạt, nhưng không trừng phạt ai.

XXXIII

Rồi chúng tôi đến sông. Chúng tôi lên một chiếc cầu. Về hành khách, ở đây có nhiều góa phụ những tù nhân nay trở về quê, và những tù nhân đã mãn hạn tù nay trở về nhà, và cả những người không phải ở trong nhà lao ra. Về phần đàn bà chúng tôi, thường thường chúng tôi ở trên boong. Chúng tôi trông nhìn bọn lính đi gần chúng tôi và chúng tôi nhủ thầm :

— Kia những vị hôn phu của chúng ta đi qua ! A-ku-li-na, chị hãy nhìn anh kia !

Chúng tôi chia sẻ với nhau những mối hờn tủi và cùng khóc. Và đôi khi chúng tôi cũng vui cười.

Tàu đưa chúng tôi đến Ni-ni, rồi xe lửa đến Mạc-tư-khoa. Ở đây, lúc đầu, tôi tưởng đến bến. Nhưng ngay tức thời, tôi rõ mình hiểu lầm : « Bây giờ đi đâu ? Cho đến lúc này trẻ con được ăn uống no nê : ở Tây-bá-lợi-á chẳng có gì đâu. Nay chúng tôi sinh sống bằng gì ? »

Văn-kh nói :

— Chúng ta đi ăn xin và chúng ta sẽ sống bằng chiếc bánh nướng chia cho nhau.

Sau đến Tu-la. Chúng tôi qua đêm ở đây. Sáng hôm sau, người ta đưa chúng tôi đến cơ quan quản trị những tù đây. và từ đây đến sở cảnh sát. Viên cảnh sát trưởng đi vắng. Chúng tôi chờ ông ta hai ngày. Nhà chúng tôi đã sắp đến và họ lại giữ chúng tôi ! Chúng tôi qua hai ngày gặp sao hay nấy. May mắn có người đàn bà quen thuộc chúng tôi cho chúng tôi uống trà. Cuối cùng viên cảnh sát trưởng trở về. Y đưa chúng tôi đến toà Thị xã. Chúng tôi chỉ có mấy mẹ con ở đây. Nhưng như vậy không được. Người ta lại cho chúng tôi lên xe ngựa. Chúng tôi tới một làng. Từ đây, chúng tôi đến một làng nữa với những con ngựa mới. Và nếu không có ngựa rảnh, phải chờ đến khi nào có. Khi chúng tôi qua một làng nào có tòa xã trưởng, nhiều người bao vây chúng tôi : « Các người là thế nào ? và ở đâu đến ? » Họ nhìn chúng tôi, mắt mở to, tưởng như chúng tôi là những kẻ vô thần.

Tôi không muốn nói. Điều tôi mong muốn

là về nhà, về nhà cho sớm. Tôi chán ngán phải chờ đợi.

Đó là ngày thứ ba sau khi qua Tu-la mà người ta cho phép chúng tôi đi. Chúng tôi thuê một chiếc xe ngựa và trở về làng. Chúng tôi tới lúc buổi trưa. Mọi người ở ngoài đồng, bận trồng khoai. Tôi đến tìm họ. Người con gái bà mẹ đỡ đầu tôi cũng ở đấy. Tôi lại phía nàng, không nói gì. Nàng ngẩng mắt lên.

— A-ni-sa, có phải em không ?

Người ta nhận ra chúng tôi. Chúng tôi ôm lấy nhau, chúng tôi khóc, trẻ con cũng khóc, mọi người vui mừng. Đây là nhà. Người ta gọi mẹ tôi :

— Di A-ri-na, con gái của di đây !

Mẹ tôi vội vã ở lên ra :

— Con gái yêu của mẹ, con ở đâu đến thế ?

Tôi quỳ xuống chân bà.

— Mẹ ơi, mẹ đã nuôi nấng con, mẹ hãy nhận ở nhà mẹ con gái khổ nạn của mẹ, mẹ hãy tiếp nhận đứa con gái khổ sở và cáo con của nó.

Tôi kêu. Tôi khóc. Tôi than van. Và cả mẹ tôi cũng thế :

— Con gái yêu của mẹ, mẹ mới chân và mòn son mắt chờ con.

Mẹ tôi đỡ tôi dậy và dẫn tôi vào lều. Bà chị của mẹ tôi cũng ở cùng với mẹ tôi. Còn về cha tôi, ông chết trong khi tôi đi vắng.

Mấy ngày đầu, tôi nghỉ. Rồi tôi tự hỏi tôi phải làm thế nào để thoát hoàn cảnh khó khăn, có được một căn nhà, bảo đảm sự sinh sống cho trẻ con. Lúc đầu tôi sống với mẹ tôi, bà cho tôi ăn uống bù lại công việc tôi làm.

Thật là một đời sống đáng thương và khốn nạn là đời sống một góa phụ, khó thoát ra mà không có tội lỗi. Cuộc đời đó, tôi nhìn thấy xa lắm, trong một màn sương. Tôi chỉ nhớ rõ ràng đời sống trong lao tù với Đa-ni-lô và trong kỷ niệm của tôi, những nỗi đau đớn biến thành niềm vui cả. Ngồi ra, tất cả như không đáng kể.

Trẻ con lớn lên, bắt tay vào công việc và chúng tôi mua một túp lều. Tôi cho Vát-sa đến giúp việc một người thợ đóng giày. Còn về Văn-ka thẳng bó khốn nạn, nó chết về bệnh sản khi mặc dầu nó đã cố gắng ở xứ người. Tôi còn lại một mình. Đời sống trở nên khó chịu ; tôi nghẹt thở giữa bốn bức tường.

Những người dóm ngó tôi thuở xưa, nay góa vợ và có gánh nặng con cái lại muốn hỏi tôi. Nhưng tôi không muốn lấy họ. Tôi sợ nếu tôi bước đi bước nữa, người ta sẽ bắt Va-sa nhập ngũ : nó sẽ không được coi là mồ côi nữa, con trai một góa phụ. Tuy thế, về sau đã già, tôi lại lập gia đình nữa.

XXXIV

Và đây chuyện xảy ra như thế này.

Có một ngày, một người bạn gái lại nhà tôi :

— Chị có muốn một vị hôn phu duyên dáng không, chị A-ni-sa ? Tôi có một người giới thiệu cho chị.

— Ai đấy ?

— I-văn Mi-ki-tích, người phụ thủ ở nhà thờ. Ông ta không có con và là người chính trực.

— Chị A-ri-na, đã tám năm em góa bụa, Tái giá : điều đó xem ra kỳ cục.

— Điều đó kỳ cục với chị bây giờ, vì chị còn khoẻ mạnh, nhưng chị sẽ già nua và ai sẽ nuôi chị ? Lúc ấy chị sẽ muốn lấy chồng.

Nhưng không còn ai muốn lấy chị. Vả nữa, ông ta cũng cần có người trông coi nhà cửa, ông cần một người đàn bà.

Ngày hôm sau, tôi đi đập lúa ở nhà cha xứ thì I-văn Mi-ki-tích ở cửa sổ trông thấy tôi. Lão cho người con gái vợ trước ra tìm tôi.

— Di A-ni-sa, cha tôi mời di vào.

— Tại sao ?

— Ông muốn nói chuyện với di, cháu còn biết gì ?

Tôi đi vào và chào. Nước trà ở trên bàn.

Tôi nói :

— Xin cứ ăn ngon miệng !

— Di đến thật quý hóa. Di A-ni-sa, di mạnh khỏe ? Di hãy uống trà với chúng tôi.

Tôi nói :

— Tôi đến đây không phải để uống trà, nhưng để đập lúa.

— Tại sao di không ngồi xuống một lúc, vì di đã đứng ở kia ? Di đến vừa lúc.

Tôi ngồi xuống, uống hết chén nước và úp chén lên đĩa.

— Này, một chén nữa, A-ni-sa I-va-nô-na ?
 Di đã biết câu ngạn ngữ : người nào uống một
 chén sẽ kéo lê chân.

Tôi nói :

— À ! tôi có què cũng không sao. Tôi không
 chạy theo một người chồng.

— Hay lắm ! Tôi muốn tán nịnh đi và đi lại
 bảo tôi : tôi không muốn lấy chồng.

— Thật sự có phải lúc này là lúc nghĩ đến
 hôn nhân không ? Tôi chẳng còn chiếc răng
 nào.

— Nến đó là điều ông lưu ý ! Chúng ta có
 thể cùng nhai móm mém.

Tôi đứng lên để đi. Người em gái I-văn
 theo tôi ra phòng ngoài.

Di ấy nói :

— Không đùa giỡn đâu, chị có muốn lấy
 anh tôi không ?

— Di Mạc, tôi không biết nói thế nào, người
 ta khuyên nhủ tôi về việc này. Và tôi không
 biết tính sao. Tôi còn một thằng con trai phải
 nuôi.

Di Mạc nói :

— À ! anh tôi sẽ săn sóc thằng bé khi nó

con nhỏ, có thể nó sẽ săn sóc các người khi các người về già.

Lâu mãi tôi không biết quyết định thế nào. Người ta viện ra nhiều lý lẽ hay, tuy vậy tôi vẫn ngập ngừng. Cuối cùng họ làm tôi quyết định hẳn. Và mẹ tôi cũng cầu chúc tôi. Nhưng tôi nghĩ rằng tôi không có giấy tờ chứng nhận tôi góa chồng. Tôi đến tìm cha xứ và giải thích việc này. Cha bảo tôi :

— Không thể nào cử hành hôn lễ trong những điều kiện này được. Cần phải vận động.

Vận động, người ta có làm việc này, nhưng rất lâu, nào đơn xin, nào đi lại thăm viếng cha xứ, Không đến đâu.

Người ta trả lời :

— Không sao được : làm thế nào biết được là chồng chị còn sống hay chết ?

— Và làm thế nào chúng còn sống được ? Ở đây người ta đuổi tôi về vì tôi góa chồng.

— Thế chúng có đâu ? Chị phải trưng giấy tờ ra.

Chúng tôi cầu xin khắp nơi, đến chán phải mệt mỏi. Và chúng tôi bỗng gặp người có thể

thu xếp được hết. Y cấp cho tôi giấy tờ và người ta cử hành hôn lễ cho chúng tôi.

Như vậy, tôi kết thúc đời tôi với ông già I-văn Mi-ki-tích. Ông để trẻ con sống yên ổn và đối xử tốt với tôi, mặc dầu là hay quạu. Chỉ cần mơn trớn tính kỳ cục và đoán trước những sự biến đổi bất thường của ông — và thế là xong hết.

Nhưng không ai có thể thay thế Đa-ni-lô đối với tôi được. Khi tôi nghĩ đến thời kỳ qua sống ở Tây-bá-lợi-a, đàn khò cùng chàng, tôi lại cảm thấy tim đập mạnh. Chính vì tôi yêu chàng: đó là một tấm lòng đơn giản.

DŨNG SĨ MIỀN NÚI

(Hadji-Mourad)

(1903-1904)

Nguồn cảm hứng của nhà đại văn hào vẫn phong phú tuy ông đã 74 tuổi, chứng tỏ truyện này, có thể coi là một tác phẩm nổi danh của Léon Tolstoi được. Câu chuyện dựa vào một việc thực tế, bối cảnh là miền Caucasè, trước đây nửa thế kỷ. Một ngày kia, ngẫu nhiên, Tolstoi trông thấy một cây ngưu bàng gãy nát lại nhớ đến một thảm cảnh người ta đã kể lại cho ông : chuyện một dũng sĩ miền núi bướng bỉnh bỏ hàng ngũ Chamil, nhưng không thể thực tâm liên kết với người Nga được. Câu chuyện ông kể lại một cách hết sức sáng suốt khiến ông tốn nhiều thời giờ, vì nhà đại văn hào rất quan tâm đến các chi tiết. Hơn nữa, Tolstoi không ngại gì đã dùng đến những tài liệu đương thời. Ông đã thú thật với I. Kourganov, con trai viên đại tá có nhiệm vụ canh gác Hadji Mourad. « Khi tôi viết về một đề tài lịch sử, tôi muốn trung thành với sự thực cho đến từng chi tiết nhỏ ». Và tất cả

ý nghĩa của câu chuyện là ở sự tương phản khéo léo do tác giả trưng ra giữa những chiến sĩ Á đông và quân lính Nga và nhất là sự can thiệp của hoàng đế Nicolas đệ nhất. Tolstoi đã so sánh Chamil và Nga hoàng « hai vai chủ chốt của chế độ chuyên chế thời phong kiến ở Á châu và Âu châu ». Và cố nhiên, tác giả có thiện cảm với phe Á châu mà ông ưa thích tính tự nhiên và có những dây liên lạc với đời sống thiên nhiên là thói bất chước người Anh của vương tước Vorontzov hay sự chuyên chế theo kiểu « phở » của hoàng đế Nicolas đệ nhất.

I

Tôi trở về nhà qua cánh đồng. Lúc đó vào giữa mùa hạ. Các cánh đồng cỏ đã cắt và người ta đang sửa soạn gặt lúa mạch.

Hoa phơi bày đủ màu sắc thật đẹp. Những cánh đồng chia ba óng mượt, đỏ, trắng và hồng, kéo dài ngoài tầm mắt ; những bông « anh yêu em, anh chẳng yêu em », tím hoa màu vàng nhợt với hương thơm đậm, những bông cải dầu màu vàng, hương như mùi mật ;

vươn trên những hoa khác, những bông phong lạnh màu tím nhạt và trắng giống như những bông uất kim hương; những bông đậu leo đượm hương thơm; những bông luân phong cúc vàng, đỏ và hồng; những bông mã đề mượt như nhung, hương nhẹ thoang thoang; những bông thi xa cúc mềm mại màu xanh nhạt dưới ánh mặt trời, xám và đỏ nhạt buổi chiều vào lúc hoa tàn tạ; những dây tơ hồng với hương thơm êm dịu như trái hạnh đào, tàn lụi ngay khi cất.

Tôi gom lại một số lớn những bông hoa màu khác nhau, khi nhận thấy trong một đường nương một cây ngưu bàng hoa nở tung bừng, một loại ngưu bàng mà chúng tôi gọi là « thắt đất ». Người ta thận trọng nhổ những cây ngưu bàng này trong các cánh đồng, và nếu bất ngờ có cây này lộn trong đồng rạ, người ta liền lượm ra để cây khỏi đâm vào tay công nhân. Tôi xuống nương xua con ong đất nằm ngủ giữa bông hoa và bắt đầu bứt. Nhưng thật khó khăn: không những nhánh của cây đâm vào tay, lại chọc thủng cả chiếc khăn tôi bọc bàn tay, nhưng cây này dai quá đến nỗi tôi phải phấn đấu liên tục trong năm phút mới lần lượt nhổ được hết rễ.

Khi cuối cùng tôi đã hoàn toàn nhỏ được, thân cây bị gãy nát cả. Bông hoa hết đẹp, hết tươi và màu sắc thiếu mịn màng của nó làm hư cả sự hòa hợp của bó hoa. Tôi hối hận đã tàn phá một cách vô ích bông hoa đồng nội thật đẹp này và rời đi.

« Còn nghị lực, hoạt khí nào hơn ! tôi nghĩ, nhớ lại những sự cố gắng của tôi để nhỏ cây này. Với mãnh lực nào cây đã chống đỡ và đã trả đời sống của mình bằng một giá thật cao ! »

Con đường dẫn đến nhà qua một cánh đồng đất màu đen nhợt tựa cây xối xong ; tôi đi vờ vờ dọc theo con đường bụi bặm. Cánh đồng lớn này là của một vị tịch chúa.

Cánh đồng rộng lớn quá chừng, như phía này phía nọ, phía trước về hướng núi, tôi chỉ thấy những ruộng đất hùn canh màu đen và bằng phẳng. Công việc cấy bừa thật hoàn hảo và người ta không còn trông thấy một ngọn cỏ, một cây nhỏ nào trên cánh đồng ; tất cả đều một màu đen.

Tôi nghĩ : cố tìm một vật gì sinh sống trên khoảng đất đen tối và buồn tẻ kia. « À, con người ta mới tàn phá ghê gớm biết bao !

Có vô kể sinh mạng và cây cối họ đã giành giật để mưu sống? »

Trước mặt tôi, về phía tay mặt con đường, sò mọc một cây nhỏ. Đến gần, tôi nhận thấy một cây thật đặc biệt, giống như cây tôi đã nhổ vô ích và ném đi. Cây này có ba nhánh. Một nhánh người ta bẻ, dính lỏng lẻo như một bàn tay bị chặt. Còn hai nhánh kia, mỗi nhánh mang một bông hoa, trước đó nay biến ra màu đen. Một nhánh khác bị bẻ ở giữa, treo lơ lửng một bông hoa dơ bẩn ở phía dưới. Nhánh thứ ba, mặc dầu cũng bị gãy và bầm dập còn đứng thẳng. Rõ ràng là cây này bị bánh một xe nào đè lên, nhưng nó đã vươn lên được. Nó ngã về một bên, nhưng dù sao cũng đứng lên được, giống như một chiến sĩ người ta đã rút một mảng thịt, đảo lộn ruột gan, chặt một cánh tay, móc mắt. Cây vẫn không muốn phục tùng người, người đã tàn phá những cây đồng loại của nó ở xung quanh đây.

Tôi nghĩ : « Thật can đảm ! Con người ta khắc phục hết mọi vật, diệt hàng triệu cây cỏ, nhưng cây này vẫn tồn tại ».

Và tôi bỗng nhớ đến một câu chuyện xưa ở miền Caucase. Tôi đã chứng kiến một phần,

phần nữa do những người tai nghe mắt thấy kể lại cho tôi, và phần chót do tôi tưởng tượng ra. Câu chuyện sau đây là chuyện đã sống lại trong trí nhớ và trí tưởng tượng của tôi.

Hồi đó về năm 1851. Vào buổi tối lạnh tháng một, Hát-di-Mô-ra trở về làng Chét-chen (1) ở Mạch-nết, chìm đắm trong những làn khói chất áe-gôn (2) : làng này ở trong tình trạng báo động : quân đội Nga ở cách đây hai mươi cây số.

Tiếng hát bi ai của vị giáo sĩ HỒI giáo vừa ngừng ; trong không khí tĩnh khiết miền núi, đậm mùi áe-gôn, người ta nghe thấy rõ ràng, giữa tiếng bò rống và tiếng be be của những con cừu tản mác vào các nhà, giọng đàn ông bán cái và giọng đàn bà trẻ con sau giếng nước. Hát-di Mô-ra, một trong những tướng phụ tá của Sa-min (3) nổi danh về những chiến công, xưa chưa bao giờ ra ngoài lại không

(1) Tâuộc về xứ Teherkesses, ở miền núi Caucas và Hắc hải.

(2) Argol (hay Kizlak tiếng Thổ-Đức) : phân khô, dùng làm nhiên liệu ở miền Caucas.

(3) Lãnh tụ nổi danh của miền sơn cước.

mang hiện kỳ của chàng và đem theo hàng mười vệ sĩ chạy vòng quanh chàng. Lúc này, khoác một chiếc áo choàng len, đội một chiếc mũ trùm đầu, một khẩu súng ngắn dưới áo choàng chàng vượt lên theo sau có một kỵ sĩ; chàng tránh không để người qua đường để ý đến mình và với cặp mắt đen và sáng chăm chú nhìn tất cả những người chàng gặp.

Khi đến giữa làng, Hát-di Mô-ra rời con đường chính dẫn đến trại công trường và đi vào một đường phố nhỏ bên trái; tới một đường nhỏ thứ hai, chàng ngừng trước một ngôi nhà nhỏ đục vào đồi và nhìn xung quanh chàng. Không có một ai dưới hiên nhà. Một người đàn ông phủ lên người một chiếc áo choàng da cừu nằm trên gác sân nhà, cạnh một lò sưởi vừa trát đất sét mới. Hát-di Mô-ra lấy sẵn chiếc roi ngựa dùng vào người này và chộp lấy. Ông già đội chiếc mũ trùm và mặc một chiếc áo khoác rách ngồi dậy. Cặp mắt ông, không có lông mi, đỏ và ướt, bị dính vào nhau, và ông luôn luôn làm chuyển động cặp lông mày như muốn mở mắt ra. Hát-di Mô-ra lên tiếng chào như thường lệ và bẻ mắt ra.

— A-loi-kum-sê-lam, ông già đáp, nhận ra

Hát-di Mô-ra và mỉm cười với chàng, lộ hai hàm không có răng.

Đứng trên hai chân yếu ớt, ông xỏ đôi giày cũ để gỗ để ở gần ông và khoác chiếc áo choàng bằng da cừu thủng và rụng lông, rồi không vội vàng, ông đi xuống chiếc thang tựa vào mái nhà, lưng đi trước. Trong khi ông mặc áo và xuống thang, ông lắc đầu trên chiếc cổ gầy, nhún nhún và ngăm ngăm và nói lắp bắp với quai hàm không răng. Xuống đến đất, ông cầm cương và bèn đập son ngựa của khách, nhưng người bạn của Hát-di Mô-ra lộ lưng nhảy xuống, gạt ông già ra và thay thế ông.

Viên tướng của Sa-min xuống ngựa và khập khiễng đi ra đứng dưới mái hiên. Cửa mở, một đứa bé mười lăm tuổi ở trong nhà ra ; nó chăm chú nhìn khách mới đến với cặp mắt đen như hai trái phúc bồn tử chín, lông lảnh và sừng sốt.

Ông già sai thằng nhỏ :

— Chạy lại giáo đường và dẫn cha mày lại đây, mau lên !

Rồi, vượt lên đi trước Hát-di Mô-ra, ông mở cửa, nhẹ và cọt kẹt. Lúc Hát-di Mô-ra bước qua ngưỡng cửa thì một người đàn bà

đứng tuổi, cao, gầy, mặc một chiếc áo khoác vàng, áo chèn đỏ và quần xanh đi vào gian phòng do một cửa trong ; mũ mang mấy chiếc gổ!

Mong ngài đến được may mắn ! mũ cúi rạp người ra nói và bắt đầu xếp gổ trước bức tường khách sắp ngồi.

— Cần mong các con trai bà được hưởng thú vui ở đời ! Hát-di Mô-ra đáp, cởi áo khoác lên, bỏ súng và gươm xuống.

Chàng đưa các thư này cho ông già, và ông treo lên đình ở tường cạnh các vũ khí của gia chủ, giữa hai chiếc chận lớn bằng đồng lông lánh trên bức tường sạch, vừa mới quét với trắng. Hát-di Mô-ra đẩy khăn súng lục ra phía sau người, đến gần những chiếc gổ trải ra, hất tà áo và ngồi xuống.

Ông già ngồi xôm gần chàng, chăm mắt lại, giơ bàn tay lên, lòng bàn tay ra phía ngoài. Hát-di Mô-ra cũng làm như vậy. Rồi cả hai người, sau khi đọo kinh, úp bàn tay lên mặt, cháp vào cằm.

Hát-di Mô-ra hỏi :

— Ni-ê kha-ba (1) (Có gì lạ không ?)

(1) Nic khabar.

Ông già đáp, cặp mắt đỏ và buồn chăm chăm nhìn không phải vào mặt, nhưng vào ngực Hát-di Mô-ra :

— Kha-ba i-đo (1) (không có gì lạ).

— Tôi sống gần các tổ ong. Tôi đến thăm con trai tôi, nó có biết chuyện.

Hát-di Mô-ra hiểu là ông già không muốn nói điều ông biết và điều chính chàng muốn biết. Chàng khẽ cúi đầu xuống và không hỏi nữa.

Ông già nói tiếp :

— Chẳng có gì mới lạ và đáng lưu ý. Có điều mới lạ là thỏa hợp hội đồng để tìm cách săn chim ưng. Và chim ưng lại nghiêng ngả ăn hết con này đến con nọ. Tuần lễ trước, bọn Nga chó má đã đốt cỏ khô của Mít-chi-ki.

— Mong rằng mặt chúng sẽ bị cắn xé ! Ông già cúi đầu nói thêm.

Người bạn của Hát-di Mô-ra vào, nhẹ nhàng đặt hai bàn chân lớn và mạnh lên sàn nhà ; như chủ tướng của mình, chàng cởi áo khoác len, bỏ súng và gươm xuống, chỉ còn giữ lại trên người khăn súng lục và con dao găm. Chàng

(1) Khabar lok.

tự mình treo vũ khí vào mấy chiếc đinh có treo vũ khí của Hát-di Mô-ra.

— Ai đây ? Ông già hỏi, chỉ người mới vào.
Hát-di Mô-ra đáp :

— Tên y là En-đa, y là vệ sĩ của tôi (1).

— Được lắm, ông già nói và ông chỉ cho En-đa chỗ ngồi trên ghế dài gần Hát-di Mô-ra.

En-đa ngồi bấp tréo chân và không nói câu nào, với cặp mắt đẹp và dịu hiền chăm chăm nhìn mặt ông già. Ông già kể lại, trong tuần lễ qua, làm cách nào, những dũng sĩ miền núi đã bắt được hai tên lính : một tên bị giết và tên kia giải đến cho Sa-min ở Ve-đê-nô. Hát-di Mô-ra vẻ lơ đãng nghe, luôn luôn nhìn ra phía cửa, chăm chú nghe tiếng động bên ngoài. Dưới mái hiên, trước nhà, có tiếng chân đi, sửa kọt kọt, và gia chủ vào.

Chàng tên là Sa-đô và tuổi bốn mươi ; chàng có bộ râu ngắn, mũi dài, cặp mắt đen và sáng như thằng con trai, mười lăm tuổi, người ta mới giục đi và về cùng với chàng. Thằng bé ngồi trước cửa. Người bố, để guốc trên ngưỡng cửa, hất chiếc mũ tròn cũ và sồn ra phía sau gáy.

(1) Muride : vệ sĩ (lính Thất-đát).

đã lâu không cạo, phủ đầy tóc đen, và ngồi lên một chiếc gối đối diện Hát-di Mô-ra. Như ông già đã làm, Sa-đô nhắm mắt lại, giơ tay lên, lòng bàn tay ra phía ngoài, đọc kinh, đưa tay lên mặt và sau đó bắt đầu nói. Cuàng kể lại rằng Sa-min đã truyền lệnh bắt Hát-di Mô-ra, chết hoặc sống ; quân du kích của ông ta mới rời làng ngày hôm qua, dân làng sợ phạm một lệnh do ông ban ra và vì vậy cần phải thận trọng lắm.

— Ở trong nhà tôi Sa-đô nói thêm, một khi tôi còn sống, sẽ không có gì xảy ra cho khách của tôi. Nhưng một khi ra ngoài ? Cần phải tính đến việc này.

Hát-di Mô-ra chầm chầm lắng nghe và nghiêng đầu tỏ ý tán thành. Khi Sa-đô nói xong cuàng nói :

— Được lắm, bây giờ cần phải gửi một thư tin cho quân Nga. Vợ sĩ của ta sẽ đi, nhưng cần phải một người hướng đạo.

Sa-đô nói :

— Tôi sẽ phái Ba-ta em trai tôi.

— Gọi chú ấy lại đây, chàng quay lại bảo con trai.

Thằng bé, như lò xo giật, nhảy lên, cặp giò nhanh nhẹn và mau mắn, múa tay, ở nhà chạy ra. Mười phút sau, nó trở lại cùng với một người Thát-đát da ngăm ngăm, bắp thịt nở nang, chân ngắn, mặc một chiếc áo choàng vàng và sỡn, tay áo rách ; y đi giày boots cò mềm. Hát-di Mô-ra chào y như thường lệ và tránh những lời vô ích.

— Anh có thể hướng dẫn vệ sĩ của ta đến quân Nga được không ?

Ba-ta đáp :

— Tôi có thể làm được. Cái gì cũng có thể được. Không một người Thát-đát nào có thể đi qua, ngoài tôi. Nếu một người khác thử làm, y tha hồ hứa hẹn, không bao giờ y giữ lời hứa được đâu. Còn tôi, tôi có thể làm được.

Hát-di Mô-ra nói :

— Được lắm. Về công của anh, anh sẽ nhận được ba.

Và chàng chia ba ngón tay ra.

Ba-ta nghiêng đầu như muốn nói là y hiểu, nhưng nói thêm rằng tiền không đáng làm y lưu ý và y sẵn sàng phục vụ chân thành Hát-di Mô-ra ; tất cả niềm vui đều rõ y đã đáp bọn Nga chó lợn thế nào.

Hát-di Mô-ra nói :

— Được, giá trị một chiếc dây tăng gia với chiều dài của nó, giá trị một bài diễn văn ở chỗ văn tắt.

Ba-ta nói :

— Được, tôi sẽ im lặng.

— Đến chỗ con sông Ác-gu-na lượn vòng, đối diện với bờ, có hai cối xay. Anh thấy không ?

— Vâng, tôi biết.

Hát-di Mô-ra nói :

— Ba người của tôi đợi tôi ở đấy.

Ba-ta lần đầu nói :

— À !

— Anh sẽ hỏi Khan-ma-gôm, y hẳn phải làm và nói thế nào. Anh phải đưa y đến viên tư lệnh Nga, vương tước Vô-rông-dốp, anh có thể làm được không ? (1)

— Tôi sẽ dẫn y đến.

— Dẫn đi rồi lại dẫn về, anh làm được không ?

— Được.

(1) Bà tước Michel Sem Vorentzov (vương tước từ 1845), phó vương miền Caucase từ 1845 đến 1854.

— Anh dẫn y đi và anh sẽ đến rừng, ta sẽ ở đấy.

Ba-ta nói :

— Tôi sẽ làm tất cả những việc này.

Gã đứng dậy, đặt tay lên trái tim và đi ra.

Khi Ba-ta ra ngoài, Hát-di Mô-ra bảo Sa-đô :

— Cần phải phải một người đến Chi-khi.

« Đây cần phải làm gì ở đây... » chàng bắt đầu nói, tay sờ vào bao đạn ở áo choàng nhưng chàng lại hạ tay xuống và im lặng khi thấy hai người đàn bà vào nhà. Một trong hai người là vợ Sa-đô, vẫn người đàn bà gầy xấp gối ban nãy. Người kia là một thiếu phụ còn trẻ lắm, mặc chiếc áo dài xanh và một chiếc quần đỏ ; ngực phủ một tấm hàng in những đồng tiền Ý cổ xưa. Ở đầu mớ tóc dài, rậm, đen và thắt chặt buồng thả xuống giữa đôi vai gầy của nàng có treo những đồng rúp bạc. Vầng cặp mắt đen và sáng ngời như những trái pháo bông tử chín, như mắt của bố và em trai nàng, long lánh tươi vui trên khuôn mặt muốn tỏ ra nghiêm nghị mà không được. Nàng không nhìn khách, nhưng cố nhiên nàng nhận thấy sự hiện diện của họ. Bà chủ nhà mang lại một chiếc bàn tròn nhỏ trên có bày nước trà, bánh kẹp

phết bơ, phở-mát, mật ong, rượu và bánh bột ngô. Thiếu nữ cầm một bình đựng nước, một chiếc bình khác có quai và một chiếc khăn.

Sa-đô và Hát-di Mô-ra yên lặng suốt thời gian có hai người đàn bà, đi lại không một tiếng động, với những đôi giày nhẹ bằng da đỏ không có đế, bày các thứ mang lại ra trước mặt khách.

En-đa, ngồi vắt chéo chân lên nhau, yên lặng như một pho tượng khi có hai người đàn bà ở đây. Khi hai người này đi ra và tiếng chân nhẹ nhàng của họ tắt đi sau cánh cửa, chàng thở dài nhẹ nhõm ; Hát-di Mô-ra liền rút ở trong áo choàng ra một vỏ đạn, nạy viên đạn ra và lấy ở tròn viên đạn một mẩu giấy cuộn lại.

Chàng ghor mẩu giấy vào bảo Sa-đô :

— Đưa giấy này cho con trai anh.

Sa-đô hỏi :

— Trả lời cho ai ?

— Cho anh, rồi anh mang lại cho ta.

Sa-đô đáp và cho mẩu giấy vào bao đạn của y :

— Sẽ xin hoàn tất.

Rồi y cầm chiếc bình có quai và đặt chiếc chén trước mặt khách. Hát-di Mô-ra vén tay áo lên tận cổ tay trắng và lén thit

đề Sa-đô tưới nước trong và mát lên. Sau khi rửa tay bằng chiếc khăn sạch bằng vải thô, Hát-di Mô-ra bắt đầu ăn. En-đa cũng làm như vậy. Trong khi khách ăn uống, Sa-đô ở trước mặt hai người và cảm ơn nhiều lần vì sự viếng thăm này. Thằng bé ngồi gần cửa, nhìn chòng chọc Hát-di Mô-ra với cặp mắt đen sáng và mỉm cười như tán thành lời nói của bố.

Mặc dầu Hát-di Mô-ra trong hai mươi bốn giờ vừa qua chưa ăn gì; chàng cũng chỉ ăn ít bánh và phô-mát, rồi rút con dao nhỏ ở bao ra, ở đằng sau bao dao găm, chàng khẽ phết mặt ong lên bánh.

— Mặt của chúng tôi ngon. Năm nay mặt dư dả và lại là thứ tốt nhất từ nhiều năm nay, ông già nói, rất ưng ý thấy Hát-di Mô-ra ăn mặt của mình.

— Xin cảm ơn, khách nói sau khi ăn xong.

En-đa còn đói, nhưng chàng cũng làm như chủ trương, rồi bàn ăn, cầm bình nước và chiếc bình quai và mang đến trước mặt Hát-di Mô-ra.

Sa-đô hiểu rằng tiếp đón vị khách này y sô thể xảy nguy hiểm đến tính mệnh, vì từ khi sô sự xích mích xảy ra giữa Hát-di Mô-ra và

Sa-min thì Sa-min đã cấm ngặt dân chúng, có thể phạt tội tử hình nếu để kẻ thù của ông ăn náu. Sa-đô cũng hiểu rằng dân làng có thể bất cứ lúc nào biết tin có sự hiện diện của Hát-di Mô-ra trong nhà y và buộc chàng đầu hàng. Nhưng điều này không làm y hãi sợ ; trái lại, y vui mừng. Y thấy như bổn phận của mình là phải bảo vệ khách, dù có phải chết chẳng lửa, và y hân lòng và hân diện đã hành động như vậy.

— Một khi ngài ở trong nhà tôi và dẫn tôi còn dính vào cớ, không ai có thể đụng được đến ngài, y nhắc lại với Hát-di Mô-ra.

Và viên chủ tướng, tin tưởng ở lòng thành thật của Sa-đô, nhìn cặp mắt sáng ngời của y và trịnh trọng nói :

— Hãy sống sung sướng.

Để tỏ sự biết ơn về lời chúc tụng này, yên lặng Sa-đô đặt bàn tay lên trái tim.

Rồi y đóng cánh cửa sỏ, bỏ thêm cánh khoá vào lò sưởi. Ở gian phòng có khách ngồi đi ra và tới khu nhà có gia đình y. Bọn đàn bà chưa ngủ. Họ nói về hai người khách nguy hiểm qua đêm ở nhà họ.

II

Cũng trong đêm ấy, ở hai mươi cây số cách làng Hát-di Mô-ra ngủ, một viên hạ sĩ quan và ba tên lính rời pháo đài Vô-vi danh-khai-á do cửa Cha-gi-rin. Ba tên lính mặc áo ngắn lót da lông và đội mũ tròn, cũng bằng da lông. Chúng mang áo khoác quân đội cuộn tròn trên lưng và giầy ống của chúng cao hơn đầu gối ; đó là quân phục của lính Nga miền Cô-ca. Những tên lính này, đeo súng trên vai, đi theo con đường chính chừng ba trăm trước, rồi quay về phía tay mặt, qua một cánh đồng, làm lá khô kêu sột soạt dưới gót giầy ; cuối cùng chúng ngừng lại gần một cây tiên huyền bị hạ mà trong đêm tối người ta còn nhận thấy một cành. Chính ở đây quân lính thường phải đi tuần phòng. Nhìn những vì sao trên trời, bọn lính có cảm tưởng như là các vì tinh tú đi theo chúng từ ngọn cây này đến ngọn cây nọ rồi cũng ngừng lại, và những tia sáng trong suốt của sao như lọt qua những cành nhỏ trụi lá.

— Cảm ơn, viên hạ sĩ quan Pa-nô nói xẵng giọng, để súng cầm lưỡi lê tựa vào một gốc cây.

Ba tên lính cũng làm như y.

— Phải, đúng thế, tôi đánh mất, Pa-nô làm bầm, hay tôi bỏ quên, hay nữa nó rớt từ tôi xuống đường.

— Anh tìm cái gì ? một tên lính hỏi gã giọng mạnh dạn và tươi vui.

— Chiếc diều của tôi, ma quỷ còn biết tôi đánh mất ở đâu.

— Nhưng cái ống còn nguyên vẹn không ? vẫn giọng kia nói tiếp.

— Đây.

— Vậy hút ngay dưới đất !

— Và làm thế nào ?

— Việc ấy làm nhanh chóng.

Có lệnh cấm không cho quân lính hút, nhưng nơi này làm một trạm canh có nhiệm vụ ngăn chặn dân sơn cước xâm nhập và tấn công bất ngờ pháo đài, như chúng vẫn thường làm xưa kia.

Chính vì lý do ấy nên Pa-nô không coi là vấn đề cần thiết phải nhìn cái thứ hút thuốc và y nhận đề nghị của tên lính tươi vui kia.

Tên lính lấy ở túi một con dao con, đào một

lỗ nhỏ dưới đất, che kín gần hết, đặt chiếc ống vào đúng lỗ này, cho thuốc lá vào và như vậy là sẵn sàng hút được. Y bật lửa, soi sáng đột ngột khuôn mặt có lưỡng quyền nhô lên của anh lính nằm sắp bụng xuống. Chiếc ống phát ra một tiếng rít nhỏ và Pa-nô người thấy mùi thơm của thuốc lá cháy.

— Sẵn sàng chưa ? gã hỏi và đứng lên.

— Có nhiên.

— Hoan hô, Âu-đệ-i, gã phì cười.

— Vậy thế nào ?

Âu-đệ-i nằm ngửa ra, thở khói ở miệng ra, rồi nhường chỗ cho Pa-nô.

Gã này cũng nằm sắp xuống và sau khi lấy tay áo lau chiếc ống vì đến lượt gã hút thuốc.

Sau đấy, mấy tên lính bắt đầu nói chuyện.

— Người ta kể rằng viên chỉ huy liên đoàn đã lấy tiền quỹ, ông ta thua bạc, một tên lính nói.

— Ông ta sẽ trả, Pa-nô nói.

— Có nhiên rồi, ông là một sĩ quan tốt, Âu-đệ-i tán thành.

— Phải, phải, tên lính khai mào câu chuyện

cần nhau nói, theo ý tôi, liên đoàn cần phải bảo ông rằng vì ông đã lấy tiền ấy, ít nhất nên nói là bao nhiêu và bao giờ sẽ trả.

— Phải, việc sẽ do liên đoàn quyết định, Pa-nô nói và ngừng hút.

Ấu-đê-i nói tiếp :

— Chắc chắn là viên chỉ huy phải là một người có giá trị.

— Dù sao cũng phải mua cỏ cho súc vật và sửa giầy ống vào mùa xuân, cần phải tiêu nhiều tiền về những việc này và nếu ông ta lấy... tên lính bất mãn nói nữa.

— Tôi đã bảo anh rằng người ta sẽ làm như ý muốn của liên đoàn, Pa-nô kết luận. Đó không phải là lần thứ nhất xảy ra chuyện này. Ông ta sẽ trả tiền ông lấy.

Về hồi ấy, ở miền Cô-ca, mỗi liên đoàn tự quản trị lấy sự quân nhu của mình, tổ chức bởi những người được quyền chọn riêng về việc này. Liên đoàn nhận được của ngân khố sáu rúp năm mươi kô-péc cho mỗi người và tự lo liệu vấn đề tiếp tế, trồng cái, cắt cỏ, lại thêm có xe và ngựa cần phải nuôi cho chu đáo. Tiền của liên đoàn để trong một chiếc két mà viên chỉ huy giữ chìa khoá. Thường

thường có khi ông mượn tiền của quý : ông cũng vừa mới làm việc này vì thế mà quân lính xi xào bàn tán. Tên lính cầu nhân, Ni-ki-tin, muốn rằng lên đoàn buộc viên chỉ huy trưởng phải trả lại tiền ngay tức thời, trong khi Pa-nô và Âu-đệ-i cho là không nên quá mau dùng đến ngay biện pháp này. Ni-ki-tin rút thuốc sau Pa-nô, rồi y ngồi lên chiếc áo khoác, tựa lưng vào gốc cây. Máy tên lính im lặng. Người ta chỉ nghe thấy tiếng gió rung chuyển ngọn cây ở trên đầu họ. Bỗng, trong cảnh yên lặng sâu xa, người ta nghe thấy tiếng kêu, những tiếng kêu lạnh lạnh, tiếng khóc và tiếng cười của bầy lang sói.

Âu-đệ-i nói :

— Hãy nghe những con khốn nạn kia, chúng gào rất ồn.

— Chúng giեն máy đấy vì máy hay ăn nói quàng xên, tên lính thứ tư, vốn quê ở miền Uy-ken nói khế, giọng nhõng nhẽo.

Cảnh yên tĩnh trở lại, riêng chỉ còn gió vẫn tiếp tục rung chuyển những cành cây, khi che giấu, khi để lộ ra những vì sao.

— Và còn anh, An-tô-nít, thế nào ? bỗng anh chàng Âu-đệ-i vui tươi hỏi Pa-nô, đôi khi anh có buồn không ?

— Cái ấy thế nào, buồn à ? Pa-nô hỏi, về lơ đãng.

— Về phần tôi, đôi khi tôi buồn, buồn quá tôi chẳng còn biết mình làm gì nữa.

— Lạ lùng ! Pa-nô nói.

— Bữa nọ, tôi uống hết tiền của tôi, và vì thế tôi buồn. Buồn đến trỗi lên tôi ! Tôi nghĩ : « Thôi, ta đi nốc rượu cho say, như vậy sẽ nhẹ được người ».

— Nhưng đôi khi, buồn càng tăng khi người ta uống.

— Điều đó có xảy ra. Tôi còn biết làm gì nữa.

— Việc gì làm cho anh buồn thế ?

— Đó là vì gia đình.

— Thế nào ? Anh có nhiều tiền bạc không ?

— Không phải chúng tôi giàu có, nhưng chúng tôi chẳng thiếu gì. Chúng tôi sống dễ chịu.

Và An-đê-i kể lại một lần nữa những điều mà Pa-nô thường vẫn được nghe luôn.

— Tôi tự ý nhập ngũ, thay thế anh tôi. Anh tôi có năm con, còn tôi, tôi mới lấy vợ. Mẹ tôi có hỏi tôi về việc này. Tôi nghĩ : « Điều

này có can hệ gì đối với tôi? Và người ta còn biết ơn về hành động của tôi nữa ». Trước tôi làm việc với một vị lãnh chúa. Ông rất tốt, ông bảo tôi là một thanh niên can đảm và đề cho tôi đi. Cứ như thế tôi trở thành lính thay thế anh tôi.

Pa-nô nói :

— Nhưng, hay lắm chứ.

— Az-tôn-nít, anh hãy tin tôi, bây giờ tôi buồn, và tôi buồn nhất là vì tôi đi lính thay thế anh tôi. Nay anh ấy sống như một ông hoàng trong khi tôi đau khổ. Càng nghĩ đến bao nhiêu, tôi càng thấy khổ sở. Có lẽ tôi trả tội lỗi của tôi chăng?

Ấu-đệ-i im lặng.

Sau y lại hỏi :

— Chúng ta hát đến thuở nữa chăng?

— Được, sửa soạn đi.

Nhưng mấy tên lính chưa kịp hát. Ấu-đệ-i vừa nhóm dậy để lấp cho khít chiếc ống thì trong tiếng gió lao xao nghe thấy tiếng bước chân nhẹ nhẹ trên đường. Pa-nô cầm lấy súng, lấy chân đá khẽ vào Ni-ki-tin và anh này vội đứng dậy và vợ lấy áo khoác. Bôn-đa-ren-kô cũng đứng lên ngay.

— Và tôi, các bạn ạ, các bạn có biết tôi mơ thấy gì không?... y bắt đầu nói.

Nhưng Âu-đô-i kéo y và cảnh lại yên lặng. Tiếng chân êm nhẹ của những người kia chắc là không đi những đôi giày ống nặng nề của quân lính Nga càng mỗi lúc mỗi gần. Tiếng lá và cành khô bị dè giẫm lên càng trở nên rõ ràng. Rồi người ta nghe thấy tiếng thì thầm của một câu chuyện nói bằng giọng cò của dân Thất-đát.

Và bây giờ, bọn lính không những nghe thấy, nhưng còn có thể nhận ra hai bóng người len lỏi giữa những cây. Một trong những hình bóng ấy bé nhỏ hơn hình bóng kia. Khi những hình bóng này đến gần bọn lính, Pa-nô, súng cầm ở tay, theo sau có các bạn đồng đội, tiến ra đứng thẳng trên đường.

Y kêu :

— Ai đó ?

— Thất-đát, hòa bình, bóng nhỏ đáp lại.

Đó là Ba-ta.

— Sáng, i-ôo (1) (không), gương, i-ôo, y nói thêm và tự nắn người. Chúng tôi cần gặp vương trước.

(1) loa : tiếng Thất-đát, nghĩa là không.

Bóng lớn không nói gì và đứng bất động cạnh bạn. Cả y nữa cũng không có vũ khí.

— Như thế có nghĩa là họ muốn gặp đại tướng, Pa-nô giải thích cho bè bạn.

— Vương tước Vô-rôn-zốp. Cần gặp vương tước Vô-rôn-zốp. Đại sự. Cần gặp.

— Được lắm, được lắm, người ta sẽ dẫn các anh, Pa-nô đáp. Dẫn họ đến đồn canh, y ra lệnh cho Ân-đê-i và Bôn-đa-ren-kô, và trở lại ngay ; hãy thận trọng, để họ đi trước các anh.

— Và còn cái này ? Ân-đê-i nói phách, chỉ cây súng của mình và giả đồ bắn. Ta chỉ bấm một lần và sẽ nghiền nát chúng.

— Anh giết họ có lợi gì ? Bôn-đa-ren-kô nói.

— Tiến lên, đi !

Khi tiếng chân của bốn lính và hai thông tin viên bật đi, Pa-nô và Ni-ki-tin lại trở về chỗ cũ.

— Tại sao ma quỷ lại dẫn chúng đến đêm khuya thế này ? Ni-ki-tin nói.

— Có lẽ phải cần thế ! Pa-nô đáp. Trời bắt đầu mát, y nói thêm, và mở áo khoác ra, y mặc vào và ngồi gần gốc cây.

Ấu-đệ-i và Bôn-đa-ren-kô trở lại hai giờ sau.

— Thế nào, các anh đã giao họ chưa ?

— Phải, ở dinh chỉ huy trưởng chưa nghỉ và người ta dẫn chúng đến thẳng đấy... Chúng thật đẹp, hai gã đều không tọc kia, Ấu-đệ-i nói thêm, tôi xin quả quyết với chúa như thế, tôi có nói chuyện với chúng.

— À ! người ta đã biết, anh là thằng bẻm mép, Ni-ki-tin nói về không tán thành.

— Quả thế, người ta có thể nói đó là những đồng bang của chúng ta. Một trong hai người đã lấy vợ.

— « Vợ, anh có vợ không ? » tôi hỏi y. « Tôi có », y nói. « Con, anh có con không ? » « Tôi có nhiều », y đáp. « Một cặp à ? » « một cặp » y nói.

« Chúng tôi có nhiều. Đó là những thanh niên dũng cảm ».

— Anh nghĩ là chúng tốt à ? Ni-ki-tin nói. Nhưng hãy thử gặp chúng riêng rẽ xem, chúng sẽ rút ruột anh ngay.

— Trời sắp sáng, Pa-nô nói.

— Phải, sao đã bắt đầu mờ, Ấu-đệ-i nói. và ngồi xuống.

Bọn lính im lặng.

III

Không một ánh sáng nào lọt ra ngoài các trại và nhà binh sĩ ; riêng những cửa sổ một trong những ngôi nhà đẹp nhất của pháo đài là sáng tung bừng ; đây là nhà của người con trai vị tổng tư lệnh, họ vệ quan và chỉ huy trưởng liên đoàn ở Ku-ra, vương tước Sơ-mi-ôn Mi-khai-lô-vít Vô-rôn-zốp (1). Ông và vợ, Ma-ri Vát-si-li-ê-na, người đẹp nổi danh ở thành Bê-đắc-bảo, sống trong cái pháo đài nhỏ này ở miền Cô-ca với một cảnh trí lộng lẫy từ xưa miền này chưa bao giờ biết đến. Tuy thế Vô-rôn-zốp và vợ lại tin rằng họ sống một đời giản dị, thiếu thốn nhiều. Nhưng tất cả dân trong vùng đều thần phục về sự xa hoa của hai người.

Lúc đó vào nửa đêm. Trong phòng khách

(1) Liên đoàn Kouza, liên đoàn bộ binh xung phong thứ 79, đồn trú tại miền Bắc Caucase.

Semione Mikhsilevitch Voronzov : con trai độc nhất của vị phó vương, đại tướng năm 1851, về sau được bầu làm thị trưởng thành phố Odessa (1864-1867) ; lấy một công chúa Troubetzkoï.

trái thắm và trên tường có treo những bức tranh, ông bà vương tử và khách của họ tụ họp quanh một chiếc bàn rọi sáng bởi bốn ngọn bạch lập đang đánh bài.

Một trong những người này, chính vì chủ nhân, có khuôn mặt trái xoan, tóc vàng, mặc bộ quân phục hộ vệ quân, nổi bật thêm vì đôi ngà và sợi dây quàng trên cánh tay. Trước mặt ông là một người ứng thí vào Đại học đường Thánh Bửu-đức-bảo, vừa mới đến theo lời yêu cầu của nữ vương tước để làm thầy ôn tập cho người con trai chổng trước của bà, một thanh niên buồn rầu và ốm yếu. Hai người có địch thủ là hai sĩ quan, một người là Pôn-tô-rát-ki, khuôn mặt tròn và hồng hào, vốn là cựu sĩ quan của đội vệ binh, hiện nay là đại tá ; người kia, chuẩn úy của liên đoàn, có khuôn mặt đều đặn, nhưng không có vẻ tình tứ.

Nữ vương tước Ma-ri Va-si-li-ê-na, người sao, với cặp mắt lớn và mớ tóc đen, ngồi gần Pôn-tô-rát-ki ; chiếc váy phồng của bà dụng vào chân chàng và bà đang nhìn vào quân bài. Tiếng nói, mắt nhìn, nụ cười, mỗi cử động của bà, hương thơm nước hoa, tất cả làm cho Pô-tô-rát-ki quên hết, nếu không phải là bà

ngồi gần chàng và chững chắt thêm mãi lỗi lầm, chàng càng làm bức tức người bạn chơi.

Viên chuẩn úy la lên, mặt đỏ gay vì tức giận khi Pôn-tô-rát-ki hạ con ách của chàng.

Như ở trong giấc mơ thoát ra, viên sĩ quan không phát biểu ý kiến về sự tức giận của viên chuẩn úy, chăm chăm nhìn chàng về phía từ.

— Thôi, tha thứ hẳn, Ma-ri Va-si-li-ê-na nói và mỉm cười. Ông xem, tôi đã báo trước ông biết, bà nói thêm với Pôn-tô-rát-ki.

— Nhưng nữ vương tước bảo tôi chuyện khác, Pôn-tô-rát-ki đáp :

— Thật à ?

Và bà lại mỉm cười.

Nụ cười này làm Pôn-tô-rát-ki mừng vui quá, khiến chàng đỏ gay mặt : cảm quân bài, chàng bắt đầu xóc.

Viên chuẩn úy nhận xét về tức giận :

— Không phải đến lượt ông.

Và với bàn tay trắng lông lánh chiếc nhẵn cười, chàng chia bài rất nhanh, tưởng như muốn rời bỏ cái xã hội này càng mau càng hay. Một

tên bần vào phòng khách báo tin cho vương trước biết đội cận vệ muốn được nói với ông.

— Xin lỗi các ông, vương trước nói tiếng Nga với giọng người Anh. Ma-ri, em đánh thay anh.

— Các ông thuận không ? nữ vương trước hỏi, nhanh nhẹn đứng thẳng dậy, làm chiếc áo dài lụa kêu sột soạt và cười, giọng cười vui vẻ của một người đàn bà sung sướng.

— Bao giờ tôi cũng ưng thuận và ưng thuận hết, viên chuẩn úy trả lời, hài lòng vì có địch thủ là nữ vương trước chẳng hề biết gì về trò chơi này.

Pôn-tô-rát-ki dang tay và mỉm cười. Ván bài vừa tàn khi vương trước trở vào phòng khách.

Ông nói :

— Các người có biết tôi đề nghị gì không ?

— Cái gì ?

— Uống sâm-banh !

— Bao giờ tôi cũng đồng ý, Pôn-tô-rát-ki nói.

— Vâng, việc đó hay lắm, viên chuẩn úy nói thêm.

— Va-si-li, rót rượu, vương tước ra lệnh.

— Tại sao người ta gọi mình thế ? Ma-ri Va-si-li-ê-na hỏi chồng.

— Đó là tên lính canh đêm đi với một người đàn ông.

— Ai thế ? nữ vương tước sốt sắng hỏi tiếp.

— Tôi không thể nói được, vương tước đáp và nhún vai.

— Mình không nói được, ờ ! chúng ta sẽ xem ! nữ vương tước nói thêm.

Người ta mở rượu sâm-banh ; mỗi người uống một ly ; ván bài đánh xong, tiền bạc đã thanh toán và khách sửa soạn ra về.

— Trung đoàn của ông có đến rừng ngày mai không ? vương tước hỏi Pôn-tô-rát-ki.

— Vâng, tại sao ?

— Chúng ta sẽ nói chuyện đây ngày mai, vương tước nói và khẽ mỉm cười.

— Thật hoan hỉ, Pôn-tô-rát-ki nói, cũng chẳng hiểu chuyện gì.

Vả chẳng, riêng chỉ có vấn đề cáo từ nữ vương tước thế nào là khiến chàng băn khoăn thôi.

Ma-ri bắt tay chàng mạnh và lắc cánh tay chàng lâu ; bà nhắc lại lời của chàng khi đánh lá bài và mỉm cười, nụ cười Pôn-tô-rát-ki cho là duyên dáng, mơn trớn và có nghĩa lý.

Chàng về nhà tràn ngập sung sướng, tình trạng này cũng dễ hiểu riêng đối với những người sinh trưởng trong những gia đình quý tộc, và sau khi đã sống trong quân đội ở nơi heo lánh, lại gặp một người đàn bà trong giới của mình, một người đàn bà như nữ vương trước Vô-rôn-zốp.

Đến ngôi nhà nhỏ chàng đang sống với một người bạn, Pôn-tô-rát-ki đẩy cửa, nhưng thấy cửa đóng. Chàng gõ, nhưng vô ích. Nồi nóng, chàng lấy chân và thanh gương gõ cửa như đập trống. Cuối cùng, có tiếng chân và cửa mở sừng sững có Va-vi-lô, tên đầy tớ của Pôn-tô-rát-ki.

— Tại sao đóng cửa thế ?

— A-lê-xin Va-di-mi-rô-vít, người ta có thể...

— À ! mi lại say rồi, ta sẽ dạy cho mi biết...

Pôn-tô-rát-ki sắp đánh tên đầy tớ thì bỗng lại đổi ý.

— Ma quý ! Thấp nển lên.

— Ngay tức thời.

Quả vậy, Va-vi-lô có uống rượu và y uống vì ăn khao ngày sinh nhật của viên giám thị ở công binh xưởng. Trở về nhà, y nghĩ đến đời người và so sánh đời mình với đời sống của viên giám thị: I-văn Mát-vê-i-vít. Anh này có lợi tức, đã lập gia đình và hy vọng sẽ được tự do trong năm tới; Va-vi-lô vào làm việc với chủ của y khi này còn là một đứa trẻ. Bây giờ y đã bốn mươi tuổi, chưa lấy vợ và vẫn sống ở miền quê, cạnh một ông chủ bừa bãi. Ông chủ này tốt, ít khi đánh y, nhưng còn đời sống nào đáng thương hơn!

« Ông ấy hứa cho ta tự do khi ở Cô-ca về, nhưng ta biết làm gì với sự tự do của ta? Một kiếp chó má! » Va-vi-lô nghĩ. Và y buồn ngủ quá, sợ có ai vào và ăn trộm, y khoá cửa lại.

Pôn-tô-rát-ki vào phòng mà chàng ngủ chung với bạn Tí-khô-nô.

— Thế nào, anh lại thua sao? Anh này hỏi và trở dậy.

— Không, tôi được mười bảy rúp và được uống một chai rượu.

— Anh có ngắm kỹ nữ vương tước không?

— Có, tôi có ngắm bà ta.

— Cần phải dậy lát nữa. Đến sáu giờ chúng ta phải đi tập, Ti-khô-nô nói.

— Va-vi-lô ! Pôn-tô-rát-ki gọi, coi chừng, mi đánh thức ta năm giờ sáng mai.

— Làm thế nào đánh thức ông ?

— Ta nói. đánh thức ta. Mi có nghe thấy không ?

— Xin tuân lệnh.

Va-vi-lô đi ra, mang theo giấy bột và quần áo của chủ.

Pôn-tô-rát-ki nằm xuống, chăm diều thuốc lá và mỉm cười, rồi tắt nến. Trong bóng đêm, chàng trông thấy phía trước chàng khuôn mặt tươi vui của nữ vương tước.

Ánh sáng vẫn chói lọi ở nhà vương tước Vô-rôn-zốp. Khi khách về, Ma-ri Va-si-li-ê-na lại gần chồng và đứng trước mặt chàng, hỏi vẻ nghiêm nghị:

— Ê ! anh cho em biết có gì thế ?

— Nhưng, em yêu của anh...

— Không có « em yêu của anh » ! Có phải một thông tin viên không ?

— Dù thế nào, anh cũng không thể nói cho em biết được.

— Anh không nói được à! Vậy, để em nói cho anh hay.

— Em à?

— Hát-di Mô-ra phải không? nữ vương trước nói.

Một vài ngày trước, bà có nghe mong manh thấy có những cuộc thương nghị với Hát-di Mô-ra và bà nghĩ rằng nay chàng đích thân lại gặp chồng mình; Vô-rôn-zốp không chối được nữa; nhưng dù sao, ông cũng làm bà thất vọng khi bảo vợ là không phải Hát-di Mô-ra thân chính đến, nhưng là sứ giả của chàng. Ông nói thêm rằng một cuộc gặp gỡ với Hát-di Mô-ra sẽ được ấn định vào ngày mai, ở chỗ người ta hạ cây.

Việc trọng đại này làm cặp vợ chồng trẻ vui mừng, vốn đã chán chương đời sống tẻ ngắt ở pháo đài. Sau khi nói đến sự hân hoan của ông tổng tư lệnh Vô-rôn-zốp khi được tin này, ông bà vương tước đi ngủ lúc ba giờ sáng.

IV

Sau ba đêm trắng đã trải qua, trốn tránh những kỳ sĩ mà Sa-min phải đuổi theo chàng, Hát-di Mô-ra ngủ ngay khi Sa-fô rời căn phòng và chúe chàng ngủ ngon giấc. Chàng ngủ mặc nguyên quần áo, đầu đặt lên bàn tay, lún xuống dưới những chiếc gối đỏ êm ấm mà nữ gia chủ đã mang đến. En-đa, ngủ gần chàng, nằm ngửa, chân tay cứng trắng đang thẳng; bạo dạn của chàng, nổi thành một gạch đen trên chiếc áo khoác trắng ở phía ngực, cao hơn đầu chàng vừa mới cạo lún xuống chiếc gối. Trong khi chàng ngủ, môi trên chàng, râu mới mọc thưa thớt như lông tơ, hạ xuống đưa lên như môi một đứa trẻ. Cũng như Hát-di Mô-ra, chàng ngủ mặc nguyên quần áo, súng lục và dao găm cài ở thắt lưng. Trong lò sưởi củi cháy từ từ trong khi ở khám nhỏ trong lò le lói ngọn đèn đêm.

Đến nửa đêm, cánh cửa kêu rít, Hát-di Mô-ra nhồm lên ngay và cầm lấy súng lục. Sa-đô, đi thận trọng bước vào buồng.

— Anh cần gì? Hát-di Mô-ra hỏi, tưởng như chàng chưa chớp mắt lúc nào.

— Cần phải suy nghĩ, Sa-đô nói và ngồi xuống. Một người đàn bà ngồi trên ngưỡng cửa nhà đã trông thấy ông đi qua. Mẹ kể cho chồng biết và bây giờ tất cả làng đều rõ. Một người láng giềng vừa báo cho vợ tôi biết là các bộ lão có nhóm họp trong giáo đường và họ muốn bắt ông.

— Cần phải đi, Hát-di Mô-ra nói.

— Ngựa sẵn sàng, Sa-đô nói và đi ngay ra ngoài.

— En-đa, Hát-di Mô-ra khẽ gọi.

Nghe thấy tên mình và giọng của chủ tướng, En-đa nhảy chồm lên trên cặp chân vững mạnh và chụp khăn trùm đầu. Hai người sửa lại vũ khí, khoác áo choàng yên lặng rời khỏi căn phòng và tiến ra ngưỡng cửa. Thằng bé có cặp mắt đen dẫn ngựa đến. Nghe tiếng động, ở một cánh cửa hé mở nhà bên, người ta thoáng thấy một đầu người, rồi một người đàn ông, khua guốc rần rần, chạy về phía giáo đường trong núi.

Đêm không trăng, riêng những vì sao lóng lánh trên bầu trời sẫm và người ta nhận thấy trong bóng tối, những ngôi nhà và vượt

lên cao ở phần phía trên làng, giáo đường và những tháp cao. Tiếng găm thét ầm ầm ở giáo đường vọng xuống.

Hát-di Mô-ra mau lẹ cầm súng, đặt chân lên bàn đạp và nhanh nhẹn nhảy lên yên.

— Thượng đế sẽ biết lòng anh, chàng nói với Sa-đô, và như máy đặt chân phải vào bàn đạp.

Chàng khẽ lấy chiếc roi đung vào thẳng bệ dắt ngựa của chàng để gạt nó sang bên. Như biết phải làm gì, con ngựa, bước chân quả quyết, rời ngõ hẹp tiến ra đại lộ.

En-đa theo chủ tướng. Sa-đô, mặc áo lông, vẫy tay, loạng choạng đi trong ngõ hẹp. Tôi đại lộ, một bóng hiện ra, rồi bóng thứ hai.

— Ngừng lại ! Ai đấy ? Ngừng lại, có tiếng kêu và một vài người chặn đường.

Hát-di Mô-ra, đáng lẽ ngừng thì lại múa khẩu súng lục và thúc ngựa chạy, tiến thẳng vào những người ngăn chặn đường chàng. Những người này rẽ tản ra và chàng kỵ sĩ, không quay đầu lại, phóng nước kiệu mau lẹ đi xuống phía đường dưới. En-đa sát liền theo chàng. Bỗng có hai viên đạn kêu rít lên ở sát tai hai người. Không một người nào trúng đạn. Hát-di Mô-ra vẫn tiếp tục phi ngựa. Cách ba trăm

bước xa hơn. chàng nhẹ nhàng hãm ngựa thở hắt hắt và lắng nghe. Trước mặt chàng một thác nước chảy xuống kêu âm âm. Phía sau, trong làng, có tiếng gà gáy. Chàng nhận thấy qua những tiếng động này tiếng vó ngựa và tiếng người mỗi lúc mỗi gần. Chàng lại buông thả dây cương.

Những người ở sau, thúc ngựa, đuổi kịp hai người trốn tránh. Có khoảng hai mươi kỵ sĩ trong làng định bắt Hát-di Mô-ra hoặc ít nhất cũng để chứng minh với Sa-min là họ cố gắng muốn bắt chàng. Khi những kỵ sĩ này hiện rõ trong bóng đêm, Hát-di Mô-ra hãm ngựa lại, buông thả cương, tay trái rút khẩu súng lục, chàng chuyển sang tay phải. En-đa cũng làm như chủ tướng.

Chàng kêu :

— Các người muốn gì ? Các người bắt ta hay sao ? Bắt đi !

Và chàng hoa khẩu súng. Những người đuổi theo ngừng lại. Hát-di Mô-ra với khẩu súng vẫn chia về phía họ, đến gần mương. Những kỵ sĩ kia theo chàng, nhưng cách quãng. Hát-di Mô-ra đã ở bờ mương bên kia khi những người đuổi theo đề nghị chàng hãy nghe lời

họ nói. Để đáp lại, chàng bắn một phát súng và phóng ngựa chạy nước đại. Khi chàng ngừng lại, người ta không còn nghe thấy tiếng vó ngựa đuổi theo, cũng chẳng nghe thấy tiếng gà gáy; riêng chỉ còn nghe thấy rõ ràng tiếng thác nước trên núi chảy ầm ầm và tiếng cú kêu.

Hát-di Mô-ra gần đến bóng tối vĩ đại của khu rừng. Chính ở đó bọn người thân tín của chàng chờ đợi chàng. Đến cửa rừng, chàng ngừng lại, thở mạnh, buýt còi và lắng nghe. Một phút sau đấy, cũng có tiếng buýt còi đáp lại, từ trong rừng vọng ra. Hát-di Mô-ra tiến vào rừng. Sau khi đi được khoảng trăm bước, chàng nhận thấy qua những cành lá những bóng người ngồi gần một ngọn lửa chiếu sáng mập mờ một con ngựa buộc tròn và đóng yên cương.

Ba người ngồi ở đấy. Một người trong bọn lệ làng đứng dậy, đến gần Hát-di Mô-ra và giữ cho chàng cương ngựa. Đó là người anh em và người quản trị tài sản của chàng.

— Tắt lửa đi, Hát-di Mô-ra ra lệnh và nhẩy xuống ngựa. Mấy người kia phân tán bụi nhùi và giẫm chân lên đồng than.

— Ba-ta có đây không? Hát-di Mô-ra hỏi tiến lại gần một chiếc áo tơi trải trên mặt đất.

— Có, nhưng hân và Khan-ma-gôm đi đã từ lâu.

— Chúng đi con đường nào ?

— Con đường này. Kha-nệ-phi đáp và chỉ con đường theo đó Hát-di-Mô-ra vừa đến.

— Được lắm, Hát-di Mô-ra nói, lấy khẩu súng lục ra để lắp đạn vào. Cần phải lưu ý. Ta bị chúng theo đuổi, chàng nói thêm với người đàn ông đang dập lửa.

Đó là anh Thát-đát Gam-gia-lô. Y đến gần chiếc áo tơi trải ra đất, rút khẩu súng ở trong bao và không nói lời nào tiến ra ranh giới khu rừng thưa mà Hát-di Mô-ra vừa ở đấy tới.

Thoạt đầu, En-đa buộc ngựa của chủ tướng vào một thân cây, rồi súng đeo lên vai, chàng đi ra phía bên kia rừng thưa.

Lửa đã tắt và khu rừng xung quanh hình như không còn tối như trước nữa. Trên trời ánh sáng các vì sao mờ dần.

Hát-di Mô-ra ngẩng mặt lên. Bão đầu thất tinh đã ở giữa đỉnh đầu ; chàng biết đã quá nửa đêm và đến lúc tụng bản kinh ban đêm.

Chàng gọi Kha-nệ-phi yêu cầu đưa cho chàng

chiếc bình chàng vẫn luôn luôn để trong túi dốt của chàng, khoác áo choàng và đi ra suối nước.

Sau khi cởi quần áo, chàng rửa ráy và chân giẫm đất, khoác chiếc áo choàng, chàng ngồi xồm; lấy ngón tay đung vào tai và mắt, chàng quay về hướng Đông để đọc những bản kinh thường lệ.

Chàng trở lại chỗ cũ có những túi dốt của các kỵ sĩ, ngồi xuống khoanh tay và bắt đầu suy tưởng.

Hát-di Mô-ra có được tin sâu xa về số mệnh của mình. Dù quyết định làm việc gì, chàng tin chắc trước rằng sẽ thành đạt, và trên thực tế quả chàng thành công tất cả. Đời quân nhân của chàng đều đầy dẫy thắng lợi.

Lúc này chàng cũng tin tưởng như vậy. Chàng tưởng tượng sẽ bắt được Sa-min với quân đội mà Vô-rôn-zốp cấp cho chàng và rửa được hận thù. Nga Hoàng sẽ thưởng chàng và chàng sẽ lại trở thành lãnh tụ, không những của dân tộc A-ta nhưng tất cả những người Thát-đát nay quy phục chàng. Chìm đắm trong những ý nghĩ này, chàng ngủ. Chàng thấy trong giấc mơ chàng chỉ huy những nghĩa

bình trung thành và dũng cảm của chàng ca hát và la hò « Hát-di Mô-ra ». Chàng bay tới phía Sa-min, chàng bắt y làm tù binh với tất cả những cung nhân và chàng nghe thấy tiếng khóc, tiếng thồn thức của những người này.

Chàng thức tỉnh và đáng lẽ những tiếng ca hát, những tiếng kêu « Hát-di Mô-ra đến » và những tiếng khóc than của bọn cung nhân của Sa-min thì chàng nghe thấy tiếng khóc, tiếng sủa chua chát và tiếng gười của bảy lang sói đã đánh thức chàng.

Hát-di Mô-ra ngẩng đầu lên, nhìn bầu trời dần dần quang đãng ở hướng tây và hỏi một vệ sĩ của chàng về Khan-ma-gôm : được biết là y chưa về, chàng cúi đầu xuống và lại ngủ nữa.

Tiếng nói vui vẻ của Khan-ma-gôm xong sứ mạng về với Ba-ta làm ngắt quãng giấc ngủ của chàng. Sứ giả ngồi trước mặt chàng và kể chàng nghe bọn lính đã tiếp cả hai người thế nào và dẫn họ đến gặp vương tước, enộc tiếp xúc riêng của chàng với vương tước ; y cũng nhắc lại vương tước tỏ vẻ hài lòng và hứa hẹn gặp vào sáng ngày mai ở nơi có người hạ cây ở rừng thưa Sa-linh sau Mỹ-sơn.

Thỉnh thoảng Ba-ta lại ngắt lời của bạn

y để thêm vào bản tường trình một vài chi tiết.

Hát-di Mô-ra hỏi hai người lễ mễ, muốn tỏ tường nhất về những lời Vô-rôn-zốp đã nói thế nào về việc chàng tự ý qua phe người Nga. Cả hai người đều đồng thanh nói là vương tước hứa sẽ tiếp đón chàng như một vị quý khách và sẽ làm tất cả trong phạm vi của ông để chàng được dễ chịu. Hát-di Mô-ra còn muốn biết một vài chi tiết về con đường đi tới nơi hẹn, và khi Khan-ma-gôm quả quyết với chàng rằng y hoàn toàn hiểu biết con đường này và có thể dẫn chàng trực chỉ tới đấy thì chàng cho Ba-ta ba rúp đã hứa; rồi chàng ra lệnh cho quân lính đem các vũ khí khảm vàng bạc và chiếc khăn của chàng ra và chàng yêu cầu các vũ sĩ sửa sang quân phục sao thật đường hoàng khi ra diện kiến quân Nga. Trong khi quân lính đánh bóng vũ khí, yên cương và băng bó ngựa thì các vị sao tể dần, ánh sáng xô đẩy bóng tối và làn gió nhẹ buổi bình minh nổi dậy.

V

Còn sớm lắm, trước khi vầng thái dương mọc, hai trung đội võ trang búa rìu rời pháo đài dưới quyền chỉ huy của Pôn-tô-rát-ki, qua cửa Sa-ghi-rin, và đi hơn mười cây số ; lúc trời sáng, sau khi bố trí xong vòng đai canh gác quân lính bắt đầu hạ cây. Vào khoảng tám giờ sáng, màn sương bắt đầu nhấc lên, hoà với làn khói thơm các cành cây ướt nồm lép bẹp trong các đồng củi. Cho đến giờ này bọn tiên phu vẫn nhìn rõ được quá ngoài năm thước và chỉ nhận được nhau ở giọng nói, nay mới bắt đầu phân biệt được những ngọn lửa và con đường dẫn đến rừng ngồn ngang những cây bị hạ. Mặt trời khi thì lộ ra trong màn sương như một vệt sáng, khi lại khuất dạng.

Trong rừng thưa, một vài sĩ quan ngồi trên mấy chiếc thùng : Pôn-tô-rát-ki và chàng hạ sĩ Ti khô-nô, hai sĩ quan ở trung đoàn ba và nam tước Phê-se, bạn cũ của Pôn-tô-rát-ki trong đoàn hộ tống, sĩ quan trong đội kỵ binh thuộc đoàn Cận vệ, bị thuyên chuyển vì một trận đấu kiếm. Trên đất rải rác những giấy gói bữa ăn lót dạ, những màn thuốc lá hút

nửa chừng và những chai không. Các sĩ quan đã uống rượu vô-ka, nay nhấm nháp rượu póc-tô. Anh em trông mở chai thứ ba. Mặc dầu ngủ ít, Pôn-tô-rát-ki trông vẫn sáng khoái, hân hoan và đặc biệt vui vẻ và vô tư lự; vả nữa, đó cũng là tính tình của chàng khi cùng chung sống với anh em quân lính và bạn đồng ngũ, bất cứ ở chỗ nào có nguy hiểm.

Tin về cái chết của tướng Li-ê-zốp mà họ mới biết, là đề tài câu chuyện bàn cãi sôi nổi giữa các sĩ quan. Nói về cái chết này, không một ai nghĩ đến phương diện chính của vấn đề: chúng cụ một cuộc đời ở thế giới này và trở về nguồn gốc mà đời đã phát sinh; riêng họ chỉ lưu ý về việc viên tướng dũng cảm không nghĩ đến sự hiểm nguy khi ông xông vào quân sơn cước và muốn diệt trừ chúng.

Vậy mà tất cả mọi người đều biết hoặc có thể biết, và hơn ai hết, tất cả những sĩ quan đã tham dự trận đánh ở Cô-ca, rằng không có ở nơi nào khác và cũng chưa bao giờ có những trận hỗn chiến phi thường, những trận giáp lá cà đánh nhau bằng lưỡi lê và kiếm và chung cục là đi đến chỗ tiêu diệt như ở nơi này. (Và nếu một trận như thế xảy ra mà

người ta đánh bằng kiếm và lưới là thì chính là những người thua chạy làm cản trở nhấ!). Sự giả tưởng một trận đánh bằng lưới là và kiếm được các sĩ quan chấp nhận, tất cả đều lộ vẻ hãnh diện một cách bình tĩnh và vui vẻ; người này vẻ tự phụ, người khác vẻ tự nhiên hơn, nói bông đùa, vừa hút thuốc, vừa uống rượu, không nghĩ đến họ có thể chết bất cứ lúc nào, như tướng Li-ê-zốp.

Và thật thế như trả lời sự chờ đợi của mọi người, làm ngắt quãng cuộc thảo luận, một tiếng súng nổ khô khan và ngắn vang lên ở con đường bên trái; viên đạn nhỏ vui vẻ rít trong làn sương ghim sâu vào một thân cây. Một vài tiếng nổ lớn hơn do quân Minh bắn đáp lại tiếng súng của địch.

— Ê ! ê ! Pôn-tô-rát-ki vui vẻ kêu, đó là ở trong chiến tuyến của ta. À ! anh Kô-ti-a, chàng nói thêm với Phê-se, đó là sự may mắn của anh. Hãy về trung đội của anh đi. Chúng ta sẽ đánh ngay bây giờ một trận tuyệt đẹp. Thật là một cảnh hùng tráng.

Ông nam tước bị thất súng đứng bật dậy và vội vàng đi lại chỗ có tiếng súng bắn mà ở đấy có trung đội của ông.

Người ta dẫn đến cho Pôn-tô-rát-ki con ngựa tía. Chàng nhảy lên ngựa, dẫn trung đội của mình lâm trận và tiến đến nơi có cung bắn. Vòng đai quân xanh gác ở phía đầu rừng, trước đường trũng dốc thẳng. Gió thổi theo hướng rừng. Hai bờ dốc con đường trũng trông thấy rõ ràng. Mặt trời hiện ra sau những đám mây khi Pôn-tô-rát-ki đến chỗ lính gác và chàng trông thấy rõ ràng một vài kỵ sĩ ở phía bên kia con đường trũng, ở mép một rừng nhỏ, cách chàng khoảng hai trăm thước.

Đó là những người Thát-đát, đêm trước đã đuổi theo Hát-di mô-ra và cố nhiên là muốn dự cảnh chàng sang hàng ngũ quân Nga. Một người trong bọn chúng đã bắn trả lại... Bọn người Thát-đát rút lui và cuộc nổ súng ngừng bật. Tuy vậy, Pôn-tô-rát-ki ra lệnh nổ súng, lệnh được thi hành ngay, tiếng súng bắn không ngắt, vui vẻ và phấn khởi, hơi thuốc súng tan biến thật đẹp. Quân lính sung sướng về trò tiêu khiển này, bắn không ngừng. Quân Thát-đát, bị phấn nộ lôi cuốn, kéo ở trong rừng ra và bắn, người này sau người nọ, về phía quân Nga. Một trong những người trúng đạn. Chính là Ân-đê-i, anh lính gác buổi tối qua. Khi bạn đồng đội đến gần thấy y nằm

ngựa, hai bàn tay co quắp trên bụng bị thương người rung chuyển vì bị giật và khẽ rên rĩ.

Người lính ở gần y kể lại :

— Anh ấy sắp lắp đạn... Tôi nghe thấy một tiếng động... Tôi quay lại ; anh ta đã đánh rớt khẩu súng.

Ấu-đệ-i không trả lời.

— Anh ấy sắp lắp đạn, thưa Ngài, vẫn anh lính này lắp lại. Tôi nghe thấy một tiếng động. Tôi quay lại. Anh ta đã đánh rớt khẩu súng.

— Ấu-đệ-i, anh có đạn không ?

— Tôi không đạn, nhưng tôi không của người được. Thưa Ngài, nếu tôi được ít rượu ..

Người ta mang rượu vô-ka đến, hay đúng hơn thứ rượu mà quân lính vẫn uống. Pa-nô, vẻ mặt rất lo âu, đưa mọi người bị thương một bình nhỏ, nhưng Ấu-đệ-i, không thể uống được, lấy tay đẩy chiếc bình ra.

Y nói

— Tâm trí tôi không muốn. Anh uống đi. Pa-nô uống. Ấu-đệ-i cố ngồi dậy, nhưng y lại

ngã xuống. Người ta trải một chiếc áo tơ lên mặt đất và đặt người bị thương nằm lên.

— Thưa ngài, đại tá đến, một viên đội báo tin cho Pôn-tô-rát-ki.

— Được lắm, anh hãy đảm nhận quyền chỉ huy !

Và quất roi, chàng phi nước đại đi đón Vô-rôn-zốp. Vương tước cưỡi một con ngựa con ngựa giống Anh-cát-lợi, theo sau một trung úy cận vệ của ông, một người Cô-dắc và một thông dịch viên Thất-đát.

— Có việc gì xảy ra ở nơi anh thế ? Ông hỏi Pôn-tô-rát-ki.

Viên sĩ quan đáp :

— Một đoàn kỵ sĩ địch đã tấn công vòng đai lính gác của chúng ta.

— Không, không, chính các anh khởi đầu.

— Thưa vương tước, không phải tôi, Pôn-tô-rát-ki nói và thở dài. Chúng định xâm nhập.

— Ta nghe thấy nói có một quân lính bị thương.

— Vâng, thật buồn. Đó là một người lính rất tốt.

— Bị thương nặng hay sao ?

— Hình như vậy. Ở bụng.

— Anh có biết ta đi đâu không ? Vô-rôn-zốp hỏi.

— Không, tôi không biết.

— Thật tình, anh không đoán ra được à ?

— Không.

— Hát-di Mô-ra về với chúng ta, ta sẽ gặp hẳn trong lát nữa.

— Không thể được !

— Ngày qua ta đã tiếp sứ giả của hẳn, Vô-rôn-zốp tiếp, khó khăn mới gửi được đề khỏi mỉm cười sung sướng. Có lẽ bây giờ hẳn đang chờ ta ở rừng thưa Sa-linh. Anh hãy đặt lính canh đến tận rừng thưa ấy và sau đấy, anh lại gặp ta.

— Xin tuân lệnh, Pôn-tô-rát-ki nói và chào, rồi chàng tiến về trung đội của chàng.

Chàng đặt lính của chàng về cánh phải và giao cánh kia cho viên đội của chàng đảm nhận nhiệm vụ này. Trong lúc này, người bị thương được chở về pháo đài. Pôn-tô-rát-ki trở lại phía Vô-rôn-zốp, khi chàng trông thấy những kỵ sĩ tiến lại gần chàng. Chàng ngừng lại đợi họ.

Đi đầu, cưỡi ngựa trắng khoác áo choàng trắng, đội mũ trùm trên có khăn, là một kỵ sĩ dáng điệu hiên ngang, vũ khí chạm vàng. Đó là Hát-di Mô-ra. Chàng đến gần Pôn-tô-rát-ki, nói một vài câu bằng tiếng Thát-đát. Pôn-tô-rát-ki nhún lông mày lại và mỉm cười, lấy tay ra hiệu là không hiểu Hát-di Mô-ra đáp lại bằng một nụ cười ngây thơ và hiền hòa khiến viên sĩ quan phải ngạc nhiên ; Pôn-tô-rát-ki chưa bao giờ hình dung viên tướng dữ tợn miền núi này dưới một bộ dạng như thế. Chàng đoán trước sẽ gặp một người nghiêm nghị, khô khan, một người xa lạ, và đây ở trước mắt chàng là một người giản dị, nụ cười chưa chạm nhân từ và đối với chàng tướng như là một cố nhân. Một điều đặc biệt ở Hát-di Mô-ra là cặp mắt lớn chăm chú và bình tĩnh dò xét những người đối thoại với chàng. Đoàn tùy tùng của Hát-di Mô-ra gồm có : Khắc-ma-gôm, da đỏ gay, mặt tròn, đầy sinh khí, cặp mắt đen sáng, không có lông mi ; người thứ hai là một người cao lớn, tóc rậm, cặp lông mày giao nhau. Đó là Koa-nê-bi, quản lý tất cả những tài sản của Hát-di Mô-ra. Y dẫn một con ngựa chở những bị nhỏ đầy ắp. Hai người nữa trong đoàn tùy tùng thật đặc biệt, một người trẻ, vai rộng, thân hình thanh tú như đàn bà, với bộ râu mép tơ hung đỏ, cặp

mắt rất hiền từ, chàng rất đẹp. Đó là En-đa. Người kia, một mắt xiên lệch, không có lông mày, không có lông mi, với bộ râu hung đỏ xén cắt, mặt và mũi đầy sẹo là anh chàng Thát-đát Gam-gia-lô.

Vô-rôn-zốp vừa xuất hiện trên con đường ; Pôn-tô-rát-ki liền chỉ cho Hát-di Mô-ra biết và chàng tiến lên phía vương tước ; đến gần chàng lấy tay phải đặt lên trái tim, nói một vài tiếng bằng tiếng Thát-đát rồi ngừng. Viên thông ngôn Thát-đát dịch :

— Tôi xin đặt mình dưới quyền hoàng đế Nga mà tôi muốn phục vụ. Tôi muốn như vậy từ lâu, nhưng Sa-mina ngăn không cho tôi đi.

Sau khi nghe viên thông ngôn, Vô-rôn-zốp chia tay cô đi bao găng cho Hát-di Mô-ra. Hát-di Mô-ra nhìn, ngáp ngừng một lúc và cuối cùng nắm rất mạnh ; và chàng nói một vài tiếng, lúc nhìn vương tước, lúc nhìn viên thông ngôn đang dịch :

— Ông ta không đến hàng phục một người nào khác, nhưng lại tin tưởng ở vương tước, vì vương tước là con vị tổng tư lệnh. Ông ta quý mến vương tước lắm.

Vô-rôn-zốp nghiêng đầu tỏ ý biết ơn. Hát-di Mô-ra nói thêm, chỉ đoàn tùy tùng :

— Những người kia là cận vệ của tôi, và cũng như tôi, họ muốn phục vụ người Nga.

Vô-rôn-zốp nhìn mấy người kia và tỏ ý bằng lòng. Anh chàng Thát-đát Khan-ma-gôm, với cặp mắt đen và không có lông mày, cúi xuống và nói với Vô-rôn-zốp vài tiếng, có lẽ bông đùa, vì gã A-va tóc rậm mỉm cười lộ hàm răng trắng bóng. Gã Gam-gia-lô, da hung hung đỏ liếc nhanh mắt nhìn Vô-rôn-zốp, rồi quay lại nhìn tai con ngựa của gã.

Trong khi Vô-rôn-zốp và Hát-di Mô-ra tiến về phía pháo đài, những lính vừa thay phiên gác tụ lại từng nhóm nhỏ và trao đổi cảm tưởng của họ.

Một anh lính nói :

— Tên ác ôn kia đã tàn sát biết bao người và bây giờ mày coi họ tiếp đón gã mới long trọng làm sao !

— Và thế nào ! Mày đừng quên y là tướng số một của Sa-mi-nơ, và bây giờ làm sao ?

— Nhưng chàng kỵ sĩ kia trong đoàn tùy tùng của y mới đáng sợ biết bao !

— Và còn chàng kỵ sĩ nọ hung đỏ, hung đỏ như một con thú dữ, và mắt y lại lác.

— À ! y phải là con chó mới đúng.

Tất cả mọi người đều phải lưu ý đến chàng kỵ sĩ hung đỏ.

Những quân lính đang hạ cây cũng chạy lại xem có việc gì xảy ra. Một sĩ quan định ngăn cấm họ, nhưng Vô-rôn-zốp phản đối :

— Hãy để cho họ nhìn những người quen thuộc lâu năm của họ.

— Anh có biết ai đó không ? Vô-rôn-zốp từ tốn hỏi, giọng tiếng Anh, một người lính đứng gần ông.

— Thưa ngài, không.

— Hát-di Mô-ra, anh có rõ không ?

— Thưa ngài, làm thế nào tôi lại không biết, chúng tôi đã đánh nhau với hắn, và đã nhiều lần rồi.

— Phải, nhưng y cũng đã thường sửa cáo anh luôn.

— Thưa ngài, đúng vậy, anh lính trả lời rất bảnh diện được nói với vị chỉ huy.

Hát-di Mô-ra hiểu họ nói về mình và nộ

cười tươi vui hiện trong mắt chàng. Vô-rôn-zốp rất hài lòng, trở về pháo đài.

VI

Vô-rôn-zốp đặc biệt sung sướng đã lời cuốn và có được trong tay kẻ thù mạnh nhất của nước Nga sau Sa-min.

Riêng có một điều khiến ông không được ưng ý : viên chỉ huy trưởng ở Vô-vi-danh-kai-a là tướng Men-le Za-kô-men-ki (1) và theo quân kỷ chính ông ta có nhiệm vụ đảm nhận việc này. Trên thực tế, chính Vô-rôn-zốp đã khéo vận động ? nhưng lại không báo trước cho viên chỉ huy trưởng và sự thiếu sót về quân kỷ này làm giảm niềm vui của ông chút ít.

Về đến pháo đài, Vô-rôn-zốp dẫn Hát-di Mô-ra vào nhà ông, trong khi ông giao đoàn tùy tùng của Hát-di Mô-ra cho viên chuẩn úy quân đoàn.

(1) Meller-Zakomelski : tướng Jean Mellier, nguồn gốc Đức, nổi tiếng trong trận chiến tranh với Thổ và năm 1788 được phong làm nam tước Zakomelski ; cháu trai ông năm 1891 chỉ huy lữ đoàn trong đó có trung đoàn Kouza và Katarda.

Nữ vương tước Ma-ri Va-si-li-ê-na tươi cười tiếp đón Hát-di Mô-ra vào phòng khách ; cậu con trai bà, lên sáu tuổi, xinh đẹp, tóc xoăn, đứng cạnh bà. Viên tướng miền núi tay phải đặt trên trái tim, tuyên bố một cách trịnh trọng với nữ vương tước, qua sự trung gian của viên thông ngôn cùng đến đây, là chàng tự coi mình là khách của vương tước đã tiếp đón chàng và nay cả gia đình vương tước đối với chàng cũng đáng sùng kính như chàng đã sùng kính vương tước.

Dáng điệu và cách xử sự của Hát-di Mô-ra rất làm hài lòng Ma-ri Va-si-li-ê-na.

Chàng thở dài và đỏ mặt khi bà vương tước chia bàn tay dài và trắng cho chàng bắt, cử chỉ này càng gia tăng những thiện cảm của nữ vương tước đối với người dân miền núi. Bà mời chàng ngồi và hỏi chàng có muốn uống cà phê và bảo đầy tờ pha. Nhưng khi cà-phê đã đặt trước mặt chàng, Hát-di Mô-ra không đụng đến. Chàng hiểu ít tiếng Nga, nhưng không biết nói, và khi nào chàng không hiểu, chàng mỉm cười, và nụ cười này làm hài lòng Ma-ri Va-si-li-ê-na và Pôn-tô-rát-ki.

Bun-ka (1) như người ta quen gọi cậu

(1) Bonka : (chiếc bánh tròn) biệt danh đùa nghịch gọi thằng bé.

con trai Vô-rôn-zíp, đứng gần mẹ và mắt không rời nhìn Hát-di Mô-ra mà cậu đã được nghe nói như một chiến sĩ kỳ dị.

Vô-rôn-zíp đến bàn giấy của ông để gửi tin đầu hàng của Hát-di Mô-ra cho thượng cấp chỉ huy cánh trái, tướng Kô-lô-ki. Ông cũng gửi cho phụ thân một bức thư và trở về nhà với vàng, sợ nữ vương trước có bất bình chăng vì ông đã bắt bà tiếp một người phi thường đáng phải đối xử một cách kính nhường, nhưng không có nên nịnh bợ quá đáng.

Những lỗi hãi sợ của ông không vững chắc ; Hát-di Mô-ra ngồi trong chiếc ghế bành ; Bun-ka ngồi trên đầu gối chàng, đầu hơi ngả xuống, chăm chú lắng nghe người thông ngôn dịch những lời của Ma-ri Va-si-l-i-ê-na đang tươi cười nói. Nữ vương trước cất nghĩa cho viên tướng miền núi là nếu chàng biến cho mỗi người khen ngợi chàng một vật chàng mang trên người thì chẳng mấy lúc chàng sẽ đi du ngoạn với bộ đồ của A-đam...

Trông thấy Vô-rôn-zíp vào phòng khách, Hát-di Mô-ra đặt xuống đất thẳng bệ, làm nó bất bình và ngạc nhiên về cử chỉ này, rồi đứng dậy và về mặt chàng đang tươi vui trở nên nghiêm nghị.

Chàng chỉ ngồi xuống chỗ cũ khi Vô-rôn-zốp ngồi và tiếp tục nói chuyện với nữ vương trước, chàng cắt nghĩa cho bà biết rằng theo tục lệ miền núi, thứ gì làm vui lòng khách là phải biếu khách.

— Con trai vương trước là Ku-nắc (1) của tôi, chàng nói bằng tiếng Nga, vừa vuốt mớ tóc xoắn của Bun-ka lúc này lại trèo lên đầu gối chàng.

— Chàng tương cướp của mình thật đẹp, Ma-ri Va-si-li-ê-na nói với chồng bằng tiếng Pháp. Bun-ka ngắm con dao găm của chàng và chàng rút ra làm quà cho thằng bé

Bun-ka chia con dao cho bố xem.

— Đó là một vật rất quý giá, Ma-ri Va-si-li-ê-na nói.

— Cần phải tìm dịp nào để biếu lại chàng thứ gì, Vô-rôn-zốp đáp.

Hát-di Mô-ra ngồi, mắt chỉ xuống, vẫn vuốt ve mớ tóc xoắn của thằng bé.

— Di-ghít ! Di-ghít (2) chàng nói.

— À ! thật là một con dao găm tuyệt đẹp ;

(1) Kounak : bạn (tiếng Thát-đát).

(2) Djiquite : kỳ sĩ dùng cảm (tiếng Thát-đát).

Vô-rôn-zốp nói và rút lưỡi dao xẻ rãnh ở bao ra nửa chừng ; hãy cảm ơn ông đi.

— Hãy hỏi chàng, ta có thể giúp ích chàng được việc gì, ông nói tiếp với viên thông ngôn.

Hát-di Mô-ra trả lời ngay là chàng không cần thứ gì, nhưng yêu cầu được dẫn đến một chỗ nào chàng có thể đọc kinh được. Lập tức vương tước ra lệnh cho tên hầu phòng làm theo ý khách.

Khi Hát-di Mô-ra ở riêng một mình trong căn phòng người ta dành cho chàng, vẻ mặt chàng thay đổi ; đang bình tĩnh, dịu dàng và mãn nguyện, bỗng trở nên lo âu.

Sự tiếp đón của Vô-rôn-zốp dành cho chàng thật nhiệt liệt hơn lòng chàng mong ước, khiến chàng mất tin tưởng về chàng và các vũ khí của chàng. Chàng chờ đợi tất cả : nào là bị bắt, xiềng xích, đẩy sang Tây-bá-lợi-sá, nào là gián điệp bị giết, khiến chàng phải lưu ý đề phòng.

En-đa vừa lúc này đến, chàng hỏi ngay, muốn biết các cận vệ và ngựa của chàng ở đâu, và những người này có bị tước khí giới không.

En-đa nói là ngựa ở trong tàu của vương tước, các cận vệ nghỉ ngơi trong kho thóc phẩm,

họ vẫn giữ nguyên khí giới và viên thông ngôn đã tiếp tế cho họ thức ăn và nước trà.

Hát-di Mô-ra lão đầu tỏ ý không hiểu, cởi áo và bắt đầu cầu kinh. Rồi chàng yêu cầu đem đến cho chàng con dao găm bằng bạc, mặc áo, ngồi trên trường kỷ, chân bắt chéo, chờ đợi biến cố xảy ra.

Vào khoảng năm giờ, chàng được mời đến ăn bữa tối ở nhà vương tước.

Trong bữa ăn chàng chỉ ăn gạo xay để trong đĩa của Ma-ri Va-si-li-ê-na.

— Chàng sợ chúng ta dẫn độc chàng, nữ vương tước nói với chồng, và chàng dùng cùng một đĩa với em.

Bà hỏi đến giờ nào chàng cần kính tiếp.

Hát-di Mô-ra giờ nắm ngón tay và chỉ mặt trời.

Vô-rôn-zốp rút chiếc đồng hồ Bơ-ghe, ấn vào lò xo và đồng hồ kêu; ngạc nhiên, Hát-di Mô-ra xin chủ vận đồng hồ kêu lại cho chàng xem.

— Đây cơ hội đã đến, hãy biến chàng chiếc đồng hồ này, Ma-ri Va-si-li-ê-na nói với chồng bằng tiếng Pháp.

Và Vô-rôn-zốp biến chiếc đồng hồ cho Hát-di Mô-ra. Chàng đặt tay lên trái tim, ấn nhiều lần vào lò xo và lắng nghe một cách thích thú, lúc lắc đầu tỏ vẻ thần phục.

Sau bữa ăn, viên sĩ quan Men-le Za-kô-men-ki xin được yết kiến. Y báo cho Vô-rôn-zốp biết là chủ tướng rất bất bình, khi được tin Hát-di Mô-ra về hàng mà ông không hay và yêu cầu đưa Hát-di Mô-ra đến ngay. Vô-rôn-zốp trả lời là lệnh trên sẽ được thi hành ngay và giải thích cho Hát-di Mô-ra ý muốn của chủ tướng. Ông yêu cầu chàng đi theo ông đến gặp tướng Men-le. Ma-ri Va-si-li-ê-na, sợ có sự bất hoà giữa viên chủ tướng và chàng, muốn đi theo vương tước mặc dầu ông phản đối.

— Minh nên ở nhà là hơn, đó là công việc của anh. Không phải việc của mình (1).

— Minh không thể ngăn cản em đến thăm bà chủ tướng.

— Minh có thể lúc khác đến.

— Không, em muốn cùng đi bây giờ (1).

Không còn cách nào nữa. Vô-rôn-zốp phải ưng thuận và cả ba người cùng đi.

(1) Tất cả đoạn này đều nói bằng tiếng Pháp.

Tướng Men-le tiếp ba người, và về lễ phép lạnh lùng ông dẫn Ma-ri Va-si-li-ê-na vào với vợ và giao Hát-di Mô-ra cho viên sĩ quan tùy tùng của ông, bảo dẫn chàng vào phòng đợi, canh gác chàng cho đến khi có lệnh mời.

— Xin mời ông, ông nói với Vô-rôn-zốp và mở cửa bàn giấy, nhường vương tước vào trước.

Vào trong, ông ngừng trước Vô-rôn-zốp, và không mời vương tước ngồi, ông nói :

— Tôi là chỉ huy trưởng ở đây, và vì vậy, tất cả những cuộc đàm phán với địch đều phải có sự chấp thuận của tôi. Tại sao ông không báo cho tôi biết việc Hát-di Mô-ra xin đầu hàng ?

— Tôi có tiếp các sứ giả chuyển lời quyết định của chàng xin hàng phục tôi, Vô-rôn-zốp đáp, sẵn sàng chờ đợi thái độ vô lễ của viên chủ tướng sắp nổi sung, và chính ông cũng tái mặt đi vì bức bối và cũng cảm thấy mình tức giận nữa.

— Tôi muốn hỏi ông tại sao ông không báo cho tôi trước ?

— Tôi muốn làm, thưa nam tước, nhưng...

— Tôi không phải là nam tước của ông, tôi là « Thượng cấp của ông ».

Và tất cả sự giận dữ bùng nổ, những sự căm hờn đã chổng chắt bao lâu nay sôi sục trong lòng ông.

— Ta không phải phục vụ Hoàng đế từ hai mươi bốn năm nay để cho những kẻ chân ướt chân ráo, nhờ những sự quen thuộc trong gia đình, không đếm xỉa đến ta, đi săn sóc những công việc không liên hệ đến họ.

— Thưa ngài, xin ngài đừng có nói quá quyết những điều không đúng, Vô-rôn-zốp nói ngài.

— Ta nói sự thật và ta căm ông... Ông chủ tướng kêu lên, càng tức giận thêm.

Nhưng giữa lúc này, trong tiếng sột soạt của tờ lụa, Ma-ri Va-si-li-ê-na vào, theo sau có một bà người nhỏ bé, bà chủ tướng.

Bà vương tước nói :

— À ! xin ông nguôi giận, Si-môn không bao giờ muốn làm ông bất mãn đâu.

— Thưa nữ vương tước, tôi không nói về..

— Ông rõ rằng, nên bỏ qua tất cả những điều này, một sự xích mích xấu xa còn hơn

một sự xích mích chính đáng, tôi quả quyết rằng...

Và bà cười.

Ông chủ tướng giận dữ dẫn hàng nụ cười quặn rú của người đẹp. Dưới bộ ria mép của ông nở một nụ cười.

— Tôi nhận rằng tôi có lỗi, Vô-rôn-zốp nói. Nhưng...

— Cả tôi nữa cũng bị sự tức giận lời oán, Men-le thú nhận, và ông chia tay ra.

Sự hoà thuận đã thắng. Hai địch thủ giảng hoà, quyết định lúc này để Hát-di Mô-ra ở dinh ông chủ tướng và sau đó gửi chàng đến viên chỉ huy trưởng cánh tả quân.

Vị anh hùng của câu chuyện, ở phòng bên mặc dầu không hiểu người ta nói gì, cũng đoán đúng được có gì liên hệ đến mình; chàng hiểu mình là đầu đề cuộc tranh luận, người Nga đặc biệt lưu tâm đến vấn đề chàng ra rời Sa-min và bởi vậy nếu chàng không bị đưa đi đây ải hoặc giết chết, chàng có thể đối với người Nga đưa ra những yêu sách trọng đại. Và nữa, chàng biết rằng Men-le, mặc dầu là chỉ huy trưởng lại không có thế lực như vị phụ tá của ông, vương tước Vô-rôn-zốp vì vương tước có thể thủ một vai trò quan trọng hơn là Men-le Za-xô-men-ki.

Chính vì thế, khi vị chủ tướng cho gọi Hát-di Mô-ra đến hỏi, chàng không rời bỏ cái vẻ uy nghi và kiêu hãnh và chàng quả quyết là chàng rời miền núi là để phục vụ Bạch đế (1). Chàng nói thêm rằng chỉ riêng với vị tổng tư lệnh, đặt tại bản doanh tại Ti-phít, chàng sẽ báo cáo tất cả những hành động của chàng.

VII

Ấn-độ-l, anh thương binh, được chở đến trạm cứu thương, đặt trong một ngôi nhà nhỏ, mái đẹp, ở cửa pháo đài. Người ta đặt chàng vào gian phòng chung. Đã có bốn bệnh nhân ở đấy. Một người đang giãy giụa, bị bệnh thương hàn hành hạ, người khác xanh xao, quầng mắt thâm, bị đau đớn vì những cơn sốt rét và luôn luôn ngáp. Hai bệnh nhân còn lại bị thương trong một cuộc xâm nhập của quân Thái-đát, ba tuần trước đây, người đứng, bị thương ở cổ tay, người kia, ngồi trên giường bị thương ở vai.

(1) Ak-padichah : trước vị do dân Hồi gọi Hoàng đế Nga ; danh từ trắng đây có nghĩa là « tự do, cao quý »

Tất cả, ngoài người mắc bệnh thương hàn, đều đến bao quanh người mới đến và hỏi han chàng.

— Đôi khi đạn bay như mưa và chẳng có gì xảy ra và bạn này họ chỉ bắn có năm phát, một người khiêng cáng nói.

— Mỗi người một số phận.

— Ối ! Âu-đệ-i kêu, giầy vò bởi sự đàn dòn khủng khiếp khi người ta đặt chàng xuống giường.

Khi chàng nằm trên giường, vẻ mặt chàng bỗng buồn bã vô hạn, chàng không còn rên rỉ nữa, nhưng chân chàng cựa quậy luôn. Với bàn tay co quắp, chàng giữ lấy vết thương và chầm chầm nhìn phía trước mặt. Bác sĩ yêu cầu người ta đặt người bị thương nằm sấp xuống để xem viên đạn có xuyên qua lưng không.

— Cái gì đây ? ông hỏi, nhân thấy hai cái sẹo lớn bất tráo nhau ở lưng và ở mông.

— Thưa ngài, đã lâu rồi, Âu-đệ-i đáp và thở dài.

Đó là những vết roi chàng bị trừng phạt vì lấy tiền trong quỹ của trung đoàn.

Âu-đệ-i lại bị lật lại. Bác sĩ dò xét lần vết thương, tìm thấy viên đạn, nhưng không thể

gấp ra được. Ông băng bó vết thương và rời căn phòng. Trong suốt thời gian này, Âu-đệ-i mắt nhắm, nghiêng rặng lại, khi bác sĩ đi khỏi, chàng ngẩng mắt và nhìn xung quanh vẻ ngạc nhiên. Mắt chàng chăm chăm nhìn các bệnh nhân và người y tá, nhưng thật ra chàng không nhìn thấy họ và trông ngấm một vật gì khác làm chàng ngạc nhiên.

Các bạn chàng, Pa-nô và Sơ-ri-ô-ghin đến. Âu-đệ-i vẫn nằm như trước, nhìn trước mặt chàng. Lâu mãi, chàng không nhận ra được các bạn mặc dầu họ đứng gần chàng.

Pa-nô hỏi :

— Anh có muốn gửi tin gì về nhà không ?

Âu-đệ-i chăm chăm nhìn bạn, nhưng không đáp.

— Tôi hỏi anh, nếu anh có muốn viết thư về nhà không ? Pa-nô khẩn khoản nói và chàng dưng vào tay lạnh và lớn của người bị thương.

Bỗng Âu-đệ-i hồi tỉnh.

— À ! Anh An-tô-nít !

— Phải, tôi đến đây. Anh có muốn gửi vài chữ về nhà không ? Sơ-ri-ô-ghin sẽ viết giúp anh.

— Sơ-ri-ô-ghin à ? Âu-đệ-i nói, quay lại nhìn anh này. Anh muốn giúp tôi sao ? Vậy viết đi : « Pi-e, con trai của bố chúc bố sống lâu. Trước nó ghen tị với anh nó. Con đã nói với bố điều này. Bây giờ con hài lòng về anh con. Mong rằng anh con sống lâu. Xin Thượng đế che chở cho anh con. Con rất hài lòng về anh con ». Anh viết thư như thế.

Sau khi nói những lời này, Âu-đệ-i chăm chú nhìn Pa-nô và yên lặng một lúc lâu.

— Anh đã tìm thấy cái pip chưa ? bằng chàng hỏi.

Pa-nô không đáp.

— Tôi nói cái pip, cái pip, anh đã tìm thấy chưa ? Âu-đệ-i nói nữa.

— Nó ở trong túi dết của tôi.

— Phải đấy, phải đấy. Và bây giờ, cho tôi một ngọn nến. Tôi chết bây giờ, Âu-đệ-i nói.

Giữa lúc này, Pôn-tô-rát-ki vào ; chàng đến thăm lính của chàng.

— Ê ! người anh em, không khá sao ? chàng hỏi.

Người bị thương, mắt nhắm, lã đầu ; mặt

chàng tái mét và buồn. Không trả lời viên sĩ quan, chàng lại bảo Pa-nô.

— Cho tôi ngọn nến, tôi sắp chết.

Người ta cho chàng cây nến, nhưng bàn tay chàng đã cứng nhắc, người ta kẹp cây nến vào những ngón tay chàng và người ta giúp chàng giữ cây nến. Pôn-tô-rát-ki đi ra. Năm phút sau, viên y tá đặt tai vào trái tim Ân-đê-i và ngẩng lên, y nói là Ân-đê-i đã chết.

Bản báo cáo gửi đến Ti-phít về cái chết của Ân-đê-i được viết như sau : « Ngày 23 tháng một, hai trung đội của trung đoàn Ku-ra 8 pháo đài ra để đón cây. Vào khoảng trưa, một đoàn quân sơn cước đông đảo bất ngờ tấn công họ. Tiền đồn bị hạ, nhưng trung đội thứ hai phản công và giải tán quân sơn cước. Quân sơn cước mất khoảng một trăm người, vừa chết vừa bị thương ».

VIII

Ngày mà Pi-e Ân-đê-i chết ở bệnh viện Vô-vi-danh-kai-a thì cha già của anh chàng, vợ người anh mà chàng thay thế nhập ngũ và người con

gái người anh cả của chàng, đã đính hôn, đang bận đập lúa mạch trên sân giá lạnh. Đêm trước, tuyết rơi rất nhiều vào lúc rạng đông và trời quá công buổi.

Ông già tỉnh dậy vào lúc gà gáy lần thứ ba đi ở trên gác xếp để đồ xuống, đi giày, mặc áo khoác lót bông, lấy mũ và đi ra sân. Ông làm ở đấy liền hai giờ, rồi vào nhà và đánh thức con trai và bọn đàn bà dậy.

Khi những người này và thiếu nữ đến vừa thớm, công việc dọn dẹp đã xong xuôi cả. Một chiếc xẻng trắng xóa găm xuống tuyết đầy bụi bặm gần một cây chổi phong. Người bố lúa mạch xếp thành hai hàng, buộc bằng một sợi dây thừng dài. Những người làm thào các dây buộc và bắt đầu đập lúa. Ông già lấy chiếc đòn gánh đập mạnh để làm gãy rơm, thiếu nữ đập các bông lúa và người con dâu lật ngược lại những bó lúa. Ánh trắng tắt trong ánh sáng ban ngày ; ông già làm xong một bó khi An-kim, người con trai lớn đến, đội mũ và khoác một chiếc áo choàng ngắn.

— A ! « Máy lại đóng vai một thằng biếng nhác rồi ! » Ông bố kêu, ngừng lại không đập lúa và chống lên chiếc đòn gánh

— Nhưng còn phải trông nom bầy ngựa, An-kim đáp.

— À! ngựa thì bà già trông coi cũng được. Hãy cầm lấy đòn. Máy mạp quá rồi, thẳng say rượu kia!

— Không phải ông cho tôi tiền uống rượu! thẳng con trai găm lên.

— Thế nào? Ông già hỏi, giọng nghiêm nghị, cầm chiếc đòn đập xuống sân.

An-kim không nói gì, cầm chiếc đòn và công việc có bốn người làm tiến mau hơn.

Khi bó lúa đập xong, bọn đàn bà bắt đầu rút rơm ra bằng những chĩa.

— Pi-e, thẳng khốn nạn! máy thế nào?

Và nói với An-kim:

— Nếu máy đi lính, người ta diệt trừ sự ngu dại của máy, trong khi đó nó có giá trị hơn máy năm lần,

— Thôi cha, đủ rồi, người con dâu vừa nói vừa ném những bó lúa.

— Phải nuôi các người và không một người nào trong các người làm việc. Pi-e làm việc bằng hai người, nó không như các người...

Trên con đường mòn do những người đi bộ xẻ ra trên tuyết, giữa ngôi nhà và sân, bà cụ già hiện ra ; đôi giày mới của bà quấn thêm vài lớp tuyết kền như người nghiêng rặng. Đàn ông gom lửa vào những chiếc sọt, trong khi đàn bà quét.

— Viên quản lý của lãnh chúa đã đến. Tất cả chúng ta đều phải đến lâu đài tái gạc, bà già nói. Tôi đã làm bữa điểm tâm. Thôi về ăn.

Ông già nói :

— Được, An-kim đóng xe và đi. Nhưng hãy lưu ý, đừng có để xảy ra việc như lần trước để ta phải chịu trách nhiệm cho mày với ông lãnh chúa. Hãy lấy thằng Pi-e làm gương.

— Khi nó còn ở nhà, chính nó người ta mắng mỏ. Bây giờ nó đi vắng, lại đến lượt tôi.

— Có thể mày xứng đáng phải mắng, bà mẹ nói vẻ bất mãn, không phải mày sẽ thay thế thằng Pi-e đâu.

— Được, được, người con trai nói.

— Cố nhiên là dễ dàng nói : được, được, ông già nói tiếp. Mày đã bắt đầu nướng rựa với tiền bán bột và bây giờ mày nói : được, được !

Người ta không nói đến hai lần những lời đã qua người con dâu can thiệp.

Và tất cả mọi người, đặt đôn xuống, trở vào nhà.

Những sự xích mích giữa bố và con trai bắt đầu từ ngày Pi-e nhập ngũ. Ngay lúc này, ông già đã cảm thấy ông đòi một con phượng lấy một con chim gay. Thật ra thì theo pháp luật, như ông già cũng hiểu, chính là người con trai chưa có con cái phải đi thay anh đã có bốn con. Nhưng P-e quá giống bố trong lẽ lối làm việc... Chàng khéo léo, đảm đang, mạnh khỏe, dai sức và nhất là cần mẫn.

Luôn luôn ông làm việc. Khi ông đi qua trước mặt những người làm công, theo gương bố, chàng lại ngừng lại giúp đỡ họ, lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ người khác: chàng hái hai hàng lúa, chắt lên xe, đốn một cây lớn hoặc cưa xẻ gỗ. Ông già nhớ tiếc Pi-e, nhưng biết làm thế nào? Đi lính cũng không trốn tránh được như không trốn tránh được cái chết. Pi-e nhập ngũ đối với bố chàng chẳng khác gì đem cắt tay ông đi. Khi ông nghĩ đến người con út, lòng ông se lại, nhưng vô ích; vì vậy, rất ít khi, và riêng chỉ với ý định hạ

già người con lớn, như ông vừa nói, là ông mới nhắc đến người vắng mặt.

Trái lại, bà mẹ luôn luôn nhắc đến tên chàng và đã từ một năm nay, bà yêu cầu gửi cho con một ít tiền. Ông già trả lời bằng sự yên lặng.

Những nông nô ở Kou-ren-rô giàu có và ông già Au-đê-i có tiền giầu, nhưng không vì một lẽ gì ông chịu đựng vào số tiền dành dụm. Bây giờ nghe thấy chồng nói về Pi-e, bà mẹ muốn lợi dụng cơ hội để khẩn khoản một lần nữa với ông, và yêu cầu ông gửi tiền cho con trai, sau vụ bán lúa mạch, ít nhất một rúp.

Khi những người trẻ đã đi đến làm việc tại nhà ông lãnh chúa và chỉ còn hai ông bà già, bà lại yêu cầu nữa và được lời hứa hẹn. Khi hạt lúa sạch sẽ được chất lên ba xe và che phủ cẩn thận bằng một nắp gỗ, người nông dân già ngồi trên xe, bà vợ đưa cho ông một bức thư gửi cho Pi-e do bà đọc cho viện trợ tế ở giáo đường viết ; và ông già hẹn khi đến thành phố, ông sẽ cho một rúp vào phong thư và gửi đến tay Pi-e.

Ông mặc một chiếc áo khoác lót lông và một áo choàng mới và đi đội giày ống bằng

dạ rất ấm, bỏ phong thư vào trong áo choàng, đọc một bản kinh và lên đường ra thành phố. Ông ngồi trên xe thứ nhất và cháu trai ông theo ông ở xe thứ hai. Đến thành phố, ông nhờ một người gác cổng đọc cho ông bức thư và chăm chú nghe về tán thành. Trong bức thư, người mẹ chúc con sự tốt lành, rồi sự nhớ nhung của tất cả những bè bạn và những bà con quen thuộc; bà báo tin cho con trai biết là cha đỡ đầu của Pi-e đã chết, và cuối thư bà nói thêm là A-si-ni-a (vợ Pi-e) không muốn ở với hai ông bà và nàng đã đi nơi khác. Người ta kể lại là nàng sống sung sướng và lương thiện. Bà mẹ ghi thêm cả đồng rúp gửi làm quà cho con; sau đấy, viện trợ tế ghi lại từng lời của bà già đọc, mắt chan hòa giọt lệ: « Con yêu dấu, con quý mến của mẹ, mắt mẹ khô ráo vì khóc nhiều. Mặt trời đầu còn chói sáng đối với mẹ. Tại sao con lại bỏ mẹ? » Nói đến những lời này, bà già lại khóc và nói: « Phải, đúng như vậy. »

Và chính bức thư được viết đúng như thế, nhưng số phận không muốn rằng Pi-e nhận được những tin cuối cùng này, rằng vợ chàng bỏ nhà ra đi, chàng nhận được một rúp và những lời cuối cùng của mẹ chàng.

Bức thư và tiền được gửi trả lại, với tin là Pi-e đã chết ngoài mặt trận, « cho Nga Hoàng, Tổ quốc và Giáo hội chính thống ». Đó là những lời mà viên thư ký trong quân đội đã viết. Nhận được tin này, bà già khóc mãi, rồi lại tiếp tục làm việc. Chủ nhật sau, bà đến giáo đường, xin một lễ cầu hồn, ghi tên Pi-e vào sổ những người quá cố và phân chia đồ lễ cho những người hiền lành để hồi tưởng chàng vốn là một tội đồi của chúa.

A-si-ni-a cũng thốn thức khóc được tin chồng yên dẫn chết, người chồng mà nàng mới chung sống được một năm. Nàng hỏi tếc, nào chồng nàng, nào cả đời nàng lỡ dở ; trong nỗi buồn vô tận, nàng hình dung lại mở toang hung đỏ của Pi-e Mi-khai-lô-vit, cảm thấy nàng yên chàng biết bao, trách móc chàng đã thương xót anh chàng mà không thương xót nàng đã sống lang thang giữa những người xa lạ.

Nhưng ở trong thâm tâm, A-si-ni-a lại hài lòng về cảnh goá bụa. Quả vậy, nàng đã có mang với viên quản lý, nàng đã đến ở nhà y, và bây giờ thì không còn ai có quyền trách móc nàng. Và có thể rằng người yêu của nàng sẽ lấy nàng, như y vẫn thường nói trong những lúc y muốn làm mềm lòng nàng.

IX

Me-sen Sơ-mi-ô-nô-vít Vô-rôn-zốp đã được giáo hóa ở Anh-sát-lợi con một vị đại sứ Nga ở Luân-đôn, ông là một trong số những viên chức cao cấp rất hiếm có đã nhận được một nền giáo dục Tây phương rất vững chắc. Ông có nhiều tham vọng, tính dịu dàng, có những cử chỉ âu yếm và trong những sự tiếp xúc với những thuộc viên ông không bao giờ từ bỏ cái vẻ thanh tao. Ông không quan niệm cuộc đời mà không có sự áp dụng những nguyên tắc của uy quyền và phục tùng uy quyền ấy. Ông đã qua tất cả các cấp bậc và có những huy chương cao quý nhất và được tiếng là một quân nhân có giá trị, người thắng Nã-phá-luân ở Kê-rát-nô-l-ô. Năm 1852, ông đã hơn bảy mươi tuổi, tuy vậy ông vẫn rất tráng kiện, đi lại nhẹ nhàng và nhất là trí tuệ luôn luôn minh mẫn. Ông biết dùng mọi cách khéo léo tất cả những đức tính này để duy trì địa vị, củng cố và làm lan rộng thêm danh vọng của ông. Ông có một gia sản lớn, thêm của

hồi môn của bà nữ bá tước Bờ-ra-nic-ka (1) thật không kể xiết. Vả nữa, với địa vị phó vương, ông được một số lương rất lớn mà ông đã bỏ ra rất nhiều để xây một lâu đài nguy nga (2) ở phía nam Cờ-ri-mê.

Tối ngày 7 tháng chạp năm 1851, một người đưa thư đi trên một xe ba ngựa ngừng trước lâu đài ở Ti phit. Một sĩ quan, người bám đầy bụi và như một mối, mang một thông điệp của tướng Kô-lô-ki về việc Hát-di Mô-ra hàng phục, đã qua trước bọn lính canh và tiến vào những hành lang rộng của lâu đài vị phó vương. Lúc ấy vào sáu giờ, Vô-rôn-zốp sửa soạn đi dự bữa tiệc tối khi người ta báo tin với ông có người đưa thư đến. Ông tiếp người mang thư ngay, khiến ông đến chậm một vài phút. Khi ông vào phòng khách, khoảng ba mươi quan khách, những người này bao quanh nữ vương tước E-li-sa-bét, những người khác tụ họp gần các cửa sổ, quay ngay lại phía ông. Vô-rôn-zốp đeo ở cổ áo

(1) Con gái bá tước Ba-lan Xavle Branicki và Alexandre Engelhardt, cháu gái và thừa kế gia tài của vương tước Potemkine.

(2) Lâu đài nổi danh Aloupka, theo kiến trúc Đông Phương.

chiếc quần công bội tinh trắng, ông mặc một áo ngắn đen không có nút với những鈕 cài vai. Ông hơi đầu và khuôn mặt cao nhẵn nhụi mỉm cười vui vẻ, trong khi mắt ông chăm chăm nhìn khắp cả mọi người. Đi mau lẹ vào, ông yêu cầu các bà thứ lỗi cho sự chậm trễ, chào quan khách và ngừng lại trước nữ vương tước Ma-na-nê Ô-bô-li-a-ni, xứ Gê-óc-gi, một vị phu nhân có sắc đẹp tuyệt vời, mặc dầu đã bốn mươi lăm tuổi, vẻ kiêu kiễm theo kiểu Á-đông, vóc người bệ vệ. Ông dẫn nữ vương tước đến bàn ăn, đưa cánh tay mời bà. Nữ vương tước Ê-li-sa-bét Xa-vê-ri-ê-na cầm tay vị tướng có mái tóc hung đỏ và bộ ria vênh, mời gia nhập xã hội này. Một vị vương tước xứ Gê-óc-gi dẫn nữ bá tước Soát-sơn, bạn của nữ vương tước. Bác sĩ An-đê-ê-ký, các vị hộ vệ quan và các vị khách khác, những người này dẫn các bà, những người khác đi riêng biệt, đến tới bàn ăn theo hai cặp đi đầu. Các gia nhân mặc chề phục, đi bí tất và giầy, kéo ghế ra và đẩy gần vào để các quan khách ngồi, trong khi anh đầu bếp, vẻ bệ vệ như canh nóng bốc hơi ở một chiếc liên bằng bạc ra. Vô-rôn-zốp ngồi ở chỗ giữa chiếc bàn dài, ở trước mặt ông bà là nữ vương tước, nội tướng của ông, ngồi cạnh viên tướng. Người ngồi cạnh ông về bên mặt là nữ

vương trước Ô-bê-li-a-ni điểm lệ, ở bên trái là một nữ vương trước khác xứ Gê-éc-gi, thân người tuyệt đẹp, màu da nâu, má hồng hào, y phục lộng lẫy, vẻ tươi cười.

— Tối hảo, thưa bạn quý, Vô-rôn-zép trả lời nữ vương trước hỏi ông tin tức do viên sĩ quan mang đến.

— Sĩ-môn được may mắn. (1)

Ông nói to kể lại để tất cả các quan khách có thể nghe được cái tin xúc động này — đối với ông không phải bất ngờ, vì ông rõ có những sự thương lượng kéo dài đã từ lâu — về việc Hát-di Mô-ra, viên tướng của Sa-min bỏ sang hàng ngũ Nga, một chiếc sĩ anh hùng trong một hai ngày nữa sẽ đến Ti-phít.

Tất cả những quan khách, cả những người ít tuổi, các hộ vệ quan và các viên chức ngồi ở đầu bàn đang vừa cười vừa nói chuyện bỗng yên lặng và đều lắng tai nghe.

— Và còn ngài, ngài đã gặp Hát-di Mô-ra chưa? nữ vương trước hỏi ông bạn láng giềng, viên tướng hàng đỏ, có bộ ria vàng, khi vị phó vương im.

— Thưa nữ vương trước, nhiều lần rồi.

(1) Nói tiếng Pháp.

Và viên tướng kể lại bằng cách nào năm 1813, sau khi quân sơn cước chiếm được Gye-dơ-bin, Hát-di Mô-ra đã bất ngờ tấn công những đoàn quân do tướng Pát-sét chỉ huy và giết trước mặt họ đại tá Zê-lô-tu-khin. Vô-rôn-zốp, vẻ tươi cười và mãn nguyện nghe viên tướng nói dông dài, nhưng bỗng vẻ mặt ông thay đổi, trở nên lơ đãng và băn khoăn.

Viên tướng nhắc lại cuộc gặp gỡ thứ hai của ông với Hát-di Mô-ra.

— Thưa Phò vương, chắc ngài còn nhớ, đó là một cuộc hành quân giải tỏa mà Ngài đã tổ chức.

Câu chuyện mà viên tướng chính trực gọi là « một cuộc hành quân giải tỏa » là một cuộc hành quân bất hạnh ở Đác-gô. Quả vậy, tất cả đoàn quân, kể cả vị chỉ huy, vương tước Vô-rôn-zốp, đáng lẽ đã bị diệt, nếu không có quân mới đến tiếp viện giải thoát. Tất cả mọi người đều rõ rằng cuộc hành quân Đác-gô này, do Vô-rôn-zốp hoạch định và chỉ huy làm tổn hại cho người Nga một số lớn tử trận, bị thương, thêm vài cỗ đại bác là một hành động quân sự điên rồ. Vì vậy, ai nói về cuộc hành quân này trước mặt Vô-rôn-zốp, đều trình bày theo một quan điểm như vị phò

vương đã làm trong bản phúc trình lên Nga hoàng, nghĩa là đây là một chiến công lừng lẫy của quân đội Nga. Tuy nhiên, danh từ « giải toả » đã chỉ rõ ràng đây không phải là một chiến công rục rỡ, nhưng đúng là một lỗi lầm làm thiệt hại một số lớn binh sĩ. Tất cả mọi người đều hiểu ý nghĩa của viên tướng nhưng những người này làm ra bộ không hiểu hết ý nghĩa những lời của ông, và những người khác, bần khổ, chờ đợi kết quả bài hùng biện của ông. Những người khác nữa nhìn nhau mỉm cười. Riêng có viên tướng hung dữ không nhận thấy gì : lời oán bởi câu chuyện, ông điềm tĩnh trả lời

— Thưa phó vương, giải toả.

Lao vào đề mục ưa thích, ông kể lại từng chi tiết làm thế nào « anh chàng Hát-di Mô-ra kia đã cắt làm hai một cách rất khôn khéo đạo quân Nga và nếu ông không lại giải toả — ông nhấn mạnh với giọng đặc biệt chữ giải toả — thì tất cả bị tiêu diệt, v.v... »

Viên tướng chưa kịp nói hết câu thì nữ vương tước Ô-bê-bi-a-ni, tiên đoán những hậu quả của câu chuyện, ngắt lời người nói và hỏi ông về ngôi nhà ông ở Ti-phít. Viên tướng ngạo nhiên nhìn mọi người xung quanh và chăm chú nhìn viên hộ vệ quan của ông

ngồi ở đầu bàn và anh chàng này lại chòng chọc nhìn ông lại vẻ nghiêm nghị và đầy ý nghĩa : ông tưởng hiểu. Ông không trả lời vương tước, mặt ông sa sầm xuống và ông bắt đầu yên lặng ngắm nghiền những sao lương mỹ vị được đem đến mời ông, những thức ăn chưa bao giờ ông trông thấy và ông cũng chưa biết hương vị. Tất cả mọi người đều cảm thấy khó chịu, nhưng vị vương tước xứ Gô-ôc-gi ngồi đối diện nữ vương tước Vô-rôn-zốp cứ vẫn được tinh thể. Ông không thông minh, nhưng vốn quen sống với cuộc đời trong triều chính, lại là một kẻ nịnh hót điêu luyện. Và làm như mình không biết chuyện gì, ông kể lại, với giọng lớn, làm thế nào Hát-di Mô-ra đã bắt cóc goá phụ của Ác-mê-khan ở Mê-tu-linh.

— Chàng tấn công làng ban đêm, lấy những gì chàng ưa thích và biến dạng với chiến lợi phẩm.

— Và tại sao chàng lại bắt cóc người đàn bà đó ? nữ vương tước hỏi.

— Vì chàng là địch thủ của chồng nàng mà cho đến khi ông này chết chàng vẫn muốn gặp. Chàng đổ sự hận thù vào người vợ.

Nữ vương tước dịch những lời này sang

tiếng Pháp cho bà bạn già của bà, nữ bá tước Soái-sơn, ngồi gần vị vương tước xứ Gi-óc-gi.

— Còn sự khùng khiếp nào hơn ! (1) nữ bá tước kén lên, nhắm mắt lại và lắc đầu.

— Không hẳn thế, Vô-rôn-zốp nói và mỉm cười.

— Người ta quả quyết với tôi rằng Hát-di Mô-ra có một thái độ thật hào hiệp với nữ tù binh của chàng mà sau đó chàng đã thả.

— Nhưng có phải nên chuộc không ?

— Cố nhiên, nhưng ít nhất chàng cũng đối xử cao thượng với nàng.

Những lời của vị phó vương là khởi điểm cho một số đầy dẫy những giai thoại về Hát-di Mô-ra.

Những người ở lâu dài đều hiểu rằng khi phong đại tể tướng quan trọng về Hát-di Mô-ra, họ sẽ làm cho vị phó vương hài lòng ra mặt.

— Con người đó can đảm một cách dị kỳ ! Một người phi thường !...

— Thí dụ, năm 1849, giữa ban ngày, chàng ủa vào thành phố Tê-mia-khan Chu-ra và cướp hết các cửa hàng.

Một người xứ Áo-mê-ni, ngồi ở đầu bàn

(1) Núi băng tiếng Pháp.

và ở Té-mia-khan Chu-ra vào thời chiến công này diễn ra kể lại chuyện. Nói tóm lại, suốt bữa ăn đều chú trọng về những câu chuyện liên hệ đến người dân miền sơn cước. Tất cả đều ca tụng lòng can đảm, trí thông minh và tình cao thượng của chàng. Có người nhắc lại việc Hat-di Mô-ra ra lệnh tửu tiên hai mươi sáu tù binh, nhưng được oan trả lời tấm thương này.

« Biết làm thế nào? Phải kiên tâm chịu sự khốn khó do tình thế gây nên. » (1)

— Đó là một bậc vĩ nhân.

— Nếu chàng sinh ra ở Âu-châu, có lẽ chàng đã là một Nã-phá-luân mới, vị vương tước xứ Gê-éc-gi nói, vốn chẳng thông minh gì, nhưng rất tài nịnh hót. Ông biết rằng nói đến Nã-phá-luân, mà do đó vương tước Vô-rôn-zốp đã đoạt được chiến quân công bội tinh trắng, phải làm cho vị phó vương vui thú.

— Đừng nói là Nã-phá-luân, nhưng một vị đại tướng, về kỹ binh, Vô-rôn-zốp đề nghị.

— Nếu không phải là Nã-phá-luân thì ít nhất cũng là Muy-ra.

— Và chàng lại tên là Hat-di Mô-ra.

(1) Nói bằng tiếng Pháp.

— Hát-di Mô-ra rời núi, đó là chung cục của Sa-min, người khác nói.

— Họ cảm thấy lúc này (danh từ lúc này có một ý nghĩa đối với Vô-rôn-zốp) họ không thể chống giữ được nữa, một người khác nói thêm.

— Tất cả như thế là đều nhờ phó vương (1) nữ vương trước Ma-na-nô Ô-bê-li-a nói.

Vương trước Vô-rôn-zốp cố làm diu làn sóng nịnh bợ đang đe dọa tràn ngập ông, nhưng dầu sao, ông cũng cảm thấy hai lòng và thật là khoan khoái ông dẫn người láng dềng đẹp sang phòng khách khi tiệc tan.

Cà-phê được đem ra. Vương trước tỏ ra rất nhã nhặn với tất cả các quan khách và khi nói với viên tướng ra về, ông cố tỏ ra là ông không lưu ý đến sự vụng về của ông này.

Sau khi trao đổi với mỗi người một vài lời ông bắt đầu đánh bài. Người cùng chơi với ông là vị vương trước xứ Gê-éc-gi, một vị tướng xứ Ác-mê-ni mà tên hân phòng ông phó vương đã dạy đánh bài và bác sĩ An-đê-ô-kỳ, một tay cự phách trong giới. Sau khi

(1) Nữ hoàng Pháp.

đặt bên cạnh ông chiếc bót thuốc lá bằng vàng có in hình hoàng đế A-lê-san đê nhất, Vô-rôn-zốp bắt đầu chia bài thì một lên bàn phòng người Ý, Gi-ô-va-ni mang một bức thư đặt trên một chiếc khay bạc vào.

— Thư phó vương, lại một thư nữa.

Vô-rôn-zốp xin lỗi xé bao thư và bắt đầu đọc. Bức thư của con trai ông kể coi tiết việc Hát-di Mô-ra về hàng và cuộc xích mích của chàng với Men-le Lu-kô-men-ki. Nữ vương trước lại gần và muốn biết con trai viết gì.

— Vẫn là một vấn đề. Y có một vài sự bất bình với viên chỉ huy trưởng. Si-môn đã làm lẫn. Nhưng tất cả đều tốt miễn là kết quả tốt (1), ông nói và đưa bức thư cho vợ.

Rồi ông trở lại bàn với những người đánh bài đang kính cần chờ ông và yên cần họ cầm lại quân bài.

Khi bài được chia rồi, vương tước Vô-rôn-zốp mở hộp thuốc lá, dấu hiệu ông đặc biệt vui vẻ và với bàn tay trắng, già, và nhăn nhu, ông lấy một ít thuốc lá Pháp, đưa lên môi và hít.

(1) Nói tiếng Pháp.

X

Ngày hôm sau, khi Hát-di Mô-ra tới trình diện phó vương Vô-rôn-zốp thì tiền đình lâu đài đầy chật quan khách. Vị tướng có ria mép vênh, mặt quân phục lộng lẫy, với tất cả những chiến công bội tinh đến để xin cáo lui. Ở đây, có cả một vị chỉ huy trung đoàn, bị đe dọa đưa ra tòa vì những vụ biến thủ trong việc tiếp tế cho trung đoàn của ông; một người Ác-mê-ni giàu có được phép độc quyền bán rượu vô-ka và được báo sĩ An-đê-ê-ký che chở muốn gia hạn giấy phép này; goá phụ một sĩ quan mới bị giết, đến để xin một số tiền trợ cấp và mong rằng sự giáo dục con cái của bà được chính phủ đài thọ cho phí tổn. Còn có cả một vị vương tước Gê-éc-gi bị hoàn toàn phá sản, mặc một bộ y phục rục rở của xứ sở, tìm cách xin một lãnh thổ thuộc quyền sở hữu của Giáo hội.

Ở đây còn có một viên cảnh sát trưởng mang một cuộn giấy lớn có một kế hoạch hành quân và những phương pháp mới có thể chinh phục mau chóng miền Cô-ec, và

sau cùng một viên xã trưởng, đến đề sau đó có thể về nhà kể chuyện là đã được vị phó vương tiếp.

Người nào cũng đợi lượt mình được tiếp. Một viên hộ vệ quan trẻ, đẹp và tóc vàng, dẫn các vị khách vào phòng giấy của vương tử, người này sau người nọ. Hơi khập khiễng, nhưng bước đi quả quyết, khi Hát-di Mô-ra vào tiền đình chàng nghe thấy rõ ràng ở khắp từ phía thì thầm tên chàng.

Chàng mặc một chiếc áo choàng trắng, phía trong một chiếc áo dài màu gạch có thêu một ren bạc nhỏ. Chàng đi đôi giày ống làm bằng hai mảnh, ống giày đen và phần dưới bỏ lấy bàn chân. Chàng đội chiếc mũ tròn phủ một chiếc khăn, chính vì chiếc mũ này chàng đã bị tướng Kờ-lu-giơ-nô bắt: theo lời tố cáo của khả hãn Ác-giơ-mét, và do thế chàng đã quyết định hàng phục Sa-min.

Hát-di Mô-ra đi ngang qua tiền đình, thân người rất đẹp hơi nghiêng về phía chân thọt. Với cặp mắt lớn chàng bình tĩnh nhìn trước mặt, nhưng hình như chàng không nhìn thấy ai. Viên hộ vệ quan đẹp trai chào chàng và mời chàng ngồi chờ y vào báo với phó vương. Hát-di Mô-ra từ chối lời mời và tay đặt vào

dao găm, một chân để phía trước, chàng đứng nguyên một chỗ, vẻ khinh bỉ ngăm mọi người từ đầu đến chân. Viên thông ngôn, vương tước Ta-kha-nô đến tự giới thiệu và bắt đầu nói với chàng. Hát-di Mô-ra bắt đầu dĩ trả lời một cách vắn tắt. Vương tước xứ Ku-mít độ đơn kiện viên cảnh sát trưởng ở phòng giấy phó vương đi ra.

Ngay tức thời, viên bộ vệ quan dẫn Hát-di Mô-ra vào. Vị phó vương tiếp chàng đứng cạnh bàn của ông; khuôn mặt xanh và nhẵn nhiu của ông không còn tươi vui như tối qua, nhưng trang nghiêm.

Vào trong căn phòng rộng, có kê một chiếc bàn đồ sộ soi sáng bởi những cửa sổ lớn có treo màn cửa màn xanh, Hát-di Mô-ra đặt hai bàn tay thanh nhã và rằm nắng lên ngực vào chỗ áo choàng của chàng bắt treo và chàng nói rành rẽ, vẻ ễ phép, bằng tiếng Ku-mít mà chàng nói thạo.

— Tôi xin đặt mình dưới sự che chở tối cao của Đại đế và của Ngài. Tôi hứa phục vụ trung thành và đến giọt máu cuối cùng của tôi, bạch đế và tôi hy vọng giúp ích được trong trận chiến tranh với Sa-min, kẻ thù của tôi và của ngài.

Vừa nói, hai người chăm chăm nhìn nhau. Con mắt của hai người, khi giao nhau, giải thích nhiều điều mà lời lẽ không diễn tả được và trong tất cả những trường hợp những điều khác hơn là viên thông ngôn phiên dịch. Những cái nhìn đó không đối trả. Con mắt của vương tử Vô-rôn-zốp quả quyết rằng mệnh lệnh của tổng tư lệnh không tin một lời nào của Hát-di Mô-ra vừa nói vì ông hiểu rằng con người này là kẻ thù bất động đại thiên của người Nga từ trước đến nay, và mãi mãi sẽ vẫn như thế, và nếu chẳng có hàng phục là vì chẳng có lối thoát nào khác nữa. Con người miền núi dự đoán những ý nghĩ của viên tổng tư lệnh, nhưng ít nhất vẫn thể quyết sự trung thành của mình. Con mắt của Hát-di Mô-ra muốn nói lên rằng ông già kia có lẽ mong ước cái chết của chàng hơn là chiến tranh, rằng ông xảo quyết mặc dầu ông già nua và cần phải thận trọng đối với ông. Về phần Vô-rôn-zốp, ông cũng ước đoán những ý nghĩ của người đối thoại với ông, nhưng ông nói với chàng vì việc này có lợi ích cho binh nghiệp của ông có thể dễ bề tiến triển.

Ông ra lệnh cho viên thông ngôn (Vô-rôn-zốp vẫn máy tào với những sĩ quan trẻ) :

— Hãy nói với ông ta rằng hoàng đế của chúng ta rất nhân từ, nhưng cũng rất có thể lực, ta mong rằng Ngài sẽ lun ý đến lời thỉnh cầu của ta và sẽ trọng dụng ta.

« Anh đã thông dịch chưa ? Ông hỏi vương tước Ta-kha-nô và chăm chăm nhìn Hát-di Mô-ra.

« Trong khi chờ đợi lời phúc đáp của vị chủ nhân tối cao của ta, ta sẽ cho chàng ở ở ăn ở và cố gắng làm cho những ngày chàng ở đây được dễ chịu. »

Hát-di Mô-ra đặt một bàn tay lên trái tim và nói mau lẹ một vài lời.

Chàng nói, như viên thông ngôn dịch là xưa kia, khi chàng là thống đốc dân A-ra, chàng đã phục vụ một cách trung thành người Nga và không bao giờ chàng phản bội nếu kẻ thù của chàng, Ác-mê-khan, không vu khống chàng với tướng Kơ-lu-giơ-nô.

— Ta biết việc ấy, ta biết việc ấy, Vô-rôn-zốp đáp (ông có biết việc này nhưng quên đã từ lâu).

— Ta biết việc ấy, ông nhào lại nữa và ngồi xuống, chỉ chiếc trường kỷ kê trước tường cho Hát-di Mô-ra.

Nhưng chàng vẫn đứng, rút đôi vai vạm vỡ tướng như chàng không thể quyết định

ngồi trước một nhân vật có nhiều thế lực như thế được.

— Khả hãn Ác-mê và Sa-min cả hai đều là kẻ thù của tôi. Khả hãn Ác-mê chết trước khi tôi kịp có thời giờ báo thù. Nhưng Sa-min còn sống và trước khi chết, tôi không thể không bắt y trả món nợ, Hát-di Mô-ra nói, cau lông mày và nghiêng răng lại.

— Phải, phải, Vô-rôn-zốp bình tĩnh nói.

« Nhưng làm thế nào ông ta có thể báo thù Sa-min được? vương tước hỏi viên thông ngôn, và ông nói thêm: Nói với ông ấy là ông có thể ngồi xuống được.

Hát-di Mô-ra từ chối và đáp câu hỏi của Vô-rôn-zốp là chàng về với người Nga là để giúp họ tiêu diệt Sa-min.

— Được lắm, được lắm, Vô-rôn-zốp nói. Và ông ấy có ý thế nào? Ngồi xuống, ngồi xuống.

Hát-di Mô-ra ngồi xuống và tuyên bố rằng nếu người ta cấp cho chàng quân đội và phái chàng đến xứ Lê-ghin, chàng bảo đảm sẽ làm trời dậy cả xứ Đa-ghét-tăng và Sa-min sẽ không thể chống giữ được nữa.

— Được lắm, có thể được. Ta sẽ suy nghĩ về việc này, Vô-rôn-zốp nói.

Khi viên thông ngôn dịch những lời này, Hát-di Mô-ra có vẻ ưu tư.

— Ông nói hộ với vương trước rằng gia đình tôi bị kẻ thù cầm tù, và khi gia đình tôi còn ở trên núi tôi đành bó tay và không sao hành động được. Sa-min sẽ giết vợ tôi, mẹ tôi và các con tôi nếu tôi tiến quân đánh y ; nhưng nếu vương trước giải thoát được gia đình tôi bằng cách đánh đuổi với tù binh, lúc ấy hoặc tôi sẽ tiêu diệt Sa-min hoặc tôi sẽ chết.

— Hay lắm, hay lắm, Vô-rôn-zốp nhào lại khi người ta dịch những lời này cho ông nghe. Tôi sẽ suy nghĩ về những điều này. Bây giờ hãy bảo ông ta đến viên tham mưu trưởng và cắt nghĩa tỉ mỉ cho ông này về hoàn cảnh, những ý định và ước vọng của ông ta.

Cuộc đàm thoại đầu tiên giữa Hát-di Mô-ra và Vô-rôn-zốp kết thúc như vậy.

Ngay buổi tối hôm ấy, ở sân hi vọng, xây dựng theo kiểu Đông phương, người ta diễn một ca kịch Ý. Vô-rôn-zốp ngồi ở ghế lò của ông. Vóc người đặc biệt của Hát-di Mô-ra, đội chiếc khăn, bỗng hiện ra ngay phía dưới sau dàn nhạc. Chàng vào gian phòng, đi hơi

thời một chút, cùng với Lô-rí-mê-li-kô họ vệ quan của Vô-rôn-zíp và ngồi ở hàng đầu. Chẳng lẽ nghe cảnh thứ nhất với thái độ trang nghiêm đặc biệt của phương Đông và của những người Hồi hồi, không bày tỏ một chút ngạc nhiên nào, nhưng đứng hơn với một sự thờ ơ hoàn toàn, rồi chàng đứng dậy, chằm chằm nhìn khán giả một cách bình tĩnh và đi ra ngoài phòng sau khi làm cho cả mọi người phải lưu ý đến chàng Hôm sau, ngày thứ hai, một dạ hội được tổ chức tại lâu đài pho vương. Ở trong gian phòng lớn đèn sáng trưng, người ta nghe thấy một đàn náo hòa tấu trong thửa vườn mùa đông. Các bậc phu nhân, trẻ cũng như có tuổi, mặc áo hở cổ, óáy tay và cổ hở, khêu vũ với những ông mặc quân phục màu sáng tươi. Gần tử đồ ăn, những người hầu mặc chế phục đỏ, bít tất trắng và giày đen bóng, rót rượu sâm banh và đi khắp phòng mời bánh kẹo các vị phu nhân. Nội tướng vị pho vương cũng mặc dạ phục, mặc dần bà không còn trẻ nữa ; bà đi lại tro g phòng vẻ mặt tươi vui ; bà đi cùng với một viên thông ngôn và trao đổi một vài lời khắ ái với Hát-di Mô-ra. Chẳng cũng vẫn ngắm cảnh tượng với vẻ lãnh đạm như bữa qua. Sau lượt nữ chủ nhân, các vị phu nhân khác cũng chạy

lại, và không ngượng ngáp chút nào, bao quanh Hát-di Mô-ra ; tất cả các bà đều hỏi chàng một câu, tất cả đều hỏi chàng ngbĩ thế nào về những việc chàng trông thấy ở xung quanh chàng.

Vô-rôn-zốp đeo ngà vàng và dây quàng ở cánh tay, chiếc quần công bội tình trắng ở cổ áo và quần quanh mình hay chương hạng nhất cũng đến chỗ Hát-di Mô-ra đứng và cũng hỏi đúng câu này, tin tưởng rằng những gì ông trông thấy đã làm hài lòng khách. Há -d. Mô-ra trả lời ông, như đã trả lời những người khác, rằng tất cả những thứ này ở xứ chàng không có, mà chàng cũng chẳng tỏ bày ý kiến là hay hoặc dở.

Khi đồng hồ điểm mười hai tiếng, chàng kiểm soát lại giờ ở chiếc đồng hồ mà Ma-ri Va-si-li-ê-na đã biếu chàng và hỏi Lô-ri Mô-li-kô xem chàng có thể rút lui được không. Viên hộ vệ quan trả lời được, nhưng nói thêm rằng tốt hơn không nên đi ngay. Tuy vậy, Hát-di Mô-ra không muốn nán lại lâu hơn nữa ; chàng trèo lên chiếc xe người ta dành riêng cho chàng và trở về nhà.

XI

Năm ngày sau khi Hát-di Mô-ra đến Ti-phít, chàng tiếp viên hộ vệ quan của vị phó vương tổng tư lệnh đến thăm chàng.

Đầu và tay tôi sưng sưng được lại trông thấy Ngài, chàng nói với vẻ thanh lịch hàng ngày, cái đầu xuống và đặt tay vào trái tim. Xin Ngài cứ sai khiến tôi, chàng nói thêm về hoà nhĩ, nhìn vào tận mắt Lô-ri Mê-li-kô. (1)

Viên hộ vệ quan ngồi xuống một chiếc ghế bành gần bàn.

Hát-di Mô-ra ngồi trên chiếc trường kỷ và khuyển tay tựa vào đầu gối, đầu cúi xuống, chàng chăm chú nghe Lô-ri Mê-li-kô vốn nói thạo tiếng Thát-đát.

Viên hộ vệ quan nói rằng vương tước, mặc dầu đã biết, vẫn muốn được nghe Hát-di Mô-ra tự kể lại đời chàng.

(1) Loris-Mellikov : Michel Loris-Mellikov (1825-1888), nguồn gốc Arménie, về sau là đại tướng nổi danh trong trận đánh với quân Thổ, được phong bá tước và làm thủ tướng các năm 1880 — 1881.

— Ông nói, tôi sẽ ghi ; tôi sẽ dịch sang tiếng Nga và vương lược sẽ đệ trình câu chuyện của ông lên Hoàng đế.

Hát-di Mô-ra yên lặng (không những chàng không bao giờ ngắt lời những người đối thoại, nhưng bao giờ chàng cũng chờ để trả lời, như để biết nếu một vài lời sẽ còn được nói thêm vào những lời đã nói), rồi chàng ngẩng đầu, hít chiếc mũ trùm ra phía sau và mỉm cười với nụ cười thơ ngây đã chinh phục Ma-ri Va-si-li-ê-na.

— Tôi đồng ý với Ngài, chàng nói, vẻ thích thú hiện ra rõ ràng với ý nghĩ là tiểu sử của chàng sẽ được Hoàng đế đọc.

— Ông hãy kể đời sống của ông cho tôi nghe từ lúc khởi đầu và đừng vội vã, Lô-ri Mê-li-kô nói, rút ở trong túi ra một quyển sổ.

— Tôi muốn lắm, nhưng có nhiều, có nhiều đề kể. Rất có nhiều biến cố trong đời tôi.

— Nếu ông không kể hết một ngày, chúng ta sẽ tiếp tục ngày hôm sau.

— Có phải kể từ đầu không ?

— Phải, từ đầu, ông sinh ở đâu, ông sống ở đâu ?

Hát-di Mô-ra lại cúi đầu xuống và trầm

ngắm một lúc lâu; rồi cầm một chiếc đĩa ở gần trường kỷ, chàng rút ở lỗ hồng con dao găm, cán bằng ngà viền vàng, một con dao nhỏ bằng thép, lưỡi thật sắc như lưỡi một con dao cạo và bắt đầu vừa nói vừa gọt chiếc đĩa.

— Ông cầm viết đi. Tôi sinh ở Sen-mét, một làng nhỏ lờn bằng đầu một con lừ, như người ta nói ở xứ chúng tôi trên núi.

Cách đây không xa, cách hai trăm sòng bản là Kun-sát, lâu đài của phiên hầu. Gia đình chúng tôi giao du mật thiết với gia đình ông. Khi anh lớn tôi, Ô-man, ra đời, mẹ tôi vừa cho anh tôi bú vừa cho con phiên hầu A-bu-nu zan bú nữa, rồi bà lại cho con thứ hai của ông ta, Um-ma bú nữa khiến sữa của bà cạn hết. Ấc-mét, anh thứ hai tôi chết vì thế. Khi tôi ra đời, nữ hầu cũng sinh một con trai phiên hầu Bu-lát. Lần này, mẹ tôi không muốn làm vú nuôi nữa. Cha tôi ra lệnh cho bà phải làm, nhưng mẹ tôi từ chối. Bà nói : « Tôi sẽ làm con tôi đói, tôi không đi ». Cha tôi với nóng tính liền lấy dao găm đánh mẹ tôi và ông đã giết bà nếu người ta không giữ lại kịp. Và như vậy, bà không rời tôi nữa ;

bà soạn cả cho tôi một bài hát... nhưng kể ra đây có lẽ vô ích chẳng?

— Không, không, hãy kể đi, Lô-ri Mô-li-kô nói.

Hát-di Mô-ra đắm đuối trong những kỷ niệm của chàng. Chàng nhớ lại khi mẹ chàng vào giường gần bà, dưới một chiếc áo tơi lằng đàng cườ, trên hiên nhà họ và khi chàng hỏi mẹ chia cho chàng xem những dấu vết thương bà đã bị đâm vào phía cạnh sườn. Chàng nhớ lại bài hát và đọc những lời:

« Con dao găm bằng thép của chàng đâm vào ngực trắng ta, nhưng ta đã đặt lên ngực ta mặt trời, con trai của ta. Ta lau chùi con ta bằng máu nóng và vết thương đã hàn lại không cần đến cỏ và rễ thuốc. Ta không sợ cái chết, con trai D.-ghít của ta sẽ cũng chẳng hãi sợ ».

Và người mẹ ấy, mẹ tôi, nay ở trại của Sa-min, và chính phải cứu bà, Hát-di Mô-ra nói thêm.

Chàng nhớ lại cái giếng trong lòng núi mà bám lấy nó mẹ, chàng đi theo bà ra giếng lấy nước. Chàng nhớ cả lần thứ nhất mẹ chàng cạo đầu chàng và nhớ cả sự kinh ngạc của chàng khi thấy in trong một chiếc bể bằng đồng

bóng treo ở tường cái đầu tròn và xanh của chàng. Chàng nhớ con chó gầy của chàng đã liếm mặt chàng, mùi đặc biệt của hơi và sữa chua, những bánh kẹp mẹ chàng làm. Chàng nhớ một ngày mà bà đến ông nội chàng và đặt chàng vào một chiếc sọt bà đeo trên lưng. Chàng nhớ ông chàng da nhẵn nhiu, bộ râu trắng, chạm tro bạc với bàn tay nời gân và bắt chàng đọc kinh.

— Phải, mẹ tôi còn từ chối không cho một đứa trẻ khác nữa bú, chàng nói tiếp và lắc đầu. Nữ hầu muốn một người vú khác, nhưng vẫn thương mến mẹ tôi. Người vú mới dẫn chúng tôi đến nhà phiên hầu, chúng tôi chơi đùa với các con ông và vợ ông yên tất cả chúng tôi. Phiên hầu có ba con: A-bô-ru-zan, anh em đồng sữa với anh Ô-man của tôi, Um-ma, đáng lẽ là anh em đồng sữa với tôi, và người con út Bô-lạch mà Sa-min ném xuống vựa sâu.

Nhưng tôi sẽ kể những việc này về sau đây. Tôi lên mười lăm tuổi khi bọn cận vệ về làng. Chúng đập guom gỗ lên những tảng đá và kêu: « Người Hồi hồi, Kha-za-vát » (1). Người

(1) Khazavat (hay Gazavat): Thành chiến chống người Công giáo.

Thất-đất đã theo bọn cận vệ, người A-va cũng theo gương họ. Vào thời này, tôi sống ở lân đài. Viên tù trưởng coi tôi như anh em, tôi muốn làm gì cũng được và tôi trở nên giàu có. Tôi có ngựa, khí giới và tiền bạc nữa. Tôi sống vui thú và chẳng nghĩ đến gì. Tôi sống như vậy cho đến khi Ka-zi Mu-la bị ám sát và Gam-za lên thay thế.

Gam-za gửi một tối hậu thư cho tất cả các viên tù trưởng, ra lệnh cho họ phải chấp nhận trận thánh chiến, nếu không y sẽ diệt hết các bộ lạc. Đền này cần phải suy nghĩ. Các phiên hầu, vốn sợ người Nga và không muốn chấp nhận trận thánh chiến. Nữ hầu phải coa bà là Um-ma và tôi đến Ti-phít để yên cần sự che chở của viên chỉ huy Nga chống lại Gam-za. Đó là nam tước Rô-sen. Không tiếp chúng tôi, nhưng ông cho người báo là sẽ giúp chúng tôi, nhưng trên thực tế ông không làm gì. Các sĩ quan của ông đến chỉ để chơi bài với Um-ma. Họ dẫn chúng đi uống rượu, đến những chốn đáng đếm và chúng mất hết của cải. Um-ma khỏe như bò mộng, dũng cảm như sư tử, nhưng tâm hồn chúng lại lỏng như nước. Chúng sẽ mất hết những con ngựa cuối cùng và những khí giới

của chàng nên tôi không lời kéo chàng đi. Những ngày tôi sống ở Ti-phít đã khiến tôi thay đổi ý kiến, nhưng khi trở về xứ, tôi lại cố thuyết phục nữ hầu và các con bà nên chấp nhận trận thành chiến.

— Tại sao anh thay đổi ý kiến ? Lô-ri Mê-li-kô hỏi, người Nga làm ông khó chịu chẳng ?

Hát-di Mô-ra yên lặng một lúc, rồi chàng nói, giọng xẵng :

— Phải, họ làm tôi không hài lòng và chàng nhắm mắt lại. Một lý do khác nữa khiến tôi chấp nhận trận thành chiến, chàng nói thêm.

— Cái gì đó ?

— Phiên hầu và tôi có một cuộc đụng độ với bốn cận vệ ở Sen-mét Hai đưa trong bốn chúng đều thoát ; tôi hạ đứa thứ ba với khăn súng lục của tôi. Khi tôi đến gần y để lột khi giới, y còn sống. Y nhìn tôi chòng chọc và nói : « Máy giết tao. Điều đó không hề trọng. Nhưng mày là người Hồi hồi, trẻ và khoẻ mạnh. Hãy chấp nhận trận thành chiến. Thượng đế muốn thế. »

— Và thế nào ? Ông chấp nhận sao ?

— Tôi không có chấp nhận, nhưng bắt đầu nghĩ đến, Hát-di Mô-ra đáp.

Và chàng nói tiếp :

— Khi Gam-za đến gần Khu-zát, chúng tôi cử những vị bộ lão đến báo cho y biết là chúng tôi chấp nhận trận thành chiến và yêu cầu y phải đến chúng tôi một người thông thái, có thể giải thích cho chúng tôi biết cách thực hiện trận thành chiến thế nào. Gam-za ra lệnh cắt râu và đục thủng mũi các vị bộ lão, treo vòng vào dây và đuổi họ về. Các vị bộ lão kể lại rằng Gam-za thỏa thuận phải một viên tù trưởng để chỉ dẫn cho chúng tôi trận thành chiến, nhưng với điều kiện nữ hầu của chúng tôi phải gửi người con út đến làm con tin. Gam-za tiếp đón niềm nở Bộ-lạch, rồi yêu cầu đưa đến cả mấy người con lớn nữa. Và nữa, y cho biết là y muốn phục vụ các vị phiên hầu, như cha y đã xử sự. Nữ hầu vốn nhu nhược, ngu ngốc và tàn bạo, như tất cả những người đàn bà tự chủ, và nữa... Tuy vậy, bà hỏi nghĩ và chỉ phải có một người con trai đến, đó là Phiên hầu Umma. Tôi đi cùng với chàng. Lúc đi dọc đường, cách nhà Gam-za một cây số, bọn cận vệ tiến lên gặp chúng tôi : chúng ca hát, nổ súng và nhảy nhót xung quanh chúng tôi. Khi chúng tôi đến,

Gam-za thân chinh ra tiếp Um-ma với nghi lễ dành cho một vị Phiên hầu. Y nói :

— Tôi không bao giờ làm điều gì hại đến gia đình Ngài và tôi cũng không muốn làm hại đến Ngài nữa. Tôi chỉ yêu cầu Ngài có một điều là đừng giết tôi và cho phép tôi tuyền linh cho trận thánh chiến. Còn tôi, tôi sẽ phục vụ Ngài với quân đội của tôi, như cha tôi đã phục vụ tiên hầu trước. Xin Ngài để cho tôi sống trong gia đình Ngài. Tôi sẽ giúp Ngài với những lời khuyên dụ của tôi và Ngài sẽ hành động theo sở thích của Ngài.

Phiên hầu Um-ma vốn ăn nói khó khăn, và không biết nói thế nào, chàng im lặng Tôi liền nói rằng nếu sự việc như vậy, Gam-za phải tới Khu-zát, phiên hầu và phu nhân sẽ tiếp đón với tất cả những vinh dự thích đáng. Nhưng họ ngắt lời tôi và chính lúc này bỗng xảy ra một chuyện bất ngờ giữa tôi và Sa-min, đứng cạnh vị giáo trưởng (1).

« — Không phải người ta nói với anh, y bảo tôi, nhưng với phiên hầu.

« Tôi im lặng ; Gam-za dẫn Sa-min về lầu.

(1) Chữ vị « giáo trưởng » (Iman) ở đây dành cho Gam-za ; Sa-min sẽ thay thế sau đây.

« Tôi trở về nhà. Các sư giả cổ thuyết phục nữ hầu gửi cốt người con trai lớn đến cho Gam-za. Trước trước là oam bầy, tôi can ngăn bà, nhưng ai cũng hiểu rằng nếu quả trứng có bao nhiêu tức thì nữ hầu có chừng ấy trí xét đoán. Bà bị thuyết phục và ra lệnh cho con trai đến gặp Gam-za. A bộ-nu-za không muốn đi. Bà mẹ cho đó là chàng sợ hãi. À ! bà biết chăm sóc, như một con ong vẽ, vào chỗ nhay cảm. Bị xử phạm, người con trai im lặng và truyền động ngựa. Tôi cùng đi với chàng Gam-za tiếp đón chàng niềm nở hơn là tiếp đón Uu-ma. Y thân chinh đi đón chúng tôi, cách lều hai tầm súng. Các kỵ sĩ đi theo y, mang dấu hiệu trận thành chiến, dánh điện dánh cảm. Khi chúng tôi đến trại, Gam-za dẫn người thanh niên vào lều của y, trong khi tôi đứng lại với bảy ngựa.

« Tôi đang đứng ở chân đồi thì nghe thấy tiếng súng nổ trong căn lều ấy. Tôi chạy xô lại. Phiên hầu Uu-ma nằm sóng sượt trên đất, đầu ướt đầm đìa máu, anh chàng đang đấu với bốn cận vệ. Tay trái chàng ôm mặt bị một vết thương khủng khiếp, còn tay phải lăm lăm một con dao găm chàng đâm bất cứ người nào đến gần. Chàng giết trước mắt tôi một

người em của Gam-za, rồi lăn xả vào người khác, nhưng giữa lúc này bọn cận vệ xả súng bắn và chàng ngã quỵ.

Hát-di Mô-ra im lặng và người ta trông thấy máu dồn lên khuôn mặt rúm nắng và cặp mắt chàng nảy lửa. Chàng nói tiếp.

Tôi hãi sợ và bỏ chạy.

— À ! à ! Lô-ri Mê-li-kô nói, tôi tưởng ông không bao giờ biết sợ !

Sau đấy, không bao giờ nữa. Tôi không thể quên sự hồ thẹn tôi cảm thấy lúc ấy và mỗi lần tôi nghĩ đến, tôi không sợ hãi gì nữa.

XII

— Bây giờ, đủ rồi, đã đến giờ cần nguyện, Hát-di Mô-ra nói.

Và lấy ở túi ra chiếc đồng hồ của Vô-rôn-zốp lặng, chàng thận trọng đẩy vào chiếc lò xo, khẽ nghiêng đầu về một bên, và chàng mỉm cười lắng nghe, với nụ cười ngây thơ quen thuộc của chàng. Chiếc đồng hồ đánh mười hai tiếng mười lăm phút.

Chàng nói :

— Đây là quà của ông bạn Vô-rôn-zốp của tôi.

— Phải. Đồng hồ của ông đẹp lắm, Lô-ri Mê-li-kô nói. Ông cần kinh đi, tôi chờ ông.

— Ya-ke-di ! Hát-di Mô-ra đáp và lui vào phòng ngủ.

Lô-ri Mê-li-kô ghi vào trong cuốn sổ những đoạn quan trọng nhất về câu chuyện chàng vừa nghe, rồi chăm điều thuốc, chàng đi ngang đi dọc. Đến gần phòng bên, chàng nghe thấy có người thảo luận sôi nổi bằng tiếng Thát-đát. Chàng hiểu đó là những vũ sĩ của Hát-di Mô-ra, chàng liền mở cửa và đi vào.

Gian phòng đầy mùi mỡ ôi vốn vẫn quyện vào người dân miền núi.

Anh chàng Gam-gia-lô hung đỏ, mặc chiếc áo khoác da cừu rách và bẩn, ngồi gần cửa sổ, trên một chiếc áo len gấp lại.

Chàng đang sửa lại chiếc dây cương và bàn cãi sôi nổi, giọng khàn khàn. Khi Lô-ri Mê-li-kô vào, chàng bắt nói và tiếp tục công việc không lưu ý đến khách lạ. Gã Kham Ma-gôm tươi vui, hàm răng trắng nõn và cặp mắt sáng ngời, ngồi trước mặt chàng. Gã nhể đi nhể lại có một việc.

Còn Ea-đa, chàng trai xinh đẹp, tay áo vén lên trên cánh tay nài bấp thịt, đang đánh bóng chiếc yên ngựa treo vào một cái móc. Kha-uê-phi không có trong phòng, u đang làm cơm trong bếp.

— Các anh thảo luận gì thế? Lô-ri Mê-li-kô hỏi Khan Ma-gôm, sau khi chào tất cả mọi người.

— Gã chỉ tán tụng Sa-min, Khan Ma-gôm đáp và bắt tay viên sĩ quan.

— Theo gã, Sa-min là một bậc vĩ nhân : thông thái, đạo đức và hòa hiệp.

— Vậy tại sao gã lại bỏ đi? Gã bỏ đi và gã lại tán tụng hẳn.

— Thế nào, anh coi hẳn như một vị thần thánh ư?

— Nếu ông ta không phải là thánh nhân, dân chúng dân cô theo ông, Gam-gia-lô đáp, giọng xẵng.

— Không phải là Sa-min, chính Mam-sua mới là một thánh nhân, một thánh nhân chân chính, Khan Ma-gôm nói. Khi ông là giáo trưởng, dân chúng khác xa, có đầu như bây giờ. Ông qua khắp các làng và đám đông đi đón, người người hôn gấu áo choàng của ông, hối tiếc đã phạm tội lỗi và thờ

thốt không bao giờ làm điều xấu xa nữa. Những người già và kẻ lại vào thời ấy tất cả mọi người đều sống trong đạo đức. Họ không hút thuốc, không uống rượu, không bao giờ quên cầu nguyện, tha thứ lẫn nhau những tội lỗi, ngay khi máu đã đổ. Và khi người ta bắt được tiền bạc hoặc những đồ vật gì, người ta treo những thứ này vào một cây tre choa trên các ngã đường. Vào thời ấy, chính ngay Thượng đế cũng ra tới dân chúng; và tất cả đều khác xa bây giờ.

— Ngay bây giờ nữa, trên triền núi, dân ông cũng không hút thuốc và uống rượu, Gam-gia-lô đáp.

— Sa-m'n của anh là một kẻ xấu xa chẳng đáng xá gì! Khan Ma-gôm cãi lại và nhìn Lô-ri Mè-li-kô.

— Một kẻ xấu xa sống trên núi như chim ưng! Gam-gia-lô nói, cắt đứt cuộc thảo luận.

— Hoan hô, nơi tuyệt hay, Khan Ma-gôm nói, nhe hai hàm răng trắng bóng, vẻ hai lòng lộ hẳn ra vì lời đáp khôn khéo của địch thủ.

Trông thấy trong tay Lô-ri Mè-li-kô chiếc hộp thuốc lá, gã yền cầu cho gã hút. Viên sĩ quan bảo rằng gã bị cấm đoán điều này, nhưng Khan

Ma-gôm nháy mắt và chỉ căn phòng của Hát-di Mô-ra cãi lại rằng việc này được phép khi không ai trông thấy. Và ngậm vung về điều thuốc giữa cặp môi đỏ, gã bắt đầu hút vọi vàng và thở phì ra từng làn khói.

— Cái đó không tốt, Gam-gia-lô nói giọng nghiêm nghị và đi ra khỏi phòng.

Khan Ma-gôm liếc nhìn chàng và tiếp tục hút, hỏi Lô-ri Mê-li-kô mua ở đâu được giá rẻ một chiếc áo khoác và một chiếc mũ trùm trắng.

— Thế nào, anh có nhiều tiền sao ?

— Tôi có khá khá.

— Hãy hỏi hẳn lấy ở đâu mà có nhiều tiền thế ? Eu-da nói và mỉm cười, quay khuôn mặt đẹp về phía Lô-ri Mê-li-kô.

— Tôi được bạc, Khan Ma-gôm sốt sắng trả lời.

Gã kể lại tối qua, đi dạo chơi trong thành phố Ti-phít, gã đã gặp một bọn người Nga và Áo-mê-ni đánh sắp ngựa. Số tiền đặt quan trọng, nhiều tiền bạc và ba đồng vàng. Khan Ma-gôm nhận xét được ngay ván bài và làm ken lêng xềng những đồng tiền trong túi gã bước vào bàn bạc và báo rằng gã đặt tất cả số tiền này.

— Thế nào tất cả sao ? Anh có khá tiền không ? Viên sĩ quan hỏi.

— Tôi có mười hai kô-péc, Khan Ma-gôm đáp và cười.

— Và nếu anh thua cả ?

— Thì đây !

Và Khan Ma-gôm chỉ khẩu súng lục.

— Sao ? Anh sẽ cho súng à ?

— Tại sao lại cho ? Tôi sẽ bỏ chạy và nếu ai đuổi tôi sẽ giết y, có thể thôi.

— Anh được sao ?

— À ! Tôi vỡ hết và bỏ đi.

Lô-ri Mê-li-kô rất hiền biết Khan Ma-Gôm và En-đa. Người thứ nhất vui vẻ, một kẻ ăn chơi lu bù, không biết làm gì với sự sung mãn với sinh lực dồi dào của mình, nhẹ dạ, luôn luôn tươi vui và đùa giỡn cả đời mình và đời người khác ; đó là sự ham thích mạo hiểm nay đã dẫn dắt chàng đến với người Nga và ngày mai, chàng lại có thể quay về với Sa-min. En-đa, bình tĩnh, mạnh khỏe, cương nghị và trung thành với chủ tướng, đến Ti-phít là tự mình hiền biết thế nào là lẽ phải. Nhưng Gam-gia-lô là cả một sự huyền bí. Không

những chàng hoàn toàn trung thành với chủ tướng của Sa-min, nhưng chàng còn thêm nhập một ý tưởng bất khuất khinh bỉ và chán ghét tất cả những gì của người Nga và Lô-ri Mê-li-kô không giải thích được tại sao Gam-gia-lô đã bỏ sang hàng ngũ mình. Và nữa, cái ý kiến vốn được các vị cao cấp của chàng chia sẻ là sự hàng phục của Hát-di Mô-ra và mối thù với Sa-min chỉ dôi trá càng còn lâu trong đầu óc chàng cùng với ý nghĩ là người bạn đồng minh đến đây chỉ để khám phá những nhược điểm của người Nga; rồi chàng nghĩ thêm rằng nếu việc đã như vậy, chàng sẽ để cho những lực lượng miền núi tiến về những căn cứ được bảo vệ ít nhất. Về câu đích của Gam-gia-lô càng làm vững chắc thêm ý kiến của chàng.

Những kẻ kia và chính cả Hát-di Mô-ra đồng tình với nhau để cho đây những ý nghĩ thiết thực; nhưng tên này đã lộ chân tướng vì tỏ ra khinh bỉ chúng ta, Lô-ri Mê-li-kô nghĩ.

Chàng cố gọi chuyện với Gam-gia-lô hỏi xem ở đây y có buồn không. Vẫn không ngừng công việc, mặt lờm Mê-li-kô, gãi đầu bầm, giọng khàn khàn :

— Không, tôi không có buồn.

Và cũng với điện bộ ấy gã trả lời tất cả những câu hỏi.

Lô-ri Mê-li-kô vẫn còn đẩy khi chàng vũ sĩ thứ tư của Hát-di Mô-ra vào, đó là Kha-nê-phi.

Mở tóc rậm che cả mặt, cõ và ngựa chàng. Chàng là một người khỏe mạnh, nói ít, một người làm việc hăm hở không bao giờ nghỉ không và thực hiện tất cả những mệnh lệnh của chủ, không nói một lời nào. Lô-ri Mê-li-kô hỏi quê chàng ở đâu và phù trợ Hát-di Mô-ra từ bao giờ.

Kha-nê-phi đáp

— Từ lăm năm nay. Chúng tôi người cùng làng. Cha tôi giết chủ ông ấy và họ cũng muốn giết cả tôi nữa, chàng bình tĩnh nói thêm, nhìn vào mặt viên sĩ quan. Tôi liền yêu cầu ông coi tôi như anh em.

— Như thế là nghĩa lý gì, nhận lăm anh em ?

— Tôi để cho tóc và móng tay mọc trong hai tháng. Sau đấy, tôi đến nhà họ. Họ tiếp đón tôi và dẫn tôi đến gặp bà mẹ. Bà cho tôi bú : như thế tôi là anh em của họ.

Từ phòng bên nghe thấy tiếng nói của Hát-

đi Mô-ra. Chàng gọi En-đa và chàng vũ sĩ bước mau qua phòng khách.

— Chủ tướng tôi muốn gặp ông, chàng nói với Lô-ri Mê-li-kô lúc trở lại Mê-li-kô cho anh chàng Khan Ma-gôm vui về một điều thuốc lá nữa và tới gặp viên tướng miền núi.

XIII

Khi Lô-ri Mê-li-kô vào phòng khách, Hát-di Mô-ra vui vẻ tiếp chàng.

— Chúng ta có tiếp tục không ? chàng hỏi và ngồi xuống trường kỷ.

— Cố nhiên rồi. Tôi nói chuyện với bọn vũ sĩ của ông. Trong số có một gã tươi vui lắm.

— Quả vậy, Khan Ma-gôm.

— Chàng thanh niên đẹp trai làm tôi hài lòng lắm.

— À ! En-đa phải không ? Y còn trẻ, đó là một con người sắt đá.

Cả hai người im lặng trong giây lát.

— Tôi có phải tiếp tục kể không ?

— Vàng, vàng.

— Tôi đã nói các phiên hầu bị tàn sát thế nào. Sau khi họ bị giết, Gam-za tiến vào Khu-zát và chiếm lâu đài của phiên hầu.

Nữ hầu vẫn ở đấy. Một ngày kia, Gam-za cho gọi bà đến. Trong lúc nói chuyện, với một ám hiệu cho tên vũ sĩ A-sa-đa, tên này giết ngay bà với một nhát dao găm đâm sau lưng.

— Nhưng tại sao y lại giết người đàn bà ấy ? Lô-ri Mê-li-kô hỏi.

— Y còn hành động sao được nữa ? Khi người ta đã đi bước đầu, phải đi thêm những bước khác. Cần phải trừ tuyệt giống và y đã làm. Chính tay Sa-min đã giết người con út của phiên hầu bằng cách đẩy chàng xuống vực sâu. Tất cả dân A-va đều quy phục Gam-za, riêng có anh tôi và tôi từ chối không chịu tuân theo y. Chúng tôi muốn báo thù cho các phiên hầu. Chúng tôi giả vờ hàng phục, nhưng chúng tôi không ngớt nghĩ đến việc trả thù. Sau khi đã nói chuyện này với ông chúng tôi, chúng tôi quyết định ẩn tàng sau những bức tường lâu đài để ám sát Gam-za khi y đi ra. Nhưng có kẻ nào đánh hơi biết cuộc ám mưu của chúng tôi và tố giác với Gam-za. Y gọi ông chúng tôi đến và bảo :

« Hãy coi chừng. Nếu thật tình cáo người quyết định chống đối ta, cáo cháu mi và cả mi nữa sẽ bị treo cổ. Ta chỉ biết phụng sự Thượng đế và không được cản trở công việc của ta. Bây giờ, về đi và đừng có quên lời ta vừa nói ».

Trở về nhà, ông nội chúng tôi nhắc lại cho chúng tôi biết những lời của Gam-za. Chúng tôi liền quyết định thực hiện kế hoạch của chúng tôi không chờ đợi lâu nữa, ngay ngày đầu buổi lễ ở giáo đường Bè bạn của chúng tôi từ chối việc này và chúng tôi còn lại có hai người, anh tôi và tôi.

Hai chúng tôi mỗi người võ trang một khẩu súng lục, mỗi áo khoác lưng chúng tôi đến giáo đường. Gam-za đến, theo sau có mười hộ vệ sĩ, tất cả đều cầm gươm inốt trần. Tên hộ vệ sĩ A-sa-đa, thân nhất của y ở sát bên chủ. Trông thấy chúng tôi, y ra lệnh cho chúng tôi cởi bỏ áo khoác và tiến lại gần tôi. Tôi lăm lăm con dao găm. Múa dao lên, tôi nhảy xổ lại Gam-za. Nhưng anh Ô-man tôi đã bồi cho y một phát súng lục. Gam-za chỉ bị thương và y nhào vào Ô-man ; tôi nổ súng và bắn bẻ sọ y. Hộ vệ sĩ có ba mươi tên và chúng tôi chỉ có hai người. Chúng giết anh tôi ; còn

về tôi, mở được đường rút lui, tôi nhảy qua cửa sổ và chạy trốn.

« Khi tin Gam-za chết lan tràn, dân chúng nổi dậy, bọn vệ sĩ lần trốn và những tên nào không thoát kịp đều bị diệt trừ.

Hát-di Mô-ra thở dài.

— Cho đến lúc này, mọi việc đều trôi chảy, chàng nói tiếp, nhưng sau đó tình hình ung thôi. Sa-min thay thế Gam-za. Qua các sứ giả, gã cho tôi biết là tôi phải tiến quân đánh quân Nga ; nếu tôi từ chối, y sẽ tàn phá Khu-zát và giết tôi. Tôi đáp là tôi không đến nhà y và tôi cũng không để cho y xâm nhập vào khu của tôi.

— Tại sao ông không muốn đến nhà Gam-za ? Lô-ri Mê-li-kô hỏi.

Hát-di Mô-ra sa sầm mặt xuống và sau một lúc chàng đáp :

— Không thể được, Sa-min đã giết anh Ô-man của tôi và phiến hầu A-bộ-nu-zan. Tôi từ chối không theo mệnh lệnh của y. Đại tướng Ro-sen phong tôi chức sĩ quan với nhiệm vụ quản trị xứ A-va-ri. Thật hoàn hảo, nhưng sau khi giao việc điều khiển xứ A-va-ri cho phiến hầu Ma-hô-mê Mia-za, sau đó lại giao cho phiến

hầu Ác-mê. Vị phiên hầu này khinh miệt tôi. Ông muốn hỏi con gái một vị phiên hầu khác cho con trai ông, nhưng ông bị cự tuyệt. Ông tưởng đó là vì tôi và từ đó ông thù ghét tôi và ủy cho các vũ sĩ của ông giết tôi. Tôi xa lánh. Chính lúc này ông va khống tôi với đại tướng Kờ-lu-giơ-nô, nói với ông rằng tôi cấm dân A-va cung cấp gỗ cho quân lính. Ông nói thêm rằng tôi đội chiếc khăn này — và Hát-di Mô-ra chỉ chiếc khăn ông đang đội — có ý là tôi theo Sa-min. Ông đại tướng không tin việc này và cấm không cho được đụng đến tôi. Nhưng ít lâu sau, ông đi Ti-phít ; và phiên hầu Ác-mê được tự do hành động theo ý muốn của ông ; ông cho một đội quân vây tôi, tôi bị bắt, xiềng xích và buộc vào một cỗ đại bác. Tôi bị hành hạ như vậy sáu ngày ; ngày thứ bảy, họ tháo tôi ra và dẫn đến Tô-mia Khan sở. Bốn mươi tên lính dẫn giải tôi, súng đều nạp đạn và họ được lệnh nổ súng nếu tôi định tẩu thoát. Tôi biết việc này và tay tôi lại bị trói buộc. Chúng tôi gần đến Mô-sô. Đến chỗ đường rất hẹp và ở đây có một vực sâu khoảng một trăm năm mươi bộ, tôi lách được đến gần vực thẳm và tôi định nhảy xuống ; một tên lính cố ngăn cản tôi, nhưng tôi lúi tuột hẳn xuống cùng với tôi. Tên lính chết ngay, tôi còn sống. Xương sườn,

đầu, tay và chân, tất cả đều mang thương tích. Tôi định trèo lên, nhưng không còn sức. Tôi bị suy nhược một lúc và ngủ thiếp đi. Tôi tỉnh dậy, đầm đìa máu. Một gã chăn chiên phát giáo tôi, gọi tiếp viện và người ta khiêng tôi vào làng. Những thương tích ở sườn và đầu đều khỏi. Cả chân tôi cũng lành, nhưng một chân hóa ra ngắn lại...

Và Hát-di Mô-ra giờ chân bị thương.

— Nhưng thế không phải là tôi không làm việc được.

Và chàng tiếp tục kể câu chuyện.

— Dân chúng đều rõ tin này và thường thường họ đến thăm hỏi tôi. Khi tôi thấy khỏe mạnh hẳn, tôi đến ở hẳn Sen-mét. Dân A-va yêu cầu tôi trở lại cai trị họ. Hát-di Mô-ra nói thêm, với vẻ hãnh diện bình tĩnh chắc chắn. Tôi nhận lời.

Bỗng chàng đứng dậy, rút ở trong ví ra hai bức thư đã biến ra màu vàng vì thời gian, và đưa một bức cho Lô-ri Mê-li-kô. Mê-li-kô đọc. Bức thư của đại tướng Kô-la-giơ-nô và bức thư được viết như sau :

« Thiếu Úy Hát-di Mô-ra !

« Anh đã ở trong quân đội của ta, ta đã

hải lòng về anh và vẫn coi anh là một người dũng cảm. Cách đây không lâu, thiếu tướng Ác-mê quả quyết với ta rằng anh là một kẻ phản bội, bội khấn, liên lạc với Sa-min và xúi giục dân chúng không tuân lệnh chính phủ Nga. Ta ra lệnh bắt anh, dẫn anh đến ta, anh tâu thoát; ta không rõ đó là phải hay trái, vì ta không biết anh có tội hay không. Bây giờ anh hãy nghe ta : nếu lương tâm anh trong trắng trước đại đế, nếu anh chẳng phạm tội lỗi gì, anh hãy lại tìm ta, đừng sợ hãi gì, ta sẽ che chở anh.

« Phiên hẳn sẽ không làm gì được anh, chính anh cũng là thuộc hạ của ta. Như vậy, anh chẳng đáng lo ngại gì ».

Ông đại tướng nói thêm là không bao giờ ông phản bội lời nói danh dự của ông, rằng ông công bằng và khấn khoản bảo Hát-di Mô-ra trở về với ông.

Khi Lô-ri Mê-li-kô đọc xong và trước khi đưa cho viên sĩ quan bức thư hai, Hát-di Mô-ra cho biết chàng đã trả lời bức thư đầu thế nào.

— Tôi viết nói với ông đại tướng rằng tôi bội khấn, không phải để làm vữa lòng Sa-min,

nhưng để cứu vãn tình hình tôi, rằng không những tôi không thể về với Sa-min được, nhưng tôi không thể làm được điều này, vì do hậu quả cha, anh em và họ hàng tôi đã bị tàn sát; tôi cũng nói với ông rằng tôi không thể về với người Nga được vì họ đã làm tôi mất thế diện. Ở Khu-zá', khi tôi bị xiềng xích, một kẻ vô lại đã nhổ vào mặt tôi. Tôi không thể viết cho ông, tôi viết cho đại tướng Kơ-lu-giơ-nô, khi ông còn chưa còn sống. Tôi nói thêm, nhất là tôi sợ uy quyền của phiên trấn Ác-mô.

« Ông đại tướng hẳn viết cho tôi bức thư này, Hát-di Mô-ra nói và đưa cho Lô-rê Ma-Lê-ko tờ giấy vàng hệt kia :

« Anh đã trả lời thư ta. Ta cảm ơn anh. Anh bảo anh trở lại không sợ gì, nhưng vì bị một tin đồn Gai-ô sĩ nhục nên điều đó đã làm cho anh. Anh còn biết rằng luật pháp Nga rất nghiêm khắc, chính tên mặt anh sẽ trông thấy kẻ sĩ nhục anh bị trừng phạt. Ta đã ra lệnh mở cuộc điều tra việc này. Hát-di Mô-ra, anh hãy nghe ta. Ta có quyền bắt miễn vợ anh, vì anh không tin ta và ngờ vực cả danh dự của ta. Tuy vậy ta đã bỏ lỗi cho anh, vì ta biết tình hình của phần lớn dân miền núi.

« Nếu lương tâm anh yên ổn, nếu anh đội khăn chỉ để cứu vãn linh hồn anh, như vậy anh có lý và anh có thể nhìn thẳng mặt các vị thủ lãnh chính phủ Nga và ta nữa. Kẻ nào làm nhục anh, anh hãy tin ta, sẽ bị trừng phạt. Hơn nữa người Nga nhận xét sự việc một cách khác anh; theo mắt họ, giá trị anh chẳng bị giảm chút nào vì một kẻ bỏ lại đã sỉ nhục anh.

« Chính ta cũng đã cho phép dân Ghim-ri (1) đội khăn, vì ta hiểu rõ vấn đề này; vì vậy ta nhận lại với anh, anh chẳng có gì phải hãi sợ. Anh hãy đến đây với thông tin viên đưa thư này. Y là người trung thành của ta và không phải là nô lệ những kẻ thù của anh; y là bạn của người được hưởng sự triu mến đặc biệt của chính phủ ».

Cuối thư, ông đại tướng còn thúc giục Hát-di Mô-ra mau trở về với người Nga.

Khi Mê-li-kô đọc xong bức thư thứ hai, chàng nói :

— Tôi không tin ông đại tướng và tôi không đến tìm ông. Nếu tôi về với người Nga, không bao giờ tôi có thể báo thù được phiên hầu

(1) Một dân tộc ở miền núi Caucase.

Ác-mê. Đứng lúc này, ông bao vây Sen-mêi và tìm cách giết tôi. Tôi có ít quân lính và không sao phá vòng vây được ; tôi nhận được một bức thư của Sa-min ; y hứa giúp tôi chống lại phiên hầu Ác-mê và phong tôi làm thống đốc xứ A-va-ri. Y nói thêm là y sẽ giết phiên hầu Ác-mê, kẻ thù của tôi. Sau khi suy nghĩ lâu, tôi về hang ngủ Sa-min. Từ đấy, tôi chiến đấu với người Nga không ngừng.

Hát-di Mô-ra bắt đầu kể những chiến công của chàng. Chiến công rất nhiều và Lô-ri Mê-li-kô chỉ biết có một phần. Đó là những cuộc xâm nhập chớp nhoáng và táo bạo đặc biệt và tất cả đều thành công.

— « Giữa Sa-min và tôi không có tình thân hữu, nhưng y sợ tôi và lại cần tôi. Có người hỏi tôi một ngày kia ai sẽ là trưởng giáo sau Sa-min. Tôi trả lời đó là kẻ nào tay gươm cừ khôi nhất. Người ta nhắc lại lời tôi với Sa-min và y định đẩy tôi đi. Y phái tôi đến Ta-ba-sa-ran. Tôi đến đấy và chiếm một ngàn cừu và ba trăm ngựa. Sau đấy Sa-min tuyên bố không phải vì thế mà y phái tôi đến Ta-ba-sa-ran, cách chức tôi và ra lệnh tôi phải gửi tất cả tiền bạc tôi có về cho y. Tôi gửi cho y một nghìn đồng tiền vàng. »

« Như thế chưa hết ; vợ sĩ của y đến nhà tôi và tước đoạt hết của cải của tôi ; sau đấy, Sa-min triệu tôi về, nhưng bất chấp y định diệt trừ tôi, tôi không về. Y ra lệnh cho quân lính y bắt tôi : tôi trốn. Và tôi đến hàng phục Vô-rôn-zốp, tôi không mang gia đình đi cùng với tôi, vợ tôi và các con tôi còn ở với Sa-min. Nhờ ông nói với vị Tổng tư lệnh là khi gia đình tôi còn ở đây, tôi không thể làm gì được.

— Tôi sẽ nói với Ngài, Lô-ri Mô-ni-ô đáp.

— Vâng, xin ông cố gắng cho. Nhưng gì là sở hữu của tôi đến thuộc về ông, nhưng xin ông giúp tôi với vị vương tước. Tôi bị trời buộc và đầu dây kia lại ở trong tay Sa-min. »

Như vậy, Há-Mi Mô-ra kể tiếp đời chàng.

XIV

Ngày 12 tháng chạp, phó vương Vô-rôn-zốp gửi cho ông bộ trưởng chiến tranh Ciéc-ni-sép (1) bức thư sau đây, viết bằng tiếng Pháp :

Tôi không viết trình Ngài trong bản báo cáo

(1) Tchernychev : bá tước (sau vương tước) Alexandre Tchernychev, bộ trưởng chiến tranh từ 1882 đến 1885.

trước của tôi, thừa vị vương tước khả ái của tôi, vì trước tiên tôi muốn có một quyết định về Hát-di Mô-ra.

Đã ba ngày nay, tôi rất buồn phiền. Trong bức thư cuối của tôi, tôi có nói với Ngài là Hát-di Mô-ra đến Ti-phít ngày 8 tháng này. Ngay ngày hôm sau tôi gặp y và từ đấy đã nhiều lần tôi đàm đạo với y, để xem sau này y có thể làm gì được cho chúng ta và nhất là xem chúng ta có thể làm gì cho y ngay từ bây giờ, vì y khổ não trăm bề về gia đình y ; y tuyên bố thành thật, tôi tin là đúng, rằng khi gia đình y còn ở trong tay Sa-min, y thấy như bị tê liệt và không sao phục vụ được chúng ta, bày tỏ với chúng ta sự biết ơn của y về sự tiếp đón dành cho y và ơn huệ y nhận được. Gia đình y ở trong hoàn cảnh bấp bênh khiến y buồn rầu nóng nảy và những người do tôi phái để hộ vệ y có nói với tôi rằng y không ngủ, ăn uống qua loa luôn luôn chìm đắm trong kinh kệ và chỉ yêu cầu có một điều : cưới ngựa du ngoạn với một vài người Cô-dác, thú tiêu khiển tôi cần cho thân thể của y vốn đã quen bao năm về sự tập luyện này.

Ngày nào y cũng đến dinh tôi để hỏi tin tức về gia đình y. Y xin tôi tập trung những

tù binh miền núi ở trong tay chúng ta và trả lại cho Sa-min đánh đổi lấy gia đình y. Y sẽ thêm thất vào đấy một ít tiền bạc nữa. Có những người sẽ cho y tiền giúp y đạt được mục tiêu này.

Y nhắc nhở luôn luôn với tôi : « Xin cứu gia đình tôi và cho tôi cơ hội được phục vụ các người và nếu trong một tháng tôi không giúp được các người những công lao đáng kể, xin hãy trừng phạt tôi như ý muốn các người ».

Tôi trả lời y là tất cả những điều tôi thấy rất công bằng và có nhiều người sẽ coi y là đối trá nếu gia đình y vẫn tiếp tục ở trên núi, chứ không ở với chúng ta như con tin ; tôi bảo y rằng tôi sẽ làm tất cả trong quyền hạn của tôi để tập trung các tù binh và theo như luật pháp của chúng ta không thể lấy tiền công cho y được, tôi hy vọng kiếm được những số tiền khác để giúp y ; tôi nói thêm, không chút dè dặt, là Sa-min chắc sẽ không phóng thích gia đình y và có thể Sa-min sẽ hứa hẹn sẽ sống ái y như trước nếu y trở lại. Nếu Hát-di Mô-ra từ chối có thể y sẽ mất mẹ, vợ và sáu con. Tôi có hỏi thẳng, y nghĩ thế nào nếu có đề nghị như thế của Sa-min.

Hát-di Mô-ra giơ tay và ngẩng mặt lên trời, trả lời tôi rằng số phận y ở trong tay Thượng

để, nhưng y thuận trở về với kẻ thù ; vì y tin tưởng rằng không bao giờ Sa-min tha thứ y và nếu y trở về, y sẽ chẳng sống được bao lâu.

Còn về vấn đề tàn sát gia đình y. Hát-di Mô-ra nghĩ rằng Sa-min không có giải quyết một cách nhẹ dạ .

1) Bởi vì thế sẽ làm cho kẻ thù của hắn càng quyết liệt và nguy hiểm hơn ;

2) Bởi vì ở Đa ghét-lăng còn có những nhân vật quan trọng knuyên can hắn về việc hạ sát này.

Cuối cùng Hát-di Mô-ra còn nhắc lại rằng tương lai tùy thuộc ở ý muốn của Thượng đế nhưng lúc này y chỉ lưu tâm đến vấn đề chuộc lại gia đình ; y van xin tới nhân danh Chúa giúp đỡ và cho phép y ở một nơi nào gần xứ Thát-đát và với phép của vị chỉ huy của chúng ta, y có thể tiếp xúc với gia đình y được, thấu lượm được tin tức về hoàn cảnh của họ và như vậy tìm được cách giải phóng họ.

Theo y. có nhiều đảng viên và ngay cả một số tướng lĩnh vẫn trung thành với y và trong số dân chúng người Nga đã chinh phục được này hoặc đứng trung lập, y sẽ có thể dễ dàng, với sự giúp đỡ của chúng ta, đặt những dây liên

lạc hữu ích để thực hiện mục tiêu y theo đuổi đêm ngày và mục tiêu một khi đạt được, cuối cùng y sẽ có được sự bình thản cần thiết để chiếm lòng tin tưởng và phục vụ lý tưởng của ta.

Y yêu cầu tôi cho y đến Gô-nai-a cùng với ba mươi lính Cô-dác gan dạ giúp y chống trả với địch quân, đồng thời cũng để ta có dịp thử những ý định thanh khiết của y. Vị vương tước khả ái của tôi, chắc ngài cũng rõ rằng tất cả những việc này đã khiến tôi hết sức băn khoăn, vì quyết định một điều gì là đòi hỏi một trách nhiệm quan trọng về phần tôi. Có thể là điều khinh suất: tôi quá tin tưởng vào Hat-di Mô-ra, nhưng để cho y không còn đường nào lâu thoát, phải giam giữ y và như vậy, theo ý kiến tôi thật là bất công và thiếu tôn trọng chính trị.

Thi hành một biện pháp như vậy chẳng mấy lúc tất cả miền Đa-ghét-tăng đều tỏ tường sẽ là một lỗi lầm lớn về phần chúng ta, vì như vậy sẽ gây mối hoài nghi cho tất cả những người, mà họ là số đông, chống lại Sa-min, chống nửa chừng hoặc ra mặt, tất cả những người thường lưu tâm đến số phận của viên tướng dũng cảm và gan dạ của vị giáo trưởng đã buộc lòng về hàng phục chúng ta.

Nếu chúng ta xử sự với Hát-di Mô-ra như với một thường phạm, tất cả ảnh hưởng tốt đẹp về sự phản bội của y đối với chúng ta sẽ mất hết.

Vì vậy, tôi nghĩ tôi không thể nào làm gì khác hơn như đã làm tuy hiểu rõ ràng, nếu y lâu thoát, tôi sẽ phạm tội nặng.

Trong thời kỳ chiến tranh, trong những trường hợp khó khăn như thế này khó có thể theo con đường thẳng mà không gánh vác trách nhiệm, dù có mạo hiểm bị lỗi lầm ; nhưng một khi con đường thẳng đã vạch ra cần phải theo, dù có xảy ra điều gì chẳng nữa

Vương tửc thân mến, tôi xin nhờ Ngài đệ trình việc này lên Thánh thượng xét và tôi rất lấy làm sung sướng nếu Người đoái lòng chấp thuận cho quyết định của tôi. Tất cả những việc tôi vừa trình bày với Ngài đã được thông báo cho các vị đại tướng Za-va-đốt-ki và Kô-lốt-ki. Vị đại tướng sau đây vẫn luôn luôn tiếp xúc với Hát-di Mô-ra mà tôi đã căn dặn là không nên làm một việc gì mà không có phép của Kô-lốt-ki.

Tôi cũng bảo y rằng y nên ra ngoài luôn với quân lính của chúng ta để ngăn chặn Sa-min lớn tiếng kêu rao là chúng ta giam giữ y.

Y cũng hứa với tôi là không đến Vô-vi-danh-kai-a, ở đây y đã về hàng con trai tôi mà y coi như một người bạn. Tôi bảo y rằng con trai tôi không còn chỉ huy pháo đài này và việc y đến có thể gây những sự hiểu lầm.

Vả nữa, Vô-vi-danh-kai-a ở gần nhiều làng thù nghịch, trong khi ở Gô-nai-a có thể dễ dàng tiếp xúc với những bộ-hạ cũ của y như y đã tiên liệu.

Hát-di Mô-ra sẽ cùng đi với hai mươi quân Cô-déc tuyển lựa theo lời yêu cầu của y và sẽ không bao giờ rời bỏ y nữa.

Đại Úy kỵ binh Lô-ri Mê-li-kô, một sĩ quan có biệt tài, thông minh, nói thạo tiếng Thát-đát mà Hát-di Mô-ra đặt nhiều tin tưởng, hình như cũng đi cùng y.

Trong thời gian y ở Ti-phil, Hát-di Mô-ra ngụ tại nhà trung tá vương tước Ta-kha-nô, chỉ huy khu vực Chu-sa.

Đó là một người có chân tài tôi hết sức mến trọng. Ông ta được Hát-di Mô-ra tin tưởng và do sự trung gian của ông -- ông nói tiếng Thát-đát tuyệt giỏi -- chúng tôi đã thảo luận nhiều vấn đề tế nhị và nhiều chuyện tâm sự.

Tôi có hỏi ý kiến Ta-kha-nô. Ông ta cũng

hoàn toàn đồng ý với tôi và nghĩ rằng cần phải, hoặc hành động như tôi đã làm, hoặc nhốt Hát-di Mô-ra vào một pháo đài và canh giữ y hết sức cần mật vì giữ y không phải là dễ, hoặc nữa trục xuất y ra khỏi xứ.

Nhưng hai biện pháp cuối cùng, không những sẽ hủy diệt tất cả những lợi ích phát sinh ra ở sự xích mích đã chia rẽ Hát-di Mô-ra và Sa-min, nhưng còn có thể ngăn chặn sự bất mãn của dân miền núi đối với Sa-min hiện đang lan tràn.

Vương tước Ta-kha-nô có nói với tôi rằng ông tin ở sự thành thực của Hát-di Mô-ra. Hát-di Mô-ra không hy vọng chút nào vào sự tha thứ của Sa-min. Y tin là vị giáo trưởng kia sẽ giết y ngay dù có hứa hẹn quên lỗi lầm của y chẳng nữa.

Điều duy nhất làm Ta-kha-nô băn khoăn là lòng ngưỡng mộ cuồng tin của Hát-di Mô-ra đối với đạo giáo của y và ông công nhận rằng về điểm này Sa-min có thể lung lạc y được.

Nhưng, như tôi đã trình với Ngài, không bao giờ Sa-min có thể thuyết phục viên tướng đã rời hàng ngũ của y tin tưởng được rằng trở về, Hát-di Mô-ra sẽ được an toàn.

Tôi không có gì trình với Ngài nữa, thưa vương tước thân mến, về những diễn tiến ở đây.

XV

Bản báo cáo đó được gửi bằng xe thư riêng ngày 24 tháng chạp 1851.

Ngày 31, thông tin viên sau khi làm chết hàng chục ngựa và đánh bật mau hàng chục tấn xà lách giữa quãng đường từ Ti-phit đến Thảm Bì-đắc-bảo, đến giao bản báo cáo này cho ông bộ trưởng chiến tranh Chéc-ni-sép.

Ngày 1 tháng Giêng 1852, ông bộ trưởng chiến tranh đệ trình bản báo cáo lên hoàng đế Ni-cô-la cùng với những việc khác để Người thẩm định.

Chính cũng ông Chéc-ni-sép này, trong một phiên họp của Hội nghị tham chính, đã bị Rô-tốp-sin (1) « vu khống » bằng những lời bông đùa. Đó là việc chuyển cho một người cùng tên A-lệ-san Chéc-ni-sép bộ trưởng Tư pháp. những tài sản của một người khác cũng tên

(1) Rosopchine : thống đốc kinh đô Mạc-tư-khoa năm 1812, sau là hội viên Hội nghị tham chính.

là Chéc-ni-sép Za-ca-rí (1) bị đẩy đi vì liên quan đến cuộc ám mưu ở Thành Bi-đéc-bô (2).

Trước sự ngạc nhiên của tất cả các hội viên Hội nghị tham chính, ông bộ trưởng Tư pháp lo liệu việc này để làm đủ mọi cách cho người trùng tên mình thua kiện, trong khi Rô-tốp-sin tuyên bố tán thành việc chuyển các tài sản của tội phạm cho A-lệ-sa Chéc-ni-sép. Và khi người ta hỏi do những lý do nào ông có thái độ này, ông đáp là theo những tục lệ cổ xưa, chiếc dây lưng và chiếc mũ của kẻ bị hành quyết phải thuộc về người đao phủ.

Ông bộ trưởng cũng biết rằng Chéc-ni-sép biết giải thoát này và hiểu rằng người ta không muốn chuồng mình, nhưng ông không hề nghĩ rằng căn nguyên này có thể là khởi điểm một sự hiềm thù chung đối với ông.

Trái lại, ông giải thích sự ganh ghét này

(1) Zacharie Tcheroychev : sĩ quan dự cuộc ám mưu tháng 12 năm 1825 có một tài sản thế tập lớn lao sau chuyển cho anh rể Kronglikov năm 1816, được phong làm bá tước Tcheroychev-Kronglikov.

(2) Dvabristy hay Dvembrists, những người dự cuộc ám mưu ở Saint Pétersbourg về triều hoàng đế Nicolas I (tháng chạp 1825) để mong thực hiện chính thể lập hiến ở Nga.

bằng những đũa tìch cao cả của ông khiến ông thành công nhiều và do đó đã gây nên những mối ghen tị. Ông nghĩ như vậy vì chính ông đã ký tất cả những người giữ một địa vị cao hơn địa vị của ông. Và chính cũng vì thế, ông cũng ước ao địa vị của Vô-rôn-zốp. Ông bộ trưởng không ra vị phó vương vì nhiều lý do : vì lòng kính mến của tất cả mọi người đối với vị vương trước, vì vị phó vương rất giàu có, vì ông phó vương là một nhà quý phái sạch - trường trong một gia đình vọng tộc trong khi đó ông chỉ là một kẻ mới được phú quý và nhất là vì lòng thù hận của ông đối với vị tổng tư lệnh. Chéc-ni-sốp tìm đủ cơ hội để hãm hại Vô-rôn-zốp. Và ông đã thành công, nhân bản báo cáo của vương tước về Hát-di Mô-ra, gây được phần nào sự bất mãn của hoàng đế đối với vị phó vương.

Quả thế, chính về Vô-rôn-zốp người ta quy tội khinh suất của những nhà chức trách quân sự đã để cho quân miền núi tàn sát hầu hết một tiểu đoàn Nga.

Chéc-ni-sốp sửa soạn lúc này công kích một cách khéo léo quyết định của Vô-rôn-zốp về Hát-di Mô-ra.

Ông muốn thuyết phục hoàng đế là vương

tước vắn cho chỗ dân bản xứ khiến phương hại đến người Nga và đã tỏ ra quá khoan dung, đi tới chỗ nhu nhược đối với dân chúng miền Cô-ca.

Đề Hat-di Mô-ra ở miền Cô-ca đối với son mắt của Chés-ni-sép là một lỗi nặng, vì không có thể nghĩ ngờ được, theo ý ông, là viên tướng miền núi về hàng ới mục đích duy nhất là qua sát những phương pháp phòng thủ của người Nga; và cho ông nên đi về miền Trung Nga; người ta chỉ có thể dùng ý được khi gia đình ý rời miền núi và sau khi việc điếm lại lòng thành thực và tận tụy của ý.

Chés-ni-sép hoàn toàn thất bại trong ý định của ông và nên như vậy là vì ngày 1 tháng giêng hoàng đế Ni-cô-la công bố thành quả chiến thắng; với ý muốn làm trái lại, Ngài có thể gạt bỏ tất cả mọi đề nghị, bất cứ ở đâu đến.

Ngài không sẵn sàng chấp thuận giải pháp do Chés-ni-sép đề nghị, nên Ngài ngờ đi cũng chỉ vì ngài cho rằng trong lúc này không thể thay đổi được, ngài vờ những cố gắng mà vì bộ trưởng chiến tranh đã làm trong vụ kiện những người dự cuộc âm mưu tháng chạp để

làm Za-ca-ri Chéc-ni-sếp thua kiện, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của phạm nhân và Ngài coi ông như vậy là một người gian trá.

Chính với tình trạng tinh thần này của hoàng đế Hư-di Mô-ra phải lưu lại miền Cô-ca và số phận của chàng không được thay đổi nếu Chéc-ni-sếp đệ trình hoàng đế bản báo cáo vào một lúc khác có lẽ việc không như thế.

Lúc này vào chín giờ rưỡi sáng, khi trong màn sương, với một tiết lạnh hai mươi độ dưới số không, một gã đánh xe râu ria xồm xoàm, đội mũ lông thú nhọn dẫn bằng nhưng gấp nếp, đánh một chiếc xe trượt tuyết nhỏ giống như chiếc xe của hoàng đế Ni-cô-lai Pao-lô-vít thường đi dạo trong vườn của hoàng cung vào trước lâu đài mùa đông; gã chào thân mật anh xạ thủ của vương tử Đơ-gô-ru-ki, đã đưa chú đến đây, nay chờ chủ ở lối ra vào lâu đài, dẩy cương để dưới ghế nhỏ, bông và đang xoa hai bàn tay còng buốt.

Chéc-ni-sếp mặc chiếc áo khoác mềm mại cổ áo đính da hải lý, dẫn đội mũ sĩ quan ba sừng, điểm mấy chiếc lông gà. Gạt tấm da gấu phủ chân, ông xuống xe chân gá lạnh, không đi giày guốc — ông vẫn khoe khoang là không bao giờ cần đến — và dáng điệu hùng dũng

Ông khua vang những chiếc đinh thúc ngựa. Giảm dè lên những tấm thảm, ông đi qua cửa có một tên hầu đã mở phía trước ông và vào tiền đình. Ông quăng chiếc áo khoác lên cánh tay một tên hầu chạy vội lại và nhìn vào gương, thận trọng hạ mũ xuống vì ông mang tóc giả; ông ngắm mình trong gương và với một cử chỉ quen thuộc, vuốt ria xếp với bên tay phải nhìn, xếp đặt lại chiếc chiến công bội tinh và chiếc dây chến thắng, dựng lại đôi ngà và với bước chân chậm chạp, ông bắt đầu trèo lên cầu thang có trái thảm.

Ông qua trước mặt những tên hầu phòng mặc chế phục thấy ông cúi rạp xuống chào và ông vào phòng khách. Viên sĩ quan hầu cận, quân phục đồ chơi, đeo ngà và dây vai, mặt tươi tỉnh và hồng hào, ria ngắn đen và râu móp rất dài vênh lên, như râu của hoàng đế, đến đón ông hết sức lịch cảm. Vương tước Va-si-li Đô-gô-ru-ki, thứ trưởng chiến tranh, vẻ dầm dợn và buồn bã, râu xén theo kiểu của hoàng đế Ni-cô-la, cũng chào ông.

— Hoàng đế ? Chéc-ni-sép vừa hỏi viên sĩ quan hầu cận vừa nhìn vào cửa vào phòng.

— *Thánh thượng vừa về* (1), viên sĩ quan đáp.

(1) Nơi Lăng tẩm Pháp.

như sung sướng nghe tiếng nói của chính mình.

Và chàng đi bước mềm mại và rất đều đặn, tưởng nếu có đặt một ly nước trên đầu, ly nước cũng không thể đổ được; chàng đến gần cửa mở ra và tất cả người chàng như tỏ bày sự kính cẩn mà gian phòng đã gọi lên, chàng bước vào và biến dạng trong ấy.

Đô-gô-ru-ki mở ví và xem xét giấy tờ ở trong.

Chéc-ni-sép, vẻ nghiêm trang, đi đi lại lại bước đều đặn, nghiền ngẫm lại trong đầu tất cả những gì ông sắp trình bày với hoàng đế.

Ông vừa đến cửa văn phòng thì cửa mở; viên sĩ quan hầu cận, vẻ tươi vui hơn lúc trước, tiến lên và dẫn Chéc-ni-sép và Đô-gô-ru-ki vào hệ kiến.

Cung điện được hoàn toàn tu bổ lại sau cơn hỏa hoạn (1). Hoàng đế Ni-cô-la ở tầng lầu trên. Văn phòng Ngai, nơi nhận những báo cáo của các vị bộ trưởng và các vị đại thần khác, có trần rất cao và bốn cửa sổ lớn. Một bức chân dung lớn của tiên đế A-lê-san đê nhất treo ở nơi dễ trông thấy nhất. Giữa các cửa sổ

(1) Trận hỏa hoạn thiêu hủy Lâu đài mùa Đông năm 1839.

có kê hai chiếc bàn. Một vài chiếc ghế xếp ở gần tường và ở giữa phòng, có một bàn giấy đồ sộ, trước đó có kê chiếc ghế bành của hoàng đế Ni-cô-la và một vài chiếc ghế dành cho khách.

Hoàng đế mặc chiếc áo nẹp đen không có nút nhưng có cầu vai tô điểm.

Ngài ngồi gần bàn giấy. Ngài ngả người ra phía sau và mặc dầu nịt trong chiếc áo bó cũng lộ ra sự mập phì khá kinh, và không nhúc nhích, ngài chăm chăm nhìn khách với cặp mắt buồn bã.

Trên khuôn mặt xanh xao và dài, vầng trán rất cao và hất về phía sau, nổi bật lên bộ râu mép bóng láng hòa lẫn một cách khéo léo với mớ tóc già trùn phủ lên đầu hơi ngài. Khuôn mặt ấy, ngày hôm đó, đặc biệt lạnh lùng và nghiêm nghị. Cặp mắt ngài luôn luôn đục mờ bữa nay nhìn càng mờ hồ hơn thường nhật ; đôi môi dưới bộ ria mép vênh, hai má phì cạo nhẵn tựa trên chiếc cổ áo cao và cứng, bao quanh có bộ râu bình xù xịch và hai cằm đè bẹp dưới cổ áo tạo cho khuôn mặt của ngài một vẻ bất mãn, có thể nói là giận dữ.

Sự mệt mỏi là nguyên nhân khi sắc kém tươi của hoàng đế và sự mệt mỏi này bắt nguồn từ buổi tối qua khi ngài dự một cuộc

hóa trang : như thường lệ ngài mặc quân phục kỵ sĩ vệ binh, chớp mũ có ngù, đi dạo giữa các quan khách e sợ né tránh trước tấm thân đồ sộ và vẻ tự mãn của ngài thì bỗng ngài gặp một mặt nạ trong dạ hội trước, vì màu da ngà ngọc, thân hình kiêu dãnh và giọng nói dịu dàng, đã gọi lên trong lòng ngài một sự đắm say tuổi già ; sau khi hứa hẹn với ngài là sẽ tái ngộ trong dạ vũ sau chiếc mặt nạ này khuất dạng.

Ngài đi về phía người lạ và không rời nàng nữa. Ngài dắt nàng đến chiếc ghế lò, đặc biệt được bày trong những trường hợp này và ở đây ngài tin chắc sẽ được yên tĩnh. Đến cửa phòng lò, hoàng đế Ni-cô-la nhìn xung quanh ngài để gọi tên hầu, nhưng ngài không thấy vẻ bất mãn, ngài tự đẩy cửa và né sang một bên để người đàn bà đeo mặt nạ vào trước.

— Có người, nàng nói và ngừng lại.

Quả thế, phòng lò có người. Trên chiếc ghế dài, bọc nhung, một sĩ quan đoàn kỵ binh và một thiếu phụ da tóc vàng và rất đẹp ngồi sát liền nhau ; nàng hóa trang mặt như hình quân bài cần và đã bỏ mặt nạ xuống.

Thoảng thấy vóc người đồ sộ và bất động

của hoàng đế, thiếu phụ mau lẹ đeo mặt nạ lên mặt, trong khi đó viên sĩ quan, hẳn như bị tê liệt vì hãi sợ, ngồi sững sờ nhìn Ni-cô-la.

Hoàng đế vốn vẫn quen gây hãi sợ với thần dân và điều đó bao giờ cũng làm ngài thích thú.

Đôi khi ngài lại ưa thích bằng một thái độ khoan hồng làm ngạc nhiên những người thoát dần ngài làm họ quá hãi sợ. Đó là trường hợp buổi tối hôm ấy.

— À ! người anh em, chú trẻ hơn ta, ngài nói với viên sĩ quan đang sững sờ chỗ chú có thể nhường chỗ cho ta được.

Viên sĩ quan, cúi rạp cả thân người xuống, lúc đỏ mặt, lúc tái xanh, rời phòng lộ mau lẹ với thiếu phụ.

Còn Hoàng đế ở lại với người đeo mặt nạ.

Đó là một thiếu nữ hai mươi tuổi, đẹp và ngây thơ con gái một nhà nãu người Anh. Nàng kể cho hoàng đế, khi còn nhỏ dại, nàng đã mê say ngài khi trông thấy chân dung và nàng đã thần thánh hoá ngài như thế nào và nàng quyết định bằng đủ mọi cách làm hoàng đế lưu ý.

Nàng đã thực hiện được sự mơ ước và nay không còn ước mong gì nữa. Bây giờ nàng đã ở trong phòng lớn dành cho các cuộc hẹn hò của Ni-cô-la : nàng ở đấy hơn một tiếng đồng hồ.

Khi hoàng đế trở về phòng ngủ đêm đó, ngài ngự trên chiếc giường hẹp và rắn mà ngài rất hãnh diện, phủ lên người chiếc áo khoác mà ngài tin rằng cũng nổi danh như chiếc mũ của Nã-phá-luân, nhưng lâu mãi ngài không chớp mắt được.

Lúc thì ngài hình dung khuôn mặt trắng và tươi vui của thiếu nữ, lúc thì như nhìn thấy đôi vai mạnh và đầy thịt của người tình nhân thực thụ của ngài, nàng Mê-li-đơ-va và ngài so sánh hai người đàn bà.

Ý nghĩ về sự vô hạnh của một người đàn ông có gia đình đáng chê trách là còn chơi bời không lớn vốn một lúc nào trong đầu óc ngài và ngài sẽ rất ngạc nhiên nếu có ai chỉ trích cuộc đời tình ái của ngài.

Vừa tin tưởng rằng hành động như vậy là phải, ngài vừa không thể gạt bỏ ra ngoài một vài sự hối hận muốn dẹp đi, ngài bắt đầu nghĩ như ngài vẫn thường làm và điều này

khuyến cho ngài có được sự quân bình trong lòng, rằng ngài là một bậc vĩ nhân.

Mặc dầu muộn lắm ngài mới chớp mắt được, ngài trở dậy lúc tám giờ, sửa soạn như thường lệ, chà sát thân người phải nện với đá lạnh, và sau khi đọc các bản kinh — vẫn những bản đọc từ thời thơ ấu : « Kính mừng Ma-ria mẹ chúa Trời », « Tôi tin ở Chúa », « Kinh lạy cha » — không đặt để một ý nghĩa nào vào những lời đọc lên như máy. ngài đi ra ngoài bằng cửa nhỏ trong cung điện, mặc áo khoác và đội mũ.

Ngài đi du ngoạn trên đại lộ dọc theo bờ sông.

Đến giữa đường, ngài gặp một chàng sinh viên luật, mặc đồng phục và vác người cũng đồ sộ như ngài.

Trông thấy bộ đồng phục của sinh viên trường này mà Ni-cô-la vốn không ưa vì họ vẫn nổi tiếng là những người có những tư tưởng tự do, ngài cau mày, nhưng bề cao của chàng sinh viên và lối chàng ngừng lại để chào làm tiêu tan sự bất bình của hoàng đế.

Ngài hỏi :

— Tên anh là gì ?

— Tàu Thánh thượng, Pô-lô-sa-lốp.

— Hoan hô !

Chàng sinh viên đứng cứng nhắc, bàn tay đề lên chiếc mũ lưỡi trai. Ni-cô-la ngừng lại.

— Anh có muốn trở thành quân nhân nhà nghề không ?

— Tàu Thánh thượng, dạ thưa vâng.

— Đồ ngốc !

Và Ni-cô-la quay lưng lại tiếp tục đi, làm bầm to những lời đầu ngài vừa nghĩ đến.

— Kô-réc-vin, Kô-réc-vin ! ngài nhắc lại nhiều lần.

Đó là tên thiếu nữ ngài gặp buổi tối qua.

Ngài không nghĩ đến ngài nơi gì, nhưng ngài cố dẹp sự bức tức bằng cách lưu ý đến những tiếng ngài nói.

— Nước Nga sẽ ra sao, nếu không có ta ? Ngài nói, cảm thấy lại bắt đầu bất bình về mình. Phải, không riêng gì nước Nga, nhưng còn tất cả Âu-châu sẽ thế nào, nếu không có ta ?

Ngài nghĩ đến tình nhu nhược và sự đại

dội của người anh vợ (1) của ngài, vua nước Phổ, và lãc dẫn.

Lúc trở về, ngài trông thấy xe của Hê-len Pao-lô-na (2) và lên hâu mặc chế phục đồ đến cửa sảnh đường Pi-kốp.

Hê-len Pao-lô-na đối với con mắt ngài tượng trưng tất cả những người nông lồi không những về khoa học và thi ca, nhưng cả về nghệ thuật lèo lái những người đản ông ; nàng lại tượng trưng rằng những người này có thể đến khếa giới hơn chính cả Ni-cô-la.

Ngài nghĩ rằng mặc dầu ý muốn của ngài là đề bẹp họ, những người này vẫn cứ nưoi lên và ngài nghĩ đến em trai ngài Mỹ sơn Pao-lô-vít (3) mới chết cách đây ít lău ; nhìn cặp lông mày, ngài lại bắt đầu lăm bằm những chữ đầu lăy ra trong trí ngài. Ngài chỉ im khi đặt chân vào cươg đẹn.

(1) Nicolas đệ nhất, lấy Alexandra, em gái vua Phổ Frédéric-Guillaume IV (1840-1861).

(2) Hélène Paolovna : em dâu Nicolas đệ nhất, tươ nữ vương tước Wurtemberg (186-1873), một người rất học thức và có tư tưởng tự do.

(3) Michel Paolovitch : em út (1798-1818) của Nicolas đệ nhất, chồng của Hélène Paolovna, chỉ huy đoàn vệ binh.

Ngài lên lầu riêng, vuốt râu mép và mấy sợi tóc ở thái dương, sửa lại mái tóc giả, vuốt râu vênh lên và vào văn phòng để tiếp nhận những bản báo cáo.

Chéc-ni-sếp là người thứ nhất được vào bộ kiến.

Trông thấy hoàng đế và nhất là cặp mắt ngài, ông bộ trưởng nhận thấy ngay là ngài không được dễ chịu; biết việc xảy ra ngày hôm qua, ông nhận ra sự khó chịu của hoàng đế. Hoàng đế lạnh lùng chào ông, mời ông ngồi và chần chừ nhìn ông bộ trưởng với cặp mắt buồn bã.

Việc thứ nhất được trình bày là một vụ tham lam của các viên chức quân nhu. Việc thứ hai liên hệ đến vấn đề tu tập quân đội ở biên thùy Paô. Sau đến việc đề nghị cấp huy chương cho một số người bị quên hời thăng trật dịp Tết nguyên đán. Việc thứ tư là bản báo cáo của Vô-rôn-zốp về Hát-di Mô-ra, và cuối cùng là một việc phiền nan liên hệ đến một sinh viên Y khoa đại học định mưu sát vị giáo sư của chàng.

Hoàng đế Ni-cô-la im lặng, đưa hai bàn tay dài và trắng, mà ở ngón tay vô danh bàn tay trái có đeo một nhẫn cưới, lên hồ sơ vụ

tham lam, và vẽ bường bình nhìn vắng trán và chùm tóc của Chéc-ni-sếp.

Hoàng đế tin tưởng là tất cả các viên chức đều ăn cắp. Ngài hiểu rằng cần phải trừng trị những con người bất nhĩa này, quyết định giáng họ xuống làm lính trơn, nhưng ngài cũng lại hiểu rằng biện pháp này chưa chắc đã ngăn được những người thay thế không hành động như những người trước.

Ăn cắp như là căn bệnh của viên chức; bổn phận của ngài là phải trừng phạt họ và mớm dầu một nhọt, ngài thực hiện rất chu đáo nhiệm vụ này.

Hoàng đế Ni-cô-la nói :

— Người ta thấy ở Nga chỉ riêng có một người chân thật.

Chéc-ni-sếp hiểu ngay rằng con người hiếm có ấy chính là hoàng đế và ông cười vẽ tán thưởng.

Ông đáp :

— Thừa Thánh thượng, có thể như thế được.

— Khanh để đấy cho ta, chính ta sẽ quyết định lấy việc này, Ni-cô-la nói và cầm tập hồ sơ, đặt về phía bên trái bàn giấy.

Chéc-ni-sếp sau đấy trình bày vấn đề huy chương và vấn đề thuyên chuyển quân đội.

Hoàng đế đọc lướt bản danh sách, gạch vài tên, rồi với giọng quả quyết ra lệnh gửi hai sư đoàn mới ra biên giới Phổ.

Ni-cô-la không thể tha thứ cho vua Phổ đưa vào một hệ thống hiến pháp vào năm 1818.

Vì lý do ấy và mặc dầu những sự phản đối trong tình bằng hữu hoặc bằng lời nói, hoặc bằng thư văn cho ông anh rể, ngài vẫn nhận thấy cần thiết phải có một đạo quân hùng mạnh ở biên giới. Đạo quân ấy rất cần thiết trong trường hợp dân chúng Phổ nổi dậy — bất cứ ở đâu Ni-cô-la trông thấy dân chúng sửa soạn nổi loạn — và có thể phải ngay đến cửa ông anh rể, như trường hợp đã xảy ra ở Áo, chống quân Hung. Sự hiện diện của những đạo quân này ở biên giới cũng tăng thêm đồng cảm và sự quan trọng cho những lời khuyên dụ của ngài đối với vua Phổ.

Ngài nghĩ :

« Phải, nước Nga sẽ thế nào nếu không có ta ở đây ? » Ngài lại hỏi ông bộ trưởng :

— Còn gì nữa ?

— Một văn thư ở Cô-ca, Ché:-ni-sép đáp và bắt đầu trình bày nội dung bức thư của Vô-rôn-zốp về việc Hát-di Mô-ra.

Hoàng đế nói :

— À ! như thế đấy, việc khởi đầu thật rất đẹp.

Chéc-ni-sếp đáp :

— Cố nhiên là kế hoạch do Thánh thượng phác họa bắt đầu lượm được kết quả.

Ca tụng những tài năng chiến lược là điều thích thú cho hoàng đế vì trong đầu óc ngài, ngài cảm thấy không có những tài năng này. Nhất là bây giờ, những lời ca tụng về đủ mọi vấn đề làm ngài vui thích lắm.

Ngài hỏi :

— Khanh nghĩ thế nào về việc này ?

— Thần muốn nói rằng nếu ngay từ lúc đầu, người ta theo kế hoạch của Thánh thượng một cách có phương pháp, từ tốn chút ít, nếu người ta tiến lên hạ các khu rừng và hủy hết những kho dự trữ, miền Cô-ca chắc chính phục xong. Chính vì thế và riêng vì thế mà thần quy định sự hàng phục của Hát-di Mô-ra. Ý biển rằng y không thể cầm cự lâu hơn được nữa.

Ni-cô-la nói :

— Cái đó đúng.

Mặc dầu là kế hoạch tiến chậm vào đất

địch, vừa phá rừng, vừa hủy lương thực, kế hoạch của Êc-mô-lốp và Vê-li-a-mi-nốp, hoàn toàn trái ngược với kế hoạch của Ni-cô-la muốn chỉ trong một trận diệt Sa-min và phá hủy sào huyệt bọn thảo khấu này — phương pháp theo đó năm 1845 đã phát khởi cuộc chinh phạt Đác-gô lôn thất biết bao sinh mạng — nay hoàng đế tự nhận lấy là của mình kế hoạch của hai vị tướng.

Muốn để mọi người tin rằng quân niệm một cuộc xâm nhập có phương pháp phát xuất ở hoàng đế, cần phải in đi vào đầu chính do ngài đã thiết tha thực hiện cuộc chinh phạt Đác-gô. Nhưng về phần Ngài, ngài lại không giấu giếm gì và nhận cả hai kế hoạch là do ngài phác ra, mặc dầu có trái ngược nhau.

Những sự rình rập giả dối mà những người xung quanh ngài nói không tiếc lời đã khiến ngài hóa ra mù quáng đến mức không còn rõ là mình tương phản với nghĩa lý và lẽ phải chính đáng; ngài không còn chú ý đến lương tri của lời nói và hành động của ngài và cuối cùng đến chỗ tin rằng tất cả những mệnh lệnh của ngài, dù phi lý và vô nghĩa cũng trở thành những quyết định có suy nghĩ và đầy ý nghĩa, chỉ vì đó là phát xuất ở ngài.

Điền đó đã xảy ra trong trường hợp chàng sinh viên ở Y khoa đại học mà Chéc-ni-sép đã đề cập đến khi ông trình bày xong bản báo cáo về miền Cô-ca.

Việc xảy ra như sau : chàng thanh niên thi hỏng hai lần, lần thứ ba lại thi nữa : chàng lại bị giám khảo đánh hỏng. Vốn chàng quá nóng nảy, coi quyết định này là bất công, nên giắt lấy con dao nhọn ở trên bàn và điên cuồng nhảy xò lại vị giáo sư khiến ông bị vài vết thương không đáng kể.

Ni-cô-la hỏi :

— Tên nó là gì ?

— Bơ-rê-zô-l-ki.

— Ba-lan sao ?

Chéc-ni-sép đáp :

— Nụn gốc Ba-lan và công giáo.

Ni-cô-la cau mày.

Ngài đã gây nhiều tai họa cho người Ba-lan. Để chứng minh thái độ này, ngài cần phải có sự tin tưởng chắc chắn rằng tất cả người Ba-lan đều là những kẻ vô lại. Ngài coi họ như vậy và rất khinh rẻ họ.

— Hãy chờ một chút, ngài nói, nhắm mắt lại và cúi đầu xuống.

Chéc-ni-sép hiền biết cử chỉ này của hoàng đế và thường nghe thấy ngài nói những lời trên. Mỗi lần có một vấn đề quan trọng, Nga hoàng lại phải trầm tư mặc tưởng một vài giây phút, như có bộ máy nào đó vận chuyển trong người ngài và giải pháp cứ tự nhiên đến, tưởng như có một tiếng nói trong lòng đã chỉ dẫn việc ngài làm. Bây giờ ngài tìm cách thỏa mãn lòng khinh rẻ của ngài đối với người Ba-lan, lúc này bùng dậy vì trường hợp chàng sinh viên.

Tiếng nói trong lòng đã khiến ngài có một quyết định, ngài ghi vào bên lề bản báo cáo, bằng chữ lớn : « Xứng đáng tử hình. Nhưng nhờ Thượng đế, tử hình không còn tồn tại ở nước ta, và không phải về phần ta tại lập hình phạt này. Dẫu dặt gã đi mười hai lần trước mặt một ngàn người. Ni-cô-la ».

Nga hoàng hiền không những rằng mười hai ngàn chiếc roi thường là một cái chết chắc chắn và kinh khủng nữa, nhưng ngài cũng dự đoán rằng năm ngàn chiếc roi cũng đã dễ giết một người khỏe mạnh nhất ; nhưng ngài cũng lại là điều thích thú lắm đối với ngài đã được coi là nghiêm khắc không lay chuyển được và đồng thời có thể nghĩ được rằng trong xứ sở ngài tử hình không còn nữa.

Khi ngài ghi xong nghị quyết này, ngài trả lại hồ sơ cho Chés-ni-sếp.

— Đây, nhanh đọc đi !

Chés-ni-sếp đọc và để tờ ra vừa ngạc nhiên vừa tôn kính trước quyết định khôn ngoan của hoàng đế, ông cúi đầu xuống.

— Hãy đưa tất cả sinh viên đến công trường cho họ dự bình phạt. Việc đó sẽ có ích cho họ. Ta muốn tổng khởi tinh thần cách mệnh, ta muốn nhờ rẽ hẳn tinh thần này.

— Xin tuân lệnh, Chés-ni-sếp nói, sau khi yên lặng một lúc và sửa lại chùm tóc, lại xin xét lại bản báo cáo từ miền Cô-ca gửi về.

— Xin Thánh thượng dạy cho thần biết trả lời Mỹ-sơn Sơ-mi-ô-nô-vít thế nào ?

Hoàng đế Ni-cô-la đáp :

— Hãy nghiêm chỉnh theo chiến lược của ta trong cuộc chinh phạt : phá hủy nhà cửa, phá hủy lương thực và đảo lộn đời sống dân Thất-đất bằng những cuộc xâm nhập.

— Thánh thượng ra lệnh cho thần thế nào về Hát-di Mô-ra ?

— Nhưng... Vô-rôn-zốp viết rằng ông ấy muốn dùng y ở miền Cô-ca.

— Điều đó có gì mạo hiểm không ? Chéc-ni-sép nói tránh không nhìn hoàng đế Ni-cô-la ; thần chỉ sợ Mỹ-sơn Sơ-mi-ô-nô-vít sẽ tỏ ra quá tin chẳng ?

— Thế nếu tự khanh quyết định, khanh sẽ làm thế nào ? Hoàng đế xẵng giọng hỏi, nhận thấy Chéc-ni-sép muốn trình bày bản báo cáo với vẻ không tán thành.

— Thận trọng hơn là nên đẩy hẳn vào nội địa nước Nga.

— À ! khanh tin thế sao ? Ni-cô-la nói về chế giễu. Còn ta, ta không tin và ta đồng ý với Vô-rôn-zốp. Khanh sẽ viết cho Vô-rôn-zốp theo đường lối ấy.

— Xin tuân lệnh, Chéc-ni-sép đứng nói.

Và sau khi xin cáo lui, ông đi giật lùi trở ra.

Đôn-gô-ru-ki cũng dự vào việc duyệt xét tất cả các bản báo cáo này và có nói vài lời đáp lại câu hỏi của Ni-cô-la về vấn đề chuyển quân đội, lúc này cũng xin cáo lui hoàng đế.

Sau hai người, đến lượt một ông già, khuôn mặt húp híp, người nhỏ bé đưa báo cáo về những đạo luật mới được Hội nghị tham chính

chấp thuận. Tên ông Bờ-lu-đô (1). Bạn của nhóm âm mưu tháng Chạp và là cựu bộ trưởng, hiện lúc này ông đảm nhận chức vụ giám đốc phân bộ khởi thảo các đạo luật.

Những bản báo cáo của ông lên bộ đến các đạo luật mới, ủy ban kiểm duyệt và một kiểm duyệt viên già, cố vấn dân sự người ta đã tổng giám vi đã đề cho in một bài công kích một đạo luật.

Do những quan niệm của ông, Bờ-lu-đô thuộc về một nhóm chủ trương nền giáo dục phải được truyền bá rộng rãi và phản nản về những sắc lệnh của hoàng đế, nhằm bóp nghẹt khuynh hướng này, đã giới hạn số sinh viên ở ba trăm người, ngăn cấm du học ra ngoại quốc, áp dụng kiểm duyệt nghiêm ngặt đến vô lý, tán thành những vụ tố cáo và trừng trị bằng đầy đọa hay hình phạt tất cả những sự phát biểu ý kiến dù viết hay nói.

Những biện pháp này làm Bờ-lu-đô đau khổ. Ông chỉ trích khi trò chuyện với những người thân cận, nhưng chính thức, ông đánh phục tùng.

(1) Dimitri Nizolas Bloudov (1785-1864), nhà văn và chính trị gia, bộ trưởng từ 1830 đến 1839, được phong bá tước năm 1842, chủ tịch Hội nghị tham chính từ 1862 đến 1864.

Trong thâm tâm, hoàng đế cảm thấy điều này và nhận rõ những khuynh hướng của Bơ-lu-đô mà ngài khinh bỉ vì lý do này. Ngài tin tưởng rằng quyền hành ngài sử dụng là cần thiết cho nước Nga và chế độ của ngài không thể cùng tồn tại với nền giáo dục mà Bơ-lu-đô, Hê-len Pao-lô-na và nhiều vị giáo sư khác nữa muốn đưa vào Nga. Do thế ngài không coi là giáo dục cái mà mọi người coi là giáo dục. Giáo dục cần phải ăn khớp với quyền hành của ngài và làm vừa ý ngài. Chính trong cái hướng ấy hoàng đế hành động ngoài thanh thiên bạch nhật.

Ngài thấy ở Âu-châu có nhiều vị vua chúa, vì nhượng bộ những người đòi hỏi, đã tán thành vấn đề truyền bá giáo dục ; những vị này nhượng bộ với mục đích muốn mình được lòng dân, ví dụ như vua Lô-y Phi-líp mà ngài khinh-bỉ, những vị khác hành động vì sự công luận, như anh rể ngài, vua Phổ.

Nhưng theo ngài, nước Nga không cần đến giáo dục.

Không phải là những trường đại học, những báo chí, những bài báo, khoa học, các nhà bác học, thi sĩ và nền giáo dục là những điều cần thiết cho nước Nga, nhưng là kỷ luật.

Và xét đoán như vậy, ngài chỉ cần có một điều ; mọi người hãy tuân theo ngài đừng có nói nửa lời. Theo ngài, không cần gì khác hơn nữa để có được hạnh phúc cho toàn dân — không những cho dân Nga, nhưng cho cả người Đức, người Pháp, người Thổ và những dân tộc khác nữa.

Vì vậy, ngài khinh bỉ những người như Bô-lu-ô và đồng bọn, rảo riết bành vạc nguyên tắc nền giáo dục công cộng, nhưng lại hưởng tất cả những quyền lợi mà địa vị đã dành cho họ, điều mà chỉ có được trong một quốc gia không có giáo dục. Thế mà họ lại là những người cuồng tín về giáo dục !

Ni-cô-la khinh bỉ họ sâu xa và không bao giờ chấp thuận những đề nghị họ đệ trình ngài. Lần này nữa, ngài khước từ lời yêu cầu của Bô-lu-ô xin thả người kiểm duyệt viên già.

Tướng Bi-bi-kô (1) thống đốc khu vực miền Tây sau đây được phép vào.

Hàng để hoàn toàn đồng ý về những sự trả thù do Bi-b-kô ra lệnh, chống lại những

(1), Dimitri Iv. Bibikof (1792-1870) thống đốc cao cấp miền Tây-nam, đóng tại Kiev, từ 1837 đến 1852.

dân quê đã từ chối không theo đạo chính thống và ngài ra lệnh đem ra toà án quân sự xử những người bướng bỉnh (1). Như thế có nghĩa là họ sẽ bị dẫn đi giữa hai hàng dân chúng như chàng sinh viên Ba-lan. Sau đấy, ngài ra lệnh bắt nhập ngũ viên chủ nhiệm tờ nhật báo đã công bố những tin tức về mấy ngàn nông dân tự do sắp phải đặt dưới chế độ rông nô lợi ích cho hoàng gia.

— Ta làm như thế vì ta nhận thấy là có ích và ta không cho phép ai bàn cãi !

Bi-bi-kô nhận thấy lệnh hoàng đế khốc liệt về vấn đề những tin đồn Cơ đốc. Ông cũng thấy biện pháp đối với nông dân là bất công, nhưng không thể cưỡng lại ngài được. Không đồng ý với Ni-cô-la có nghĩa là sẽ mất địa vị hiện hách ông đã tạo được trong bốn mươi năm phục vụ mà do đó ông đã thu được biết bao lợi tức. Và ông cúi cái đầu hoa râm xuống tỏ dấu phục tùng và đồng ý, sẵn sàng thực hành những biện pháp nghiêm khắc, vô lý và bất lương kia, nhưng hợp với ý muốn của Thánh thượng.

(1) Sau khi bãi bỏ vấn đề thống nhất tôn giáo với La-mã năm 1839, có khá nhiều người bướng bỉnh không chịu từ bỏ sự liên kết này.

Trở về nhiệm sở, mặc dầu trong thâm tâm không tán thành những quyết định của Ni-sô-la, Bi-bi-kô vẫn thi hành một cách có phương pháp và chính xác những mệnh lệnh nghiêm khắc và bất công kia, không những phá rối sự an vui của dân chúng, nhưng đôi khi còn giết hại họ nữa ; hơn nữa, những biện pháp này đã làm họ mất tinh thần, khiến họ hoá ra vô tình và tiêu diệt ở họ những đức tính cao cả nhất của con người.

Sau khi hoàng đế đã giải quyết xong công việc với Bi-bi-kô, ngài tin chắc là mình đã hết lòng làm tròn nhiệm vụ ; ngài nhìn đồng hồ và lui vào phòng để thay quần áo.

Ngài mặc chiếc áo dài có tơ diêm ngũ, huy chương và một dải băng và vào phòng khách mà ở đấy hơn một trăm người, đàn ông mặc quân phục, đàn bà với chiếc áo lộng lẫy sò hồ, tất cả đều đứng cứng nhắc ở những chỗ đã chỉ định trước, hãi sợ chờ đợi Thánh thượng vào.

Hoàng đế, cặp mắt buồn bã, ngực uối, bụng nhô ra ngoài chiếc đai, cảm thấy tất cả những son mắt đều hướng về ngài, lại giữ vẻ trang trọng hơn. Ngài liếc nhìn những khuôn mặt

quen thuộc : ngừng lại gần những quan khách mà ngài còn nhớ, ngài nói với họ vài câu bằng tiếng Nga hay tiếng Pháp và lắng nghe họ nói với ngài.

Sau khi đã nhận tất cả những lời chúc tụng, hoàng đế N-cô-la đi ra nhà nguyện. Ngay Thượng đế, qua những lời nói của các vị giáo sĩ, cũng chào mừng và tán tụng N-cô-la, chẳng khác gì con dân của Ngài, và hoàng đế, mà cuối cùng cũng phải chán ngán, tuy vậy cũng vẫn chấp nhận như những lời sùng bái họ có bốn phần đối với ngài.

« Sự việc phải như vậy, ngài nghĩ, vì sự an lạc và hạnh phúc của nhân loại đều tùy thuộc ở ta ». Và mặc dầu chán ngán tất cả sự quy lụy ấy, ngài không muốn từ chối đoạt của thế giới sự giúp đỡ của ngài. Đến cuối lễ mi sa, viên giáo sĩ trợ tế, tóc chải bóng mượt, cất giọng hát bài « Trường thọ » và những ca sĩ cùng đồng ca những lời này với giọng tuyệt hay thì hoàng đế Ni-cô-la quay đầu lại, nhận thấy ở gần cửa sổ nàng Ne-li-đô-va, đứng hơn là vai nàng, và ngài giải quyết ngay phần lợi về nàng, vấn đề ngài đặt ra bữa qua khi so sánh nàng với thiếu nữ đeo mặt nạ.

Ở nhà nguyện ra, ngài đến thăm hoàng

hận và ở lại hận cung vài phút, bỗng đùa với hoàng hận và các hoàng nam, rồi qua Ân am, ngài đến nhà ông bộ trưởng Vôn-kôn-ki và ngoài những việc khác, ngài ra lệnh cho ông hàng năm lấy ở quỹ riêng trả một ân bổng cho bà mẹ thiếu nữ ngài mới quen biết buổi tối qua. Từ đấy, ngài bắt đầu đa đoan như thường lệ.

Ngày hôm ấy bữa ăn sáng bày ở điện Pôm-pê; hai vị hoàng nam nhỏ, Ni-cô-la và Mỹ-sơn, nam tước Li-ê-ven, bá tước Đilen-ny-ki, Đô-gô-ru-ki, viên hộ vệ quyn và đạo phái viên của vua Phồ cũng được mời tới dự. Trong khi chờ đợi hoàng đế và hoàng hậu đến, có cuộc thảo luận về những tin kinh hoàng về Ba-lan giữa nam tước Li-ê-ven và đạo phái viên của vua Phồ.

Li-ê-ven nói :

— Ba-lan và miền Cô-ca, đó là hai vết thương của nước Nga. Cần phải gần một trăm ngàn người ở mỗi nơi (1).

Đạo phái viên của vua Phồ làm ra vẻ sửng sốt về tin này. Ông nói :

— Ngài nói, nước Ba-lan ? (1)

(1) Nơi Lãng tiếng Pháp.

— Vâng, ồ vâng. đó là một đòn lảo luyện của Mêt-téc-nit đã gây bối rối cho chúng tôi.

Sự xuất hiện của hoàng hậu, mỉm cười nhưng thiếu vẻ vui tươi, có hoàng đế Ni-cô-la đi sau làm ngắt câu chuyện.

Ngồi vào bàn ăn, Nga hoàng nói về sự hàng phục của Hát-di Mô-ra và tuyên bố là ngài hết sức tin tưởng về kế hoạch của ngài: xâm nhập có phương pháp, hạ các khu rừng, dựng các pháo đài, sẽ kết thúc nhanh chóng cuộc chinh phục miền Cô-ca.

Đặc phái viên liếc nhìn viên hộ vệ quan Phò mã mới sáng nay hai người còn bàn cãi về lời lầm của Ni-cô-la tự coi mình như một nhà chiến lược đại tài. Lúc này, nghe hoàng đế nói về kế hoạch của ngài, ông lại hối tiếc đã chỉ trích ngài và công nhận những tài năng của Nga hoàng về chiến thuật.

Sau bữa ăn, hoàng đế đến xem vũ khúc; khoảng một trăm vũ nữ, mặc áo nịt cổ hở rộng, nhảy múa trên vũ đài. Một vũ nữ trong số đó đặc biệt chăm chú nhìn hoàng đế; Ni-cô-la gọi viên trưởng ban, khen ngợi y và ra lệnh tặng cho người vũ nữ kia một chiếc nhẫn nạm kim cương.

Ngày hôm sau, khi Chés-ni-sếp trình hoàng đế những bản báo cáo, ngài còn nhắc lại những lệnh của ngài về cuộc chinh phạt miền CÔ-ca và xác định lại những quyết định của ngài ngày hôm qua để thông báo cho VÔ-rôn-zốp.

Ông bộ trưởng chiến tranh viết cho vị phó vương, theo chỉ thị của hoàng đế ; một thông tin viên quân nhân khác, thúc ngựa chạy mau và đánh đập các tên đánh ngựa, trực chỉ hướng Ti-phít.

XVI

Tiếp theo lệnh của hoàng đế Ni-cô-la Pao-lô-vít, một cuộc chinh phạt dữ dội xứ Thát-đát được tổ chức ngay vào tháng giêng năm 1852.

Đoàn quân chỉ định trong cuộc chinh phạt này gồm bốn liên đội bộ binh, hai trăm kỵ binh CÔ-dác và năm cỗ đại bác.

Đoàn quân đi theo một đường bẽm sâu. Ở mỗi bên, những quân trình sát đi giày ống cao, áo lót bông, đội mũ lót da lông, súng đeo trên vai và bao đạn đầy áp ở thắt lưng.

trèo lên, đi xuống các ngọn đồi. Đứng phép, đoàn quân tiến vào đất địch, cổ gây tiếng động ít nhất. Người ta chỉ nghe thấy bánh xe các cỗ đại bác và tiếng ngựa hí, ngỗ nghịch với quân kỵ. Viên chủ tướng, bất mãn với quân lính, đôi khi kêu lên một tiếng khàn khàn và giận dữ. Sự giận dữ của ông phần nhiều là do việc các quân trình sát, khi thì đi quá sát gần đại quân, khi thì lại bỏ quá xa.

Sự yên lặng có chủ ý bị rối loạn vì một con sơn dương, bụng trắng, lưng xám, cặp sừng ngắn cong về phía sau, xuất hiện đột ngột, nhảy ở một bụi rậm ra giữa đoàn quân và đội thảo vệ.

Xa hơn nữa, một bầy sơn dương thật đẹp, hãi sợ, chạy xô lại đoàn quân như những mũi tên, bầy hỗn loạn, sát gần quá đến nỗi mấy tên lính, tin tưởng có thể lấy lưỡi lê đâm chúng được, nên rượt theo, la hét và cười. Nhưng bầy sơn dương đã vượt qua vòng đai quân trình sát và bị các kỵ binh và đàn chó của quân đội bao vây, chúng tản máo vào núi như đàn chim.

Lúc này vào mùa đông, nhưng vào khoảng trưa, mặt trời nóng bức. Đoàn quân đi từ bình minh mới vượt được bốn cây số khi mặt

trời chiếu ánh sáng trong sáng và chói lọi xuống. Người ta thấy chói mắt nhìn những lưỡi lê và các cổ đại báo phản chiếu ánh sáng trở thành biết bao những mặt trời nhỏ khác.

Đang sau đoàn quân, dòng sông trong vắt chảy mà quân lính vừa vượt qua ; trước mặt, trải dài những cánh đồng đã cấy lúa và các cánh đồng cỏ ở tận cùng các thung lũng không sâu mấy ; xa hơn nữa, những ngọn núi huyền bí và tối tăm, bao phủ rừng ; ở phía ngoài các dãy núi tối tăm này dựng đứng những tảng đá đồ sộ và ở chân trời, đẹp một cách bất di bất dịch, biến đổi và long lánh dưới ánh sáng như kim cương, chói lọi những cánh đồng tuyết vĩnh viễn.

Đi đầu liên đội thứ tư là anh chàng đẹp trai Bút-lê, cựu sĩ quan vệ binh. Chàng mặc một chiếc áo dài đen và đội một chiếc mũ tròn bằng da lông ; gươm của chàng được buộc vào đai gươm. Bút-lê ý thức được rằng chàng dự một cuộc chinh phạt mà chỉ có một ý chí hướng dẫn và phụng sự một lý tưởng cao cả. Chàng ham yêu đời, nhưng cũng không sợ cái chết. Lần này là lần thứ hai chàng dự cuộc chinh chiến và luôn luôn chàng chờ đợi người ta bắn chàng. Chàng quyết định không cúi đầu trước những viên đại bác, không lưu tâm đến

tiếng đạn rít, và chàng muốn xử sự như trong lần chiến đấu thứ nhất, đối mặt với hiểm nguy, vui vẻ khuyến khích các bạn đồng đội và nói với họ giọng quả quyết về tất cả mọi chuyện ngoại trừ chiến tranh.

Đoàn quân rời con đường lớn đi vào con đường nhỏ trong các cánh đồng bấp, đến gần khu rừng thì bỗng, không biết từ đâu đến, một quả đạn trái phá rít lên một cách ào nghiệt, rơi xuống và nổ tung ở vệ đường, giữa các xe vận tải.

— Bắt đầu đây, Bút-lê nói, mỉm cười với bạn.

Quả thế, một đoàn kỵ binh Thất-đất, mang những lá cờ xanh, hiện ra ở mép rừng. Ở giữa đoàn, người ta nhận thấy một lá cờ lớn hơn, một viên đội già mắt sâu sâu báo tin cho Bút-lê biết, vì chàng cận thị, là có lẽ đó chính là hiệu kỳ của Sa-min. Quân sơn cước đổ xuống đồi và hiện ra ở bờ con đường trắng gần nhất, về phía tay mặt. Viên tướng chỉ huy đoàn quân, người nhỏ bé, mặc một chiếc áo choàng ấm màu đen và đội chiếc mũ trùm bằng da lông cừu trên một con bạch mã lớn ; y tiến lại gần liên đội của Bút-lê và ra lệnh tiến lên gặp đoàn kỵ binh địch. Bút-lê nhanh nhẹn dẫn quân lính về hướng chỉ định ; chàng

chưa tới con đường trũng thì chàng nghe thấy phía sau hai tiếng đại bác, nổ cách nhau khoảng vài giây. Chàng quay lại và trông thấy hai đám khói nhỏ xanh đen, từ miệng súng đại bác bay ra và trải rộng lên con đường trũng. Đoàn quân Thất-đát có lẽ không nghĩ đến sự hiện diện của pháo binh liền quay trở lại. Liên đội Nga từ thời nổ súng và thương vong bị chìm đắm trong làn khói những tiếng nổ. Từ trên cao con đường trũng người ta trông thấy rõ ràng quân sơn cước rút lui man lẹ vừa bắn trở lại quân Cô-dắc đuổi theo họ. Liên đội chuyển động nhanh chóng : một làng hiện ra, trên bờ dốc một con đường trũng thứ hai.

Bút-lô, đi đầu quân lính của chàng, theo sát đoàn kỵ binh Cô-dắc tiến vào làng mà dân chúng đã bỏ đi. Quân lính được lệnh phóng hỏa các vựa thóc, cỏ khô và nhà cửa. Ngôi làng chan hòa những đụn khói cay xè mà quân lính đang chạy, lấy ở các nhà ra tất cả những gì họ thấy, bắt những con gà mà dân chúng không kịp mang đi. Các sĩ quan ngồi nơi tránh khói để ăn sáng. Một viên đội mang đến cho họ một vài bình đầy mật ong. Tất cả những dấu vết dân Thất-đát đều biến hết. Chưa đến chiều, đoàn quân đã quay trở lại và Bút-lô đi đoạn hậu. Ngay

khi quân lính chuyển động, quân Thát-đát lại xuất hiện, bắn đuổi theo, mãi cho đến khi chúng tới khu quang đăng.

Trong liên đội Bát-lô không có người nào bị thương và chàng cảm thấy mình vui vẻ và hăng say. Khi đoàn quân lại vượt qua dòng sông và trải dài trên các cánh đồng bắp và các cánh đồng cỏ, họ bắt đầu ca hát. Không có gió, không khí mát và trong sạch, trong sáng đến nỗi các ngọn núi vịnh viễn phủ tuyết, cách xa hàng trăm cây số cũng hiện ra rất gần; khi những tiếng ca hát ngừng, người ta nghe thấy bước chân nhịp nhàng của quân lính và tiếng va chạm của các cỗ đại bác lên sỏi đường. Bài ca mà liên đội của Bát-lô là do một thanh niên quý tộc Đức soạn, theo một vũ điệu, để mừng trung đoàn; điệp khúc như sau :

Đó là một điều khác,

Một điều khác

Các khinh binh chúng ta,

Các khinh binh chúng ta !

Bát-lô đứng gần vị thượng cấp của chàng, thiếu tá Pê-tốp mà chàng ở cùng phòng. Chàng rất sung sướng được đến miền Cô-sa. Lý do

chính khiến chàng có quyết định này là vì chàng mất hết của cải trong cờ bạc, ở Thành-Bỉ-đắc-báo, và chàng chẳng còn gì nữa. Nay đời sống ấy đã kết thúc, một đời sống khác, hoạt động và đầy cảm bầy đã khởi đầu. Chàng đã quên cảnh suy vi và nợ nần. Miền Cô-ca, chiến tranh, các sĩ quan thường say sưa, trung hạn và can đảm, thiếu tá Pê-tốp, tất cả đều làm chàng hài lòng trong cảnh sống này đến nỗi đôi khi chàng ngập ngừng không dám tin là thật; chàng khó mà tưởng tượng rằng chàng không còn ở Thành-Bỉ-đắc-báo trong các khách thính âm khời, xia tiền đánh bạc và khinh miệt những tay hồ lý bị những chứng đơn đầu kinh khủng và nay ở một miền tuyệt đẹp cùng với những dân Cô-ca dũng cảm.

Đó là một điều khác,

Một điều khác

Các khinh binh chúng ta

Các khinh binh chúng ta !

quân lính ca hát.

Ngựa của chàng tiến lên theo nhịp vui vẻ của bài ca, Tê-sóc-ka, con ngựa chiến lớn và đẹp của vị trung đoàn trưởng, sắc xám và đuôi buộc múi, đi đầu, về đêm chiều, tướng chính mình là vị chỉ huy.

Bút-lê tràn ngập sung sướng và thấy mình hăng say can đảm. Quả vậy, chiến tranh có phần nguy hiểm, nhưng chiến tranh cũng khiến chàng đoạt huy chương, lòng triu mến của bè bạn Nga. Một phương diện khác của chiến tranh : chết chóc, sĩ quan, quân lính, dân miền núi bị thương, nhưng ý nghĩ này không đến với chàng, dù có dị kỷ chẳng nữa. Nhưng Bút-lê, một cách vô ý thức và như để ngăn ngừa ý tưởng thơ mộng chàng gán ghép cho chiến tranh, không muốn nhìn cả người bị thương và người chết. Chàng cũng hành động như vậy, cùng cái ngày ấy, khi quân Nga bị ba người chết và mười hai người bị thương. Đi gần một xác chết nằm giữa, chàng chỉ thoáng nhìn cái dăng điện kỳ dị của bàn tay và một vết xám đỏ trên đầu và không muốn nhìn gần hơn nữa. Quân miền núi đối với chàng là những kỵ sĩ nguy hiểm cần chống trả.

— Ở chúng tôi như thế, viên thiếu tá nói trong lúc nghỉ hát, không phải như ở Bi-tắc-bảo các anh sắp hàng bên trái ! Sắp hàng bên phải ! Ở đây chúng tôi chiến đấu và sau đấy, chúng tôi về nhà.

« Mã-chu-ka sẽ mời chúng ta bánh ngọt và súp rất ngon. Một đời sống tuyệt đẹp, phải không ? Thôi, ta đi bây giờ.

Và ông yêu cầu quân lính hát bài ông ưa thích nhất : « Bình minh xuất hiện » .

Viên thiếu tá chung sống với người con gái viên y tá, xưa ông gọi là Mạc-ka và nay ông gọi là Ma-ri Mỹ-trị-ê-na. Nàng đẹp, da tóc vàng, có những vết mẩn đỏ, khoảng ba mươi tuổi và không có con. Quân hân dĩ vãng, người đàn bà đó nay là bạn thân của viên thiếu tá và sẵn sàng ông chẳng ngại gì người và chăm chút đứa trẻ, và đó cũng là điều hữu ích cho người quân nhân này thường say sưa mất trí khôn.

Trở về pháo đài, thiếu tá nhận thấy những điều ông tiên liệu quả là đúng. Ma-ri Mỹ-trị-ê-na dọn một bữa ăn tối thật ngon cho Bút-lê và một vài sĩ quan do thiếu tá mời. Ông thiếu tá ăn và uống rượu đến nỗi không còn biết mình nói gì nữa và đi nằm. Bút-lê cũng rất mệt nhọc, nhưng rượu lại làm chàng vui vẻ và nói nhiều. Tuy vậy, chàng cũng về phòng, gối đầu có mở tóc xoắn đẹp lên bàn tay và chìm đắm trong giấc mơ, không một tiếng động nào phá rối giấc ngủ của chàng.

XVII

Làng quân Nga xâm nhập lại chính là làng Hát-di Mô-ra đã qua đêm ở đây trước ngày chàng hàng phục quân Nga.

Khi quân Nga bắt đầu vào làng Sa-đô mà Hát-di Mô-ra, khi qua đây có ngừng chân lại ở nhà thì Sa-đô cùng với gia đình lánh ẩn vào núi. Khi địch quân rút lui, chàng lại trở về nhà. Nhà chàng bị cướp phá, mái nhà sụp, cửa bị thiêu hủy và trong nhà nhớp nhúa. Xác đứa con chàng, thằng bé xinh đẹp, có cặp mắt sáng, bữa trước hết sức kính phục Hát-di Mô-ra, nay nằm ở giữa đường, nơi người ta vừa tải nó trên lưng ngựa đến, phủ trên xác một tấm mền len. Lưng nó bị lưỡi lê đâm xuyên qua. Người đàn bà có khuôn mặt quý phái mời Hát-di Mô-ra ăn bánh nướng nước khi chàng qua nhà nàng, nay ngồi gần xác con trai ; chiếc áo khoác của nàng rách để hở ngực lép, tóc nàng xoã xuống ; cào cào mặt đến chảy máu, nàng thẫn thừ. Sa-đô tay cầm mai và cuốc, theo sau có một vài người bà con, đi đào huyết chôn con. Ông già, ông nội thằng bé ngồi gần bức tường ngồi

nhà đồ, chăm chăm nhìn trước mặt ông, tay gọt chiếc đĩa như máy.

Ông vừa đi xem tổ ong. Tất cả những tổ ong và ong đều bị thiêu hủy, kể cả hai ụ cỏ lớn ; những cây anh đào và mơ bị đốn xếp từng đống, sẵn sàng làm mồi lửa. Đàn bà khóc thồn thừ. Những đứa nhỏ la hét. Sáo vật đói, không còn có gì cho ăn, rống lên thảm thiết. Những đứa trẻ lớn hơn ngừng không chơi nữa và nhìn người lớn vẻ sợ hãi.

Giếng cũng bị vấy bẩn để cho dân chúng không thể dùng nước được nữa. Cả giáo đường cũng dơ bẩn, và vì giáo trưởng cùng các tu sĩ đang lau chùi. Không ai nói một lời, không ai biểu lộ sự khinh rẻ đối với người Nga. Hay nói đúng hơn, đó không phải là sự khinh rẻ, đó là sự từ khước không chịu công nhận những quân chó má Nga kia là người, đó là nỗi ghê tởm họ cảm thấy trước sự đê hèn, sự điên cuồng của cuộc chinh phạt này ; và lòng ham muốn tiêu diệt những quân khốn nạn kia như người ta tiêu diệt những con chuột, những con nhện có nọc độc và những con sài lang, đối với dân Thất-đất, trở thành một ý thức cũng mãnh liệt như bản năng tự vệ. Dân làng bị đặt trước một tình trạng tiến thoái

lương nan : ở lại nơi này, cố gắng xây dựng lại những gì đã mất biết bao sinh lực và kiên trì mà người Nga vừa tàn phá một cách lơ đãng hết sức, và đặt vào nơi nguy hiểm không biết lúc nào, hoặc vi phạm những luật lệ của đạo giáo hàng phụng người Nga, khắc phục cả khinh rẻ và ghê tởm.

Các bộ lão, sau khi cần nguyện, đồng loạt quyết định phái một sứ giả đến cầu Sa-min giúp đỡ ; và dân chúng bắt tay ngay vào việc xây dựng lại cảnh hoang tàn.

XVIII

Ngày hôm sau cuộc chinh phạt nổi danh này còn sớm lắm, trước khi dùng trà với Pê-tốp như thường lệ, Bút-lê ở nhà đi ra du ngoạn và thở hít một chút không khí trong sạch. Mặt trời ở trên đỉnh núi chiếu thẳng ánh sáng xuống các nhà tranh trắng xóa ở phía bên mặt đường phố, và ánh dương chói lóa, mắt nhìn thật khó khăn. Trái lại, thật là thích thú được ngắm các ngọn núi bao phủ rừng trông như đóa tranh treo lên trời thắm và những dãy băng tuyết trắng như bao giờ cũng vậy muốn

bao phủ mây. Bút-lê ngắm những ngọn núi ấy và hít thở đầy phổi không khí trong sạch, sung sướng với đời, sung sướng nhất là được ở đây, sống trong miền tuyệt đẹp này. Chàng còn băn khoăn nghĩ đến việc mình đã cư xử rất xứng đáng ngày hôm qua trong trận tấn công và càng xứng đáng hơn nữa trong lúc lui binh, trong khi cuộc truy kích đang mãnh liệt ; nhớ lại buổi tối qua và sự tiếp đón giản dị nhưng niềm nở mà Ma-ri Mỹ-trị-ê-na đã dành cho tất cả quan khách và hình như đặc biệt cho chàng cũng làm chàng tràn ngập vui sướng. Ma-ri Mỹ-trị-ê-na với mái tóc rậm, đôi vai rộng ngược nở, nụ cười tươi sáng và những vết nám đỏ cũng quyến rũ Bút-lê, chàng thanh niên, khỏe mạnh, đạo đức, và chàng thấy như nàng ham muốn chàng. Nhưng chàng nghĩ xử sự như vậy là không phải đối với anh bạn dũng cảm Pê-tốp, và vì vậy chàng đã rời xa cách biệt ; thái độ này của chàng đã gây cho chàng lúc này một sự lo ngại nặng nề. Chàng đang suy nghĩ về tất cả những việc này thì nghe thấy tiếng ngựa phi trên đường bụi rậm.

Chàng ngẩng đầu lên và trông thấy một nhóm kỵ sĩ đến gần. Đi đầu khoảng hai mươi kỵ

sĩ Cô-dắc có hai người : một người mặc áo choàng trắng, đội mũ tròn tròn có chiecs khăn quấn quanh đầu ; người kia, mặc quân phục sĩ quan Nga, tóc đen, mũi cong, mang vũ khí khảm bạc.

Kỵ sĩ đội khăn cuỡi một con ngựa sắc hồng xám, đầu nhỏ, cặp mắt tuyệt đẹp. Ngựa của kỵ sĩ mặc quân phục Nga thuộc giống Ka-ra-bát nổi danh, lớn con, dáng đi đặc biệt, thanh lịch. Bút-lê vốn rất am hiểu về ngựa, liếc mắt nhìn nhận xét thấy ngay sức mạnh thanh xuân của con ngựa đầu và đứng ngừng lại để cố nhận gổc tích những người mới đến. Viên sĩ quan hỏi Bút-lê :

— Đây có phải nhà vị chỉ huy quân sự không ?

Câu hỏi và giọng nói biến lộ khách không phải nguồn gốc Nga. Bút-lê trả lời là phải.

— Người kia là ai ? chàng hỏi, và đến gần viên sĩ quan và đưa mắt chỉ người đội khăn.

— Đó là Hát-di Mô-ra. Ông ấy đến do lời mời của vị chỉ huy quân sự.

Bút-lê có nghe thấy nói về Hát-di Mô-ra và việc ông ta hàng phục người Nga, nhưng

chàng ngạc nhiên lại gặp viên tướng sơn cước ở đây, trong pháo đài nhỏ bé này. Hát-di Mô-ra nhìn chàng về thân ái.

— Chào ông, Bút-lê nói, biết chữ này bằng tiếng Thát-đát.

— Sa-u-bun (1) Hát-di Mô-ra đáp, chỉ đảo xuống và đến gần, bắt tay chàng bằng tay phải, ở hai ngón cuối có treo chiếc roi ngựa.

— Vì chỉ huy ? Hát-di Mô-ra hỏi.

— Không, nhưng ông ở đây, tôi đi tìm ông ta.

Và Bút-lê đi về phía nhà vị chỉ huy. Cửa chính đóng. Vì không có sự trả lời tiếng chàng gọi, chàng đi vòng quanh nhà và vào bằng cửa sau. Chàng gọi bốn lính hầu, nhưng họ đều đi vắng. Chàng vào bếp và thấy Ma-ri Mỹ-tri-ê-na, tay áo vén lên, đang cắt bánh bột trắng để làm bánh rán.

Bút-lê hỏi :

— Lính hầu đâu cả ?

— Chúng đi nốc rượu. Ông cần gì chúng ? thiếu phụ trả lời.

(1) Saouboul, tiếng Thát-đát, để chào khách.

— Phải mở cửa. Hát-di Mô-ra đến với một đoàn kỵ sĩ.

Ma-ri Mỹ-trị-ê-na mỉm cười hỏi :

— Ông nói đùa gì thế ?

— Tôi nói thật chứ. Họ ở ngoài hiên.

— Có đúng không ?

— Tôi bây giờ làm gì ? Bà hãy ra coi Hát-di Mô-ra ở trước cửa.

Ma-ri Mỹ-trị-ê-na kêu lên vui vẻ :

— May mắn biết bao !

Và nàng cởi bỏ yếm đeo trước áo, kéo tay áo xuống, búi lại tóc.

Nàng nói thêm :

— Tôi đi lên đánh thức I-văn Mã-vệ-vinh.

Bát-lê nói :

— Không, để tôi đi.

— Được lắm, Ma-ri Mỹ-trị-ê-na nói và lại trở lại làm công việc.

Viên thiếu tá biết rằng Hát-di Mô-ra ở Gô-nai-a và nghe chàng đến ông thấy cũng chẳng có gì lạ. Ông đứng dậy, châm diêm thắp đèn và bắt đầu mặc quần áo. Ông ho và chửi rủa thượng cấp đã phái con người ma quỷ này đến.

Mặc quần áo xong, ông bảo lính hầu mang thuốc sửa ông đến. Tên này hiểu là thứ gì, đem rượu vô-ka lại.

Viên thiếu tá sau khi uống cạn ly rượu vô-ka và ăn một miếng bánh mì đen liền nói :

— Chẳng gì dở hơn là uống mấy thứ rượu một lúc. Ngày hôm qua chúng tôi uống vừa rượu vô-ka, vừa rượu vang mới và hôm nay nhưc dần. Đây, tôi sẵn sàng.

Và chàng đến phòng khách mà viên sĩ quan và bạn chàng đã được mời vào. Viên sĩ quan giao cho I-văn Mã-vệ-vinh lệnh của vị chỉ huy cánh tả quân, truyền cho chàng phải tiếp đón Há-di Mô-ra, giúp chàng bắt liên lạc với dân miền núi qua sự trung gian của các sứ giả, cần dặn thêm rằng không bao giờ được cho hàng tướng ra ngoài pháo đài mà không có đội quân Cô-dác mạnh đi kèm.

Viên thiếu tá đọc đi đọc lại lệnh này và lúc nhìn Há-di Mô-ra lúc nhìn tờ giấy, rồi nói :

— Xin tuân lệnh.

— Ông ấy ở tại đây, ở nhà tôi. Hãy dịch để ông ấy rõ là ta nhận được lệnh không để ông ta ra ngoài một mình. Và lệnh là một

điền thiêng liêng. Đẽ ông ta ở đâu ? Bút-lê, anh nghĩ thế nào ? Ở văn phòng chẳng ?

Bút-lê chưa kịp trả lời thì Ma-ri Mỹ-tri-ê-na từ dưới bếp chạy lên và đứng ở cửa, nói với viên thiếu tá :

— Tại sao ? Hãy để ông ta ở phòng khách. Lúc nào ông ta cũng ở dưới mắt mình.

Vừa nói những lời này, nàng vừa liếc nhìn Hát-di Mô-ra, nhưng gặp mắt chàng, nàng vội quay đi.

Bút-lê nói :

— Tôi nghĩ Ma-ri Mỹ-tri-ê-na nói có lý.

I-văn Mă-vê-vinh nói giọng nghiêm nghị :

— Đi chỗ khác. Đâu bà không có công việc gì ở đây.

Trong khi mọi người nói, Hát-di Mô-ra ngồi, hai tay để lên chuôi dao găm, mỉm cười khinh bỉ, rồi chàng tuyên bố là ở chỗ nào cũng được, điều đó không có gì quan hệ đối với chàng ; điều chàng quan tâm, là theo đúng lệnh của phó vương, làm thế nào cho chàng tiếp xúc được dễ dàng với đầu miễn núi và để cho họ có thể đến gặp chàng.

Viên thiếu tá hứa là ước vọng của Hát-di Mô-ra sẽ được toại nguyện, rồi chàng yêu cầu

Bát-lô trông coi ông khách trong thời gian cần thiết để xếp đặt chỗ ở và sửa soạn bữa điểm tâm. Còn chính chàng thì lại vào phòng để tổng đạt công việc hàng ngày và xếp đặt mọi việc.

Ngay từ lúc đầu, những sự giao thiệp của Hát-di Mô-ra thật rõ rệt ; đối với viên thiếu tá, chàng thấy khinh bỉ và tỏ hẳn ra trong thái độ của chàng đối với viên sĩ quan ; Ma-ri Mỹ-trị-ê-na hầu hạ cơm nước cho chàng, chàng lại thấy nàng khá ái đặc biệt vì tính tình giản dị, vì sắc đẹp kỳ dị, vì nàng thuộc một nơi giống khác, và nàng lại lưu ý đến chàng. Chàng cố không quan tâm đến nàng, nhưng dần sao mắt chàng vẫn chăm chú nhìn nàng và theo dõi từng cử chỉ của nàng.

Chàng thấy Bát-lô dễ chịu và một dây thân hữu ràng buộc hai người. Hát-di Mô-ra vui vẻ nói chuyện với Bát-lô, lưu tâm đến đời viên sĩ quan Nga trẻ tuổi và kể cả đời mình cho người bạn mới. Chàng kể cho Bát-lô rõ những tin tức về gia đình, do các liên lạc viên đưa đến và hỏi viên sĩ quan cách chàng xử sự.

Những tin này thật xấu. Từ bốn ngày nay

chàng ở trong pháo đài này, chàng nhận được hai bức thư, cả hai đều đáng lo ngại.

XIX

Ngay sau khi Hát-di Mô-ra bằng phục quân Nga, gia đình chàng bị dẫn về làng Vê-đê-nô, dưới sự canh gác cẩn mật, chờ đợi Sa-min quyết định. Bọn đàn bà — bà già Pa-ti-ma và hai người vợ của Hát-di Mô-ra — và năm đứa trẻ nhỏ tuổi sống dưới sự canh gác, trong nhà của I-ba-him Ra-chết, còn I-ô-súp, con trai lớn của Hát-di Mô-ra, mười tám tuổi, bị giam trong một ngục tối cùng với bảy phạm nhân cũng như I-ô-súp còn chờ đợi ngày xử.

Sự nghị án này còn chậm trễ, vì Sa-min, bạn đánh nhau với quân Nga, không có nhà. Ngày 6 tháng giêng năm 1852, vị trưởng giáo trở về Vê-đê-nô sau một cuộc giao tranh; theo người Nga, ông bại trận và phải lẩn thoát, nhưng các tướng của ông và cả ông thì lại coi là họ thắng trận và đã giải tán những lực lượng địch. Dù có thực — và quả ít khi xảy ra — là trong trận đánh này, chính Sa-min đã phải

dùng súng của ông, rồi rút gươm ra khỏi bao, ông thúc ngựa xông vào quân Nga. Tướng tá của ông đã ngăn chặn ông kịp, nhưng hai người đã lăn ngã cạnh ông.

Lúc ấy vào buổi trưa khi Sa-min, có những kỵ sĩ chạy vây quanh vừa bắn súng lục và súng trường nổ rang, vừa hát : « La i-lát in a-la » tiến vào dinh thự của ông.

Tất cả dân làng rộng lớn Ve-de-nô đều có mặt để đón vị trưởng giáo, tụ tập ở đường phố và trên các hiên nhà ; để tỏ sự hân hoan, một số trong bọn họ bắn súng trường và súng lục. Sa-min cưỡi một con ngựa Ả-rập trắng ; con vật lao bồm vui vẻ khi gần đến nhà chủ. Yên cương của ông rất giản dị, không điểm tô vàng bạc ; dây cương, bằng da chắc, rồi bật lên vì một đường rãnh ở giữa. Hàm thiết, bàn đạp bằng kim khí sáng loáng và một tấm thảm đỏ hiện ra dưới chiếc yên. Vị trưởng giáo mặc một chiếc áo choàng màu gạch phía trong một chiếc áo khoác cò và tay có khâu da lông, nịt chặt vào thân người bằng một dây lưng có gai một con dao găm. Ông đội một chiếc mũ trùm cao, một đầu mũ phất phơ trên cổ. Ông đi giày mỏng và ông chân bọ trong cặp bốt nịt bằng da.

Sa-min thường từ chối không chịu mang trên người hoặc trên những vũ khí của ông những đồ trang sức bằng vàng bạc.

Giữa những kỵ sĩ của ông, quân phục lông lân, vũ khí chạm vàng, bạc, sự tương phản có chủ ý, vóc dáng cao lớn và y phục giản dị của ông càng làm nổi bật vẻ uy nghi mà vị trưởng giáo biết cách gây thiện cảm với dân chúng của ông. Ông đi qua làng, cảm thấy hàng ngàn con mắt chăm chú nhìn khuôn mặt xanh xao, tô điểm thêm bộ râu hung đỏ, cắt ngắn của ông, nhưng cặp mắt nhỏ, bất động, không nhìn ai.

Hai người vợ của Hát-di Mô-ra và tất cả các người trong nhà đều treo lên mái nhà để xem vị trưởng giáo về thành. Riêng có Pa-ti-ma, bà mẹ già Hát-di Mô-ra, ngồi trên nền đất, tóc trắng xõa xuống, ôm đầu gối trong hai tay yếu đuối, cặp mắt đen và sáng trông ngấm những ánh cái nở lép bép trong lò sưởi. Cũng như con trai bà, bao giờ bà cũng vẫn khinh bỉ Sa-min; lúc này bà càng khinh bỉ vị trưởng giáo hơn nữa và không muốn nhìn ông.

Người con trai của Hát-di Mô-ra cũng không dự cuộc khải hoàn của Sa-min. Nhưng từ trong

hầm tối tăm và hơi thối, chàng nghe thấy những tiếng súng bắn và những lời ca hát và chàng thấy đàn đờn một cách khủng khiếp, đàn đờn như những chàng tuổi trẻ, tràn ngập sinh khí khi họ bị mất tự do. Bị giam nhốt trong ngục tối, đầy mùi xú nố, không nhìn thấy ai ngoài những bộ mặt của những kẻ khốn nạn, bần thin, mệt mỏi, mà nỗi đàn đờn đã biến họ thành những kẻ tàn bạo, ghen ghét lẫn nhau, I-ô-súp thêm muốn hết sức tất cả những người được hít thở không khí trong lành, được hưởng ánh sáng và tự do, và nay da ngoạ trên lưng những con ngựa hăng say, vừa bắn súng vừa đồng ca « La i-la in a-la ».

Sau khi đi ngang qua làng, Sa-min đi vào một thửa sân lớn chung với thửa sân có hạn cung. Hai cận vệ võ trang đứng canh gác cửa vào sân thứ nhất, đây những đàn ông và đàn bà từ các miền núi xa xôi đến để giải quyết những việc riêng tư ; đó là những kẻ đến xin việc hoặc là những người mà Sa-min triệu đến tòa án để cho họ biết phán quyết của ông.

Khi vị trưởng giáo vào sân này, tất cả những người ở đây đều đứng dậy và tay đặt lên trái tim, kính chào ông. Một vài người còn quỳ

xuống và cứ quý nguyên như thế suốt trong khi ông đi qua sân.

Sa-min nhận thấy trong số này một vài kẻ không xứng đáng tiếp cũng như những người đến xin ông che chở cho, nhưng ông vẫn giữ vẻ mặt thản nhiên ; ông nhẩy xuống ngựa sau khi đã qua cửa trong. Cuộc chiến đấu với quân Nga không làm ông mệt nhọc về thể xác, nhưng một nỗi lo âu tràn ngập lòng ông, vì mặc dầu dư luận đều đồng ý coi trận này là một thắng lợi thì trái lại ông lại coi đó là một sự thất bại ; nhiều làng mạc bị thiêu hủy và cướp phá và dân Thất-đát, những người tính tình vốn hay thay đổi và dễ bị ảnh hưởng, bắt đầu do dự ; một số trong bọn họ, nhất là những người ở sát gần phòng tuyến Nga đã sẵn sàng hàng phục địch quân.

Tất cả những điều này làm Sa-min băn khoăn. Ông biết rằng cần phải có những biện pháp để đối phó, nhưng lúc này, ông muốn không nghĩ đến điều gì. Ông muốn nghỉ ngơi và được người vợ yêu nàng A-mi-nét vuốt ve. Nàng mười tám tuổi, ông yêu quý vì nàng có cặp mắt đen nháy và cặp chân mềm mại.

Tuy vậy, trong lúc này, ông không thể đến gặp A-mi-nét được dù nàng ở gần ông, đang

sau những bức tường ngăn khu nhà đàn ông với khu nhà đàn bà. Sa-min biết rằng trong lúc này A-mi-nét và những cung hầu khác của ông đang ghé mắt nhìn rập ông qua những khe hở bức tường ; và không những ông không thể đến thăm họ được, nhưng ông cũng không có thời giờ ngồi trên một chiếc đệm và nghỉ xả hơi. Trước tiên, ông phải đọc kinh buổi trưa ; ông chẳng thấy vui vẻ chút nào nhưng vốn là lãnh tụ tinh thần của dân tộc, ông không thể bỏ qua nhiệm vụ này được ; và nữa điều đó cũng cần thiết cho ông như cơm bánh hàng ngày. Và sau khi thay y phục, ông xưng tội. Lễ tất, ông bắt đầu tiếp khách.

Người khách đầu là bố vợ ông, một cựu giáo viên, người cao lớn, tóc bạc, râu trắng như tuyết, vóc dáng bộ vệ, vẻ mặt chứa chan sức khỏe ; tên ông là Di-man Ê-tin. Sau khi đọc xong một bản kinh, ông hỏi thăm Sa-min về cuộc chinh chiến và kể lại cho ông biết những việc quan trọng xảy ra trong lúc vị trưởng giáo đi vắng.

Trong những việc trọng đại này có : trả thù, ăn trộm gia súc, không lo đầy đủ nhiệm vụ về việc sử dụng thuốc lá, uống rượu, việc quan trọng nhất là việc bắt được những người

của Hát-di Mô-ra, do hàng tướng phái đến để dẫn gia đình chàng đến với người Nga. Di-man Ê-tin nói thêm rằng mưu toan này bị phát giác kịp thời và gia đình này vì thế đã được chuyển đến Vô-đê-nô và được canh gác cẩn mật chờ đợi quyết định của chính vị trưởng giáo.

Một vài vị bộ lão đã tụ họp trong phòng khách để thảo luận về tất cả những vấn đề này và Di-man Ê-tin khuyên Sa-min nên sẵn sàng đến họ ngay vì họ chờ ông đã ba ngày nay.

Sa-min ăn bữa trưa ở nhà, do Zai-dét, người vợ lớn tuổi nhất hẳn, một người màu da nâu, mũi quặm, khuôn mặt tẻ ngắt mà ông không ưa. Sau khi ăn uống xong, ông vào phòng khách. Hội đồng gồm có sáu vị bộ lão, tóc bạc, người đội khăn, người đội mũ trùm bằng da lông, tất cả đều mặc áo choàng mới, lưng họ nịt bằng dây lưng có đeo dao găm. Họ đều đứng dậy khi Sa-min vào và vị trưởng giáo cao hơn họ hẳn một cái đầu.

Các vị cố vấn cũng như vị trưởng giáo đều giơ tay lên, lòng bàn tay chia ra phía ngoài và nhắm mắt lại, họ cầu kinh; rồi họ đưa bàn tay vuốt mặt, chấp lại ở cằm.

Sau đó, họ ngồi xung quanh Sa-min mà ghế của vị trưởng giáo là chiếc đệm cao nhất và họ bắt đầu thảo luận những vấn đề họ quan tâm đến.

Những trọng tội được xử theo luật lệ của đạo luật. Hai tên ăn trộm bị phạt chặt một bàn tay; một kẻ sát nhân bị xử tử chém và ba phạm nhân khác được tha bổng. Sau đó, hội đồng xét đến vấn đề chính, vấn đề dân Thất-đất hàng phục quân Nga và tìm những biện pháp thích ứng để ngăn chặn việc này. Ngoài những biện pháp khác, có quyết định việc kêu gọi dân chúng, biện pháp được coi như là hữu hiệu; Di-man Ê-tin đã soạn thảo bản tuyên cáo như sau: « Ta cần chúc cáo người nên hòa bình vĩnh cửu và sự giúp đỡ của Thượng đế hùng mạnh. Ta được tin là quân Nga nịnh bợ các người và mời mọc các người ra hàng phục. Các người đừng nên tin và hàng phục họ. Hãy nên kiên tâm. Nếu các người không được tưởng thưởng về lòng dũng cảm của các người trong đời sống này, các người sẽ được tưởng thưởng trong đời mai hậu. Hãy nhớ lại việc đã xảy ra xưa kia, khi họ bắt đầu tước khí giới các người. Nếu thượng đế không dẫn dắt các người về thân lý năm 1840, các

người đã trở thành quân lính, vợ các người đi du ngoạn đâu có quần áo đẹp để, họ còn bị ô nhục nữa. Hãy xét tương lai bằng cách nhớ lại quá khứ. Chiến đấu chống người Nga để chế, còn hơn là sống dưới sự đô hộ của những kẻ dị giáo. Hãy kiên nhẫn, ta sẽ đến với các người mang kinh thánh Hồi giáo và thanh gươm, và chính ta sẽ dẫn các người chống quân Nga. Và nay ta ra lệnh cho các người một cách quyết liệt phải xua đuổi trong đầu óc tất cả những tư tưởng hàng phục ».

Sa-min tán thành bản tuyên cáo này, ký vào và quyết định cho truyền bá.

Sau đó, người ta đề cập đến vấn đề Hát-di Mô-ra mà Sa-min đặc biệt lưu tâm đến. Ông tin tưởng rằng, nếu ông giữ chàng ở gần ông, nhờ sự khéo léo, lòng can đảm và sự táo bạo của chàng, Hát-di Mô-ra chắc chắn có thể ngăn ngừa những sự ngã lòng của dân Thất-đất. Hoà hợp với chàng và lại dùng chàng vẫn là sự ước mong của Sa-min ; ý định này nay bị gạt bỏ, nhưng có điều không thể chấp nhận được là Hát-di Mô-ra không thể tiếp tục phục-vụ người Nga mãi được : bằng đủ mọi cách cần phải thủ tiêu chàng. Muốn thành công, phải phải đến Ti-phít một người có thể hạ sát chàng hoặc thuyết phục chàng trở lại miền

núi. Muốn đạt được ý muốn này chỉ còn một áp lực : gia đình chàng và nhất là con trai chàng mà chàng yêu mến vô bờ bến. Sa-min rõ điều này và vì vậy ông muốn đề cho con trai Hát-di Mô-ra thủ một vai trò trong vấn đề này. Khi tất cả các vị cố vấn đã phát biểu ý kiến về vấn đề này, vị trưởng giáo nhắm mắt lại và ngồi yên. Các vị bô lão hiền thái độ này là thế nào. Họ còn tin tưởng rằng lúc này vị trưởng giáo của họ đang nghe lời vị giáo tổ chỉ dẫn cho con đường phải noi theo. Sau một vài phút, Sa-min mở mắt và nói :

— Dẫn con trai của Hát-di Mô-ra đến đây cho ta.

Di-man È-tin đáp :

— Nó ở đây.

Quả thật, l-ô-súp, gầy, xanh, quần áo rách rưới, nhưng vẫn đẹp và quyến rũ, vẫn với cặp mắt sáng ngời như mắt mẹ, đứng gần cửa, chờ người ta gọi chàng.

Người thanh niên không đồng ý với bố về Sa-min. Có thể chàng không hiểu hết những gì xảy ra, và nếu chàng biết chẳng nữa, chàng cũng không thủ một vai trò gì trong cuộc xích mích này và không nhận ra tại sao lại có một sự đối lập sâu xa chia rẽ chàng với

Sa-min. Chỉ có một điều chàng lưu tâm : sống lại cuộc đời tự do và chàng xét thấy tất cả những sự xích mích với Sa-min là hoàn toàn vô ích. Vả nữa, trái với bố, chàng là người hết sức kính phục Sa-min và chàng hoàn toàn tán thành cảm tình mến phục sâu xa của dân miền núi đối với vị trưởng giáo. Chính với cảm tưởng tôn kính này chàng bước vào phòng khác. Ngừng lại ở cửa, chàng cảm thấy con mắt sắc sảo của Sa-min nhìn chàng. Chàng đứng yên lặng một lúc, rồi đến gần ông và hôn bàn tay trắng dài ngón búp măng.

— Mi có phải là con trai của Hát-di Mô-ra không ?

— Thưa trưởng giáo, phải.

— Mi có biết bố mi làm gì không ?

— Thưa trưởng giáo, con biết, và con rất phản nản việc này.

— Mi có biết viết không ?

— Con muốn trở thành giáo viên.

— Vậy mày viết cho bố mày rằng nếu bố mày về trước hội Báy-ram (1) và obịn hàng phục ta, ta sẽ thứ lỗi cho, và mọi việc sẽ lại như xưa. Còn nếu không tuân lệnh ta và

(1) Băĩram : một trong hai ngày hội của dân Hời.

tiếp tục ở lại với người Nga — và trăn Sa-min nhận lại — ta sẽ giao mẹ mày cho dân làng, còn mày ta sẽ chém đầu.

Vẻ mặt của I-ô-súp vẫn lạnh lùng. Riêng chàng chỉ cúi đầu xuống như để tỏ rằng chàng rất hiền Sa-min.

-- Viết theo hướng đó và giao bức thư của mi cho sứ giả của ta.

Và Sa-min chăm chú nhìn chàng thanh niên và yên lặng một lúc lâu.

— Viết rằng ta thương hại mi và ta sẽ không giết mi, nhưng mắt mi sẽ bị móc như những kẻ phản trắc. Thôi, bây giờ đi.

I-ô-súp hoàn toàn bình tĩnh trước mặt Sa-min, nhưng khi chàng ra ngoài phòng, chàng nhẩy xổ vào viên giám thị, rút dao găm ra khỏi vỏ và muốn tự vẫn, nhưng người ta giữ kịp chàng, trói tay lại và dẫn về ngục tối.

Sau khi cầu kinh buổi chiều xong và màn đêm đã bao phủ, Sa-min khoác chiếc áo tơi trắng lột bông đi vào khu nhà dành riêng cho các cung nữ của ông và tiến về phía phòng của A-mi-nét. A-mi-rét đi vắng không có ở đấy, nàng đang tụ họp với những người đàn bà khác. Không muốn ai để ý đến, Sa-min đứng ngừng lại ở trong

phòng, gần cửa ra vào để chờ nàng. A-mi-nét giận Sa-min vì ông đã tặng tấm lụa cho Gia-đết chứ không cho nàng. Nàng có trông thấy Sa-min vào phòng nàng, nhưng còn thù hạo, nàng không trở về gặp ông. Nàng đứng lén mãi gần cửa buồng Gia-đết và mỉm cười nhìn hình bóng cao trắng vào phòng nàng rồi lại đi ra. Cuối cùng, sau khi chờ đợi mãi không được, Sa-min trở về để đọc bản kinh nửa đêm.

XX

Hát-di Mô-ra qua một tuần ở pháo đài tại nhà I-văn Mã-vệ-vinh (riêng chỉ có hai vệ sĩ của chàng Kha-nê-phi và En-đa đi theo chàng, Ma-ri Mỹ-trị-ê-na đã nhiều lần cãi cọ với anh chàng Kha-nê-phi lông lá và xua đuổi y một cách tàn bạo ra khỏi bếp vì y định giết nàng, nhưng đối với Hát-di Mô-ra, nàng có một mối cảm tình rất chân thành. Nàng không còn hằn cơn chàng nữa, công việc này đã giao phó cho En-đa, nhưng nàng lợi dụng từng cơ hội để thăm hỏi chàng và giúp việc chàng. Nàng cũng dự một phần tích cực vào tất cả những cuộc đàm phán về gia đình chàng, biết chàng

có mấy vợ, mấy con, tuổi của chúng, và mỗi lần có liên lạc viên đến, nàng lại thăm hỏi họ để biết kết quả những mưu định của họ.

Bút-lê cảm thấy có một mối tình thân hữu chân thành đối với Hát-di Mô-ra và hai người thường đi lại thăm nom nhau luôn. Họ nói chuyện với nhau khi qua trung gian người thông ngôn, khi bằng những phương tiện riêng biệt của họ : cử chỉ và nụ cười. Cố nhiên là Hát-di Mô-ra rất yêu mến Bút-lê. Cách cư xử của En-đa đối với Bút-lê là chừng có hiển nhiên. Khi Bút-lê vào phòng Hát-di Mô-ra, En-đa vui vẻ tiếp đón chàng, mỉm cười lộ cả hai hàm răng, xếp đệm vào ghế chàng ngồi và nâng đỡ gương cho chàng, nếu chàng có đeo.

Bút-lê cũng rất đồng tâm ý hiệp với anh chàng Kha-lê-phi lông lá, người anh em sữa của Hát-di Mô-ra, vốn biết rất nhiều bài hát và hát rất hay. Hát-di Mô-ra gọi Kha-nê-phi và bảo y hát những bài ưa thích để mua vui cho Bút-lê. Kha-nê-phi có giọng tuyệt cao ; y hát với những âm điệu rõ ràng đặc biệt, chứa chan tình cảm. Một trong những bài hát đó, khiến Hát-di Mô-ra cảm động cũng làm ngạc nhiên Bút-lê vì những âm điệu buồn và trang trọng. Theo lời yêu cầu của chàng, viên thông ngôn dịch những

lời ca. Bài hát nói về mối thù truyền kiếp xưa đã có giữa Kha-nệ-phi và Hát-di Mô-ra.

Bài hát như thế này : « Đất sẽ khô trên mồ con và mẹ, mẹ sẽ quên con. Mồ con sẽ phủ xanh cỏ, cỏ cũng sẽ làm tiêu tan nỗi sầu muộn của cha, cha già của con. Nước mắt sẽ khô cạn trong mắt chị gái, nỗi ưu phiền sẽ bay biến trong lòng chị.

« Nhưng anh lớn của em, anh sẽ không quên em, khi mà anh chưa phục thù cái chết của em. Và anh, anh hai của em, anh cũng sẽ không quên em, khi mà anh chưa ngã nằm cạnh em.

« Hỡi viên đạn, mi nóng hổi và mang theo cái chết cùng với mi, nhưng mi lại chẳng là kẻ nô lệ trung thành của ta là gì ? Đất đen, mi phủ lên ta, nhưng có phải mi mà vỏ ngựa của ta đã giày xéo lên trên ?

« Mi lạnh giá, Cái Chết, nhưng ta là chủ mi. Đất sẽ cướp thân thể ta đi, nhưng chính ở trên trời, linh hồn ta sẽ bay bổng lên. »

Hát-di Mô-ra bao giờ cũng lắng nghe bài hát này, mắt nhắm lại và khi bài hát tắt đi trên một âm điệu êm nhẹ, chàng nói bằng tiếng Nga : « Tôi ưa thích bài hát này ». Thi vị trong đời sống dũng mãnh của dân miền

núi đã làm xóc động mạnh Bát-lô từ ngày chàng quen biết Hát-di Mô-ra và đoàn tùy tùng của chàng. Chàng kiếm được một chiếc áo khoác bằng da, một chiếc áo choàng và đôi giày ống miền Cô-sa. Chàng tưởng chính mình trở thành một người dân miền núi và sống cuộc đời những người này.

Ngày Hát-di Mô-ra khởi hành, viên thiếu tá tụ họp các sĩ quan và tổ chức một cuộc tiếp tân nhỏ để mừng chàng. Một vài sĩ quan ngồi gần chiếc bàn mà Ma-ri Mỹ-trị-ê-na đang mời nước trà. Những quan khách khác ngồi bao quanh một chiếc bàn tròn có bày những chai rượu vô-ka, rượu vang mời và thức ăn. Khi Hát-di Mô-ra vào phòng mặc y phục đi ra, bước chân mềm mại và mau lẹ mặc dầu một chân bị thương thì tất cả mọi người đều đứng dậy và bắt tay chàng.

Viên thiếu tá mời chàng ngồi ở ghế dài, nhưng chàng từ chối và ngồi vào một chiếc ghế gần cửa sổ. Sự yên lặng do chàng đến gây nên không làm chàng rụt rè chút nào. Chàng chăm chú nhìn từng khuôn mặt và lãnh đạm nhìn chiếc bàn có bày ấm trà và một vài thức ăn. Viên sĩ quan Pê-tốp táo bạo, qua sự trung

gian của viên thông ngôn, hỏi chàng xem thành phố Ti-phít có làm vui chàng không.

Chàng đáp:

— Aí-a.

Viên thông ngôn dịch:

— Chàng nói rằng có.

— Chàng ưa thứ gì?

— Hý viện.

— Chàng có thích khiêu vũ tở chức tại d'nh ông tổng tư lệnh không?

Hát-di Mô-ra đáp, vẻ nghiêm nghị:

— Mỗi dân tộc đều có những tập tục riêng. Ở xứ chúng tôi, đàn bà không ăn mặc như thế, chàng nói thêm và nhìn Ma-ri Mỹ-trị-ê-na.

— Điều gì không làm cho chàng hài lòng?

— Ở xứ chúng tôi có một câu phương ngôn như thế này: « Con chó muốn nuôi con lừa bằng thịt và con lừa muốn cho con chó cỏ khô và cứ như vậy cả hai đều đói ». Mỗi dân tộc đều có những tập tục riêng.

Câu chuyện ngừng ở đây. Các sĩ quan bắt đầu ăn uống. Hát-di Mô-ra cầm chén trà họ mời chàng và đặt trước mặt.

Ma-ri Mỹ-trị-ê-na hỏi :

— Ông có ăn kem và bánh ngọt không ?

Hát-di Mô-ra gật đầu.

— Đã đến lúc chia tay nhau, Bát-lô nói, tay khẽ đụng vào đầu gối Hát-di Mô-ra. Bao giờ chúng ta lại tái ngộ ?

— Vĩnh biệt, vĩnh biệt, Hát-di Mô-ra mỉm cười nói bằng tiếng Nga. Tôi là bạn thân của anh. Đã đến lúc ra đi, chàng nói thêm, quay đầu về hướng chàng sắp lên đường.

Gần cửa ra vào En-đa xuất hiện, cầm chiếc áo khoác dạ trắng và thanh gươm. Hát-di Mô-ra gọi vệ sĩ của mình ; En-đa đi về phía chủ tướng, bước đi dái và đưa cho chủ những thứ chàng cầm. Hát-di Mô-ra đứng dậy đưa tiễn Ma-ri Mỹ-trị-ê-na chiếc áo khoác dạ trắng và nói với nàng qua sự trung gian của viên thông ngôn.

— Chiếc áo làm vừa ý nàng. Nàng hãy cầm lấy.

Ma-ri Mỹ-trị-ê-na đỏ mặt nói :

— Tại sao thế ?

— Cứ như vậy. Tôi xin tiễn nàng, Hát-di Mô-ra nói thêm.

— Xin cảm ơn, Ma-ri Mỹ-trị-ê-na đáp và

cầm lấy chiếc áo. Xin Thượng đế giúp chàng cứu được con trai của chàng. Tôi xin cầu mong cả gia đình chàng được cứu thoát.

Hát-di Mô-ra nhìn Ma-ri Mỹ-trị-ê-na và cúi đầu về tâu thượng rồi cầm thanh gươm, chàng đưa biên viên thiếu tá I-văn Mă-vê-vinh.

Viên thiếu tá nhận thanh gươm và bảo viên thông ngôn :

— Hãy nói với ông ấy rằng ông ấy có thể dùng con ngựa tốt nhất của ta. Ta không có gì khác biếu ông ta cả.

Hát-di Mô-ra giơ tay ra hiện chàng không cần thứ gì, rồi chỉ dấy núi và trái tim mình, chàng đi ra. Một vài sĩ quan đi theo chàng.

Những người ngồi lại trong phòng rút thanh gươm ra khỏi bao và xem xé! Thanh gươm bằng thép nguyên chất.

Bút-lê tiến Hát-di Mô-ra đến tận cầu thang. Bỗng bất ngờ một biến cố xảy ra có thể làm thiệt mạng Hát-di Mô-ra nếu chàng không can đảm, gan góc và quyết định mau lẹ.

Dân làng Tac-ka-chu rất mến phục Hát-di Mô-ra và một số đông lại phao đài để chiêm ngưỡng vị tướng của giáo chủ Hồi giáo ; ba ngày trước khi chàng lên đường họ có mời

chàng đến thăm giáo đường của họ. Trái lại, các vị vương tước Ku-my cũng ở trong làng này lại thù ghét Hát-di Mô-ra vì một mối thù hận truyền kiếp ở giữa họ. Khi được tin dân làng mời, vội báo tin là họ không bao giờ để cho Hát-di Mô-ra bước chân vào giáo đường của họ. Quyết định này làm phẫn nộ một số dân làng và gây nên một cuộc đâm chém đẫm máu giữa phe các vị vương tước và địch thủ của họ. Chính quyền Nga tái lập trật tự và yêu cầu Hát-di Mô-ra đừng nhận lời mời này. Và Hát-di Mô-ra không đến giáo đường. Ai cũng nghĩ rằng câu chuyện đã thu xếp xong. Nhưng giữa lúc Hát-di Mô-ra bước qua ngưỡng cửa nhà viên thiếu tá, trước đó ngựa đã sẵn sàng chờ thì Khả-hãn A-lan, vị vương tước Ku-my và Bát-lê và viên thiếu tá đều biết xuất hiện.

Trông thấy Hát-di Mô-ra. Ông rút súng lục và bấm bắn, nhưng chưa kịp nổ cò thì Hát-di Mô-ra, mặc dầu đi khập khiễng đã nhảy xò đến như một con mèo; chàng gạt khẩu súng, một tay nắm bờm ngựa, tay kia rút dao găm và kêu lên một vài tiếng bằng tiếng Thát-đát.

Bát-lê và En-đa hấp tấp chạy lại và ngăn chặn hai người. Viên thiếu tá cũng đến.

— Có gì thế, A-lan, anh làm một việc đó hèn như vậy ở nhà ta hay sao ! Ông nói khi biết chuyện. Anh bạn, anh đã xử sự sai lầm. Ở ngoài, các người tự do hành động ; nhưng ta không muốn có giết chóc ở nhà ta.

Khả-hãn A-lan người nhỏ bé, râu mép đen, mặt tái mét và người run lập cập, nhảy xuống ngựa và nhìn Hát-di Mô-ra vẻ khinh bỉ, rồi đi theo viên thiếu tá.

Hát-di Mô-ra thở mạnh và mỉm cười trở lại chỗ ngựa đứng.

Bát-lê hỏi :

— Tại sao y muốn giết anh ?

— Ông ấy nói rằng đó là lệ luật của họ. Khả-hãn A-lan muốn báo thù vì máu đã đổ, viên thông ngôn dịch.

Bát-lê hỏi nữa :

— Và nếu Khả-hãn tấn công bạn ta ở dọc đường ?

Hát-di Mô-ra mỉm cười.

— Nếu hắn giết tôi, mặc kệ. Nếu như vậy đó là ý muốn của thượng-đế ! Vĩnh biệt anh, chàng nói thêm bằng tiếng Nga, vuốt vai con ngựa và chăm chú nhìn tất cả những người có mặt ở đấy.

— Mắt chàng gặp mắt Ma-ri Mỹ-trị-ê-na và chàng nói : « Vĩnh biệt ! Cảm ơn, cảm ơn ! »

Nàng nhào lại :

— Cầu mong Thượng đế giúp chàng giải thoát gia đình chàng.

Chàng không hiểu những lời nàng nói, nhưng cảm thấy những lời này đều tốt lành và chàng gật đầu.

Bát-lê nói :

— Lưu ý, đừng có quên bạn anh.

— Hãy nói để ông ấy biết rằng ta là bạn thân của ông ấy và không bao giờ ta quên bạn ta cả, Hát-di Mô-ra đáp qua sự trung gian của viên thông ngôn, và mặt dẫu chân đen, tay khế cầm cương, chàng cũng nhảy lên ngựa một cách nhẹ nhàng. Với cử chỉ như máy, chàng lấy tay sờ khăn súng lục và thanh gươm với dáng điệu kiên hãnh chỉ có thể có ở người kỵ sĩ miền núi, chàng xa rời ngôi nhà viên thiếu tá. Kha-nê-phi và En-đa cũng nhảy lên ngựa và sau khi thân mật từ giã nữ chủ nhân và các viên sĩ quan, họ phi ngựa theo chủ tướng.

Như thường lệ, câu chuyện đề cập đến những người mới ra đi.

— Dững cảm thật ! chàng nhẩy xỏ vào Khả-hãn A-lan như con lang sói. Về mặt chàng thay đổi hẳn.

Pê-trốt-ki nói :

— Y sẽ lừa dối chúng ta, y rất xảo quyết.

Ma-ri Mỹ-tri-ê-na tức giận nói :

— Cần mong Thượng-đế trong số người Nga chúng ta cũng có nhiều người xảo quyết như ông ta. Ông ấy ở nhà chúng tôi một tuần lễ và chúng tôi chẳng nhận thấy gì đáng chê trách ông. Bao giờ ông ta cũng lễ phép, thận trọng và công bằng.

— Và làm thế nào bà biết được như thế ?

— Tôi biết được đúng như thế.

— Ô ! nàng say mê anh chàng rồi ! viên thiếu tá nói lúc trở vào. Đúng thế !

— Hãy cho là tôi say mê chàng. Điều đó có gì liên hệ đến các ông ? Và tại sao lại nói xấu một người tốt như vậy ? Ông ta là người Thát-đát, nhưng ông ấy tốt.

Bát-lê nói :

— Đúng vậy, Ma-ri Mỹ-tri-ê-na ! Hoan hô ! chị bênh vực chàng có lý.

XXI

Đời sống dân chúng những làng có xây dựng pháo lũy trên phòng tuyến Chê-chê-ni không có gì thay đổi. Đôi khi có những lúc báo động khiến quân lính hấp tấp xuất quân, nhưng dân miền núi kịp thời trốn tránh. Tuy vậy một ngày kia, việc đó xảy ra ở Vô-vi-danh-kai-a, họ cũng giết được một tên lính Cô-dắc và bắt được tám con ngựa ở hồ nước. Từ ngày làng Mạc-kết bị tàn phá, quân Nga không xâm nhập nữa. Riêng người ta chỉ biết rằng một cuộc chinh phạt vĩ đại đang được sửa soạn để diệt dân Thất-đát, dưới quyền chỉ huy của vương tước Ba-ri-an-tin-kí (1), mới được đề cử làm chỉ huy trưởng cánh tả quân.

Vị tướng này, bạn của hoàng thái tử, nguyên chỉ huy trung đoàn Ka-bác-đa (2), khi đã nhận

(1) Vương tước Alexis Iv. Bariantinski (1814-1879), chỉ huy cánh tả đạo quân Caucasơ năm 1852, phó vương miền Caucasơ từ 1856 đến 1862, người thắng Chamil.

(2) Trung đoàn bộ binh thứ 80, đóng tại miền Bắc Caucasơ.

chức và tới Gốt-ny, và sau khi đã tập trung quân đội, quyết định lại mở các cuộc tấn công mới theo kế hoạch của hoàng đế mà ông bộ trưởng Chéc-ni-sép đã thông báo cho Vô-rôn-zốp. Một đoàn quân trực chỉ hướng Ka-rin. Quân lính phá rừng. Viên thiếu tá, vị vương tước Vô-rôn-zốp trẻ, ở trong một lều tuyệt đẹp; vợ ông, Ma-ri Va-si-li-ê-na, thường đến trại luôn và qua cả đêm ở đấy. Những sự đi lại giữa Ba-ri-an-tin-ki và bà nữ vương tước Vô-rôn-zốp không còn phải là một sự bí mật; những cuộc thăm viếng này làm các sĩ quan và quân lính bất mãn; họ không còn thiếu lời xúc phạm bà vì sự có mặt của bà ở trại; quả vậy, ban đêm, họ bắt buộc phải làm những việc phụ nữa.

Quân sơn cước đem những cỗ trọng pháo đến và bắn vào trại, nhưng đạn của chúng không bao giờ trúng đích và thường thường, người ta cũng chẳng đưa ra biện pháp nào để đối phó những vụ pháo kích này; nhưng khi có Ma-ri Va-si-li-ê-na ở đây, muốn tránh cho bà tất cả những sự sợ hãi, ông thiếu tá cho đặt thêm những lính canh. Và riêng việc họ phải canh gác ban đêm để bảo đảm giấc ngủ cho bà Ma-ri Va-si-li-ê-na cũng đủ làm nhục

các quân nhân. Quân lính và cả những sĩ quan không được đặt chân vào những giới thượng lưu này, không cần giữ gìn lời nói nữa.

Bút-lê, muốn gặp lại các bạn ở Trường Hồ tông, hiện nay là chiến hữu của chàng, phục vụ tại trung đoàn Ku-ra, được phép nghỉ và qua vài ngày ở trại này. Thoạt đầu, chàng rất vui mừng. Chàng ở cùng lều với Pôn-tô-ra-ki và qua ngày với các bạn hân niềm nở tiếp đón chàng. Chàng đến thăm Vô-rôn-zốp trước kia chàng đã ở dưới trướng ông. Vương tước tiếp chàng hòa nhã, giới thiệu chàng với vương tước Ba-ri-an-tin-ki và mời chàng dự bữa dạ tiệc tổ chức để tiễn hành tướng Kô-lốt-ki, nguyên chỉ huy cánh tả quân mà vương tước Ba-ri-an-tin-ki mới thay thế.

Bữa tiệc rất luy hoàng. Nhiều lều mới được dựng lên, kế tiếp nhau. Người ta kê bàn suốt chiều dài, ở trên bày các thức ăn, rượu vô số kẻ. Tất cả cảnh này gợi nhớ đời sống của Đoàn Vệ binh, ở Thành Bi-đắc-bảo. Ở giữa bàn, một bên là tướng Kô-lốt-ki ngồi bên kia tướng Ba-ri-an-tin-ki. Bà Vô-rôn-zốp ngồi bên tay mặt Kô-lốt-ki, trong khi chồng bà ngồi ở phía tay trái. Những chỗ khác có những viên sĩ quan các trung đoàn Ka-bác-đa và Ku-ra ngồi. Bút-lê ngồi cạnh Pôn-tô-

ra-ki; họ nói chuyện vui vẻ và chạm cốc với những người ngồi bên. Đến giữa bàn tiệc, các lính hầu bắt đầu rót rượu sam-banh. Pôn-tô-ra-ki, vẻ bồn khoăn và thương xót một cách thành thật, bảo Bát-lê :

— Ông « Tôi biết nói thế nào ! » của chúng ta sẽ phải xấu hổ.

— Và tại sao thế ?

— Ông ta phải uống rượu mừng. Ông biết xoay xở ra sao ? À ! phải người anh em ạ, thật khó khăn hơn là xuống một hầm dưới một trận mưa đạn. Và nữa, khốn thay ông lại có một mệnh phụ phu nhân ngồi bên và có biết bao các nhân vật cao cấp trong triều lắng nghe ông. Quả thật tôi thương hại ông ta.

— Đó là những câu chuyện của các sĩ quan nói với nhau.

Giờ phút long trọng cuối cùng đến. Ba-ri-an-tin-ki đứng dậy, ly rượu cầm ở tay và nói một vài lời với tướng Kô-lốt-ki. Ông này cũng đứng dậy và nói khá to.

— Tuân lệnh của Hoàng thượng... tôi biết nói thế nào... tôi ra đi, tôi từ biệt, các ông, các sĩ quan... nhưng xin vẫn cứ coi tôi... tôi biết nói thế nào... như vẫn ở với các ông... thưa các ông, các ông biết... tôi biết nói thế

nào.. định lý này: trên bãi chiến trường một người đạo nhất không thể là chiến sĩ được. Vì vậy, tất cả những gì tôi thân lượm được trong khi tôi làm việc ở đây... tôi biết nói thế nào.. như phản tướng thường, tất cả, những huy chương, lòng quảng đại của hoàng đế... tôi biết nói thế nào... địa vị của tôi, danh vọng của tôi, tất cả... — đến đây giọng ông run run — tôi đều nhờ các ông, tất cả, hoàn toàn nhờ các ông, các bạn của tôi!

Và khuôn mặt nhẵn nhụi của ông càng nhẵn thêm. Ông thồn thức và nước mắt chảy.

— Và với tất cả lòng dạ tôi, tôi xin tỏ bày với các ông... tôi biết nói thế nào... sự chân thành và với tất cả tâm hồn tôi, sự biết ơn của tôi..

Và tướng Kô-lốt-ki, không thể tiếp tục được, bắt đầu ôm hôn các sĩ quan. Nữ vương tước lấy khăn tay che mặt.

Vương tước Vô-rôn-zốp chớp mấy mắt và mỉm cười lại. Nhiều sĩ quan chảy nước mắt. Bát-lê mới được quen biết tướng Kô-lốt-ki cũng không thể ngăn giọt lệ được. Tất cả những điều này làm xúc động chàng sâu xa. Rồi những ly rượu được nâng lên chúc mừng Ba-ri-an-tin-ki, Vô-rôn-zốp, các sĩ quan và quân

lính. Sau đó, tất cả các quan khách rời bàn tiệc, say sưa; họ đều chìm đắm trong một trạng thái hoan lạc của giới quân nhân, dù có phải nhịn đôi chăng nữa.

Trời xán lạn, ánh chiều dương sáng tỏ, cảnh yên lặng. Khí trời mát và đầy sinh khí. Khắp nơi, người ta nghe thấy tiếng hát và tiếng còi nổ lép bép trong lò sưởi. Tất cả mọi người vui như hội. Bút-lê cảm thấy mình thật dễ chịu; quá sung sướng và cảm động, chàng đến nhà Pôn-tô-rát-ki, ở đây có mời tất cả các sĩ quan. Một viên trung úy ngồi gần bàn bạc, đặt một trăn rúp. Trông thấy thế, đã hai lần Bút-lê uốn ra phía cửa lều, giữ chặt túi tiền, nhưng không kè đến lời chàng tự hứa với mình và hứa với các anh em, chàng quay gót lại với đám bạc và bắt đầu đặt tiền với nhà cái.

Một giờ sau mặt đỏ gay gắt, mặt dày phẫn của tấm bảng đầu tựa vào bàn tay, chàng vẫn ngồi ở bàn và ghi những số tiền chàng đặt. Chàng thua những số tiền quá lớn đến nỗi chàng không dám cộng lại nữa. Tuy vậy, dù không cộng, chàng cũng biết rằng dù có bỏ cả số tiền lương tháng — mà chàng có thể lĩnh trước được — và bán cả con ngựa của chàng, chàng cũng không thể trả hết được nợ cho viên trung úy chàng mới quen

biết. Chàng định chơi tiếp nữa, nhưng viên trung úy, vẻ nghiêm nghị, thôi không chia bài nữa và bắt đầu cộng những con số trong cột của Bút-lê. Bút-lê xin lỗi, tuyên bố không thể trả những số tiền chàng thua ngay lúc này và hứa sẽ gửi trả khi trở về nhà. Nhưng lời nói này, chính chàng cũng nhận thấy, làm cho cả mọi người đều thương chàng ; ngay cả Pôn-lô-rát-ki cũng tranh không nhìn chàng.

Đó là buổi dạ hội cuối cùng của chàng. Đang lễ chàng đang đánh bạc, cứ lại thắng nhà vương tước Vô-rôn-zốp mà chàng được mời đến và như vậy mọi việc đều tốt đẹp, chàng nghĩ thế. Và bây giờ, dở dang thế, đời tệ quá sức, thật đáng thất vọng.

Sau khi cáo từ bè bạn và những người quen thuộc, chàng trở về nhà, lên giường nằm ngay và ngủ liền một giấc mười tám giờ, như tất cả những tay thua bạc. Ma-ri Mỹ-trị-ê-na mà chàng mượn năm mươi kô-péc để thưởng cho tên lính Cô-dác dẫn chàng về, trông thấy mặt chàng hốc hác và chỉ trả lời cộc lốc, biết là chàng thua bạc và oán hận I- ăng Mă-vê-vinh đã để cho chàng đi đánh bạc.

Ngày hôm sau, Bút-lê dậy vào khoảng trưa và nghĩ ngay đến cảnh buồn của mình. Chàng

lại muốn chìm đắm trong sự quên lãng mà chàng vừa thoát ra, nhưng không thể được. Cần phải có những biện pháp cấp tốc để trả bốn trăm bảy mươi rúp chàng nợ một người xa lạ.

Chàng lại viết thư cho người anh, hỏi hạn tội lỗi của mình và van nài anh gửi cho chàng lần này là lần cuối cùng năm trăm rúp, coi như là tiền chia trước về phần chiếc cối xay của chung của hai người. Rồi chàng viết cho một người bà con biển lận hết sức, cũng hỏi vay năm trăm rúp với bất cứ mức lời nào. Sau đấy chàng lại I-văn Mã-vê-vinh, biết rằng viên thiếu tá, hay đúng hơn Ma-ri Mỹ-trị-ê-na, có tiền, để hỏi mượn năm trăm rúp.

— Tôi có thể đưa cho anh tức thời, nhưng Ma-ri Mỹ-trị-ê-na không muốn. Ma quý hãy mang những mu đàn bà ấy đi vì họ chỉ nghĩ đến giữ tiền. Tuy vậy, cần phải tìm một lối thoát. Lão chủ quán ma quý chẳng rõ có tiền không?

Nhưng thật là mất công toi đi mượn bất cứ cái gì của lão chủ quán bình dân. Như vậy Bát-lê chỉ trông được vào sự giúp đỡ của anh chàng hay người bà con biển lận.

XXII

Hát-di Mô-ra không đạt được mục đích của chàng ở xứ Thất-đất lại quay trở về Ti-phít. Chàng cố gắng lại thăm Vô-rôn-zốp hàng ngày và khẩn khoản xin cho đánh đổi những tù binh sơn cước lấy gia đình chàng. Chàng quả quyết rằng một khi sự trao đổi kia chưa thực hiện được, chàng thấy mình như bị trời buột và dù chàng có nhiệt tâm chẳng nữa cũng không thể phục vụ người Nga để tiên diệt sào huyệt của Sa-min được. Vô-rôn-zốp trả lời một cách thoải thác và trì hoãn việc trả lời dứt khoát cho đến khi tướng Ác-gu-li-en-ki đến, việc cơ là phải thỉnh ý kiến ông. Hát-di Mô-ra liền xin Vô-rôn-zốp được đến sinh sống trong một thời gian ở Nu-kha, một thành phố nhỏ ở bên kia dãy Cô-ca mà ở đây, chàng nghĩ rằng, chàng có thể dễ dàng tiếp xúc với dân miền núi vẫn trung thành với chúng và bắt đầu những cuộc đàm phán với Sa-min được về vấn đề gia đình chàng.

Vả nữa, thành phố này đông dân Hồi giáo có một giáo đường, khiến chàng có thể làm

tròn những phận sự về đạo giáo, đúng như luật lệ của Ma-hô-mét. Vô-rôn-zốp đệ trình vấn đề này về Thành Bì-đảo-bảo, và không chờ đợi phúc đáp, cho phép Hát-di Mô-ra đến ở Nu-kha.

Trường hợp của Hát-di Mô-ra chính nó đã đáng lưu ý và đối với Vô-rôn-zốp, cũng như đối với các vị chức quyền ở Thành Bì-đảo-bảo và số đông người Nga, như là tiền biểu một khúc quanh thuận lợi trong lịch sử trận chiến tranh miền Cô-ca. Nhưng chính với Hát-di Mô-ra trong những ngày gần đây, hoàn cảnh chàng giống như một khúc quanh khấp khểnh trong đời chàng. Chàng rời rúl một phần vì muốn trốn tránh, phần nữa vì hận thù Sa-min ; và mặc dầu những nỗi khó khăn trong khi lần trốn chàng đã thành công ; thắng lợi này khiến chàng vui vẻ và thật sự chàng đã phá vỡ một kế hoạch tấn công Sa-min. Việc giải thoát gia đình, chàng hy vọng khá dễ dàng thực hiện, nay trở nên mỗi lúc mỗi khó khăn. Sa-min đe dọa giao phó vợ chàng cho dân làng và đâm mù mắt con trai chàng. Và Hát-di Mô-ra đã lựa chọn thành phố Nu-kha vì chàng quyết định thực hiện một việc không thể làm được, với sự tiếp tay của những tin đồ ở Đa-ghe!-lăng, để giải thoát vợ

con, hoặc bằng mưu mẹo, hoặc bằng sức, ra khỏi nanh vuốt của Sa-min. Chẳng được biết qua lời liên lạc viên chàng gặp ở Nu-ka rằng dân A-va vẫn trung thành với chàng đã quyết định cướp vợ con chàng và cùng với gia đình chàng trở về hàng phục người Nga ; nhưng số tin đồn này không đủ để thực hiện mưu toan này ở Vê-đê-nô ; họ hy vọng đạt được ý định trong trường hợp gia đình Hát-di Mô-ra phải di chuyển đến một địa phương khác. Họ nghĩ sẽ thành công bằng một cuộc đột kích đoàn công voa trên đường đi. Hát-di Mô-ra, hải lòng nhận được tin này, hứa với các chiến hữu, qua sự trung gian của liên lạc viên, thưởng ba nghìn rúp.

Tại Nu-ka, một ngôi nhà nhỏ có năm phòng ngay cạnh giáo đường và dinh thự của vị khả hãn được dành cho Hát-di Mô-ra. Các sĩ quan trong đoàn tùy tùng của chàng, viên thông ngôn và các vệ sĩ cũng ở nơi này. Chờ đợi các liên lạc viên, tiếp họ và vài cuộc du hành bằng ngựa là tất cả công việc hàng ngày của chàng.

Ngày 8 tháng tư, du ngoạn hàng ngày về, chàng được tin một phái viên của Vô-rôn-zốp vừa đến. Mặc dầu nóng lòng muốn biết tin, trước khi vào phòng mà phái viên đó chờ chàng, chàng vẫn lên phòng riêng để cầu kinh buổi

trưa. Sau đó, chàng vào phòng khách. Sự giả, viên cố vấn dân sự Ki-ri-lô, có viên cảnh sát trưởng địa phương đi theo, cho Hát-di Mô-ra biết vương tử Vô-rôn-zốp yêu cầu chàng ngày 12 tháng tư có mặt ở Ti-phít để gặp Áo-gu-li-en-ki.

— I-át-chi (1), Hát-di Mô-ra đáp giọng xằng.

Ki-ri-lô không làm chàng vui lòng.

— Anh có mang tiền đến không?

Ki-ri-lô đáp :

— Có.

— Cho hai tuần lễ phải không? Hát-di Mô-ra nói và lần lượt giơ mười ngón tay, sau đó bẻ
cửa. Đưa đây.

— Ngay bây giờ, viên cố vấn nói, rút một túi tiền ở trong bao hành lý ra. Ông ta dùng tiền này làm gì? Y nói thêm bằng tiếng Nga, tưởng rằng Hát-di Mô-ra không hiểu.

Nhưng Hát-di Mô-ra đã hiểu được và quắc mắt nhìn Ki-ri-lô. Đặt túi tiền lên bàn, viên cố vấn muốn mở đầu câu chuyện; y muốn mượn vài tin tức để về tán lại với chủ, khi trở về Ti-phít. Y hỏi ở Nu-kha, Hát-di Mô-

(1) Iakchi : được, tiếng Thái-đất.

ra có buồn không? Mô-ra lấy mắt đáp tỏ vẻ khinh bỉ và không nói một lời nào. Viên thông ngôn nhào lại câu hỏi.

— Bảo hẳn rằng ta không muốn nói với hẳn.

Và nói xong, Hát-di Mô-ra ngồi vào bàn, như muốn đếm số tiền chàng sắp nhận. Ki-ri-lô lấy ra bảy chồng tiền vàng mỗi chồng mười đồng và đẩy về phía Hát-di Mô-ra (chàng nhận được mỗi ngày năm rúp); viên trưởng miền núi cho vào túi ở tay áo choàng đứng dậy và trước sự sửng sốt của tất cả mọi người, đánh vào vai viên cố vấn dân sự. Ki-ri-lô tức giận nhảy lên và ra lệnh cho viên thông ngôn cắt nghĩa cho Hát-di Mô-ra biết rằng dù mặc thường phục, y cũng ở cấp đại tá và y không chấp nhận cho ai được xử sự như thế với y. Viên cảnh sát trưởng theo dặt thêm. Hát-di Mô-ra nghiêng đầu như muốn nói rằng chàng có biết những điều này và đi ra khỏi gian phòng.

Viên cảnh sát trưởng nói:

— Biết đối xử với hẳn thế nào? Hẳn có thể rút dao găm ra và tất cả mọi việc đều hỏng hết... không thể nào dùng một thứ ngôn

ngũ đồng nhất với thặng quỹ ấy. Tôi nhận thấy hắn đã bắt đầu điên rồi.

Đến lúc nhà nhem tối, hai lên gác viên mủ sụp che cả mặt ở trên núi đến. Một người trẻ, da màu nâu và vạm vỡ, người kia già và gầy. Họ đưa đến những tin thật buồn. Các bạn hữu của Hát-di Mô-ra trước đã nguyện giải thoát gia đình bằng bằng bất cứ giá nào nay từ chối, e sợ Sa-min đe dọa sẽ nghiêm trị tất cả những người nào định giúp đỡ kẻ thù của ông.

Khuỷa tay chống lên đầu gối bắt chéo, hai bàn tay ôm đầu, Hát-di Mô-ra ngồi yên lặng rất lâu : chàng suy nghĩ, chàng muốn có một quyết định dứt khoát. Rồi chàng nâng đầu lên, cho mỗi lên gác viên một đồng tiền vàng và bảo họ :

— Thôi đi.

— Trả lời thế nào ?

— Tùy ở Thượng đế. Thôi đi.

Hai người đứng dậy và đi. Hát-di Mô-ra, khuỷa tay chống lên đầu gối, ngồi trên thảm. Chàng ngồi như thế lâu và suy ngẫm.

« Làm thế nào ? Tin Sa-min và trở lại với hắn ? Hắn quý quyết như sao, hắn sẽ

lừa mình. Và dù hẳn không lừa dối mình nữa, làm thế nào mình có thể hàng phục hẳn được, kẻ dối trá kia ! Và nữa trở về không thể được, vì ta đã qua hàng ngũ Nga và không còn ai tin tưởng ta nữa », Hát-di Mô-ra nghĩ.

Và chàng nhớ lại câu chuyện về con chim ưng ở Táp-la bị bắt, dạy dỗ và sống với người. Nó trốn thoát và trở về với đồng loại. Nhưng ở chân có nhạo và một sợi xích nhỏ. Và các chim ưng khác đã xua đuổi nó. Chúng bảo : « Bay đi và hãy quay lại nơi họ buộc nhạo cho mí. Chúng ta ở đây không có nhạo, không có xích ». Con chim ưng kia từ chối không chịu đi. Nhưng các anh em đồng loại nó xúm lại mổ và không muốn cho nó sống chung.

« Ta nữa, ta cũng sẽ bị mổ.

« Ở lại đây chẳng ? Chính phục miền Cóc-ca cho Nga hoàng ? Được vinh quang, cấp bậc, giàu có chẳng ? Có thể được, Hát-di Mô-ra nghĩ, nhớ lại câu chuyện của chàng với Vô-rôn-zốp và những lời tâng bốc mà vương tử nói với chàng. Cần phải có một quyết định ngay, nếu không gia đình ta sẽ bị sát hại ».

Và trong nhiều giờ lâu nữa, Hát-di Mô-ra chìm đắm trong suy tư.

XXIII

Vào nửa đêm, không những chàng đã quyết định, nhưng còn ấn định một kế hoạch. Chàng quyết định trở lại A-va-ri và tấn công Vê-đê-nô, với những tin đồn của chàng hoặc để giải thoát cho gia đình hoặc chết. Nếu thành công, có thể chàng sẽ trở lại với quân Nga đem theo cả gia đình, hay chàng đến Khu-zít để tiếp tục chiến đấu chống Sa-min; chàng chưa có quyết định về vấn đề này. Điều chàng biết, việc đầu tiên là phải trốn về núi. Và chàng có ngay những biện pháp để có thể thực hiện được kế hoạch của chàng. Chàng lấy chiếc áo khoác vải bông và đến tìm cáo cận vệ. Vầng trăng chói sáng trong đêm tối và mát. Trong khu vườn ở nhà, một vài con hoạ mi hát lên hồi. Hát-di Mô-ra đẩy cửa phòng cáo cận vệ của chàng; ánh trăng soi mấp mờ sân phòng. Ở gần tường có kê chiếc bàn và hai chiếc ghế; bốn chàng cận vệ, đắp

áo khoác lên nằm ngủ trên chiếc thảm .Kha-nô-phi ngủ trong chầu ngựa. Gam-gia-lô ngồi nhóm dậy khi nghe thấy cánh cửa kêu cọt kẹt, nhưng nhận thấy là Hát-di Mô-ra, chàng lại nằm xuống. Trái lại, En-đa nhẩy lên và vội vàng mặc áo, như sắp nhận được lệnh gì. Ku-ban và Khan Ma-gôm vẫn ngủ. Hát-di Mô-ra ném áo khoác lên bàn và có tiếng kim khí kêu. Đó là những đồng tiền vàng kháu ở trong lót áo của chàng.

— Kháu cả những đồng này vào, Hát-di Mô-ra nói và đưa cho En-đa những đồng tiền chàng mới nhận được.

En-đa cầm chiếc áo khoác, tìm góc phòng nào có ánh trăng soi tỏ nhất và bắt đầu tháo gấu áo với mũi dao găm. Gam-gia-lô lại nhóm dậy và ngồi, chân khoanh lại.

— Này Gam-gia-lô, hãy bảo các dũng sĩ của ta xem xét kỹ súng trường và súng lục. Xem xét lại cả đạn. Ngày mai chúng ta khởi hành, chúng ta đi xa!

— Tất cả sẽ sẵn sàng. Chúng ta có thuốc súng và đạn, Gam-gia-lô nói, đoán được tại sao Hát-di Mô-ra ra lệnh xem xét lại vũ khí.

Đã từ lâu, lòng ham muốn, mỗi lúc mỗi

giã tăng làm phần khởi chàng : đánh nhau, giết những quân chó má Nga càng nhiều càng hay và trở về miền núi. Và chàng nghĩ rằng cũng lòng ham muốn nay làm phần khởi Hát-di Mô-ra và chàng cảm thấy sung sướng. Khi chủ tướng của chàng rời căn phòng, Gam-gia-lô đánh thức các bạn dậy và tất cả bốn người sửa soạn các thứ ; họ xem xét súng trường, súng lục, cào đai da và cho mỡ vào cò súng. Rải thuốc súng khô lên một tấm gỗ, họ lắp thuốc vào vỏ đạn, xếp vào bao đạn. Họ mài gươm và dao găm.

Trước khi rạng sáng, Hát-di Mô-ra lại trở ra vườn lấy nước để rửa mặt. Chim họa mi hót càng lạnh lạnh hơn trong lúc chờ đợi ánh sáng. Người ta nghe thấy, từ phòng các cận vệ, vọng lại tiếng động đặc biệt của những lưỡi gươm, dao đưa đi đưa lại trên đá mài.

Hát-di Mô-ra, lấy nước xong đang trở về phòng thì ở trong phòng các cận vệ của chàng, trấn áp tiếng thép mài trên đá, chàng nghe thấy giọng Kha-nê-phi hát một bài chàng rất quen thuộc. Và chàng ngừng lại để nghe.

« Chàng kỵ mã dũng cảm Gam-gia và quân lính của chàng đã cướp của quân Nga một đàn ngựa trắng. Vương tước Nga đuổi theo và bao

vây họ, ở phía xa hơn Tê-rét, với quân đội đông như cây trong rừng. Gam-gia và những dũng sĩ của chàng giết hết đàn ngựa và nấp ở chiến lũy đầm máu này chống quân Nga cho đến khi họ còn đạn trong lòng súng, còn dao găm gài ở đây lưng và máu trong huyết quản. Và trước khi chết Gam-gia, trông thấy đàn chim ở trên trời, kêu gọi chúng : « Hỡi đàn chim đưa tin, hãy bay lại nhà chúng ta và bảo cho mẹ, cho chị em và các con gái trình trảng của chúng ta biết là chúng ta đều đã chết vì Thánh chiến. Bảo cho họ biết là xác của chúng ta không có yên nghỉ trong các nấm mồ, những đàn lang sói háu ăn sẽ róc thịt chúng ta đến tận xương và đàn quạ sẽ moi mất chúng ta. »

Đến những lời cuối bài hát, ri rầm với một giọng mệt mỏi và buồn bã thì anh chàng Khan Ma-gôm tươi vui kêu lên « La i-lát, in i-la » với tiếng hét lớn của đoàn kỵ sĩ dũng cảm. Một lúc tiếp sau yên lặng. Rồi người ta lại nghe thấy tiếng hót ngân quăng của chim họa mĩ, và thỉnh thoảng tiếng kim khí rít lên trên đá mài. Hát-di Mô-ra trầm ngâm suy nghĩ không nhận thấy chiến binh chàng cầm ở tay nghiêng đi và nước ở trong đồ ra. Cuối cùng chàng trấn tĩnh, lắc đầu và trở về phòng.

Chàng đọc kinh buổi sáng, xem xét lại các vũ khí và ngồi trên giường. Chàng không có gì làm lúc này. Phải chờ rạng đông đến gặp viên cảnh sát trưởng và được phép đi ngựa du ngoạn hàng ngày với các cận vệ của chàng.

Bài hát của Kha-nê-phi nhắc nhở chàng nhớ đến một bài hát khác, bài do mẹ chàng soạn...

« Dao găm của mẹ đâm vào ngực trắng của ta, nhưng ta đặt lên ngực vàng thái dương, con trai ta. Ta tắm con ta bằng máu nóng và vết thương hàn lại không cần cỏ và rễ thuốc, và con trai ta trở thành một kỵ sĩ dũng cảm ».

Chàng như bình dương thấy mẹ còn sống đứng ở trước mặt, không phải nhẵn nhụi, móm rãnh mà tóc đẹp và khỏe mạnh, một thiếu phụ lúc chàng mới lăm tuổi, nhưng đã rậm, đặt chàng vào chiếc giỏ đeo trên lưng, vượt qua núi để đến nhà ông chàng. Chàng cũng còn nhớ ông chàng mặt nhẵn nhụi, râu trắng, chạm vào bạo với bàn tay nổi gân và thường bắt chàng cúi kinh. Chàng lại như trông thấy cái giếng ở chân núi bám lấy áo mẹ, chàng theo bà đi lấy nước. Chàng nhớ cả con chó của chàng gầy ốm liếm mặt chàng, mùi đặc biệt của khói và sữa chua cho bệnh kẹp mẹ chàng làm cho chàng. Chàng

cũng nhớ lần đầu tiên mẹ chàng cạo đầu cho chàng và sự ngạc nhiên của chàng khi thấy trong chổ, bề đồng bóng loáng treo ở tường đầu mình tròn và xanh.

Chàng lại nhớ đến tuổi thơ ấu của chàng, I-ô-súp, con trai của chàng mà chàng yêu quý và chính chàng cũng cạo đầu cho con đầu tiên. Bây giờ con trai chàng đã là một kỵ sĩ hùng dũng và bình ảnh con chàng như chàng trông thấy lần cuối lại hiện ra trước mặt chàng. Đó là ngày chàng rời Sen-mét. I-ô-súp dắt ngựa đến cho chàng và xin phép cho tiễn đưa chàng. Con trai chàng mặc quân phục gọn gàng, võ trang và cầm cương ngựa của chàng. Khuôn mặt, vóc người dong dỏng cao, y cao lớn hơn bố — rạng tỏ sự can đảm, tuổi thanh niên và niềm vui sống. Đôi vai rộng mặc dầu tuổi còn ít, thân người mình dẽ, tay dài và mạnh, cử chỉ mềm mại của con trai, tất cả đều làm cõi mở lòng người bố.

Hát-di Mô-ra bảo con :

— Con nên ở đây là hơn. Chỉ có mình con ở nhà. Hãy chăm lo mẹ và bà.

Và chàng như lại trông thấy vẻ cương quyết của khuôn mặt trẻ trung, hãnh diện và

bằng đồ sung sướng của I-ô-súp tuyển bố với chàng là còn sống thì một ai có thể làm điều gì tổn thương đến mẹ và bà. Tuy vậy, I-ô-súp vẫn nhẩy lên ngựa và tiến đưa bố đến tận bờ sông. Đến đây, thanh niên quay lại ; từ ngày ấy Hát-di Mô-ra không trông gặp lại mẹ, vợ, con trai. Và chính đứa con trai này mà Sa-min định chọc mù mắt ! Chàng không dám nghĩ đến họ có thể làm những điều gì đối với các vợ chàng.

Những ý nghĩ này quá kích thích Hát-di Mô-ra khiến chàng không thể ngồi một chỗ được. Chàng đứng dậy, vội vàng đi ra cửa, mở ra và gọi Ea-da :

— Hãy đi bảo viên cảnh sát trưởng là ta muốn đi du ngoạn. Và sửa soạn ngựa đi.

Mặt trời chưa mọc nhưng đã sáng. Chim hoạ mi vẫn hót.

XXIV

Đời sống quân nhân là niềm an ủi độc nhất của Bút-lê, không những trong những cuộc thao diễn hay tập dượt, nhưng cả ở ngoài

công việc của chàng nữa. Luôn luôn chàng mặc bộ quân phục quân nhân miền núi, cưỡi ngựa và đã hai lần đi tuần thám với Bộ-đa-nô-vĩ, nhưng chàng không có dịp gặp địch và giết kẻ thù. Tình thân hữu ràng buộc chàng với anh chàng Bộ-đa-nô-vĩ tào tạo lắm chàng tràn ngập vui sướng. Chàng đã thanh toán món nợ bằng cách vay tiền của một người cho vay cắt cổ với một mớ lời lớn, thành ra chỉ là thay thế một sự đối bại bằng một đối bại nguy nan hơn nữa ! Bút-lê cố không nghĩ đến tình trạng này nữa và muốn như thế, ngoài những cuộc tập dượt quân sự, chàng còn cố giải sầu với rượu. Mỗi ngày chàng càng uống rượu nhiều hơn, và càng uống nhiều rượu, giá trị tinh thần cũng suy kém theo. Ngay đối với con mắt Ma-ri Mỹ-trị-ê-na, chàng không còn là con người thanh lịch nữa. Chàng bắt đầu ăn cần ve vãn năng và chàng rất ngạc nhiên là bị từ chối một cách tàn bạo.

Vào cuối tháng tư, Ba-ri-an-tin-ki nhận được nhiều quân tiếp viện ông dùng trong các cuộc xâm nhập mới vào xứ Tát-đát, được coi từ trước đến giờ như bất khả xâm phạm. Ở đây đã đồn trú hai trung đoàn Ka-ba-đa. Theo tục lệ trong quân đội Nga chiến đấu ở miền

Có-sa những trung đoàn mới đến trại được coi như là khách của những trung đoàn đồn trú từ trước. Quân lính tiếp viện được phân chia vào các trại do quân lính cũ ở, trong khi các sĩ quan được các bạn trong quân ngũ tiếp đãi. Người ta mời họ không uống ău, nhưng còn uống rượu vó-ka. Bữa dạ tiệc kết thúc trong cơn say sưa của toàn thể mọi người và những bài hát đầy hơi men. Thiệu tá I-văn Mã-vệ-vinh, mặt xanh mét, ngồi cuối trên chiếc ghế, múa gươm. Lúc thì chàng làm ra vẻ bầm xẻ quân thù, lúc thì thề thốt và ôm hôn bè bạn; rồi đứng dậy, chàng bắt đầu múa nhảy và hát bài chàng ưa thích nhất :

Sa-min nổi dậy trong những năm qua

Tra-i-rai ra-ta-tai, trong những năm qua...

Bát-lê có ở đây lúc này. Chàng cố tìm trong cảnh này xem có biểu lộ thi hứng của người quân nhân không. Nhưng, từ trong đáy lòng chàng, chàng cảm thấy thương xót I-văn Mã-vệ-vinh ; chàng muốn xoa dịu bạn nhưng không được. Và Bát-lê, thấy hơi men bốc lên đầu, chàng liền lảo ra và về nhà.

Vầng trăng tròn tỏa ánh sáng vàng nhạt lên các ngôi nhà và những viên đá trên đường. Ánh

trăng tỏ quá, từ viên sỏi, từ sợi rơm trên đường cũng trông thấy rõ. Đến gần nhà, Bút-lê gặp Ma-ri Mỹ-trị-ê-na, đầu đội chiếc khăn quàng. Từ ngày nàng tàn bạo từ chối những lời tán tỉnh của chàng, chàng tránh không muốn gặp nàng. Nhưng buổi tối hôm đó ánh trăng và hơi rượu, khích động chàng, khiến chàng sung sướng được gặp nàng, và lại muốn ve vãn nàng nữa.

Chàng hỏi :

— Em đi đâu đấy ?

Nàng vui vẻ đáp :

— Em đi thăm ông già của em.

Nàng quyết liệt từ chối những lời tán tỉnh của Bút-lê, nhưng dù sao, nàng cũng thấy buồn là chàng tránh né nàng trong ít lâu nay.

— Không cần phải đi tìm anh ấy, tự anh ấy sẽ về.

— Anh nghĩ thế sao ? Còn ai biết nếu anh ấy trở lại ?

— Nếu anh không đến, người ta sẽ dẫn anh ấy đến cho chị.

— Đừng thế ! Nhưng như thế không đẹp gì. Vậy anh nghĩ em không nên đi đến đấy hay sao ?

— Không, không nên đến đấy. Tối hơn là chúng ta nên cùng về nhà.

Ma-ri Mỹ-trị-ê-na quay lại và đi bên cạnh Bút-lê. Ánh trăng tỏ quá, bóng của họ tiến trên đường đi, xung quanh đầu có một vòng sáng. Bút-lê nhìn quãng sáng đó và muốn nói với Ma-ri Mỹ-trị-ê-na là nàng rất vừa lòng mình mà không biết mở đầu câu chuyện thế nào. Chính Ma-ri Mỹ-trị-ê-na cũng chờ đợi chàng nói. Hai người đi yên lặng đến gần nhà thì ở góc đường xuất hiện một sĩ quan theo sau có vài kỵ sĩ.

Ma-ri Mỹ-trị-ê-na vừa hỏi vừa né vào lề đường :

— Thượng đế dẫn ai đến đây thế này ?

Ánh trăng rớt xuống lưng các kỵ sĩ và Ma-ri Mỹ-trị-ê-na chỉ nhận diện được họ khi họ đi ngang qua. Đó là Ka-mi-niêu, một sĩ quan trước đã làm việc với I-văn Mă-vê-vinh mà Ma-ri Mỹ-trị-ê-na biết.

Nàng nói :

— Có phải anh, Pl-e Ni-kô-la-ê-vít đó không ?

Y đáp :

— Chính tôi. À ! Bút-lê ! Chào anh. Anh chưa đi ngủ à ? Anh đi chơi với Ma-ri Mỹ-trị-

ê-na. Coi chừng, I-văn Mã-vệ-vinh sẽ tóm được các người đấy. Vậy anh ta ở đâu bây giờ ?

Ma-ri Mỹ-trị-ê-na nói và lấy tay chỉ nơi mà tiếng đàn ca vọng lại. Họ đang chơi bởi vui vẻ.

— Có phải là bọn các anh không ?

— Không, có những người khác được mời ở Ha-sa I-ô đến.

— À ! Hay lắm. Tôi sẽ có thời giờ dự. Tôi chỉ cần một phút để giải quyết việc đã dẫn tôi đến đây.

Bút-lê hỏi :

— Thật à !

— Một việc nhỏ mọn.

— Lành hay dữ ?

— Cái đó tùy ở từng người. Đối với chúng ta, đó là việc lành, đối với những người khác rất xấu.

— Và Ka-mê-niêu mỉm cười.

Tuy vậy, vừa nói chuyện, mấy người đã đến gần nhà I-văn Mã-vệ-vinh.

Ka-mê-niêu kêu gọi một tên lính Cô-dắc trong đoàn tùy tùng.

— Chi-ki-niên !

Tên lính rời hàng và đến gần thượng cấp. Y mặc quân phục cổ truyền quân Cô-dắc miền sông Đông ; giấy ống, áo khoác dài, sườn yên hất ngang.

Ka-mê-niên ra lệnh :

— Rút nó ra để chúng ta cùng cười !

Tên lính Cô-dắc nhảy xuống ngựa, lấy một chiếc túi ở yên. Ka-mê-niên cầm lấy chiếc túi và thọc tay vào.

— Vậy, tôi có phải chia cho các người xem « việc » này không ? Chị Ma-ri Mỹ-trị-ê-na, đừng hãi sợ.

— Về cái gì thế ?

— Đây, Ka-mê-niên nói và rút ở trong túi ra một chiếc đầu lâu và giơ ra ánh trắng. Các bạn có nhận ra ai không ?

Đó là một đầu người cao tọc, vành xương lông mày nhô lên, râu và ria đen và thưa nhỏ ; một mắt mở, mắt kia khép nửa chừng, sọ đầy máu mang nhiều vết thương, máu đen cô đọng ở lỗ mũi. Cỗ bọc trong một chiếc khăn tay vấy đỏ. Máu dần tắt cả những vết thương ấy, đôi môi nhợt vẫn lộ vẻ hiền từ thơ ngây.

Ma-ri Mỹ-tri-ê-na nhìn không nói lời nào và vội vã đi vào nhà.

Bút-lê không thể rời mắt khỏi chiếc đèn lau khổng khiếp. Đó chính là đèn của Hát-di mô-ra, người đêm đêm chàng vẫn chuyện trò thân mật cách đây chưa bao lâu.

— Sao lại xảy ra chuyện này ? Ai giết chàng ? Ở đâu ?

Ka-mê-niêu trả chiếc đèn cho tên lính Cô-dắc và đáp :

— Y định trốn. Chúng ta đuổi kịp y.

Hai viên sĩ quan vào nhà.

Ka-mê-niêu nói tiếp

— Y chết thật can đảm.

— Nhưng tất cả chuyện xảy ra thế nào ?

— Kiên nhẫn một chút. Tôi sẽ kể tỉ mỉ khi thiếu tá trở về. Và nữa, vì mục đích ấy nên tôi đến đây. Tôi đem đến đèn lau Hát-di Mô-ra ở khắp các pháo đài và khắp các làng và tôi chia cho tất cả mọi người xem.

Người ta cho đi tìm I-văn Mã-vê-vinh. Chàng trở về kèm theo hai sĩ quan nữa, cũng say như chàng. Trông thấy Ka-mê-niêu, chàng ôm ghi y vào cánh tay.

— Tôi mang lại cho anh đèn Hát-di Mô-ra.

— Anh nói dối! Anh muốn nói rằng y bị giết hay sao?

— Phải, y định trốn.

— Các bạn xem! tôi vẫn thường nói y sẽ lừa chúng ta. Nhưng cái đèn ấy đâu, giờ đây cho ta xem!

Người ta gọi tên Cô-dắc và tên lính mang lại chiếc túi đựng đèn lâu. Y rút chiếc đèn ra và viên thiếu tá ngắm nghía mãi với cặp mắt say sưa.

Chàng nói:

— Nhưng dù sao y cũng là một dũng sĩ. Đưa đây cho ta, ta muốn hôn đèn này.

— Vâng, y can đảm, một sĩ quan đứng đây nói thêm.

Khi tất cả mọi người đã nhìn kỹ chiếc đèn lâu, người ta trả lại cho tên Cô-dắc. Tên lính cho chiếc đèn vào túi và cố đặt xuống nhẹ nhàng.

— Còn anh, Kê-mê-niêu, anh kể gì cho công chúng khi phò bày chiến phẩm này?

— Không, không, hãy đưa chiếc đầu cho ta, ta muốn hôn y, y đã tặng ta một thanh gươm, viên thiếu tá lại nói.

Bút-lê đi ra ngoài và trông thấy Ma-ri Mỹ-tri-ê-na ngồi trên bậc thứ hai cầu thang. Nàng trông thấy viên sĩ quan, nhưng bỗng quay đi ngay, như tức giận.

— Ma-ri Mỹ-tri-ê-na, em có gì thế ?

— Các người là những kẻ sát nhân tất cả. Tôi không thể chịu đựng các người được. Những kẻ sát nhân thật sự ! nàng nói và đứng dậy.

Bút-lê về buồn rầu nói :

— Việc đó có thể xảy ra [cho tất cả mọi người. Đó là chiến tranh.

— Chiến tranh à ? Chiến tranh nào ? Các người là sát nhân và chỉ có thế. Xáo người chết cần phải g'ao trả lại đất và những kẻ kia ở trong phòng chỉ biết cười nhạo báng. Những kẻ sát nhân thật sự, nàng nhắc lại.

Và rời cầu thang, nàng vào phòng riêng do phía cửa vườn.

Bút-lê trở lại phòng khách và yêu cầu Ka-mê-niêu kể chi tiết việc xảy ra thế nào. Và Ka-mê-niêu kể lại cả câu chuyện.

XXV

Hát-di Mô-ra được phép đi du ngoạn trong các vùng kế cận thành phố, nhưng chàng bắt buộc phải để cho mấy tên kỵ sĩ Cô-dác đi theo kèm. Tổng số quân Cô-dác ở trong thành phố Na-kha là năm mươi tên; họ được phân chia ra từng nhóm mười người một để canh gác các cơ sở của chính phủ. Còn lại khoảng mười tên để theo kèm Hát-di Mô-ra trong khi chàng đi du ngoạn. Trong một vài ngày, con số này rút xuống còn có năm. Nhưng người ta yêu cầu Hát-di Mô-ra đừng mang theo tất cả các cận vệ của chàng. Ngày 25 tháng tư, chàng sửa soạn đi, năm cận vệ của chàng đã chuẩn bị theo chàng. Viên thiếu tá ở địa phương thấy chàng nhảy lên ngựa và các cận vệ của chàng làm theo. Ý lựa ý chàng là xử sự như vậy là trái phép nhưng Hát-di Mô-ra làm ra vẻ không hiểu và thúc ngựa tiến lên, phía sau có những dũng sĩ của chàng. Nhóm Cô-dác tùy tùng có viên hạ sĩ Na-za-rô trẻ, hăng hái, khỏe mạnh, được quân công bội tinh Thánh Gióe đi đầu. Ý là con trai lớn một gia đình nghèo và theo chế

độ tộc trưởng. Còn non dại, bố đã chết, y có gánh nặng phải nuôi mẹ, ba em gái và hai em trai.

Viên thiếu tá kêu :

— Hãy cẩn thận, Na-za-rô, đừng để cho y đi quá xa.

Na-za-rô nhảy lên ngựa, vai đeo súng và đáp :

— Xin tuân lệnh thiếu tá.

Và y thúc ngựa thiếu của chàng, một con vật tuyệt đẹp, cao và can đảm, và thúc ngựa phi nước đại. Bốn tên Cô-dác theo Na-za-rô Pê-ia-pôn-tô người dài, gầy, lúc nào cũng rình rập chiến lợi phẩm và ăn cắp vốn là cổ tặc của y ; chính tên này đã bán thuốc súng cho Gam-gia-lô ; I-nha-lô, tuổi trung niên, đã hết thời gian phục-vụ, một gã nông dân vạm vỡ luôn luôn khoe khoang sức khỏe của mình ; Míc-kin, một thanh niên yếu đuối mà mọi người đều chế giễu và Pê-tra-kô, còn ít tuổi, da tóc vàng, con một, luôn luôn hòa nhã và vui vẻ.

Suốt buổi sáng, sương mù, nhưng vào khoảng trưa, trời quang đãng và ánh nắng mon man những lá non, cỏ xanh tươi, những thân cây

trò ở các cánh đồng lên và những làn sóng nhỏ ở dòng sông nước chảy xiết về phía tay mặt đường đi.

Ở pháo đài ra, Hát-di Mô-ra cho ngựa đi bước một, các cận vệ và mấy tên Cô-dác đi sát liền chàng. Cứ như thế họ đến đại lộ. Họ gặp những người đàn bà đội thùng trên đầu và quân lính trên các chiếc xe trâu kền kéo kệt. Sau khi đi được khoảng hai cây số, Hát-di Mô-ra thúc con ngựa trắng xứ Ka-ba-đa đi nhanh và sau cho phi nước đại. Bọn cận vệ và đoàn Cô-dác bắt chước chàng.

Phê-ra-pôn-tô nói:

— À ! gã cưới con ngựa tuyệt hảo. Nếu gã đánh nhau với chúng mình, có lẽ tao chỉ hạ gã vì con ngựa.

— Phải, ở Ti-phít, người ta đã trả ba trăm rúp mà không đắt.

Na-za-rô nói :

— Ta sẽ vượt với ngựa của ta.

Phê-ra-pôn-tô nói :

— Tôi ngờ lắm.

Hát-di Mô-ra thúc ngựa mỗi lúc mỗi nhanh. Na-za-rô cũng thúc ngựa, đến gần viên tướng miền núi, gã kêu :

— Ê ! anh bạn, đừng làm thế. Đi chậm lại !

Hát-di Mô-ra quay đầu lại không nói gì và tiếp tục phi ngựa như trước.

I-nha-tô nói :

— Hãy nhìn kia ! Tên quỷ đó nghĩ gì, y chạy như bay !

Và cả bọn đi thêm một cây số nữa trên đường núi. Hát-di Mô-ra không quay đầu lại, không nói gì nữa, chăm chú nhìn dãy núi và thẳng tiến.

Na-za-rô tức giận kêu :

— Anh lắm đấy, nếu anh nghĩ vượt được tôi mãi.

Và nhẹ nhàng quất vào con ngựa thiến, gã đứng nhòem lên bàn đạp, cúi rạp xuống bờm con vật và vút đuổi theo Hát-di mô-ra.

Trời trong sáng, không khí mát, sinh lực sôi sục vui tươi trong tâm hồn Na-zi-rô. Ngựa và người chỉ còn là một, y phi như bay bổng trên con đường bằng phẳng, đuổi theo Hát-di Mô-ra, không một lúc nào nghĩ đến một biến cố đau thương hay khủng khiếp nào đó có thể xảy ra. Và niềm vui của y mỗi lúc mỗi lớn, khi thấy ngựa mình sắp đuổi kịp Hát-di Mô-ra.

Tiếng vó ngựa dồn dập của anh chàng Cô-dào khiến Hát-di Mô-ra hiểu rằng cứ thế này chẳng mấy lúc họ sẽ đuổi kịp chàng, và tay phải với khẩu súng lục trong khi tay chàng nện nhằng kim con vật đang sôi sục.

— Ta đã bảo mi, điều này cấm ngặt !

Na-zi-rô nói và đưa tay nắm lấy cương ngựa của Hát-di Mô-ra.

Giữa lúc này tiếng súng nổ.

— Mi làm gì thế ? Na-zi-rô kêu và đưa tay ôm ngực. Hạ sát chúng đi, các bạn ! Gã kêu nữa. Và lão đảo, y quy xuống ngựa.

Nhưng các vũ sĩ soon cuờn mau lẹ hơn. Họ bắn quân Cô-dào với súng lục và chém họ bằng gươm. Na-za-rô bám chặt vào cổ ngựa chạy xoay quanh các bạn. Con ngựa của I-pha-tô nện vật xuống và đè lấy chân hắn. Hai cận vệ soon cuờn, vẫn ngồi trên ngựa, dùng gươm cứa vào đầu và tay hắn. Pê-tra-kô xô lại cứu bạn, nhưng hai viên đạn chàng nhận được, một vào lưng, viên kia vào sườn, khiến gã quy như một chiếc bị từ lưng ngựa rớt xuống. Gã nằm trên đất, bụng phanh ra, khuôn mặt nhể trong ngửa lên trời và lúc chết, gã há rồi lại ngậm miệng để đớp không khí, ngộp ngặt như một con cá bị ném lên bờ. Mic-kin

quay trở lại pháo đài ; Kha-nê-phi và Khan Ma-gôm vút ngựa đuổi theo, nhưng thấy y chạy đã quá xa, quay lại với các bạn. Ga-n-gia-lô dùng dao găm giết bắn I-nhà-tô và Na-za-rô trên ngựa ngã xuống. Khan Ma-gôm nhặt bao đạn của chúng kẻ chết. Kha-nê-phi định lấy con ngựa chiến của Na-za-rô, nhưng Há-di Mô-ra lại bắt dẫn thớt ngựa phi nước đại và cấm cận vệ của mình đoạt ngựa của kẻ thù. Các cận vệ của chàng phi ngựa theo chủ, cố lách xa con ngựa của Na-za-rô muốn theo họ. Ở trên đường, giữa các cánh đồng, cách Nu-kha quá ba cây số thì có tiếng súng nổ, hiện ra một động, từ trong pháo đài bắn ra.

—Ồ ! Thượng đế ơi ! Cáo anh làm gì đấy, viên thiếu tá kêu lên, tay ôm lấy đầu khi được tin Há-di Mô-ra trốn. Họ đồ sống tên cướp kia, chàng nói nữa khi nghe Mic-kin kể lại chuyện.

Tất cả vùng xung quanh đều báo động. Người ta huy động tất cả quân Cỏ-dác và ngay cả dân quân các làng đã bằng phục và tất cả đều săn đuổi những người đi trốn, hứa thưởng một ngàn rúp cho người nào đem được Há-di Mô-ra về chết hay sống. Và hai giờ sau cuộc đụng độ đầu tiên chưa trôi qua mà đã có hai

trăm kỵ sĩ dưới quyền chỉ huy của viên thiếu tá đã trực chỉ phía núi.

Sau khi vượt nhiều cây số trên đại lộ, Hát-di Mô-ra cho con ngựa trắng xứ Ka-ba-đa đi chậm lại, vì tiếng thở con vật mỗi lúc mỗi dồn thêm và mình nó màu xám tím dẫm mồ hôi. Về phía tay mặt con đường người ta trông thấy những ngôi nhà và chòi canh của làng Bê-la-di. Về phía tay trái trải dài những cánh đồng mà ở bờ bên kia có dòng sông chảy. Con đường dẫn lên núi hướng về tay mặt và Hát-di Mô-ra, hy vọng rằng những người đuổi theo chàng sẽ nếp tục theo con đường này để rẽ về tay trái. Chàng và bọn cận vệ muốn chạy tắt qua cánh đồng, vượt qua A-'a-zan và lại bắt con đường lớn ở một chỗ mà không ai nghĩ chờ đợi họ ở đấy. Như vậy, họ sẽ tiến vào rừng và sau khi băng qua một dòng sông nữa, sẽ tới núi. Sau khi quyết định này được chấp thuận, chàng quay về phía trái, nhưng không đi đến bờ sông. Những ruộng lúa họ phải đi qua mới ngập nước, như mỗi khi xuân đến. Những ruộng lúa trở thành những cánh đồng lầy thật sự, ngựa ngập đến bụng. Hát-di Mô-ra và bọn cận vệ xoay quanh, lúc về trái, lúc về phải, hy vọng tìm được khoảng đất chắc hơn, nhưng ở những

cánh đồng bằng phẳng này nước được phân ra đều đặn và đất đã ủng nước. Ngựa rút vó ở bùn lên tiếng kêu như mở nút chai, đi được vài bước đã ngừng lại.

Những người lười trốn vậy vùng như thể mãi thì đến bắt đầu đến, nhưng họ vẫn chưa tới được dòng sông. Về phía tay trái, có một mỏm đất, giống như một cù lao nhỏ, toàn bụi cây phủ. Họ quyết định cho ngựa một mồi xả hơi một lát và đợi đêm đến. Khi đến mỏm đất này, Hát-di Mô-ra và các cận vệ đặt chân lên đất liền, và sau khi buộc ngựa cho chúng ăn cỏ, họ cũng lấy bánh ra ăn với phô-mát.

Vầng trăng soi sáng cảnh này với ánh mờ nhạt đã biến sau dãy núi mà màn đêm đã bao phủ. Ở Na-kha, chim họa mi hát nhiều lắm. Ở chốn này chỉ có một cặp chim thấy Hát-di Mô-ra và các cận vệ của chàng đến liền bắt tiếng hát ngay. Nhưng khi yên lặng trở lại, bạo dạn hơn, chúng lại hát đồ hồi, gọi lẫn nhau. Hát-di Mô-ra lắng nghe chim hát và chàng lưu ý nghe cả những tiếng động ban đêm.

Tiếng chim hát nháo nhở chàng nhớ đến bài hát của Gam-za chàng mới nghe hôm qua, khi chàng đi lấy nước. Chàng cũng có thể ở

vào địa vị của Gam-za khi trước. Chẳng nghĩ chính chàng có thể như thế được và bỗng chàng cảm thấy tâm hồn trĩu nặng. Chàng trải chiếc áo tơi và cần kinh. Bỗng chàng nghe thấy có những tiếng động vang gần lại các bụi rậm. Chàng nhận ra tiếng vó ngựa tiến lên, nhiều, trong các ruộng lúa. Khan Ma-gôm liền tới các bụi rậm và nhận thấy rõ ràng những bóng đen các kỵ sĩ và bộ binh. Kha-nẹ-phi cũng trông thấy những hình bóng giống như phía bên kia. Đó là những quân lính đuổi theo, do Ka-za-nô, cảnh sát trưởng ở quận chỉ huy.

Hát-di Mô-ra nghĩ :

« Mạo kẹ, chúng ta sẽ chiến đấu như Gam-za ».

Sau khi có báo động, Ka-gô-nô chỉ huy một đoàn kỵ binh lên đường rượt quân sơn cước, nhưng ở khắp mọi nơi không thấy dấu có dấu vết của Hát-di Mô-ra. Về buổi tối, ngã lòng, gã định quay trở lại thì gặp một ông già. Chàng hỏi ông lão có gặp mấy người سوئی ngựa không. Ông già đáp là có sáu kỵ sĩ lợi rất lâu dưới ruộng và ông trông thấy họ đi về phía bụi rậm và thường ông hay lại đẩy nhặt củi. Ka-gô-nô dẫn ông ta đi theo và tiến về phía chỉ định. Gã trông thấy ngay mấy con ngựa bạch trong

bụi và tin chắc là những kẻ lẩn tránh ở chỗ ấy, gã bố trí quân vây bọc họ, quyết định chờ đợi đến sáng để bắt Hát-di Mô-ra, hoặc chết hoặc sống.

Hát-di Mô-ra hiểu ngay là mình bị bao vây. Chàng phát giác một mương ở giữa bụi rậm, quyết định lần xuống đấy và chống trả khi cáo cận vệ và chàng còn đạn dược và sức lực. Chàng nói quyết định của chàng cho các chiến hữu và báo họ đắp cao thêm hào của họ. Và quân sơn cước sau khi đào đất với dao găm, chặt các cành cây, đặt lên bờ hào, họ lấy đất phủ lên để xây những bức tường để nấp bắn.

Ánh thái dương dần vừa tỏa, viên thiếu tá chỉ huy đoàn dân quân đến gần bụi rậm và kêu :

— Ê ! Hát-di Mô-ra ! Hãy hàng đi ! Chúng ta đông và các người ít.

Đáp lại, một làn khói mỏng manh bốc ở hẻm lén, một viên đạn bắn trúng con ngựa viên thiếu tá. Con vật lao đảo và nặng nề ngã xuống. Súng của đoàn dân quân, tiến đến gần các bụi rậm, nổ như pháo, những viên đạn rít lên, phật gãy các cành và lá cây, đâm sâu vào thành hào, không trúng một người nào, nhưng

làm bị thương đầu con ngựa của Gam-gia-lô. Con ngựa không ngã ; nó đứt dây buộc, chạy xò lại với những con ngựa khác và bám lấy chúng, máu con vật xối xả chảy làm ướt đầm cả cổ non. Hát-di Mô-ra và các cận vệ của chàng chỉ bắn khi nào trông thấy rõ đích quân và ít khi bắn sai đích. Ba dân quân đã bị thương và những tên khác, không những không dám nhào lên tấn công, nhưng lại lùi càng xa càng hay vì chỉ bắn cầm chừng.

Cuộc chiến đấu kéo dài hơn một tiếng. Mặt trời chói lọi ; Hát-di Mô-ra có ý định choo thùng vòng vây và tiến đến bờ sông khi chàng trông thấy quân tiếp viện đến. Đó là hai trăm quân do Hát-di A-ga và Mê-tu-li điều khiển. Hát-di Mô-ra và Hát-di A-ga trước kia là bạn với nhau, khi Hát-di Mô-ra chưa sang hàng ngũ Nga. Khả hãn Á-mê, con của kẻ thù của Hát-di Mô-ra, cũng thấy ở trong đoàn quân tiếp viện. Như Ka-ga-nô đã làm, thoát đầu Hát-di A-ga cũng kêu gọi Hát-di Mô-ra và bảo là chàng chỉ còn một lối thoát là ra đầu hàng. Và cũng như đối với Ka-ga-nô, một viên đạn đáp lại.

Hát-di A-ga kêu và rút gươm ra :

— Rút gươm, cáo anh em !

Và quân lính của y la hét nhầy xò lên

phía cáo bụi rậm. Những dân quân tiến đến bụi rậm nhận ngay được những viên đạn bắn ra và ba tên trong bọn chúng bị giết nhưng quân tấn công liền ngừng lại ở mép cáo bụi cây ; ở phía mỏm đất bên kia, một cuộc tấn công khác cũng được phát khởi. Quân tấn công, bắn không ngớt, từ bụi này tiến đến bụi khác, cứ thế tiến dần dần đến chiến hào. Một vài tên tiến lên được, những tên khác bị những viên đạn của Hát-di Mô-ra và các cận vệ của chàng phát ngã. Viên tướng sơn cước không sai đích một lần nào, Gam-gia-lô cũng không nổ súng vô ích một lần nữa. Thấy viên đạn của mình ghim trúng kẻ thù gã lại hú lên sung sướng. Ku-bu, ở phía đầu kia hầm, bắn không vơi vãi. Ít khi trúng đích và hát « La - la - la in a-la ». En-da chờ đợi lúc có thể nhảy xò vào quân tấn công, tay lăm lăm con dao găm, bắn không vui thú và đứng bên là bắn không cần nhắm đích theo may rủi. Gã thường quay lại nhìn Hát-di Mô-ra và vô tư lự, nhếch đầu lên trên miệng hầm. Anh chàng Kha-nê-phi lông lá, tay áo xắn lên, tiếp tục làm tròn nhiệm vụ người hầu hạ. Y lắp đạn vào súng của Hát-di Mô-ra và Ku-bu hết sức chăm chỉ. Khan Ma-gôm thường rời chiến hào luôn để buộc ngựa vào những nơi ít nguy hiểm và bắn không ngớt, không kịp đưa súng lên vai để nhắm đích nữa. Chính Khan Ma-gôm bị

thương đầu tiên, một viên đạn trúng vào cổ gã, gã ngồi xuống, vừa khạc máu vừa nguyền rủa. Hát-di Mô-ra bị một viên đạn làm thủng bên vai; nhưng chàng giết một túm bông ở áo khoác, nhét vào vết thương và tiếp tục bắn.

En-đa hỏi lần thứ ba :

— Chúng ta đã dùng kiếm đánh chưa ?

Và sẵn sàng nhảy xổ vào quân thù, En-đa vượt ra khỏi chiến hào, khi một viên đạn bắn trúng chàng; chàng lảo đảo và ngã xuống chân Hát-di Mô-ra, mặt quay về chủ tướng cặp mắt hèn hèn và tuyệt đẹp của chàng chăm chú nhìn chú. Miệng mà môi trên thuởi ra như môi một đứa trẻ, ran rẩy nhưng không hé mở ra nữa. Hát-di Mô-ra rút chân lại và tiếp tục bắn. Khe-nê-phi hấp tấp chạy lại, cúi xuống xác bạn và rút ở bao đạn ra những viên đạn còn lại. Khu-bu vẫn hát, lắp đạn vào súng luôn và bắn không vơi vãng.

Điện quang vẫn tiếp tục nhen từ bụi này đến bụi nọ, gào thét, và mỗi lúc mỗi đến gần. Một viên đạn khác bắn trúng vai trái Hát-di Mô-ra. Chàng ngồi xuống, lại bứt một túm bông ở áo khoác và nhét vào vết thương. Vết thương nay trầm trọng và chàng cảm thấy cái

chết đã đến gần, những kỷ niệm và những hình ảnh tiếp nối nhau trong đầu óc chàng với mọi tốc độ quá mau lẹ. Chàng lại nhìn thấy Khả hãn A-bu-nu-zin to lớn, một tay giữ luôn mặt bị bầm chén, một tay cầm dao găm chặt xỏ lại những kẻ sát nhân; chàng lại nhìn thấy khuôn mặt xanh xao và nham hiểm của Vô-rôn-zốp và nghe thấy giọng nói dịu dàng của Ông, hình ảnh I-ô-súp, con trai của chàng, hình ảnh của Sô-phi-át, vợ chàng, khuôn mặt tái mét, bộ râu hung đỏ, cặp mắt nhấp nháy của Sa-min, kẻ thù của chàng lần lượt xuất hiện ra trước mặt chàng. Và tất cả những kỷ niệm này lướt qua đầu óc chàng không gọi lên một tư tưởng thương xót hay hận thù nào, cũng chẳng ham muốn điều gì. Tất cả, chàng đều thấy xa xôi và vô nghĩa đối với những gì sắp bắt đầu hay đối với những gì có lẽ đã bắt đầu rồi. Thần thổ cương tráng của chàng phản ứng. Chàng tập trung những sức lực cuối cùng, nhảy ra ngoài hầm và dùng súng lục hạ ngay tên quân đầu tiên nhảy xỏ lại chàng. Rồi, dao găm lăm lăm cầm ở tay, khập khiễng, chàng tiến lên gặp kẻ thù. Một vài tiếng súng nổ, chàng lao đảo và ngã. Bọn dân quân, với tiếng la hò thắng trận, nhảy xỏ lại người mới ngã quy, nhưng người kia đối với chúng

như không sống nữa, bỗng cựa quậy. Thoạt tiên, chiếc đầu cạo trọc ngẩng lên, rồi thân người và một tay bám vào một cây nhỏ, Hát-di Mô-ra đứng dậy. Cảnh tượng quá khủng khiếp đến nỗi tất cả những người ở đấy đều đứng chôn chân ở một chỗ. Nhưng bỗng chàng lão đạo, ngã nghiêng và như bị lia phát, chàng ngã, mặt úp xuống đất và không động đậy nữa.

Chàng không động đậy, nhưng còn sống và khi Hát-di A-ga đến, đâm một nhát dao găm mạnh vào đầu thì chàng thấy như nhận được một nhát búa nhẹ. Nhưng chàng không hiểu tại sao họ lại đánh chàng, cũng không rõ ai đánh mình nữa. Đó là sợi dây liên lạc cuối cùng giữa tâm trí và thân thể chàng. Và chàng không còn cảm thấy gì nữa. Kẻ thù giầy xéo và cắt rời ra nhiên mảnh thân thể chàng nay không còn là của chàng nữa.

Hát-di A-ga giẫm chân lên ngực Hát-di Mô-ra, với hai nhát kiếm chặt đầu chàng, và cẩn thận để khỏi làm dơ bản đôi giầy ống, lấy chân đá sang một bên. Máu tuôn chảy, đỏ lôm ở cổ và đen ngòm ở đầu chàng và tưới ướt đầm cỏ. Ka-ga-nô, Hát-di A-ga, Khả hãn Ác-mê và tất cả bọn dân quân, như những kẻ sẵn

bắn trước con vật bị hạ bao quanh Hát-dí Mô-ra và các cận vệ của chàng (Kha-nê-phi, Ku-bu và Gam-gia-lô đều bị trói), và trong khói thuốc súng bốc ở các bụi cây lên, chúng vui vẻ nói chuyện và khao mừng chiến thắng.

Và những con chim họa mi bật hát trong khi súng bắn lại tiếp tục hát.

Chính nghĩ đến cái chết này mà tôi nhớ lại cây ngun bàng mà người ta còn gọi là dây thát đất gãy nát trên cánh đồng cây xoi.